



BỤI LÝ CHƯA MÁU

Arnaldur Indriðason

Tác giả cuốn Vết bớt màu cà phê sữa

“Một hiện tượng văn học quốc tế.
Lôi cuốn, chân thật, ám ảnh, và đầy nước mắt...”

—Harlan Cohen, tác giả cuốn *Promise Me*

imOne



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

www.dtv-ebook.com

Tên eBook: [Bụi Lý Chua Máu \(full prc, pdf, epub\)](#)

Tác giả: [Arnaldur Indriðason](#)

Thể loại: [Kinh dị](#), [Tiểu thuyết](#), [Trình thám](#), [Văn học phương Tây](#)

Công ty phát hành: [Alphabooks](#)

Nhà xuất bản: [NXB Thời Đại](#)

Trọng lượng vận chuyển: [440 g](#)

Kích thước: 13 x 20.5 cm

Dịch giả: Phương Phương

Số trang: 396

Ngày xuất bản: 04/2011

Nguồn: waka.vn

**Ebook: Đào Tiểu Vũ's eBook -
<http://www.dtv-ebook.com>**

Giới thiệu:

Một bộ hài cốt đặc biệt được phát hiện ngay trong khu vực ngoại ô thành Reykjavík, thám tử Erlendur lập tức được gọi đến hiện trường để điều tra vụ án.

Các nhà khảo cổ học đã cùng ông bắt tay vào công việc và đưa bộ xương lên một cách khó nhọc. Erlendur cố gắng tìm kiếm những thông tin về cuộc sống xung quanh ngôi nhà gỗ trên ngọn đồi với những bụi cây lý chua bất thường ngay cạnh đó. Những bí ẩn tưởng chừng đã bị chôn vùi từ hơn sáu mươi năm trước dần

dần trở lại, và sự thật đau thương về một gia đình sống trên ngọn đồi cách đó không xa đã được khám phá...

Trong suốt quá trình tìm kiếm thông tin, Erlendur đã phải đối diện trực tiếp với những ám ảnh sâu sắc về quá khứ của chính mình, về những rạn nứt của gia đình không còn hy vọng cứu vãn...

“Bằng một văn phong hết sức giản dị, Indradison đã kể một câu chuyện đầy cảm động về tội ác của một xã hội vô cùng phức tạp. Và Erlendur chính là một trong những thám tử giàu lòng nhân ái nhất đã xuất hiện trước mắt ta trong thiên truyện này”

- *The New York Times* -

“Hai câu chuyện kịch tính đan xen nhau từ nhiều thập kỷ chia xa... Và ở nơi đó, có những người đã từng một thời sống chết bên nhau...”

- *Entertainment Weekly* -

“Có một điều người ta không mong muốn sẽ thấy ở những cuốn tiểu thuyết hình sự – đó là sự thương tâm. Tác phẩm của Indridason đã làm được điều đó...”

- *The Philadelphia Inquire*

“Một câu chuyện sinh động, ám ảnh và cực kỳ hấp dẫn đối với mọi bạn đọc. Tôi

chắc chắn rằng ngay cả những độc giả
khó tính cũng sẽ phải ngạc nhiên và đánh
giá cao cách tiếp cận đặc biệt của ông...
Và đó chính là lúc hàng triệu độc giả
Bắc Mỹ khám phá ra Arnaldur
Indridason.”

- *South Florida Sun*

Tác giả cuốn sách *ARNALDUR
INDRIDASON* sinh năm 1961. Ông làm
việc cho một tờ báo của Iceland, bắt đầu
sự nghiệp từ một phóng viên và sau đó là
nhà phê bình sách trong nhiều năm. Ông
là tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết trinh
thám ăn khách hiện nay như:

- Jar City (Vết bết màu cà phê sữa - [tải](#)

[eBook](#)),

- Silence of the grave (Bụi lý chua máu - [tải eBook](#)),

- The Voice,

- The draining lake...

Arnaldur Indridason được xếp vào hàng một trong những nhà văn viết truyện trinh thám hàng đầu thế giới. *Silence of the grave* là cuốn tiểu thuyết đã xuất sắc giành được giải thưởng *Gold Dagger* năm 2005, một giải thưởng danh giá của dòng tiểu thuyết trinh thám thế giới.

Mời các bạn đón đọc Bụi Lý Chua Máu

của tác giả Arnaldur Indriðason.

1

Anh ta nhận ra ngay đứa trẻ chưa đầy một tuổi đó... đang ngồi gặm một mẫu xương người.

Bữa tiệc sinh nhật náo loạn với đủ thứ âm thanh inh tai nhức óc. Bánh pizza vừa được mang đến, bọn trẻ ngay lập tức ăn ngấu nghiến, rồi lấy Coca Cola ra uống ừng ực và quất mắng lẫn nhau om sòm. Ăn uống chán, chúng lại leo lên bàn mà nhảy múa, rồi lại chạy vòng quanh, chúng nô đùa với nhau như có người ra hiệu. Một vài đứa lớn cầm súng máy và súng lục, những đứa bé hơn thì ôm thật chắc mấy cái ô tô đồ chơi hoặc những con khủng long nhựa,... Người thanh niên không hiểu được chúng đang chơi trò gì

nữa. Đồi với anh ta, tất cả chỉ là một sự
âm ỉ khiến người khác phải phát điên
lên!

Người phụ nữ trẻ đang làm một ít
bông ngô trong lò vi sóng. Cô nói với
anh ta rằng mình sẽ cố gắng bảo lũ trẻ
bớt nghịch đi, cô sẽ bật ti vi và mở
video lên cho chúng chú ý. Nếu làm vậy
mà vẫn không ăn thua, cô sẽ tống cổ
chúng ra ngoài, các dây thần kinh của cô
đã quá căng thẳng rồi. Con trai cô năm
nay lên tám. Đây là bữa tiệc sinh nhật lần
thứ ba liên tiếp mà cô tổ chức cho con
trai, kể từ ba năm trước. Lần đầu, cả nhà
cô đi ăn tại một cửa hàng hamburger,
nhưng ở đó giá đắt cắt cổ, đã vậy còn mở
thêm một thứ nhạc rock inh tai váng óc.
Lần sau, cô không đến nhà hàng nữa mà

tổ chức một bữa tiệc âm cúng tại nhà, mời người thân và bạn bè đến. Sự kiện đó cũng linh đình chẳng khác nào lúc thằng bé được làm lễ kiêm tín. Còn năm nay, con trai cô chỉ mời bạn bè cùng lớp và hàng xóm đến tham dự.

Cô mở lò vi sóng, lấy cái túi bỏng ngô căng phồng ra, bỏ một túi khác vào và thầm nghĩ: năm sau mình sẽ tổ chức thật đơn giản. Một bữa tiệc thật đơn giản thôi. Như hồi mình còn nhỏ!

Người thanh niên ngồi im lặng trên ghế sofa. Cô đã định nói chuyện với anh ta nhưng sau lại thôi và cảm thấy không thoải mái khi thấy anh ta ngồi trong phòng khách. Mà thực ra, họ có muốn nói chuyện cũng không được, bọn trẻ quá ồn

ào. Anh ta lại chẳng tỏ ý muốn giúp đỡ gì, chỉ ngồi đó và nhìn trân trân vào khoảng không. “Anh ta thật lạ,” cô thầm nghĩ.

Cô chưa từng gặp người thanh niên này bao giờ. Anh ta hai mươi lăm tuổi, là anh trai của một trong số những đứa bạn đến dự tiệc của con trai cô. Hai anh em cách nhau khoảng hai mươi tuổi gì đó. Thân hình anh ta gầy đét như que củi. Khi đến trước cửa, anh ta chìa bàn tay dài và ẩm ướt ra bắt tay cô, trông anh ta có vẻ trầm lặng. Anh ta đến để đón em trai mình, nhưng thằng bé ương ngạnh, nhất quyết không chịu về giữa lúc bữa tiệc vẫn còn đang sôi động. Họ nhất trí rằng anh nên vào nhà một lát. “Bữa tiệc sắp kết thúc rồi,” cô nói. Anh ta giải

thích với cô rằng trước đây bố mẹ anh ta sống ở một ngôi nhà hiện đại ở khu thương mại, nhưng bây giờ họ đã ra nước ngoài, còn anh ta thì phải trông nom em trai mình. Thực ra anh ta đang thuê một căn hộ trong thị trấn. Anh ta cứ bồn chồn đứng trước nhà trong khi đưa em trai lần vào bữa tiệc huyền ảo.

Lúc này, người thanh niên đang ngồi trên ghế sofa quan sát đứa em gái mới lên một tuổi của cậu bé tổ chức sinh nhật, cô bé con đang bò trên sàn nhà. Cô bé mặc một bộ váy xếp nếp màu trắng, tóc cài nơ, miệng cứ kêu thét liên hồi. Anh ta thầm nguyện rửa thẳng em ham chơi của mình. Việc ngồi trong một ngôi nhà lạ khiến anh ta cảm thấy không thoải mái. Anh ta tự hỏi không biết có nên giúp đỡ

người phụ nữ kia không. Cô ta vừa nói với anh rằng cha đứa trẻ đi làm đến tận chiều muộn mới về. Anh ta gật đầu, cố nặn ra một nụ cười và từ chối lời mời dùng bánh pizza của cô.

Người thanh niên nhìn thấy cô bé con đang cầm và gặm một món đồ chơi nào đó lúc nó ngồi xuống, dải cô bé nhỏ rùng rùng. Có vẻ như cái lợi mềm khiến nó phát cáu. “Nó vẫn còn đang mọc răng,” anh ta nghĩ.

Khi đứa trẻ cầm thứ đồ chơi đó đến gần người thanh niên, anh ta thắc mắc không biết đó là cái gì. Cô bé dừng lại, vụng vụng, sau đó ngồi bệt xuống sàn nhà, há hốc miệng nhìn anh ta. Một dòng nước dải chảy xuống ngực cô bé. Cô bé

lại bỏ món đồ chơi vào miệng và cắn cắn, sau đó bò đến chỗ anh ta, miệng vẫn ngậm chặt nó. Khi cô bé vươn người lên phía trước và cười khúc khích, thứ đó rơi ra ngoài. Cô bé tìm lại nó một cách khá khó khăn rồi bò đến thẳng chỗ anh ta, vịn tay vào ghế sofa và đứng lên. Tuy có hơi chao đảo một chút, nhưng có vẻ cô bé vẫn hài lòng với thành quả của mình.

Người thanh niên lấy thứ đồ chơi đó từ cô bé và xem xét. Đứa trẻ nhìn anh ta không hiểu, rồi nó bắt đầu khóc thét lên. Anh ta không mất nhiều thời gian để nhận ra rằng mình đang cầm một mẫu xương người – một mẫu xương sườn dài khoảng 10cm. Mẫu xương có màu trắng nhạt và đã mòn ở chỗ gãy nên các rìa không còn sắc nhọn nữa, bên trong chỗ gãy có

những vết ô màu nâu, giống như bụi bẩn vậy.

Anh ta đoán đó là đoạn đầu của xương sườn và thấy nó đã khá cũ.

Khi người mẹ nghe tiếng con khóc, cô nhìn vào phòng khách và thấy nó đang đứng bên chiếc ghế sofa cạnh người lạ mặt. Cô đặt tô bỏng ngô xuống, đến chỗ con gái, bế cô bé lên và nhìn người thanh niên, dường như anh ta đã quên cả người mẹ và cô bé con đang khóc.

“Có chuyện gì xảy ra thế?” người mẹ hỏi trong lúc cố gắng dỗ dành con gái mình. Cô nói to để át tiếng ồn ào của lũ trẻ.

Người thanh niên nhìn lên, từ từ đứng

dậy và đưa cho cô mẫu xương.

“Cô bé lấy cái này ở đâu?” anh ta hỏi.

“Cái gì cơ?” người mẹ hỏi lại.

“Mẫu xương này này,” anh ta nói. “Cô bé lấy mẫu xương này ở đâu?”

“Mẫu xương?” cô ngạc nhiên. Khi đưa trẻ nhìn thấy mẫu xương, nó không khóc nữa và chộp lấy, mắt lác đi vì tập trung vào đó, miệng lại há ra, nước miếng chảy thành dòng.

“Tôi nghĩ rằng đó là một mẫu xương”, anh ta nói.

Đứa bé nhét miếng xương vào mồm và nín hăn.

“Cái thứ mà cô bé đang gặm ấy”, anh

ta nói. “Tôi nghĩ đó là một mẩu xương người.”

Người mẹ nhìn đứa con đang gặm mẩu xương ngon lành.

“Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó cả. Ý anh là sao, một mẩu xương người ư?”

“Tôi cho rằng đó là một mẩu của xương sườn người”, anh ta nói. “Tôi là một sinh viên y khoa”, anh ta nói thêm như giải thích, “năm thứ năm”.

“Vớ vẩn! Anh mang nó theo à?”

“Tôi á? Không! Cô có biết nó ở đâu ra không?” anh ta hỏi.

Người mẹ nhìn đứa con, sau đó lấy mẩu xương ra khỏi miệng con bé và ném xuống sàn. Lại một lần nữa, cô bé gào

lên thăm thiết. Người thanh niên cầm mẫu xương lên và xem xét nó kĩ càng hơn.

“Anh trai cô bé có thể biết đây...”

Anh ta nhìn cô, cô nhìn lại anh ta một cách lúng túng. Sau đó cô lại nhìn sang đứa con đang khóc. Rồi sang mẫu xương, và rồi nhìn qua cửa sổ phòng khách về phía những ngôi nhà đang xây dang dở xung quanh, sau đó lại quay về nhìn mẫu xương và khuôn mặt người thanh niên lạ, và cuối cùng là nhìn con trai mình, nó đang chạy ra từ phòng khách.

“Tóti!” cô gọi to. Thằng bé lờ đi. Cô băng qua đám trẻ con, kéo con trai ra một cách khá khó khăn và đưa nó đến trước mặt người khách.

“Cái này là của em à?” anh ta hỏi và đưa cho thằng bé mẫu xương.

“Em đã tìm thấy nó”, Tóti nói liền thoảng. Thằng bé không muốn để lỡ một phút giây nào trong bữa tiệc sinh nhật của mình.

“Ở đâu?” người mẹ hỏi. Cô đặt đĩa con gái xuống sàn, đĩa bé nhìn cô chăm chăm, không biết có nên gào lên nữa không.

“Ở ngoài kia,” thằng bé nói. “Đó là một mẫu đá rất buồn cười. Con đã rửa ráy nó rồi.” Nó thở hên hên. Một giọt mồ hôi chảy dài xuống má nó.

“Ở chỗ nào ngoài kia?” người mẹ hỏi. “Khi nào? Con đã làm gì?”

Thằng bé nhìn mẹ. Nó không biết mình đã làm gì sai, nhưng cái nhìn trên khuôn mặt mẹ nó thể hiện rõ điều đó. Còn nó không hiểu chuyện gì cả.

“Hôm qua, con nghĩ vậy”, thằng bé nói. “Trong khu móng nhà ở cuối đường. Có chuyện gì vậy ạ?”

Mẹ nó và người lạ mặt đưa mắt nhìn nhau.

“Con có thể chỉ cho mẹ chính xác chỗ con tìm ra nó không?” cô hỏi.

“Con bắt buộc phải đi ngay sao? Đang là tiệc sinh nhật của con mà”, thằng bé nói.

“Phải”, người mẹ đáp. “Chỉ cho mẹ và anh ta đi.”

Nói rồi cô bê lấy đứa con gái dưới sàn nhà và đẩy thẳng con trai ra khỏi phòng, hướng đến cửa chính. Người thanh niên đi theo sát họ. Những đứa trẻ còn lại lặng yên khi nhân vật chính bị điệu đi, chúng nhìn mẹ Tóti đẩy nó ra khỏi nhà, khuôn mặt cô lạnh lùng, trên tay vẫn bế đứa con gái nhỏ. Chúng nhìn nhau, rồi sau đó cả bọn rùng rợn kéo nhau đi theo.

Nơi này nằm trong khu đất gần con đường dẫn đến hồ Reynisvatn. Quảng trường Millennium. Nó được xây dựng trên dốc đồi Grafarholt, đỉnh của ngọn đồi này có những tép nước địa nhiệt sơn màu nâu vươn cao lên như một thành lũy bao quanh vùng ngoại ô. Những con đường sạch sẽ chạy dài theo triền dốc,

nhà cửa cũng nối tiếp nhau được dựng lên. Đây đó có những ngôi nhà chung diện một vài mảnh vườn với thảm cỏ xanh và cây non tươi tắn. Chúng sẽ dần lớn lên và một ngày nào đó sẽ tỏa bóng mát cho chủ nhân của chúng.

Đám người đi theo sát đằng sau Tóti, họ men theo con đường cao nhất bên cạnh những téc nước. Rất nhiều ngôi nhà thành thị mới xây trải dài đến vùng đồng cỏ, trong khi ở đằng xa, về phía Nam và phía Đông, lại là nơi dành cho những ngôi nhà gỗ mùa hè cũ kỹ của người dân Reykjavík. Cũng giống như ở tất cả các vùng đất mới khác, bọn trẻ thường chơi đùa trong các ngôi nhà xây dở, leo trèo lên dàn giáo, ẩn trốn trong những bức tường hẻo lánh hay trượt xuống phía

móng nhà mới đào để lộ bì bõm trong những vũng nước đọng lại dưới đó.

Tóti dẫn người lạ mặt, mẹ nó và cả lũ bạn xuống một cái móng nhà như vậy và chỉ chỗ mà nó đã tìm ra mẫu xương trắng lạ lùng kia, mẫu xương sáng và trơn láng đến mức thằng bé phải để vào túi và quyết định giữ nó lại. Thằng bé nhớ chính xác vị trí, nó nhảy xuống móng nhà trước mặt và đi thẳng đến chỗ mà hôm trước nó thấy mẫu xương nằm trên nền đất khô. Người mẹ bắt nó lùi ra xa, và với sự giúp đỡ của người thanh niên, cô vụng về trèo xuống chỗ móng nhà. Tóti lấy lại mẫu xương từ chỗ mẹ và đặt nó xuống đất.

“Lúc đó nó nằm thế này này”, thằng bé

nói, vẫn đang tưởng mẫu xương là một viên đá thú vị.

Đó là một buổi chiều thứ Sáu và không có ai làm việc ở khu móng nhà cả. Gỗ đã được đặt vào vị trí ở cả hai bên để chuẩn bị đổ bê tông, nhưng mặt đất vẫn phơi ra ở những nơi không có tường bao phủ. Người thanh niên đi đến chỗ bức tường bản thủ và nhìn chăm chú cái nơi mà thằng bé đã tìm thấy mẫu xương. Anh ta lấy móng tay cào cào vào lớp bùn và kính hoàng nhận ra có thứ gì đó trông giống như khúc xương của cả một cánh tay phía trên bị chôn sâu dưới đất.

Mẹ bọn trẻ thấy anh ta cứ nhìn chăm chăm vào đống đất, liền hướng mắt nhìn theo, và cô phát hiện ngay ra khúc xương

cánh tay đó. Đến gần hơn, cô nghĩ rằng mình có thể trông thấy mảnh xương quai hàm với một hay hai cái răng gì đó.

Cô bắt đầu nhìn người thanh niên và sau đó nhìn sang con gái, rồi theo bản năng, cô vội vàng lau sạch miệng cho con bé.

Cô không hiểu chuyện gì đã xảy ra cho đến khi cảm thấy cơn đau ở thái dương mình. Bất thình lình, hấn đánh vào đầu cô bằng một nắm đấm siết chặt nhanh đến nỗi cô không kịp nhìn thấy nó. Hoặc có thể cô không tin được là hấn lại đánh cô nhanh như thế. Đó là lần đầu tiên cô bị đánh, và trong những năm về sau này, cô vẫn tự hỏi không biết đời mình có khác

đi không nếu cô rời bỏ hẳn ngay lúc ấy.
Nếu như hẳn cho phép cô làm điều đó.

Cô nhìn hẳn đầy kinh ngạc, bối rối không hiểu tại sao đột ngột chồng mình lại đánh mình. Trước đây chưa từng có ai động vào cô cả.

“Anh đánh em đây ư?” cô vừa nói vừa đưa tay lên xoa thái dương.

“Cô tưởng tôi không thấy cái kiêu cô liếc nhìn thằng đó à?” hẳn rít lên.

“Thằng đó? Thằng nào cơ??? Ý anh là Snorri ư? Nhìn Snorri ư?”

“Phải, phải! Cô tưởng tôi không để ý sao hả? Cái kiêu cô cư xử giống như đang động cõn lên ấy?”

Cô chưa bao giờ chứng kiến chuyện

này. Cô chưa bao giờ nghe thấy hắn nói những từ ghê tởm như thế. Động cởn. Hắn đang nói về chuyện gì vậy? Lúc này cô chỉ trao đổi một vài câu ngắn ngủi với Snorri ở cửa tầng hầm để cảm ơn anh ta vì đã trả cho cô mấy thứ mà cô để quên ở ngôi nhà mình từng giúp việc trước đây; cô không muốn mời anh ta vào nhà, vì chồng cô đã cáu kỉnh cả ngày trời, hắn nói rằng hắn không muốn gặp Snorri. Snorri kể một câu chuyện đùa về người lái buôn trước đây từng thuê cô làm việc, họ cùng bật cười và sau đó tạm biệt nhau.

“Đó chỉ là Snorri thôi mà”, cô nói.
“Đừng cư xử như thế. Tại sao anh lại cáu kỉnh một cách ngu ngốc suốt cả ngày như thế?”

“Cô đang cãi lại tôi đây hả?” hấn hỏi và tiến lại gần cô. “Tôi đã thấy cô qua cửa sổ. Tôi thấy cô ve vãn thằng đó. Hừ, chẳng khác nào một con đàn bà dâm dăng!”

“Không, anh không thể...”

Hấn siết tay, đâm mạnh vào mặt cô lần nữa khiến cả người cô lao thẳng vào cái tủ đựng bát đĩa sứ trong bếp. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh đến mức cô không kịp giơ tay ôm lấy đầu.

“Đừng có nói dối tao!” hấn quát lên. “Tao thấy cái kiêu mày nhìn thằng đó rồi. Tao thấy mày tán tỉnh nó rồi! Chính mắt tao trông thấy! Đồ con điếm bản thủ này!”

Lại một từ nữa mà lần đầu tiên cô nghe thấy hấn nói.

“Lạy Chúa tôi !” Máu rỉ ra từ vết thương ở môi chảy vào miệng cô. Vị máu hòa cùng với những giọt nước mắt mặn đắng chảy xuống mặt cô. “Tại sao anh lại làm thế? Em đã làm gì sai nào?”

Gã chồng đứng xỏ lên, sẵn sàng tấn công. Mặt hấn đỏ bừng đầy phần nộ. Hấn nghiến răng kèn kẹt, giậm chân bình bịch, sau đó quay ngoắt người ra khỏi nhà. Cô vẫn đứng chết lặng, không hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra.

Về sau này cô thường nghĩ đến giây phút đó và tự hỏi không biết có điều gì thay đổi không nếu như mình cố gắng chống trả lại sự hung bạo đó ngay lập tức

bằng cách rời bỏ hẳn ta, tránh xa hẳn ta mãi mãi, thay vì chỉ cố tìm ra lý do để tự trách mình. “Mình phải làm gì đó thì anh ấy mới phản ứng như thế. Điều gì đó mà có thể mình không biết, nhưng chồng mình lại biết, và mình có thể nói chuyện với anh ấy khi anh ấy quay trở về, mình hứa sẽ thay đổi và mọi chuyện sẽ trở lại bình thường.”

Cô chưa bao giờ thấy hẳn cư xử như thế, cô hay bất kỳ người nào khác cũng vậy. Chồng cô là một người khá kín đáo với vẻ bề ngoài nghiêm nghị. Thậm chí, có thể coi hẳn là một người hay suy nghĩ với vẻ mặt trầm tư. Đó là điều mà cô thích ở hẳn khi họ mới bắt đầu quen nhau. Hẳn làm ở Kjós cho anh trai của người lái buôn thuê cô làm việc, công

việc của hắn là chở hàng cho ông chủ. Đó là lí do tại sao hắn gặp cô cách đây một năm rưỡi. Hai người gần như bằng tuổi nhau. Hắn nói về việc bỏ nghề lao động chân tay và có thể sẽ đi biển. Đánh cá sẽ giúp hắn kiếm được tiền. Và hắn muốn có nhà riêng của mình. Là ông chủ của chính mình. Lao động chân tay thật vất vả, cồng kềnh, và lương thì quá thấp.

Cô nói với hắn rằng cô đã chán ngấy việc làm cho người lái buôn ấy. Ông ta là một tên keo kiệt và luôn luôn sờ soạng ba cô giúp việc; còn vợ ông ta là một mù phù thủy già nua và là một chủ nô đích thực. Cô không có kế hoạch nào cụ thể cho những việc sắp phải làm. Chưa bao giờ cô nghĩ đến tương lai. Làm việc vất vả là tất cả những gì cô biết từ khi còn

tâm bé. Cả cuộc đời cô luôn luôn là như thế, chưa bao giờ khác đi.

Gã chồng cô hồi đó liên tiếp tìm có thoái thác việc gặp người lái buôn và thường xuyên vào nhà bếp thăm cô. Chuyện này nối tiếp chuyện kia và chẳng bao lâu sau, cô kể cho hắn nghe về đứa con của mình. Hắn nói rằng mình đã biết cô là một người mẹ. Hắn đã hỏi mọi người về cô. Đó là lần đầu tiên hắn bộc lộ sự quan tâm đến việc tìm hiểu về cô kỹ hơn. Đứa trẻ sẽ sớm lên ba tuổi thôi, cô nói với hắn, rồi cô ra vườn sau – nơi con bé đang chơi cùng những đứa con của chủ nhà – và đưa nó về.

Hắn hỏi cô đã có bao nhiêu người đàn ông đi qua cuộc đời cô. Hắn mỉm cười

ra vẻ như đó chỉ là một lời nói đùa vô hại. Sau này hẳn thường nhẫn tâm dùng chính tai tiếng về sự lang chạ của cô để làm cô đau khổ. Hẳn chưa bao giờ gọi con riêng của cô bằng tên của nó mà chỉ bằng những biệt danh như đồ con hoang hay con què.

Đâu có nhiều đàn ông đi qua cuộc đời cô. Cô nói với hẳn về cha đứa trẻ, đó là một ngư dân, anh ta đã chết ở Kollafjördur. Hối cả đội thủy thủ gồm bốn người chết cóng trong một cơn bão biển, anh ta mới có hai mươi hai tuổi. Cũng trong khoảng thời gian đó, cô phát hiện ra mình đã mang thai. Họ vẫn chưa kết hôn, do đó người ta không thể gọi cô là một góa phụ. Họ đã dự định làm đám cưới, nhưng anh lại chết và để lại cô trên

cõi đời cùng với đứa con ngoài giá thú.

Hắn ngồi nghe câu chuyện của cô trong gian bếp, cô để ý thấy con gái mình không muốn ở bên hắn. Bình thường con bé không hay xấu hổ, nhưng con bé cứ níu chặt lấy váy mẹ và không dám bước ra khi hắn gọi. Hắn lấy từ trong túi áo ra một cái kẹo mật đường và đưa cho con bé, nhưng nó chỉ vùi mặt sâu hơn vào trong váy mẹ và bắt đầu khóc, nó chỉ muốn ra ngoài chơi với những đứa trẻ ngoài kia. Mặc dù kẹo mật đường luôn là đồ ăn ưa thích của nó.

Hai tháng sau hắn hỏi cưới cô. Chuyện đó chẳng hề lãng mạn giống như trong những câu chuyện mà cô được đọc. Họ gặp nhau vài lần vào buổi tối và đi dạo

vòng quanh thị trấn, hoặc đi xem phim của Chaplin. Trong lúc đang cười lả đi vì người đàn ông lang thang bé nhỏ trong phim, cô nhìn sang người đi cùng mình. Hấn còn thậm chí không cười. Một buổi tối, khi cô và hấn từ rạp chiếu phim trở về, đột nhiên hấn hỏi cô liệu họ có nên cưới nhau không. Hấn kéo cô về phía mình.

“Anh muốn chúng mình cưới nhau,” hấn nói.

Lúc đó, cô ngạc nhiên đến độ cho đến mãi lâu sau, khi chuyện đó đã thực sự qua đi, cô mới nhận ra rằng đó không phải là một lời cầu hôn, không phải là một câu hỏi về điều mà cô mong muốn.

“Anh muốn chúng mình cưới nhau.”

Cô đã nghĩ đến khả năng anh ta cầu hôn mình. Mọi quan hệ của họ đã đến giai đoạn đó. Cô cần một ngôi nhà cho đứa con gái nhỏ của mình và muốn có một nơi dành riêng cho mình. Có thêm con. Không có nhiều người đàn ông theo đuổi cô. Có thể là vì đứa bé. Có thể cô không phải là một sự lựa chọn hấp dẫn đối với họ, người cô thấp và khá tròn trĩnh, khuôn mặt góc cạnh, răng hơi vẩu, những ngón tay nhỏ nhưng khéo léo dường như không lúc nào ngừng chuyển động. Có thể cô sẽ không bao giờ nhận được một lời cầu hôn nào tốt hơn thế.

“Em nghĩ thế nào về chuyện đó?” hấn hỏi.

Cô gật đầu. Hấn hôn cô và họ ôm

nhau. Không lâu sau họ kết hôn trong một nhà thờ ở Mosfell. Đó là một lễ cưới nhỏ, chẳng có mấy người tham dự ngoài chú rể và cô dâu, bạn bè chú rể ở Kjós và hai người bạn của cô ở Reykjavík. Vị mục sư mời họ ở lại uống cà phê sau lễ cưới. Cô hỏi về người thân, về gia đình của chồng, nhưng hắn không cởi mở lắm về chuyện đó. Chồng cô nói rằng mình là con một, và khi bố hắn chết, hắn đã không có đủ khả năng để tiếp tục nuôi con, bà gửi hắn đến nhà bố mẹ nuôi. Trước khi trở thành một người làm công ở Kjós, hắn đã làm cho một số nông trại khác. Chồng cô xem ra không mấy tò mò về người thân của cô. Không mấy quan tâm đến quá khứ của cô. Cô nói rằng hoàn cảnh của họ tương đối giống nhau:

cô không biết bố mẹ thật của mình là ai. Cô được nhận làm con nuôi và được nuôi nấng trong nhiều gia đình khác nhau ở Reykjavík, và cuối cùng, cô làm việc cho một người lái buôn. Hấn gật đầu.

“Chúng ta sẽ tạo nên một khởi đầu tốt đẹp,” hấn nói. “Hãy quên quá khứ đi.”

Họ thuê một căn hộ nhỏ dưới tầng hầm ở Lindargata, căn hộ chỉ gồm một phòng khách và một nhà bếp. Nhà vệ sinh ở ngoài sân. Cô không còn làm việc cho người lái buôn nữa. Chồng cô nói rằng cô không phải tự kiếm tiền nữa. Hấn sẽ làm việc ở bến cảng cho đến khi có thể làm cho một tàu đánh cá. Hấn ôm giấc mơ về những chuyến đi biển dài ngày.

Cô đứng bên bàn ăn, vòng tay ôm lấy

bụng. Mặc dù chưa nói với chồng, cô chắc chắn rằng mình đã có thai. Chuyện đó đã được dự trù từ trước. Hai vợ chồng họ đã bàn bạc về chuyện có con, nhưng cô không biết chồng mình sẽ cảm thấy thế nào, hẳn có vẻ rất bí hiểm. Nếu đứa trẻ là một bé trai, cô đã chọn tên cho nó. Cô muốn có con trai. Thằng bé sẽ có tên là Simon.

Cô đã nghe qua nhiều chuyện đàn ông đánh vợ, chuyện những người phụ nữ phải chịu đựng bạo lực gia đình, đã nghe đủ chuyện. Nhưng cô không thể tin được mình lại là một trong số họ. Không thể ngờ được rằng hẳn có thể làm chuyện đó. Đây chắc hẳn là một chuyện hoàn toàn khác, cô tự nhủ. “Anh ấy nghĩ rằng mình tán tỉnh Snorri. Mình phải cẩn thận,

không để cho chuyện đó xảy ra nữa.”

Cô lau mặt và hít một hơi thật mạnh. Đó là một cú đánh! Mặc dù chồng mình đã ra ngoài, chắc chắn anh ấy sẽ sớm quay về nhà và xin lỗi. Anh ấy không thể đối xử với mình như vậy. Đơn giản là không thể. Không được phép. Bấn loạn, cô đi vào phòng ngủ và nhìn con gái. Tên nó là Mikkelína. Buổi sáng khi thức dậy, con bé bị sốt, thế là nó ngủ li bì cả ngày, đến bây giờ vẫn đang ngủ. Khi bé con gái lên, người mẹ thấy toàn thân nó nóng rực. Cô ngồi xuống, ôm con trong tay và bắt đầu hát ru, cô vẫn còn sốc và bị phân tâm bởi cú đánh của chồng.

“Họ đứng trên chiếc hộp,

Chân đi tất nhỏ xinh,

Mái tóc thơm màu vàng,
Những cô nàng áo đẹp.”

Mikkelína thở hổn hển, vòng ngực khẽ phập phồng. Từ mũi cô bé phát ra tiếng thở khò khè nhẹ nhẹ, khuôn mặt đỏ bừng bừng vì sốt. Người mẹ cố gắng đánh thức con dậy, nhưng con bé vẫn không nhúc nhích. Cô khóc hét lên vì hoảng loạn.

Con cô đang bị ốm rất nặng.

Elínborg nhận cuộc điện thoại trình báo về những khúc xương tìm thấy ở khu vực Quảng trường Millenium. Cô đang làm việc một mình trong văn phòng, và đúng lúc cô chuẩn bị ra về thì chuông điện thoại reo. Sau một phút lưỡng lự, cô nhìn đồng hồ rồi quay trở lại nghe điện thoại. Cô đã lên kế hoạch cho bữa tối hôm đó và dành cả ngày để mơ mộng về món thịt gà nấu bằng lò đất. Elínborg thờ dãi rồi nhắc điện thoại lên.

Elínborg là kiểu người rất khó đoán tuổi, trông cô khoảng chừng bốn mươi gì đó, thân hình khỏe mạnh và săn chắc, và cô rất ưa thích đồ ăn. Cô đã li dị, có bốn đứa con, kể cả một đứa con nuôi giờ đây

đã chuyển ra ngoài. Elínborg cũng đã tái hôn với một thợ sửa ô tô thích nấu ăn, cô sống với anh ta cùng với ba con trong một ngôi nhà hiện đại ở Grafarvogur. Elínborg có bằng thạc sĩ về địa chất học cách đây khá lâu, nhưng cô chưa bao giờ làm việc trong lĩnh vực đó. Lúc đầu, công việc ở sở cảnh sát Reykjavík chỉ là một công việc tạm thời trong mùa hè, nhưng rồi cuối cùng cô lại chính thức gia nhập lực lượng này. Cô là một trong số rất ít những nữ thám tử ở đó.

Đang trong lúc Sigurdur Óli làm tình cuồng nhiệt với cô bạn gái Bergthóra thì cái máy nhắn tin của anh chợt kêu lên bíp bíp. Anh đeo nó vào thắt lưng quần – lúc này cái quần đang nằm trên sàn nhà bếp, tiếng bíp vẫn réo liên hồi. Anh biết rằng

nó sẽ không dừng lại cho đến khi anh chịu ra khỏi giường. Hôm nay anh đi làm về sớm. Bergthóra đã ở nhà từ trước và đón anh bằng một nụ hôn sâu đầy nồng nhiệt. Mọi chuyện cứ thế tự nhiên diễn ra, anh vút quần lại trong bếp, tháo dây điện thoại và tắt di động. Nhưng còn cái máy nhắn tin. Có lẽ vì không thể trì hoãn được hơn nữa với Bergthóra.

Thở dài náo nê, Sigurdur Óli nhìn Bergthóra lúc này đang ngồi trên người mình. Người anh mướt mồ hôi, gương mặt đỏ bừng. Qua biểu hiện của cô, anh hiểu rằng cô không muốn để anh đi lúc này. Bergthóra hít một hơi thật sâu và nhắm mắt lại, cô nằm lên người anh, rồi từ từ đẩy hông lên xuống nhịp nhàng cho đến khi cơn cực khoái qua đi và mọi cơ

bấp trên người cô bắt đầu thả lỏng.

Bản thân Sigurdur Óli phải đợi đến một dịp thích hợp hơn. Trong cuộc sống, đối với anh, máy nhắn tin là thứ quan trọng nhất.

Anh trườn người ra khỏi Bergthóra, còn cô thì vùi mặt xuống gối như thể hoàn toàn kiệt sức.

Erlendur đang ngồi ở Skúlakaffi ăn thịt muối. Ông hay ngồi ăn ở đây bởi vì nó là nhà hàng duy nhất ở Reykjavík có bán loại đồ ăn Iceland mà ông có thể tự chuẩn bị nếu ông muốn nấu. Nội thất bên trong cũng khá hấp dẫn: lớp gỗ dán màu nâu tòi tàn, những chiếc ghế ăn cũ kỹ, vài chiếc còn để lộ ra những miếng bọt biển bên dưới lớp nhựa bọc ghế, tấm vải lót

sàn đã bị bào mòn bởi gót giày dép của những người lái xe tải, lái taxi, thợ điều khiển cần trục, nhân viên giao hàng, thợ đào đắp đất. Erlendur ngồi một mình ở riêng một góc, cầm củi ăn thịt, khoai tây luộc, đậu và củ cải nhúng ngập trong nước sốt ngọt rắc bột đường.

Giờ ăn trưa đã qua lâu nhưng ông vẫn cố thuyết phục người đầu bếp chuẩn bị cho mình món thịt muối. Ông cắt một miếng thịt lớn, xếp một đồng khoai tây và rau cải lên rồi phủ nước sốt, phết đầy kem. Món “chiến lợi phẩm” đã sẵn sàng. Với một con dao, ông nhanh chóng ngón đồng thức ăn trước mặt bằng cái miệng nhồm nhoàm của mình.

Erlendur tiếp tục xếp một đồng thức

ăn như thế vào nữa và đang chuẩn bị há miệng ra thì cái điện thoại của ông để trên bàn reo lên. Ông giơ chiếc nĩa ngang miệng, mắt liếc về cái điện thoại một thoáng, lại nhìn qua chiếc nĩa đầy ú, rồi lại sang cái điện thoại, cuối cùng ông đặt chiếc nĩa xuống với vẻ mặt đầy tiếc nuối.

“Tại sao chẳng có lúc nào tôi được yên ổn vậy?” ông nói trước khi Sigurdur Óli kịp nói điều gì.

“Có một số mẫu xương được tìm thấy ở Quảng trường Millennium,” Sigurdur Óli đáp. “Tôi đang ra ngoài đó, cả Elínborg nữa.”

“Loại xương gì cơ?”

“Tôi không biết. Elínborg vừa gọi điện và tôi đang trên đường đến đó. Tôi đã báo cho đội pháp y rồi.”

“Tôi đang ăn,” Erlendur chậm rãi nói.

Sigurdur Óli gần như sắp bật ra những điều mà vừa nãy anh cũng “đang làm”, nhưng đã kịp ngăn mình lại.

“Gặp ông ở đó nhé,” anh nói. “Nơi đó nằm trên đường dẫn đến hồ Reynisvatn, ở mạn bắc bên dưới những téc nước nóng. Không xa con đường dẫn ra khỏi thành phố lắm đâu.”

“Quảng trường Millennium là cái gì vậy?” Erlendur hỏi.

“Sao cơ?” Sigurdur Óli hỏi lại, vẫn còn bực mình vì bị gián đoạn với

Bergthóra.

“Nó là quảng trường liên quan đến một thiên niên kỷ à? Hay là hai trăm năm mươi năm? Nó nghĩa là gì thế?”

“Lạy Chúa,” Sigurdur Óli rên rỉ và tắt máy.

Không lâu sau đó, Erlendur dừng chiếc xe méo mó, cũ nát của mình lại trên đường, bên cạnh khu móng nhà ở Grafarholt. Cảnh sát đã đến và bao quanh hiện trường bằng một dải băng vàng. Erlendur phải chui qua đó để đi vào. Elínborg và Sigurdur Óli đã xuống chỗ móng nhà, họ đang đứng bên cạnh một bức tường đầy bùn đất. Người sinh viên y khoa trình báo với họ về những mẫu xương. Người mẹ ấy cũng đã đưa tất

cả bọn trở về nhà. Nhân viên y tế quận Reykjavík, một người đàn ông to béo khoảng 50 tuổi, đang lóng ngóng trèo xuống một trong ba cái thang bắc từ dưới móng nhà lên. Erlendur theo sau ông ta.

Giới truyền thông tỏ ra khá quan tâm đến vụ những chiếc xương. Các phóng viên đã tập trung đông đảo ở hiện trường, còn những người dân sống ở đó thì xếp thành hàng quanh khu vực. Một số người đã chuyển đến khu này, trong khi một số khác vẫn còn đang làm việc trong những ngôi nhà không có mái che, tay vẫn cầm búa và xà beng, họ bối rối không hiểu sự lộn xộn này là do đâu. Lúc này đã là cuối tháng Tư, tiết trời xuân thật dịu nhẹ và trong trẻo.

Đội pháp y đang làm nhiệm vụ, họ cẩn thận cạo những mẫu xương ra khỏi bức tường đất. Họ hứng đất vào những cái bay nhỏ, sau đó đổ tất cả vào túi nhựa. Một phần của bộ xương đã lộ ra khỏi bức tường. Có thể thấy một cánh tay, một phần của lồng ngực và xương hàm dưới.

“Đó là Người-Thiên-Niên-Kỷ phải không?” Erlendur hỏi trong lúc đi đến bức tường.

Elínborg liếc mắt nhìn Sigurdur Óli đầy nghi vấn, lúc này anh đang đứng sau lưng Erlendur, lấy ngón tay trỏ chỉ vào đầu và xoay vòng vòng ra chiều không hiểu.

“Tôi đã gọi cho Bảo tàng Quốc gia,” Sigurdur Óli nói và đưa tay lên gãi đầu

khi thấy Erlendur đột ngột quay lại nhìn mình. “Có một nhà khảo cổ học đang đến đây. Có thể ông ta sẽ nói cho chúng ta biết nó là cái gì.”

“Chúng ta cũng cần một nhà địa chất học nữa chứ nhỉ?” Elínborg hỏi. “Để nghiên cứu về đất, xác định vị trí của những mẫu xương có liên quan đến nó và còn xác minh tuổi của các địa tầng nữa chứ.”

“Cô không giúp chúng tôi làm điều đó được à?” Sigurdur Óli hỏi. “Cô không được học sao?”

“Tôi chẳng nhớ gì về mấy cái đó cả,” Elínborg đáp. “Tuy vậy, tôi biết rằng những mẫu đất màu nâu kia được gọi là bụi bần.”

“Anh ta không cao đến một mét tám đâu,” Erlendur nhận định. “Hơn một mét thôi, cùng lắm là mét rưỡi. Bị đưa xuống đó một cách vội vã. Theo tôi thấy thì đây là phần còn lại của một cơ thể. Anh ta ở đây chưa lâu đâu. Và chắc chắn không phải là một người Viking.”

“Tại sao ông nghĩ đó là một người đàn ông?” nhân viên y tế quận hỏi.

“Một người đàn ông ư?” Erlendur hỏi lại.

“Ý tôi là,” nhân viên y tế nói, “đây rất có thể là một người phụ nữ. Tại sao ông lại khẳng định rằng đó là một người đàn ông?”

“Hoặc là một người phụ nữ,” Erlendur

nói. “Tôi không quan tâm.” Ông nhún vai. “Ông có thể nói cho chúng tôi biết vài điều về những mẫu xương này không?”

“Thực sự tôi chưa nói được gì về chúng cả,” ông ta đáp.

“Tốt nhất là không nên kết luận gì cho đến khi họ đưa cả bộ xương ra khỏi đồng đất đó.”

“Đàn ông hay phụ nữ? Bao nhiêu tuổi?”

“Không biết được.”

Một người đàn ông mặc quần bò và áo len kiểu truyền thống Iceland đi đến chỗ họ và tự giới thiệu mình là nhà khảo cổ học. Ông ta cao, chòm râu bản thủ và

xám xịt với hai chiếc răng nanh nhô ra khỏi cái miệng rộng. Ông ta quan sát đội pháp y làm việc và yêu cầu họ dừng việc làm vô nghĩa đó lại. Hai người đàn ông cầm bay lưỡng lự. Họ mặc quần áo trắng, đeo găng tay cao su và kính bảo vệ. Theo Erlendur, với trang phục như vậy, họ có thể làm việc cho một trạm năng lượng hạt nhân. Họ nhìn ông, chờ đợi ông ra lệnh.

“Chúng ta cần đào đến chỗ anh ta, vì Chúa,” Răng Nanh vừa nói vừa vẫy vẫy tay. “Các ông định đào bộ xương lên với những cái bay này sao? Ai chịu trách nhiệm ở đây?”

Erlendur tự nhận là mình.

“Đây không phải là phát hiện mang

tính khảo cổ,” Răng Nanh nói và lắc đầu. “Tên tôi là Skarphédinn, xin chào, nhưng tốt nhất hãy nên coi nó là một cuộc khai quật khảo cổ. Ông có hiểu không?”

“Tôi không hiểu lắm,” Erlendur đáp.

“Những mẫu xương này nằm trong đất trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Không hơn sáu, bảy mươi năm, tôi nghĩ vậy. Thậm chí có thể là ít hơn. Quần áo vẫn còn phủ bên ngoài kia.”

“Quần áo ư?”

“Phải, đây này,” Skarphédinn vừa trả lời vừa đưa ngón tay mập ú ra chỉ. “Và ở nhiều chỗ khác nữa, tôi chắc chắn điều đó.”

“Tôi cứ nghĩ rằng đó là phân thịt,”

Erlendur ngưng ngừng nói.

“Trong tình huống này, nếu ông muốn giữ cho chứng cứ nguyên vẹn thì tốt nhất là để cho đội của tôi khai quật nó bằng phương pháp riêng của mình. Nhóm pháp y có thể giúp chúng tôi làm chuyện đó. Chúng tôi cần chằng dây để giới hạn quanh khu vực này và đào sâu xuống đến chỗ bộ xương, thêm nữa là dừng việc cạo đất ở đây đi. Chúng tôi không có thói quen đánh mất chứng cứ. Chỉ riêng cách bố trí của các mẫu xương cũng đã nói cho chúng ta biết rất nhiều điều. Những gì chúng ta tìm thấy xung quanh chúng có thể mang đến rất nhiều chứng cứ.”

“Theo ông thì chuyện gì đã xảy ra?”
Erlendur hỏi.

“Tôi không biết,” Skarphédinn đáp.
“Còn quá sớm để kết luận điều gì. Chúng tôi cần khai quật nó lên, hy vọng là sẽ có vài điều hữu ích.”

“Có phải người này bị chết cồng rồi sau đó bị vùi dưới đất phủ lên không?”

“Không ai có thể ngấp vào trong đất sâu đến thế này được.”

“Như vậy đây là một ngôi mộ.”

“Có vẻ là như vậy,” Skarphédinn nói một cách kiêu ngạo. “Mọi chúng cứ đều ám chỉ điều đó. Chúng ta sẽ đào xuống đến đó chứ?”

Erlendur gật đầu.

Skarphédinn sai chân bước đến chỗ cái thang và leo từ móng nhà lên.

Erlendur theo sát ông ta. Khi đứng nhìn từ trên xuống bộ xương, nhà khảo cổ học đã giải thích cách tốt nhất để có thể tiến hành vụ khai quật cho Erlendur hiểu.

Erlendur bị Skarphédinn và những gì ông ta nói gây ấn tượng mạnh, thế nên chẳng bao lâu sau, nhà khảo cổ đã gọi điện cho đội của mình đến. Trong vài thập niên gần đây, Erlendur đã tham gia vào một số vụ khai quật khảo cổ quan trọng nên ông hiểu những điều Skarphédinn đang nói. Erlendur tin tưởng ông ta tuyệt đối.

Nhưng đội trưởng đội pháp y không đồng ý. Ông ta quát âm lên về việc chuyển giao toàn bộ công việc khai quật cho một nhà khảo cổ học – người không có lấy một chút hiểu biết nào về việc điều tra tội phạm. Cách nhanh nhất là

đỡ bộ xương ra khỏi bức tường và để cho họ có thể khám nghiệm cả vị trí cũng như các dấu vết nếu có, nhằm kiểm chứng xem đây có phải là hậu quả của một hành vi phạm tội hay không.

Erlendur lắng nghe tất cả những điều này, sau đó tuyên bố rằng Skarphédinn và đội của ông ta được phép đào lối dẫn xuống chỗ bộ xương, cho dù chuyện đó có mất nhiều thời gian hơn dự kiến bao lâu đi chăng nữa.

“Những khúc xương đã nằm ở đây được nửa thế kỷ rồi, thêm một vài ngày nữa cũng chẳng ảnh hưởng gì,” ông nói, và theo cách đó, mọi chuyện đã được dàn xếp ổn thỏa.

Erlendur nhìn quanh các ngôi nhà mới

đang xây dở. Ông nhìn lên những təc nước địa nhiệt màu nâu rồi lại nhìn sang vị trí mà hồ Reynisvatn tọa lạc, sau đó ông nhìn về phía Đông, nơi có cánh đồng cỏ trải dài đến cuối quận.

Bốn bụi rậm thu hút sự chú ý của ông, chúng cách khu đất này khoảng ba mươi mét. Erlendur đi đến chỗ đó và nghĩ thầm rằng đây là những bụi cây lý chua. Chúng búi lại với nhau thành một đường thẳng hướng đến phía đông của khu móng nhà. Erlendur chạm nhẹ tay lên những cành cây xù xì, trần trụi và tự hỏi không biết ai đã trồng những cây này ở một khu đất không có người ở như vậy.

Các nhà khảo cổ đã đến, họ mặc áo khoác lông cừu và quần áo ấm chuyên dụng, được trang bị đầy đủ thìa muổng và xẻng. Họ chằng dây thành một khu vực khá rộng bao quanh bộ xương; và đến tối, họ đã bắt đầu đào xuống mặt đất phủ đầy cỏ một cách cẩn trọng. Lúc đó trời vẫn còn sáng, mặt trời chỉ lặn sau chín giờ đêm. Đội khảo cổ gồm bốn người đàn ông và hai người phụ nữ, họ làm việc cẩn mẫn và có phương pháp, họ cũng cẩn thận kiểm tra từng xẻng đất xúc lên. Không có dấu hiệu nào cho thấy sự can thiệp của những kẻ đào mộ. Thời gian và công việc diễn ra trên móng nhà đã chứng minh điều đó.

Elínborg tìm được một nhà địa chất ở trường đại học, người này rất sẵn lòng giúp đỡ cảnh sát, ông ta bỏ dở mọi công việc đang làm và có mặt tại hiện trường nửa tiếng sau cuộc đàm thoại với cô. Ông ta tầm trung tuổi, tóc đen, vóc người mảnh khảnh, giọng nói cực kỳ trầm và có bằng tiến sĩ ở Paris. Elínborg dẫn ông ta đến chỗ bức tường đất. Cảnh sát đã dựng một chiếc lều lên trên bức tường để tránh sự dòm ngó của những người đi ngang qua. Cô phác một cử chỉ mời nhà địa chất chui xuống dưới cửa lều để đi vào trong.

Trong lều được thắp sáng bằng một bóng đèn huỳnh quang lớn, tuy nhiên chỗ đặt bộ xương vẫn bị bao phủ bởi một thứ ánh sáng mờ mờ. Nhà địa chất không vội

vã trong khi xem xét. Ông ta kiểm tra đất, lấy ra một nắm ở trên tường và siết chặt tay để bóp vỡ nó ra. Ông ta so sánh lớp địa tầng bên cạnh bộ xương với những địa tầng ở bên trên và bên dưới nó, kiểm nghiệm mật độ đất xung quanh những mẫu xương. Ông ta kể với cô bằng giọng đầy tự hào rằng mình đã từng được mời đến để phân tích một hòn đất tìm thấy tại hiện trường của một vụ án nhằm giúp đỡ quá trình điều tra. Việc làm đó của ông ta đã đóng góp một phần công sức không nhỏ. Sau đó, ông ta tiếp tục nói về những công trình nghiên cứu về tội phạm học và khoa học về đất – một loại địa chất học pháp y, nếu như Elínborg hiểu đúng ý của ông ta.

Cô nghe nhà địa chất nói dông dài cho

đến khi mất hết kiên nhẫn.

“Bộ xương nằm ở đây được bao lâu rồi?” cô hỏi.

“Rất khó nói,” giọng nhà địa chất trầm xuống, tỏ vẻ hiểu biết. “Cũng không lâu lắm đâu.”

“Nhưng là bao lâu cơ ạ, về phương diện địa chất học ấy?” Elínborg hỏi.

“Một ngàn năm? Hay mười năm?”

Nhà địa chất nhìn cô.

“Rất khó nói,” ông ta nhắc lại.

“Ông có thể đưa ra câu trả lời chính xác đến đâu?” Elínborg bực mình. “Tính theo năm ấy?”

“Rất khó nói.”

“Nói cách khác, rất khó để có thể khẳng định điều gì phải không, thưa ngài tiến sĩ?”

Nhà địa chất nhìn Elínborg và mỉm cười.

“Xin lỗi, tôi đang mãi suy nghĩ. Cô muốn biết điều gì nhỉ?”

“Bao lâu rồi?”

“Sao cơ?”

“Thời gian bộ xương đã nằm ở đây ấy!!!” Elínborg rên rỉ.

“Tôi đoán là khoảng chừng năm mươi đến bảy mươi năm. Tôi vẫn còn phải làm một số xét nghiệm chi tiết hơn, nhưng tôi cho là thế. Từ mật độ của đất có thể thấy, đây không thể là hàm mộ của một tên

cướp biển hay một người ngoại đạo.”

“Chúng tôi biết điều đó rồi,” Elínborg nói, “có những mảnh vụn quần áo...”

“Đường màu xanh này,” nhà địa chất nói và chỉ vào một địa tầng trong chân tường. “Đây là sáp của kỷ băng hà. Những đường nằm cách nhau một khoảng đều đặn này,” ông ta nói tiếp, chỉ tay lên phía trên, “là đá tạo thành từ tro núi lửa. Những đường nằm ở vị trí cao nhất được hình thành từ cuối thế kỷ mười lăm. Đó là lớp đá dày nhất, hình thành từ vụ phun trào núi lửa ở Hekla và Katla. Ô, bây giờ chúng ta đang được quay trở lại khoảng thời gian cách đây hàng ngàn năm. Lớp đá này không cách xa tầng đá nền lắm, như cô thấy đây này,” ông chỉ

một lớp rộng trên nền móng. “Đây là khoáng vật đô-lê-rít ở Reykjavík, nó bao phủ toàn bộ khu vực bao quanh thành phố.”

Ông ta nhìn Elínborg.

“So với toàn bộ lịch sử đó, ngôi mộ này chỉ mới được đào lên cách đây một phần triệu giây!”

Khoảng 9.30 tối, các nhà khảo cổ dừng làm việc, Skarphédinn nói với Erlendur rằng họ sẽ quay trở lại sớm vào sáng hôm sau. Họ vẫn chưa tìm thấy gì đáng chú ý trong đất và mới chỉ bắt đầu dọn cây cối trên bề mặt. Erlendur hỏi liệu họ có thể đẩy nhanh tiến độ lên một chút không, nhưng Skarphédinn nhìn ông một cách khinh khỉnh và hỏi liệu ông có

muôn phá hủy chứng cứ hay không. Họ thống nhất rằng không nên vội vã trong việc đào đường xuống bộ xương.

Người ta tắt bóng đèn huỳnh quang trong lều. Tất cả các phóng viên cũng đã rời đi. Việc phát hiện ra bộ xương đã trở thành tâm điểm trong chương trình thời sự buổi tối. Họ phát những bức ảnh chụp Erlendur và các cộng sự của ông làm việc dưới khu móng nhà. Một đài nọ thậm chí còn chiếu cảnh các phóng viên cố gắng phỏng vấn Erlendur nhưng ông chỉ xua xua tay trước mặt và bỏ đi.

Lại một lần nữa, sự tĩnh lặng lại bao trùm lên toàn bộ khu đất. Những tiếng búa dòn dập cũng theo đó mà rơi tòm vào trong yên lặng. Những người làm

việc trong các ngôi nhà đang xây dở đã trở về nhà. Những người mới dọn đến cũng đã đi ngủ. Người ta không còn nghe thấy tiếng trẻ em bị quát mắng nữa. Hai cảnh sát trong chiếc xe tuần được giao nhiệm vụ cảnh giới khu vực suốt đêm. Elínborg và Sigurdur Óli đã về nhà.

Nhóm pháp y – những người đã giúp đỡ các nhà khảo cổ – cũng đã trở về.

Erlendur thì ở lại nói chuyện với Tóti và mẹ thằng bé về mẫu xương mà nó tìm thấy. Tóti cảm thấy rất hãnh diện khi được nhiều người quan tâm đến thế.

“Thật là một chuyện khó lường,” người mẹ thở dài. Con cô tìm ra một mẫu xương người nằm trên mặt đất. “Đây là sinh nhật tuyệt vời nhất mà cháu trải qua,” Tóti nói với Erlendur. “Tùng trải

qua.”

Cậu sinh viên y khoa cũng mới đưa em trai mình quay về nhà. Erlendur và Sigurdur Óli đã nói chuyện ngắn gọn với anh ta về mọi chuyện. Anh ta cũng kể lại việc mình quan sát đứa trẻ và ngỡ ngàng nhận ra đứa trẻ đó đang ngồi gặm một khúc xương sườn người.

“Làm thế nào mà cậu có thể nhận ra ngay đó là xương sườn người?” Erlendur hỏi. “Nó có thể là xương cừu chứ, giả dụ như vậy.”

“Đúng, đó có thể là xương cừu lắm chứ?” Sigurdur Óli – một anh chàng thành phố không biết chút gì về vật nuôi trong các nông trại ở Iceland – cũng lên tiếng hỏi.

“Không thể thế được,” cậu sinh viên nói. “Tôi đã khám nghiệm tử thi nên tôi biết, không còn nghi ngờ gì nữa.”

“Cậu có thể cho chúng tôi biết dự đoán của cậu về thời gian mà những khúc xương đó được chôn ở đây không?” Erlendur hỏi. Mặc dù cuối cùng Elínborg cũng sẽ thông báo cho ông về kết quả điều tra của nhà địa chất học mà cô đã nhờ vả, nhưng ông cũng muốn nghe ý kiến của người thanh niên này.

“Tôi đã xem qua mẫu đất, dựa trên tỉ lệ phân hủy, có thể nói rằng bộ xương được chôn ở đây khoảng bảy mươi năm. Không nhiều hơn thế lắm đâu. Nhưng tôi không phải là chuyên gia.”

“Không, hẳn là thế rồi,” Erlendur nói.

“Nhà khảo cổ học cũng nghĩ như thế và ông ta cũng không phải là chuyên gia.”

Ông quay sang Sigudur Óli.

“Chúng ta cần kiểm tra lại những ghi chép về những người mất tích trong thời gian đó, khoảng từ năm 1930 đến năm 1940. Có thể là trước đó nữa. Xem có thể lần ra điều gì không.”

Trong ánh mặt trời buổi đêm, Erlendur đứng bên cạnh móng nhà và nhìn sang phía Bắc, hướng về thị trấn Mosfellsbaer, rồi nhìn sang Kollafjörður và núi Esja, ông có thể thấy những ngôi nhà dọc theo vịnh ở Kjalarnes. Ông cũng trông thấy những chiếc xe ô tô trên đường West đang đi men theo chân đồi Úlfarsfell đến Reykjavík. Bỗng Erlendur

nghe thấy tiếng một chiếc xe lái đến khu móng nhà, sau đó một người đàn ông bước ra, trạc tuổi ông, béo, mặc một chiếc áo gió màu xanh dương và đội chiếc mũ lưỡi trai nhọn. Ông ta đóng sầm cửa ô tô, hết nhìn Erlendur lại nhìn chiếc xe cảnh sát, sau đó quay sang khoảng đất bất thường gần chỗ móng nhà rồi đến cái lều trùm lên bộ xương.

“Ông làm ở Sở Thuế vụ đây à?” ông ta xác xược hỏi trong lúc tiến đến chỗ Erlendur.

“Sở Thuế vụ ư?” Erlendur hỏi lại.

“Chẳng bao giờ tôi có lấy một giây yên ổn với các ông cả,” người đàn ông nói. “Ông có trát hay...?”

“Đây là đất của ông à?” Erlendur hỏi.

“Ông là ai? Cái lều này là thế nào? Cái quái gì đang diễn ra ở đây thế?”

Erlendur giải thích cho người đàn ông có tên là Jón này hiểu chuyện gì đã xảy ra. Té ra Jón là một nhà thầu xây dựng và sở hữu khu đất này; ông ta đang trên bờ vực của sự phá sản và bị quây bởi những kẻ thu nợ. Một thời gian khá lâu rồi người ta không còn tiến hành công việc trên những móng nhà này nữa, nhưng ông ta nói rằng mình vẫn thường xuyên đến đây để kiểm tra xem ván khuôn có bị phá hoại không. Nhất là bởi lũ trẻ nghịch ngợm sống ở khu ngoại ô mới, chúng chuyên bày những trò ngu xuẩn trong các ngôi nhà. Jón chưa nghe tin tức gì về vụ

phát hiện ra bộ xương nên khi nhìn xuống móng nhà trong lúc nghe Erlendur nói về những việc mà cảnh sát và các nhà khảo cổ học đang làm, ông ta không tin vào mắt mình.

“Tôi chẳng biết gì về chuyện đó cả, và chắc chắn là những người thợ mộc của tôi vẫn chưa nhìn thấy những khúc xương đó. Nó là một ngôi mộ cổ à?” Jón hỏi.

“Chúng tôi vẫn chưa biết,” Erlendur đáp, ông không muốn để lộ ra thêm thông tin nào. “Ông có biết gì về mảnh đất phía đông đằng kia không?” ông hỏi, và chỉ tay về phía những bụi cây lý chua.

“Tôi chỉ biết đó là một mảnh đất tốt để xây dựng,” Jón nói. “Nhưng có lẽ tôi cũng chẳng sống đến cái ngày mà

Reykjavík mở rộng ra tận ngoài này.”

“Có thể thành phố sẽ phát triển hơn về quy mô,” Erlendur nói. “Cây lý chua mọc dại ở Iceland à? Anh có biết gì về chuyện đó không?”

“Cây lý chua á? Không biết đâu. Chưa bao giờ nghe đến nó.”

Họ nói chuyện một vài phút nữa trước khi Jón lái xe đi.

Erlendur có cảm giác rằng các chủ nợ của ông ta sắp sửa chiếm mảnh đất này, nhưng vẫn có một chút hy vọng nếu như ông ta có thể nặn ra được một khoản vay nào đó.

Erlendur định bụng sẽ tự đi về nhà. Vàng mặt trời buổi đêm tỏa ra một thứ

ánh sáng đỏ rực rỡ trên nền trời phía tây, trải dài từ biển vào đất liền. Trời đã bắt đầu se se lạnh.

Erlendur quan sát sự xâm chiếm của bóng tối một cách chăm chú. Ông đá mấy cục đất và đi dạo xung quanh, không hiểu tại sao mình vẫn còn lưỡng lự chưa về. Chẳng có gì chờ đợi mình ở nhà cả, ông nghĩ trong lúc đi đi chân trên đất. Không có gia đình nào chờ đón ông, không có người vợ nào để kể cho ông ngày hôm nay của cô ấy ra sao. Không có đứa con nào nói với ông về những việc chúng đã làm ở trường. Chỉ có mỗi chiếc ti vi cũ rích, một cái ghê bàn, một chiếc thảm rách nát, những tờ giấy gói đồ ăn mang về để bữa bộn trong bếp và những bức tường chật kín sách để ông đọc trong lúc

cô độc. Rất nhiều cuốn trong số đó nói về những vụ người mất tích ở Iceland, về nỗi khổ sở của các du khách trong thiên nhiên hoang dã, và những cái chết trên đường đèo núi, của những ngày xa xưa.

Bất thành linh Erlendur cảm thấy có vật gì đó cứng cứng dưới chân mình. Nó giống như một viên sỏi nhỏ trôi lên trên nền đất. Ông lấy ngón chân đẩy nhẹ viên sỏi mấy lần nhưng nó vẫn ở nguyên chỗ cũ. Ông cúi xuống và bắt đầu cào đất xung quanh nó một cách cẩn thận.

Skarphédinn đã bảo ông không được di chuyển bất cứ thứ gì trong lúc các nhà khảo cổ không có mặt ở đó. Erlendur miễn cưỡng lôi viên sỏi lên nhưng không được. Ông đào xuống sâu hơn, và đến khi ông đào được viên nữa giống như

thê, rồi đến viên thứ ba, thứ tư, thứ năm, tay ông đã lấm bần. Erlendur quỳ xuống, xúc đất khắp nơi xung quanh mình. Vật thể đó dần dần lộ ra và ngay lập tức Erlendur nhìn chăm chăm vào đó, và theo như tất cả những gì mà ông có thể hình dung ra, nó là một bàn tay. Năm ngón tay xương xẩu và xương lòng bàn tay lộ ra trên mặt đất. Ông từ từ đứng lên.

Năm ngón tay xòe ra như thể người nằm dưới đó đã cố căng bàn tay để chộp lấy thứ gì đó hoặc để tự vệ, hoặc để cầu xin lòng thương hại. Erlendur đứng đó, sững sờ. Những mấu xương căng ra về phía ông từ mặt đất giống như một lời cầu khẩn sự khoan dung, và một làn gió nhẹ buổi đêm khiến toàn thân ông ớn

lạnh.

Còn sống, Erlendur nghĩ. Ông nhìn về phía những bụi cây lý chua.

“Anh có còn sống không?” ông thầm nghĩ.

Ngay lúc đó, điện thoại của ông chợt reo lên. Đang đứng giữa sự tĩnh lặng của đêm, chìm đắm trong suy nghĩ, Erlendur phải mất một lúc mới nhận ra là có chuông điện thoại. Ông lấy nó ra khỏi túi áo khoác và nghe máy. Lúc đầu ông chỉ nghe thấy âm thanh rè rè như tiếng quay mài.

“Cứu con,” một giọng nói vang lên và ông nhận ra ngay lập tức. “Làm ơn. Cứu con!”

Sau đó đường dây bị ngắt.

Ông không thể biết được cuộc gọi vừa rồi từ đâu đến. Màn hình điện thoại của ông hiện lên dòng chữ “Ân số”. Đó là giọng của con gái ông, Eva Lind. Ông nhăn mặt lại khi nhìn chăm chăm vào điện thoại, nó giống như một mảnh thủy tinh chọc thủng tay ông, nhưng nó không rung lại nữa. Erlendur nhớ rằng lần cuối cùng hai bố con nói chuyện với nhau là khi con bé gọi cho ông và nói rằng mình không bao giờ muốn gặp lại bố nữa. Ông đứng sững, đầy kinh ngạc, chờ thêm một cuộc gọi nữa nhưng nó không bao giờ xuất hiện.

Rồi ông lao lên xe.

Ông không liên lạc gì với Eva Lind đã hai tháng rồi. Chuyện này chẳng có gì là lạ cả. Con gái ông đã sống cuộc sống của riêng nó mà không để cho ông có nhiều cơ hội xen vào. Con bé mới ở tuổi hai mươi. Một con nghiện. Cuộc gặp gần đây nhất của hai bố con đã kết thúc bằng một trận cãi nhau nảy lửa. Cuộc cãi vã đó diễn ra trong căn hộ của ông và khi con bé lao ra ngoài, nó nói rằng ông thật ghê tởm.

Erlendur còn có một đứa con trai, Sindri Snaer, nhưng nó không mấy khi liên lạc với bố. Nó và Eva Lind đã trở thành trẻ mồ côi khi Erlendur bỏ nhà ra đi và để lại chúng ở cùng với mẹ. Vợ cũ của Erlendur không bao giờ tha thứ cho ông sau khi họ ly dị, bà ta không cho

phép ông được gặp các con. Ông càng ngày càng hối hận vì đã để cho bà ta tự quyết định. Hai đứa trẻ tìm đến ông khi chúng đã trưởng thành hơn.

Sự yên tĩnh của đêm mùa xuân đang lan dần trên Reykjavík. Erlendur phóng xe thật nhanh ra khỏi Quảng trường Millennium, hướng về con đường dẫn vào thành phố. Ông kiểm tra thấy điện thoại của mình vẫn bật và đặt nó ở ghế trước. Erlendur không rõ lắm về cuộc sống riêng của con gái và không biết phải bắt đầu tìm nó ở đâu, mãi sau ông mới nhớ ra một căn hộ dưới tầng hầm ở quận Vogar – nơi Eva Lind từng sống cách đây một năm.

Đầu tiên, Erlendur kiểm tra xem con

gái có đến nhà mình hay không, nhưng Eva Lind không ở đó. Ông chạy quanh khu nhà nơi ông ở và lên một cầu thang bộ khác. Eva có chìa khóa vào nhà bố. Ông gọi con từ ngoài cửa nhưng không thấy ai đáp lại. Erlendur băn khoăn không biết có nên gọi cho mẹ nó không, nhưng ông không thể ép mình làm chuyện đó. Họ đã không nói chuyện với nhau hơn hai mươi năm qua. Ông nhấc điện thoại và gọi cho con trai. Ông biết rằng hai đứa nó vẫn giữ liên lạc với nhau, dù không thường xuyên lắm. Ông lấy được số của Sindri từ tổng đài viễn thông. Hóa ra Sindri đang làm việc ở ngoài thành phố và nó không biết gì về nơi chị nó đang ở.

“Chán quá,” Erlendur rên rỉ.

Ông lại nhắc điện thoại và hỏi xin số của vợ cũ.

“Erlendur đây,” ông nói khi nghe bà trả lời. “Tôi nghĩ là Eva Lind đang gặp rắc rối. Bà có biết con bé ở đâu không?”

Yên lặng.

“Con bé gọi cho tôi nhờ tôi giúp đỡ nhưng nó lại tắt máy, tôi không biết nó đang ở đâu. Tôi nghĩ là có chuyện gì đó.”

Vẫn không trả lời.

“Halldóra?”

“Ông gọi cho tôi sau suốt hai mươi năm trời đây phải không?”

Ông vẫn cảm nhận được sự căm hận

lạnh lẽo trong giọng nói của bà sau ngần ấy thời gian và nhận ra rằng mình đã sai lầm.

“Eva Lind cần được giúp đỡ, nhưng tôi không biết con bé đang ở đâu.”

“Giúp đỡ ư?”

“Tôi nghĩ là có chuyện gì đó đã xảy ra với nó.”

“Đó là lỗi của tôi sao?”

“Lỗi của bà ư? Không. Đó không phải là...”

“Ông nghĩ rằng trước đây tôi không cần được giúp đỡ sao? Một mình xoay xở với hai đứa trẻ. Ông đã chẳng làm gì để giúp tôi cả.”

“Hall...”

“Và bây giờ các con ông đã đi chệch đường ray. Cả hai đứa nó! Ông đã bắt đầu nhận thức được những gì mình đã làm chưa? Ông đã làm gì với mẹ con tôi? Ông đã làm gì với tôi và các con ông?”

“Bà từ chối không cho tôi thăm...”

“Ông có biết rằng tôi đã phải lo lắng cho con bé cả triệu lần rồi không? Ông nghĩ rằng tôi chưa bao giờ phải đến một nơi nào đó vì con bé sao? Lúc đó ông đang ở đâu?”

“Halldóra, tôi....”

“Đồ khốn nạn!” người phụ nữ gầm lên.

Bà ta ném mạnh điện thoại xuống.

Erlendur nguyên rủa mình vì đã gọi điện. Ông lên xe, lái đến quận Vogar và dừng lại bên ngoài một tòa nhà đổ nát với những căn hộ tầng hầm lộ ra một nửa trên mặt đất. Ông nhấn chiếc chuông treo lủng lẳng trước khung cửa của một căn hộ nhưng không nghe thấy tiếng chuông trong nhà vọng ra, vì thế ông gõ cửa. Ông sốt ruột chờ âm thanh của một người nào đó ra mở cửa, nhưng chẳng có động tĩnh gì. Ông cầm lấy nắm đấm. Cửa không khóa. Erlendur cẩn trọng bước vào nhà. Khi bước vào sảnh chính chật hẹp, ông nghe thấy tiếng trẻ con khóc yếu ớt từ đâu đó trong nhà vọng lại. Một mùi hôi thối nồng nặc của phân và nước tiểu xộc thẳng vào mũi khi ông tiến đến gần phòng khách.

Một bé gái, khoảng chừng một tuổi, đang ngồi trên sàn phòng khách, la đi vì kêu khóc. Con bé run rẩy vì nức nở, trên người nó mặc mỗi cái áo chần mỏng. Trên sàn nhà vương vãi rất nhiều vỏ bia, vỏ chai vodka, giấy gói đồ ăn nhanh và những gói sữa mốc meo, mùi hôi thối cay xè hòa lẫn mùi hôi thối từ đũa trẻ. Chẳng còn gì khác trong phòng khách ngoài chiếc ghế sofa rách rưới, trên đó có một người phụ nữ trần truồng đang nằm quay lưng lại phía Erlendur. Đứa bé chẳng chú ý gì đến ông trong lúc ông đi đến cái ghế sofa. Ông cầm lấy cổ tay người phụ nữ và thấy mạch vẫn còn đập. Cánh tay cô ta chỉ chút vết kim tiêm.

Căn bếp nằm phía sau phòng khách, Erlendur đi đến một căn phòng nhỏ bên

cạnh và tìm thấy một cái chăn để phủ lên người cô ta. Phòng khách còn có một cửa khác nữa dẫn vào phòng tắm nhỏ với một vòi hoa sen.

Erlendur bế đứa bé dưới sàn lên, mang nó vào nhà tắm, cẩn thận tắm cho nó bằng nước nóng và lấy khăn mặt quấn nó lại. Đứa bé thôi không khóc nữa. Giữa hai chân nó có những vết mẩn đỏ do nước tiểu chảy vào. Erlendur nghĩ rằng đứa bé đang rất đói, nhưng ông không tìm thấy thứ gì ăn được cho nó ngoại trừ một thanh sô cô la nhỏ ông tình cờ để trong túi. Ông bẻ ra một miếng và đưa cho con bé, dỗ dành nó bằng giọng nói dịu dàng. Khi nhìn thấy những vết thương trên cánh tay và trên lưng nó, ông nhăn mặt lại vì đau đớn.

Ông tìm thấy một cái cũi trẻ em, gạt hết vỏ lon bia và giấy gói hamburger trong đó ra rồi nhẹ nhàng đặt đứa bé xuống. Giận sôi lên, ông quay trở lại phòng khách. Ông không biết cái đồng nằm trên ghế sofa kia có phải là mẹ đứa bé hay không. Ông không quan tâm. Ông kéo cô ta vào phòng tắm, đặt lên sàn và xịt nước lạnh vào người cô ta. Người phụ nữ co giật, thở hổn hển rồi hét lên như thể đang cố bảo vệ mình khỏi dòng nước lạnh.

Erlendur vẫn tiếp tục xịt nước lạnh lên người phụ nữ một hồi lâu trước khi khóa vòi, ném cái chần lên người cô ta, dẫn cô ta vào phòng khách và đặt cô ta ngồi xuống ghế. Người phụ nữ đã tỉnh lại nhưng vẫn còn choáng váng và nhìn

Erlendur bằng cặp mắt lơ đãng. Cô ta nhìn quanh như thể vừa phát hiện ra có thứ gì đó bị thiếu. Cô ta chợt nhớ ra đó là cái gì.

“Perla đâu rồi?” cô ta hỏi, người run lên cầm cập dưới tấm chăn.

“Perla?” Erlendur tức giận nói. “Đó là loại tên cô dùng để gọi một con chó con!”

“Con gái tôi đâu?” người phụ nữ nhắc lại. Cô ta khoảng ba mươi tuổi, mái tóc cắt ngắn, phấn son trang điểm đã trôi theo dòng nước và bây giờ đang phủ lem nhem khắp trên mặt cô ta. Môi trên của cô ta sưng phồng, trán cũng sưng lên như một cục bướu và mắt phải thì tím bầm.

“Cô không có quyền hỏi về con bé,”
Erlendur nói.

“Cái gì cơ?”

“Cô dám dí tàn thuốc lá vào con mình
sao?”

“Gì cơ? Không! Ông...? Ông là ai?”

“Hay một tên súc vật nào đó đã đánh
cô như tử rôi dí tàn thuốc vào con bé?”

“Đánh tôi như tử ư? Cái gì cơ? Ông là
ai?”

“Tôi sẽ đưa Perla đi khỏi đây, tránh
xa khỏi một người mẹ như cô,” Erlendur
nói. “Tôi sẽ bắt cái thằng đã làm chuyện
đó với cô bé. Vậy nên cô phải nói với
tôi hai điều.”

“Mang nó đi khỏi đây ư?”

“Có một cô gái từng sống ở đây cách đây vài tháng, hoặc một năm, cô có biết gì về cô gái đó không? Tên cô ta là Eva Lind. Người gầy, tóc đen...”

“Perla là một đứa trẻ hay quấy nhiễu. Nó khóc suốt.”

“Cô thật đáng thương hại...”

“Nó làm cho hẳn ta điên tiết lên.”

“Hãy bắt đầu từ Eva Lind trước. Cô có biết nó không?”

“Đừng đưa con bé đi. Tôi xin ông.”

“Cô có biết Eva Lind đang ở đâu không?”

“Eva đã chuyển đi cách đây hai tháng

rồi.”

“Cô có biết là đi đâu không?”

“Không. Cô ta đi cùng Baddi.”

“Baddi ư?”

“Anh ta trông coi ở một quán rượu. Tôi sẽ rêu rao lên báo nếu ông mang con bé đi. Thế nào? Tôi sẽ rêu rao trên báo đấy.”

“Anh ta làm ở đâu?”

Cô ta nói cho ông biết. Erlendur đứng lên, gọi ngay một xe cứu thương và báo có một ca khẩn cấp cho Hội đồng Bảo vệ Trẻ em. Ông mô tả ngắn gọn về trường hợp này.

“Còn điều thứ hai,” Erlendur nói trong

lúc chờ xe cứu thương. “Thằng con hoang nào đã đánh cô lên bờ xuống ruộng thế này?”

“Đừng nhắc đến hắn ta nữa,” cô ta đáp.

“Rồi cứ để hắn ta được thể làm tới à? Cô muốn chuyện đó lắm sao?”

“Không.”

“Vậy hắn đang ở đâu?”

“Đó chỉ là...”

“Phải rồi, sao nào? Chỉ là cái gì?”

“Nếu như ông định bắt hắn...”

“Đúng.”

“Nếu như ông định bắt hắn, hãy đảm

bảo là phải giết hắn. Nếu không, hắn sẽ giết tôi,” cô ta nói và cười nhạt.

Baddi là một tên cơ bắp với một cái đầu nhỏ khác thường, hắn gác cửa cho một câu lạc bộ múa thoát y có tên là Count Rosso ở trung tâm Reykjavík. Hắn vẫn chưa đứng ở cửa khi Erlendur đến, nhưng một tay gác cửa khác có vóc người tương tự đã nói cho Erlendur biết nơi có thể tìm thấy hắn ta.

“Thằng đó chăm sóc những nơi riêng tư,” tay gác cửa nói, và Erlendur không hiểu ý hắn cho lắm.

“Màn múa bí mật ấy,” hắn giải thích. “Những màn trình diễn bí mật.” Sau đó hắn đảo mắt nhìn quanh với vẻ nhẫn nại.

Erlendur đi vào trong câu lạc bộ, bên trong tràn ngập thứ ánh sáng màu đỏ tối. Chỉ có một quầy bar trong phòng, vài bộ bàn ghế, và hai người đàn ông đang xem một cô gái trẻ trượt lên một cái cột kim loại dựng giữa một sàn nhảy được nâng cao hơn so với mặt đất, cô ta nhảy trên nền nhạc pop nhạt nhẽo. Người vũ nữ nhìn Erlendur, bắt đầu nhảy trước mặt ông như thể ông là một khách hàng được chờ đợi, sau đó cởi bộ quần áo lót mỏng manh ra. Erlendur nhìn cô ta với ánh mắt thương hại sâu sắc đến nỗi cô ta bắt đầu bối rối và mất thăng bằng, nhưng sau đó cô ta lấy lại được cân bằng ngay và uốn éo lượn ra xa chỗ ông nhằm giữ lại một chút phẩm giá cho mình trước khi vô tình làm rơi quần áo lót trên sàn.

Trong khi cố gắng tìm hiểu xem những màn trình diễn bí mật được tổ chức tại đâu, Erlendur nhìn thấy một hành lang dài đối diện trực tiếp với sàn nhảy nên ông tiến lại đó. Hành lang sơn đen và những bậc cầu thang dẫn thẳng xuống một tầng hầm. Erlendur không nhìn thấy rõ lắm, nhưng ông đi lần lần xuống cầu thang cho đến khi gặp một cầu thang sơn đen khác. Có một bóng đèn màu đỏ duy nhất treo trên trần nhà và ở cuối hành lang có một người đứng gác, cơ bắp hằn ta cuồn cuộn, hai cánh tay lực lưỡng khoanh trước ngực, hấn liếc nhìn Erlendur. Trong hành lang đó có sáu cánh cửa, mỗi bên ba cái. Ông có thể nghe thấy tiếng đàn violon đang chơi một bản sầu muộn phát ra từ một phòng nào

đó. Tên gác cửa vạm vỡ tiến đến chỗ Erlendur.

“Anh là Baddi phải không?” Erlendur hỏi.

“Gái của ông đâu?” Tên gác cửa hỏi lại, cái đầu nhỏ thó nhô lên như một cái bấu mọc ra trên cái cổ béo quay của hắn.

“Tôi đang chuẩn bị hỏi anh điều đó đấy,” Erlendur nói đầy ngạc nhiên.

“Tôi ư? Không, tôi không cung cấp gái. Ông phải lên trên tầng và chọn lấy một cô rồi mang cô ta xuống đây.”

“À, tôi hiểu rồi,” Erlendur nói và nhận ra sự hiểu lầm. “Tôi đang tìm Eva Lind.”

“Eva ư? Cô ta bỏ lâu rồi. Ông từng đi

cùng cô ta à?”

Erlendur nhìn anh ta chăm chăm.

“Bỏ lâu rồi ư? Ý anh là sao?”

“Đôi lúc cô ta ở đây. Ông quen biết cô ấy như thế nào?”

Một cánh cửa trên hành lang mở ra và một gã đàn ông trẻ bước ra ngoài, anh ta đang kéo khóa quần. Erlendur có thể trông thấy một cô gái trần truồng đang cúi xuống nhặt quần áo trên sàn nhà. Gã đàn ông chen qua giữa họ, vồ vồ vào vai Baddi rồi mất hút trên cầu thang. Cô gái trong phòng nhìn vào mặt Erlendur rồi đóng sầm cửa lại.

“Ý anh là ở dưới đây à?” Erlendur nói đầy ngạc nhiên. “Eva ở dưới đây sao?”

“Cách đây lâu rồi. Có một cô trông giống cô ta trong phòng này đây,” Baddi nói với tất cả sự nhiệt tình của một tay bán xe ô tô đã qua sử dụng, rồi chỉ vào một cánh cửa. “Đó là một sinh viên y khoa đến từ Lithuania. Cô ta đang chơi đàn violon. Ông đã nghe cô ta đàn chưa? Cô ta học ở một trường khá nổi tiếng ở Ba Lan. Họ đến đây. Kiếm tiền. Rồi lại tiếp tục đi học.”

“Anh có biết tôi phải tìm Eva Lind ở đâu không?”

“Chúng tôi không bao giờ tiết lộ chỗ ở của gái,” Baddi nói với một vẻ mặt sung sướng đặc biệt.

“Tôi không cần biết chỗ ở của gái,” Erlendur mệt mỏi nói. Ông cố gắng

không để mất bình tĩnh, biết rằng mình phải cẩn thận, phải moi được thông tin bằng biện pháp mềm mỏng, mặc dù ông đang muốn vắn ngoéo cổ của gã này ngay lập tức. “Tôi nghĩ là Eva Lind đang gặp rắc rối và con bé nhờ tôi giúp đỡ,” ông nói bằng một giọng bình tĩnh hết sức có thể.

“Vậy ông là ai, bố cô ả sao?” Baddi nói đầy vẻ chế nhạo và cười rinh rích.

Erlendur nhìn Baddi, tính toán xem làm thế nào mình có thể tóm được cái đầu hói bé tí của hắn. Baddi cười ngoác mồm ra đến tận mang tai khi phát hiện ra mình đã đánh trúng tim đen của người đối diện. Vẫn tình cờ như mọi khi. Hắn từ từ lùi lại sau một bước.

“Ông là cóm à?” hấn hỏi.

Erlendur gật đầu.

“Đây là một nơi làm ăn hoàn toàn hợp pháp.”

“Tôi không quan tâm. Anh có biết gì về Eva Lind không?”

“Cô ta mất tích rồi à?”

“Tôi không biết,” Erlendur nói. “Con bé đã mất liên lạc với tôi. Lúc trước nó có gọi cho tôi và nhờ tôi giúp đỡ, nhưng tôi không biết nó đang ở đâu. Tôi nghe nói là anh biết con bé.”

“Có một dạo tôi ở cùng cô ta, cô ta nói với ông điều đó à?”

Erlendur lắc đầu.

“Không ai ở được với cô ta đâu. Một ả gàn dở chính cống.”

“Anh có thể nói cho tôi biết con bé đang ở đâu không?”

“Lâu lắm rồi tôi không gặp cô ta. Cô ta ghét ông ra mặt. Ông biết điều đó chứ?”

“Hồi anh giao du với nó, ai là người mang hàng cho nó?”

“Ý ông là người giao hàng à?”

“Đúng, người giao hàng của nó ấy.”

“Ông đang tìm hắn sao?”

“Tôi không tìm kiếm ai cả. Tôi phải tìm ra Eva Lind. Anh có giúp tôi hay không?”

Baddi cân nhắc các lựa chọn. Hẳn chẳng việc gì phải giúp người đàn ông này hay Eva Lind cả. Cô ta có xuống tận địa ngục, hẳn cũng chẳng quan tâm. Nhưng có điều gì đó trên vẻ mặt của ông thám tử bảo với hẳn rằng tốt hơn là nên giúp ông ta chứ không nên chông lại.

“Tôi không biết gì về Eva Lind đâu,” hẳn đáp. “Hỏi

Alli xem.”

“Alli ư?”

“Và đừng có nói cho hẳn biết là tôi chỉ cho ông đến đó.”

Erlendur lái xe đến khu cũ kỹ nhất gần bên cảng của thành phố, nghĩ mông lung về Eva Lind và Reykjavík. Ông không được sinh ra ở đây và vẫn tự coi mình là một người ngoài cuộc, cho dù phần lớn cuộc đời mình ông đã sống ở thành phố này và đã chứng kiến việc nó mở rộng ra đến tận các vịnh và đồi núi khi dân số ở nông thôn giảm dần đi. Một thành phố hiện đại căng phình ra với những người không còn muốn sống ở nông thôn hoặc những làng chài, hoặc không thể sống ở đó, và họ đến thành phố này để xây dựng cuộc sống mới cho chính mình, nhưng đã mất gốc và không có quá khứ, bị bỏ lại với một tương lai mờ mịt. Ông chưa bao

giờ cảm thấy thoải mái trong thành phố này.

Ông thấy mình giống như một kẻ xa lạ.

Alli khoảng chừng hai mươi tuổi, người gầy nhảnh, hay cáu gắt và mặt đầy tàn nhang, răng cửa của hắn đã mất, khuôn mặt râu rĩ và xanh xao, hắn ho khù khụ. Alli đang ngồi ở cái nơi mà Baddi đã nói, quán Kaffi Austurstraeti, một mình một bàn với một cốc bia trống không trước mặt. Trông hắn có vẻ buồn ngủ, đầu rũ xuống, tay khoanh trước ngực. Hắn mặc một cái áo có mũ bản thủ màu xanh.

Baddi đã miêu tả hắn khá chính xác. Erlendur ngồi xuống cùng bàn với hắn.

“Anh là Alli phải không?” ông hỏi, nhưng không nhận được câu trả lời. Ông nhìn quanh quán bar. Trong này khá tối, chỉ có một nhóm người ngồi ở chiếc bàn nhỏ. Một ca sĩ nhà quê đáng thương đang biểu diễn một bài hát nào nê qua cái loa ở phía trên họ. Một người phục vụ đang ngồi trên cái ghế đầu đằng sau quầy rượu, anh ta đang đọc một quyển sách gáy mềm cũ nát.

Erlendur nhắc lại câu hỏi và đẩy vào vai người thanh niên. Hấn ta tỉnh dậy và nhìn Erlendur với cặp mắt đờ đẫn.

“Bia nữa nhé?” Erlendur hỏi, cố gắng nặn ra một nụ cười. Một sự ghê tởm chạy dọc trên mặt ông.

“Ông là ai?” Alli hỏi, mắt thần thờ.

Hắn còn chẳng buồn che giấu vẻ bề ngoài ngu ngốc của mình.

“Tôi đang tìm Eva Lind. Tôi là bố nó và tôi đang rất vội. Con bé gọi cho tôi và nói rằng cần sự giúp đỡ.”

“Ông là cớm à?” Alli hỏi.

“Phải, tôi là cớm,” Erlendur đáp.

Alli ngồi ngay người lại trên ghế và lén lút nhìn xung quanh.

“Tại sao ông lại hỏi tôi?”

“Tôi biết rằng cậu có quen Eva Lind.”

“Làm thế nào mà ông biết?”

“Cậu có biết nó ở đâu không?”

“Ông sẽ mua bia cho tôi chứ?”

Erlendur nhìn hấn ta và ngay lập tức bấn khoăn không biết mình đã dùng đúng cách tiếp cận hay chưa, nhưng dù thế nào ông cũng vẫn phải tiếp tục, thời gian của ông sắp hết rồi. Ông đứng lên và đi nhanh về phía quây rượu. Người phục vụ nhìn lên lưỡng lự, anh ta đặt cuốn sách xuống đầy tiếc nuối rồi đứng lên. Erlendur gọi một cốc bia lớn. Ông đang lần tìm ví thì thấy Alli đã bỏ đi. Ông nhìn quanh và thấy cửa vẫn đóng. Để mặc người phục vụ với cốc bia, ông chạy ra ngoài và thấy Alli đang lẩn trong những ngôi nhà cũ kỹ ở Grjótathorp.

Alli chạy không nhanh lắm và không chạy được lâu. Hấn nhìn quanh thấy Erlendur đang đuổi theo bèn cố gắng tăng tốc nhưng không còn sức lực.

Erlendur nhanh chóng bắt kịp Alli và xô mạnh hắn xuống đất. Hai lọ thuốc lăn ra khỏi túi của hắn, Erlendur nhặt chúng lên. Trông chúng giống như mấy thứ thuốc kích thích vậy. Ông xé áo khoác của Alli ra và nghe thấy nhiều tiếng chai lọ kêu lách cách. Khi đã lấy hết mọi thứ trong túi áo khoác của hắn ra, Erlendur nghĩ những cái lọ này có thể nhét đầy cả một tủ thuốc lớn.

“Họ sẽ... giết... tôi... mất,” Alli thở hổn hển khi cố gắng đứng lên. Có một vài người xung quanh đó. Một cặp vợ chồng già bên kia đường đã chứng kiến mọi chuyện, nhưng khi thấy Erlendur nhặt hết lọ này đến lọ khác lên, họ nhanh chóng tránh đi chỗ khác.

“Tôi không quan tâm,” Erlendur nói.

“Đừng lấy chúng đi. Ôi, ông không biết đâu, cái cách họ...”

“Ai cơ?”

Alli núp mình vào bức tường của một ngôi nhà và bắt đầu khóc.

“Đây là cơ hội cuối cùng của tôi,” hắn nói, nước mũi chảy ra rờn rờn.

“Tôi không cần biết cái cơ hội đó là cái quái gì. Lần cuối cùng cậu gặp Eva Lind là khi nào?”

Alli khịt khịt mũi, rồi liếc nhìn Erlendur như thể đã tìm ra được một cách giải quyết.

“Được rồi.”

“Sao cơ?”

“Nếu tôi nói cho ông biết về Eva, ông có trả những thứ đó cho tôi không?” hắn hỏi.

Erlendur tỏ ý cân nhắc chuyện đó.

“Nếu cậu biết về Eva, tôi sẽ trả chúng lại cho cậu. Nếu cậu nói dối, tôi sẽ quay trở lại và dần cậu như dần một cái bạt lò xo đấy”.

“Được rồi, được rồi. Hôm nay Eva có đến gặp tôi. Ông biết đấy, cô ta nợ tôi một món tiền. Tôi đã không đưa thêm một chút nào cho cô ta nữa. Tôi không giao hàng cho những người có thai.”

“Ồ.” Erlendur nói. “Cậu là một người có nguyên tắc đấy.”

“Cô ta tạt qua với cái bụng kễnh lên, cô ta khóc lóc, van vỉ tôi và làm âm lên khi tôi không đưa cho một xu nào. Sau đó cô ta đi.”

“Cậu có biết con bé đi đâu không?”

“Ồ, không.”

“Nó sống ở đâu?”

“Một đứa con gái không tiền. Tôi cần tiền, ông thấy đấy. Hoặc họ sẽ giết tôi.”

“Cậu có biết nó sống ở đâu không?”

“Sống á? Chẳng ở đâu cả. Cô ta lao vào bất cứ chỗ nào có thể. Và nâng đủ mọi thứ. Cô ta nghĩ rằng mình có thể kiếm tiền mà không mất gì.” Alli khịt mũi một cách miệt thị. “Giống như là ông có thể cho không thuốc vậy. Hờ, cứ làm như

thuộc là hàng miễn phí ấy!”

Kẽ hở nơi cái răng cửa bị mất của hắn khiến lời hắn nói như bị ngọng. Đột nhiên trông hắn như một đứa trẻ to xác trong cái áo dài bản thủ đang cố gắng làm một hành động dũng cảm.

Nước mũi lại bắt đầu chảy ròng ròng trên mặt hắn.

“Con bé có thể đi đâu?” Erlendur hỏi.

Alli nhìn ông và khụt khịt.

“Ông có trả chúng cho tôi không đã?”

“Con bé đâu?”

“Tôi có được lấy lại nếu tôi nói với ông không?”

“Nếu cậu nói thật. Nó ở đâu?”

“Có một đứa con gái khác ở cùng cô ta.”

“Ai? Tên là gì?”

“Tôi biết nơi cô ta ở.”

Erlendur bước lại gần hơn.

“Cậu sẽ được lấy lại toàn bộ,” ông nói. “Cô gái đó là ai?”

“Ragga. Cô ta sống ở gần lối rẽ. Ở Tryggvagata ấy. Trên tầng cao nhất của một tòa nhà lớn nhìn ra một xưởng đóng tàu.” Alli ngấp ngừng giơ tay ra. “Được chưa? Ông đã hứa rồi. Trả lại cho tôi đi. Ông đã hứa rồi mà.”

“Chẳng có cách nào khiến tôi có thể trả lại cho cậu được, đồ ngu ạ,” Erlendur nói. “Tôi mà có thời gian, tôi sẽ đưa

thằng cậu đến sờ cảnh sát và tông cậu vào tù. Nên như thế này là tốt cho cậu lắm rồi đấy.”

“Không, họ sẽ giết tôi mất! Đừng! Hãy trả nó cho tôi, làm ơn đi. Hãy trả nó cho tôi!”

Phớt lờ hấn ta, Erlendur để Alli rên rỉ chỗ bức tường, hấn ta nguyên rửa mình và tự đập đầu vào tường trong cơn thịnh nộ yếu ớt. Từ xa, Erlendur vẫn nghe thấy tiếng nguyên rửa của hấn, nhưng ông ngạc nhiên khi thấy Alli không chửi ông mà chửi chính mình.

“Thằng ngu chó chết, mày là một thằng ngu chó chết...”

Ông nhìn thấy Alli tự tát vào mặt

mình.

Một thằng bé tầm bốn tuổi mặc bộ quần áo ngủ, đi chân trần, tóc bần, ra mở cửa và nhìn lên Erlendur, lúc này ông đang khom người xuống chỗ nó. Khi Erlendur đưa tay ra để vuốt má thằng bé, nó thình lình hét mạnh đầu ra sau. Erlendur hỏi xem mẹ nó có nhà không, nhưng thằng bé chỉ nhìn ông đầy nghi ngại mà không trả lời.

“Cô Eva Lind có ở đây không bé con?” ông hỏi.

Erlendur cảm thấy thời gian đang sắp hết. Từ lúc Eva Lind gọi đến bây giờ đã hai tiếng đồng hồ. Ông cố xua đi cái ý nghĩ rằng đã quá muộn để cứu con bé.

Erlendur cố gắng hình dung ra tình thế mà Eva Lind đang lâm vào, nhưng ông nhanh chóng thôi không dằn vò mình theo cách đó thêm nữa mà chỉ tập trung vào việc tìm con. Bây giờ ông đã biết người ở cùng Eva Lind. Ông cảm thấy mình đang đến gần con bé hơn.

Không trả lời, thằng bé lao thẳng vào căn hộ và biến mất. Erlendur theo sau nhưng không thấy nó đâu. Căn hộ tối đen như mực và Erlendur phải sờ soạng để tìm công tắc bật đèn trên tường. Sau khi thử mấy lần không được, ông mò mẫm tìm đường sang một căn phòng nhỏ. Cuối cùng cũng có một bóng đèn lẻ loi treo trên trần nhà đang lập lòe tỏa sáng. Trên sàn nhà chẳng có gì, chỉ toàn bê tông lạnh lẽo. Những tấm đệm bản thủ trải

khắp sàn nhà và trên đó có một cô gái đang nằm, trẻ hơn Eva Lind một chút, mặc quần jean rách tả tơi với cái áo phong màu đỏ. Một hộp kim loại chứa hai kim tiêm mở ra bên cạnh cô gái. Một ống nhựa mỏng nằm cong queo trên sàn nhà. Hai người đàn ông đang nằm ngủ trên những tấm nệm ở cạnh cô ta.

Erlendur quỳ xuống và lay lay cô ta nhưng cô ta không phản ứng gì. Ông nhắc đầu cô ta lên, dựng cho ngồi dậy và vỗ nhẹ vào má. Cô gái làm bầm. Ông đứng lên, nhắc người cô ta dậy và cố gắng bắt cô ta đi lại, một lát sau cô ta bắt đầu tỉnh lại. Cô gái mở mắt ra. Erlendur thấy có một chiếc ghế ngồi ăn trong bóng tối nên ông đặt cô ta ngồi xuống. Cô ta nhìn ông rồi gục đầu xuống ngực. Ông tát nhẹ vào

mặt cô ta khiến cô ta tỉnh lại.

“Eva Lind đâu?” Erlendur hỏi.

“Eva?” cô gái lẩm bẩm.

“Hôm nay cô đi cùng nó. Nó đi đâu rồi?”

“Eva...”

Đầu cô gái lại gục xuống. Erlendur thấy thằng bé đứng ở cửa ra vào. Một tay nó đang cầm một con búp bê, tay còn lại cầm một bình sữa rỗng và giơ về phía Erlendur. Sau đó nó đưa cái bình vào miệng, rồi Erlendur nghe thấy tiếng nó bú. Ông nhìn thằng bé và nghiến răng lại trước khi lấy điện thoại ra gọi trợ giúp.

Một bác sĩ đến cùng chiếc xe cứu thương, theo như yêu cầu của Erlendur.

“Tôi nhờ ông tiêm cho cô ta một mũi,”
Erlendur nói.

“Một mũi tiêm ư?” ông bác sĩ hỏi.

“Tôi nghĩ cô ta đã dùng ma túy. Ông có mang theo naloxone hay narcanti không?”

“Có, tôi...”

“Tôi phải nói chuyện với cô ta. Ngay bây giờ. Con gái tôi đang gặp nguy hiểm. Cô gái này biết nó đang ở đâu.”

Ông bác sĩ nhìn cô gái, rồi lại nhìn sang Erlendur. Ông ta gật đầu.

Erlendur đặt cô gái nằm lại xuống nệm và phải mất một lúc cô ta mới tỉnh lại. Các nhân viên cứu thương đứng bên trên, cầm theo một cái cang. Thằng bé con

đang trốn trong phòng. Hai người đàn ông nằm trượt ra khỏi nệm.

Erlendur cúi mình bên cô gái lúc này đang từ từ lấy lại nhận thức. Cô ta hết nhìn Erlendur lại nhìn lên ông bác sĩ và những người cứu thương.

“Có chuyện gì đang xảy ra thế?” cô ta hỏi nhỏ như thể đang nói với chính mình.

“Cô có biết Eva Lind không?”
Erlendur hỏi.

“Eva ư?”

“Tôi nay nó đi cùng cô. Tôi nghĩ là nó đang gặp nguy hiểm. Cô có biết nó đã đi đâu không?”

“Eva không ổn à?” cô ta hỏi lại, sau đó nhìn quanh. “Kiddi đâu?”

“Có một thằng bé trong phòng ở đằng kia,” Erlendur nói. “Nó đang chờ cô đấy. Nói cho tôi biết phải tìm Eva Lind ở đâu.”

“Ông là ai?”

“Bố Eva Lind.”

“Ông cóm đây à?”

“Phải.”

“Cô ấy không thể chịu nổi ông.”

“Tôi biết. Cô có biết nó đang ở đâu không?”

“Cô ấy bị đau. Tôi bảo cô ấy đi bệnh viện. Cô ấy đang đi bộ đến đó.”

“Đau ư?”

“Bụng của cô ấy đang giết chết cô ấy.”

“Nó bắt đầu đi từ đâu? Từ đây à?”

“Lúc đó chúng tôi đang ở bên xe bus.”

“Bên xe bus ư?”

“Cô ấy đang chuẩn bị đến Bệnh viện Quốc gia. Cô ấy không ở đó à?”

Erlendur đứng lên và ông bác sĩ đọc cho ông số điện thoại tổng đài của bệnh viện. Ông gọi điện chỉ để nghe người ta nói rằng không có ai tên là Eva Lind nhập viện trong vài giờ gần đây cả. Không có cô gái nào tầm tuổi cô đến đó. Ông được nối máy đến khoa sản và cố gắng mô tả con gái mình chi tiết nhất có thể, nhưng bác sĩ hộ sinh có ca trực lúc đó nói không trông thấy cô gái nào như

vậy.

Ông chạy ra khỏi căn hộ, leo lên xe và lao ra bến xe bus. Ở đó vắng không một bóng người. Trạm xe bus đã đóng cửa lúc nửa đêm. Ông để xe lại và chạy dọc đường Snorrabraut, dồn hết sức băng qua các ngôi nhà ở Nordurmyri và soi xét từng khu vườn để tìm con gái. Ông bắt đầu gọi tên con khi đến gần bệnh viện nhưng không có ai đáp lại.

Cuối cùng, ông đã tìm thấy con bé nằm trong vũng máu trên một bãi cỏ có cây cối um tùm bao phủ, cách nhà hộ sinh chừng năm mươi mét. Nhưng ông đã đến quá muộn. Lớp cỏ bên dưới người con bé đã nhuộm đầy máu, quần bò của nó cũng thế.

Erlendur quỳ xuống bên con gái, nhìn lên nhà hộ sinh và thấy mình đang đi qua cánh cửa cùng với Halldóra cách đây nhiều năm khi Eva Lind được sinh ra. Con bé sắp sửa chết ở cái nơi mà nó đã chào đời ư? Erlendur vuốt nhẹ trán con gái, không biết mình có dám di chuyển nó không.

Ông nghĩ rằng con bé đã mang thai được bảy tháng rồi.

Cô từng cố gắng trốn chạy khỏi hắn ta, nhưng đã từ bỏ ý định đó từ rất lâu rồi.

Cô đã bỏ đi hai lần. Cả hai lần đó đều diễn ra khi họ còn sống trong một căn hộ dưới tầng hầm ở Lindargata. Một năm

sau lần đầu tiên chồng cô đánh cô như tử,
CHỒNG CÔ đã mất tự chủ lần thứ hai.

Hắn vẫn tự gọi hành động đó như vậy khi
hắn nói về bạo lực mà hắn đã giáng
xuống đầu vợ. Cô không bao giờ cho đó
là sự mất tự chủ. Đối với cô, dường như
hắn chưa bao giờ tự chủ hơn cái lần hắn
đánh cô giữa ban ngày ban mặt và lẳng
nhục cô thậm tệ. Thậm chí khi cơn giận
đã lên đến đỉnh điểm, hắn vẫn lạnh lùng,
bình thản và nhận thức được tất cả những
gì mình đang làm. Luôn luôn là như vậy.

Thời gian trôi đi, cô nhận ra rằng mình
cũng cần phải nuôi dưỡng cái phẩm chất
đó để có thể thắng được hắn. Nỗ lực bỏ
trốn đầu tiên của cô bị thất bại thảm hại.
Cô vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ, không biết
cân nhắc các lựa chọn có sẵn, không biết

phải đi về đâu. Đột nhiên cô thấy mình đứng ngoài đường trong một cơn gió lạnh buốt vào một buổi tối tháng Hai cùng hai đứa con. Cô bế Simon trên tay và địu Mikkelína trên lưng, nhưng cô không biết nên đi đâu. Tất cả những gì cô biết là phải bỏ trốn khỏi tầng hầm đó.

Cô đã gặp một giáo sĩ, ông ta nói rằng một người vợ tốt không bao giờ bỏ rơi chồng. Đám cưới dưới sự chứng giám của Chúa là cực kỳ linh thiêng và con người ta phải chịu đựng nó để được sống cùng nhau.

“Hãy nghĩ đến các con của con,” ngài giáo sĩ nói.

“Con đang nghĩ đến chúng đây ạ,” cô đáp, và ông ta nở một nụ cười nhân hậu.

Cô đã không cô đến gặp cảnh sát.

Những người hàng xóm đã gọi họ hai lần khi thấy người chồng tấn công cô. Máy cảnh sát đến rồi đi thẳng vào tầng hầm, họ dàn xếp vụ cãi vã xong lại đi. Khi cô đứng trước mặt họ với một mắt thâm tím và bờ môi nứt toác, cảnh sát bảo hai vợ chồng nên bình tĩnh giải quyết mọi chuyện và nói rằng họ đang gây mất trật tự. Lần thứ hai, cảnh sát mời hẳn ta ra ngoài nói chuyện. Cô đã phải hét lên rằng hẳn ta đã đánh mình, thậm chí còn dọa giết mình, và đó không phải là lần đầu tiên. Họ hỏi liệu trước đó cô có uống rượu không. Câu hỏi đó không lọt vào tai cô. ‘Uống rượu ấy,’ họ nhắc lại. ‘Không,’ cô trả lời. Cô không bao giờ uống rượu. Họ nói với chồng cô vài điều

ở bên ngoài, ngay chỗ cửa chính, sau đó bắt tay hắn ta rồi bỏ đi.

Và khi cảnh sát đã đi hết, hắn lại lấy dao cạo rạch vào má cô.

Buổi tối hôm đó, sau khi gã chồng đã ngủ, cô cũng Mikkelína lên lưng và nhẹ nhàng bế Simon ra khỏi căn buồng rồi bước lên cầu thang tầng hầm. Cô đã làm một cái xe đẩy cho Mikkelína từ một chiếc xe cũ mà cô tìm thấy trong đồng rác, nhưng hắn đã đập nó gãy tan tành trong một cơn thịnh nộ, như thể hắn đã lờ mờ nhận ra là vợ sắp bỏ rơi mình nên nghĩ rằng làm như thế sẽ ngăn được cô lại. Vụ bỏ trốn của cô hoàn toàn không được tiên liệu từ trước. Cuối cùng, cô đến Tổ chức Cứu Thế Quân và được trú

chân ở đó qua đêm. Cô không có người thân, cả ở Reykjavík hay bất cứ đâu cũng thế. Lúc gã chồng tỉnh dậy vào sáng hôm sau và phát hiện ra vợ con mình đã bỏ đi, hắn quỳnh quáng chạy bỏ đi tìm. Hắn đi lang thang khắp thành phố mà chỉ mặc độc một cái áo sơ mi cộc tay. Rồi hắn trông thấy vợ con đang đi ra từ Tổ chức Cứu Thế Quân. Cô phát hiện ra chồng khi hắn ta giằng lấy thằng bé khỏi tay mình, bế thốc lấy con gái cô và quay về nhà mà không nói nửa lời. Bọn trẻ quá sợ hãi đến nỗi không dám cử động, rồi cô chỉ thấy Mikkelína vói tay về phía mẹ và lặng lẽ khóc.

Cô đang nghĩ gì thế?

Rồi cô đuổi theo họ.

Sau lần thứ hai, hắn dọa giết các con, và cô không còn cố gắng bỏ trốn nữa. Lần đó, cô đã chuẩn bị kỹ càng hơn, tưởng tượng rằng mình sẽ bắt đầu một cuộc sống mới, sẽ đi về miền Bắc đến một thị trấn làm nghề cá cùng các con và chắc chắn là ba mẹ con sẽ chẳng cần gì cả. Cô lên kế hoạch cho mọi thứ. Cô quyết định sẽ đến Siglufjördur để làm lại từ đầu. Ở đó có rất nhiều việc làm bởi vì những năm suy thoái đã qua đi, dân cư nơi khác lũ lượt kéo đến đó tìm việc làm và cô có thể duy trì mức sống tối thiểu cùng với hai con của mình. Cô có thể ở trong khu nhà tập thể của công nhân trước khi tự thuê được phòng riêng.

Giá vé xe bus cho cô và hai đứa con không rẻ chút nào, còn chồng cô thì giữ

bo bo từng xu hăn kiếm được ở bên cảng. Trong suốt một khoảng thời gian dài, cô đã cố gắng xoay xở kiếm từng đồng cho đến khi dành dụm đủ tiền mua vé. Cô lấy toàn bộ quần áo của các con và nhét vào trong một va li nhỏ, một ít đồ cá nhân và cái xe đẩy, nó vẫn chở được Mikkelína sau khi cô đã sửa sang lại. Cô đi nhanh ra bên xe bus, nhìn khắp nơi đầy hoảng sợ như thể sẽ bị chòng bắt gặp ở góc phố tiếp theo.

Hăn về nhà vào buổi trưa và nhận ra ngay lập tức là vợ con đã bỏ đi. Cô luôn phải chuẩn bị xong bữa trưa trước khi hăn về đến nhà, hăn chưa bao giờ cho phép cô quên điều đó. Hăn thấy cái xe đẩy đã biến mất. Tủ quần áo mở toang. Nhớ lại lần bỏ trốn trước đây của vợ,

hắn đi thẳng đến Tổ chức Cứu Thế Quân và nghe người ta nói là cô không có ở đó. Hắn không tin lời họ, hắn bỏ đi lòng sục khắp tòa nhà, chạy xộc vào các phòng, thậm chí cả tầng hầm, và đến khi không tìm thấy ba mẹ con, hắn tấn công người phụ trách tòa nhà, dúi ông ta xuống đất và dọa sẽ giết nếu ông ta không nói ra họ đang ở đâu.

Cuối cùng, khi nhận ra rằng vợ mình không đến Tổ chức Cứu Thế Quân, gã đàn ông đó sục sạo quanh thành phố mà vẫn không thấy bóng dáng cô đâu. Hắn lao vào các cửa hàng, nhà ăn nhưng vẫn bật âm vô tín. Ngày tàn, khi cơn giận dữ và tuyệt vọng đã tăng lên gấp bội, hắn trở về nhà, điên cuồng như người mất trí. Hắn lộn tung nhà cửa lên để tìm dấu vết

xem vợ mình có thể đi đâu, sau đó đến nhà hai người bạn cũ của cô từ hồi họ còn làm việc cho người lái buôn, xông xộc chạy vào nhà họ và gọi vợ con âm ỉ, sau đó chạy ra mà không nói một lời rồi mất dạng.

Cô đến Siglufjördur vào khoảng hai giờ sáng sau chuyến đi cả ngày dài không ngừng nghỉ. Chiếc xe khách đã dừng lại ba lần để hành khách nghỉ chân, ăn bữa trưa đã chuẩn bị sẵn hoặc mua đồ ăn ngoài. Cô có mang theo bánh sandwich và mấy hộp sữa, nhưng họ đã đói meo khi xe đến Haganesvík ở Fljót, nơi có một chiếc thuyền đang chờ sẵn ở đó để đưa khách sang Siglufjördur giữa đêm khuya lạnh. Sau khi cô tìm thấy khu nhà ở tập thể của công nhân, người quản đốc

đưa cô đến một phòng nhỏ với hai cái chăn, và ba mẹ con tận hưởng đêm tự do đầu tiên ở đó. Những đứa trẻ lăn ra ngủ ngay khi đặt mình xuống nệm, còn người mẹ thì nằm trần trọc, cô nhìn trần trần vào bóng tối, không thể cưỡng lại cơn run rẩy đang lan ra toàn bộ cơ thể, cô kiệt sức và òa lên khóc.

Một vài ngày sau, hắn tìm thấy cô. Hắn nghĩ đến khả năng là cô đã rời thành phố, có lẽ là bằng xe bus, nên hắn đến trạm, hỏi những người xung quanh và được biết là vợ con mình đã bắt xe về hướng bắc đến Siglufjördur. Hắn nói chuyện với người lái xe, ông này nhớ ba mẹ con họ rất rõ, đặc biệt là cô bé bị tật nguyền. Hắn bắt chuyến xe tiếp theo và đến Siglufjördur lúc quá nửa đêm. Len

lỏi qua hết khu nhà này đến khu nhà khác, cuối cùng hắn cũng tìm thấy vợ con đang ngủ trong căn phòng bé nhỏ, nhờ sự chỉ đường của một người đốc công mà hắn đã đánh thức trước đó. Hắn giải thích cho người đốc công rằng vợ mình đến ngôi làng trước, hắn nói, nhưng có lẽ là họ sẽ không ở đây lâu.

Hắn trườn vào phòng. Một luồng ánh sáng lờ mờ từ ngoài đường chiếu qua ô cửa sổ nhỏ vào phòng, hắn bước qua mấy đứa trẻ đang nằm trên đệm, cúi xuống chỗ vợ cho đến khi mặt họ gần như chạm vào nhau, và lay lay cô dậy. Cô vẫn còn buồn ngủ nên hắn lay cô lần nữa, mạnh hơn, cho đến khi cô mở mắt ra. Và khi thấy sự kinh hoàng tột độ hiện lên trong đôi mắt vợ, hắn mỉm cười. Cô đang

chuẩn bị thét lên kêu cứu thì hắn đã kịp lấy tay bịt miệng cô lại.

“Mày thực sự nghĩ rằng mày có thể làm được ư?” hắn thì thào đầy hăm dọa.

Cô nhìn chồng chăm chăm.

“Mày cho rằng chuyện đó dễ đến thế sao?”

Cô chậm rãi lắc đầu.

“Mày có biết bây giờ tao thực sự muốn làm gì không?” hắn rít lên giữa hai hàm răng nghiến chặt. “Tao muốn đưa con gái mày lên núi và giết chết nó, rồi chôn nó ở một chỗ mà không ai có thể tìm thấy được, và nói rằng con chó chết đáng thương ấy hắn là đã mò xuống biển. Và mày có biết không? Tao sẽ làm điều

đó đây. Tao sẽ làm ngay bây giờ. Nếu như thằng nhãi kia mà kêu lên một tiếng, tao cũng sẽ giết nó luôn. Tao sẽ nói rằng nó cũng bò ra biển theo sau chị nó.”

Người vợ khóc thút thít không thành tiếng khi liếc vội sang chỗ hai con, gã chồng mỉm cười rồi nhấc tay ra khỏi miệng cô.

“Em sẽ không bao giờ làm như thế nữa,” cô rên rỉ. “Không bao giờ. Em sẽ không bao giờ làm thế nữa. Em xin lỗi. Em xin lỗi. Em không biết mình đã nghĩ gì nữa. Em xin lỗi. Em điên rồi. Em biết! Em điên rồi. Đừng để bọn trẻ phải gánh chịu chuyện đó. Đánh em đi. Đánh em đi. Đánh mạnh hết sức vào. Mình đánh mạnh hết sức vào! Chúng ta có thể đi ngay khỏi

đây nêu mình muốn.”

Con tuyệt vọng của vợ khiến gã chồng chùn bước.

“Không, không,” hấn nói. “Đây là điều may mắn. Nên cứ làm theo ý may đi.”

Hấn hành động như thể là sắp với đến chỗ Mikkelína, lúc này con bé đang nằm bên cạnh Símon, nhưng người mẹ đã chụp lấy tay hấn, khiếp đảm như mất trí.

“Mình nhìn này,” cô nói rồi tự đánh vào mặt mình. “Mình nhìn này.” Cô giật tung tóc ra. “Mình nhìn này.” Cô ngồi dậy và tự xô mình vào thanh ngang đầu giường, rồi không hiểu vô tình hay cố ý, cô ngã lăn ra, sụp xuống trước mặt chồng và bất tỉnh.

Họ khởi hành vào sáng sớm hôm sau. Cô đã làm việc cho nhà máy chế biến cá được mấy ngày nên hẳn đi đòi tiền công của cô. Trong lúc làm việc ở sân muối, cô có điều kiện để mắt đến các con mình vì chúng chơi ở gần đó hoặc ở trong phòng. Gã chồng giải thích với ông quản đốc rằng họ chuẩn bị quay về Reykjavík. Họ đã nhận được tin báo nên phải thay đổi kế hoạch và vợ mình phải được nhận tiền lương. Ông đốc công viết nguệch ngoạc mấy chữ trên một tờ giấy rồi chỉ đường cho hắn đến văn phòng. Ông ấy nhìn cô khi đưa cho cô mẫu giấy. Dường như cô muốn nói điều gì đó. Ông ấy lại hiểu nhầm nỗi sợ hãi của cô là sự xấu hổ.

“Cô không sao chứ?” người đốc công hỏi.

“Cô ấy ồn cả,” hấn trả lời thay và khệnh khạng bước đi, kéo theo cả vợ.

Khi họ quay trở lại căn hộ dưới tầng hầm ở Reykjavík, hấn không động vào cô. Cô đứng trong phòng khách, mặc cái áo khoác đã sờn và tay xách va li, đón chờ một trận đòn nhớ đời. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Việc cô tự đánh mình khiến hấn ngạc nhiên. Thay vì đi nhờ người giúp đỡ, hấn cố gắng chăm sóc cô và làm cho cô tỉnh lại, hành động chăm sóc đầu tiên mà hấn dành cho cô từ khi họ cưới nhau. Khi cô tỉnh lại, hấn nói rằng cô phải hiểu là cô không bao giờ được rời bỏ hấn. Hấn sẽ giết chết cô và hai đứa bé. Cô là vợ hấn và sẽ luôn như vậy.

Luôn luôn như vậy.

Sau lần đó, cô không bao giờ dám bỏ trốn nữa.

Nhiều năm trôi qua. Dự định trở thành một ngư dân của hắn trở thành con số không chỉ sau có ba chuyến ra khơi. Hắn bị say sóng nặng, không thể tránh nổi chuyện đó. Hơn tất cả, hắn thấy mình sợ biển, và ngay cả chuyện đó hắn cũng không vượt qua được nốt. Hắn sợ con thuyền sẽ chìm, sợ rơi khỏi thuyền, sợ thời tiết dữ. Trong chuyến ra khơi cuối cùng của hắn, con thuyền gặp phải một cơn bão, tin là con thuyền sẽ lật, hắn ngồi khóc hu hu, nghĩ rằng mình đã đến ngày tận số. Sau đó, không bao giờ hắn đi biển nữa.

Dường như hẳn không thể cư xử dịu dàng với cô. May mắn lắm hẳn mới đối xử với cô một cách hoàn toàn lãnh đạm. Hai năm đầu mới cưới nhau, hẳn còn tỏ vẻ hối hận vì đã đánh vợ hoặc chửi rửa vợ, một cách thành thật đến mức cô đã òa lên khóc. Nhưng thời gian trôi đi, hẳn không còn biểu hiện bất cứ một dấu hiệu nào của sự ăn năn nữa, như thể những điều hẳn làm với vợ đã không còn là bất thường hay là một sự méo mó trong mối quan hệ giữa họ nữa, giờ đây nó đã trở thành một thứ gì cần thiết và đúng đắn. Đôi khi cô hiểu, và ngay cả bản thân chồng cô cũng hiểu rất rõ, rằng những bạo lực mà hẳn đổ lên đầu cô, hơn hết thảy, chính là biểu hiện của sự hèn kém trong con người hẳn. Rằng hẳn càng đánh

vợ, hấn càng trở nên tồi tệ. Hấn đổ lỗi đó cho vợ, hét lên rằng lỗi là ở cô, vì đã khiến hấn phải cư xử với cô như thế. Cô là người buộc hấn phải làm như thế.

Hai vợ chồng cô có rất ít bạn bè, và chẳng bao giờ chia sẻ gì với họ, chẳng bao lâu sau khi hai vợ chồng quay về chung sống, cô bị cô lập. Thi thoảng lắm cô mới gặp những người bạn hồi còn đi làm, nhưng cô không hề dả động gì đến những trận đòn cô phải hứng chịu từ chồng mình, và rồi dần dần cô mất liên lạc với họ. Cô cảm thấy xấu hổ. Xấu hổ vì bị đánh đập trong những lúc không ngờ đến nhất. Xấu hổ vì đôi mắt thâm quầng, đôi môi nứt toác, cả những vết bầm tím toàn thân nữa. Xấu hổ vì cuộc đời cô đang sống mà người ngoài nhìn

vào không thể hiểu được, thậm chí còn thấy kinh tởm. Cô muốn che giấu đi chuyện đó. Muốn giấu mình trong cái nhà tù mà chồng mình đã tạo cho mình, ném chìa khóa đi và hy vọng rằng sẽ không có ai tìm thấy nó. Cô phải chấp nhận sự bạc đãi của chồng. Phải chăng đó là số phận bất cô phải vậy, bất biến và vô điều kiện?

Những đứa trẻ là tất cả với cô. Thực tế, chúng đã trở thành bạn của cô, là lí do để cho cô sống, đặc biệt là Mikkelína, thêm cả Símon nữa khi nó đã lớn lên và đứa con trai thứ hai tên là Tomás. Cô tự đặt tên cho các con. Gã chồng chỉ để ý đến chúng khi hấn than phiền về chúng, về lượng thực phẩm chúng ăn, tiếng ồn chúng gây ra vào ban

đêm. Bọn trẻ phải chịu đựng những bạo lực mà người bố dồn lên đầu mẹ và chúng là nguồn an ủi quý giá nhất của mẹ chúng những lúc cần.

Hắn lấy đi của cô chút lòng tự trọng cuối cùng mà cô có. Với bản tính kín đáo và trầm lặng, cô luôn sẵn sàng làm hài lòng mọi người, rất tốt bụng, hay giúp đỡ và thậm chí là ngoan ngoãn. Cô luôn mỉm cười ngượng ngịu khi có ai nói chuyện với mình và phải cố gắng lắm để không tỏ ra xấu hổ. Chính sự yếu đuối đó đã tiếp thêm cho gã chồng nguồn sức mạnh thôi thúc hắn phải hành hạ vợ cho đến khi cô chẳng còn gì cho riêng mình nữa. Toàn bộ sự tồn tại của cô chỉ xoay quanh hắn ta. Chiều theo những ý thích nhất thời của hắn. Phục vụ hắn. Cô đã không còn

tự chăm sóc mình như ngày xưa nữa. Cô thôi không tắm giặt thường xuyên, thôi để ý đến vẻ bề ngoài của mình. Những vết quầng xuất hiện bên dưới mắt, mặt cô bắt đầu xệ xuống và từ đầu đến chân cô bao trùm một vẻ u buồn, người cô dần khom xuống, đầu cúi xuống ngực như thể không dám ngẩng lên nhìn lâu. Mái tóc dày mượt của cô giờ đây không còn sức sống, bần thũ và dính bết vào da đầu. Cô tự cắt tóc cho mình bằng một cái kéo dùng trong nhà bếp khi cảm thấy nó đã quá dài.

Hoặc khi hấn cảm thấy nó đã quá dài.

Một người đàn bà xấu xí và nhếch nhác.

6

Các nhà khảo cổ lại tiếp tục công việc khai quật vào sáng hôm sau sau khi tìm thấy các mẫu xương. Hai viên cảnh sát tuần tra tối hôm trước đã chỉ cho họ chỗ Erlendur phát hiện ra bàn tay và Skarphédinn tức điên lên khi thấy Erlendur đã móc đất lên. Thật là những kẻ nghiệp dư ngu ngốc, người ta nghe thấy ông ta làm bầm như thế lúc chiều muộn. Đối với Skarphédinn, mỗi cuộc khai quật là một nghi lễ long trọng trong đó đất phải được tách ra theo từng lớp, cho đến khi toàn bộ lịch sử của những điều nằm bên dưới hiện ra ánh sáng và bí mật được hé lộ ra. Mọi chi tiết đều quan trọng, mỗi nắm đất cũng có thể chứa

đựng những chứng cứ mang tính sống còn, và những kẻ kém hiểu biết rất có thể phá hủy những dữ liệu quan trọng đó.

Ông ta thuyết giảng toàn bộ những điều này cho Elínborg và Sigurdur Óli nghe, mặc dù họ chẳng làm điều gì sai trái khi ra lệnh cho đội của mình. Công việc tiến hành rất chậm vì những phương pháp khảo cổ tốn công này. Dây được chằng ra hết chiều dài và bề rộng của khu vực, đánh dấu thành các ô theo một hệ thống cụ thể. Mỗi bận tâm chủ yếu là phải giữ cho vị trí của bộ xương không di chuyển trong suốt quá trình khai quật; họ phải chắc chắn rằng bàn tay đó không nhúc nhích ngay cả khi họ quét bụi đất khỏi nó, và phải xem xét cẩn thận từng cục đất nhỏ.

“Tại sao bàn tay đó lại nhô lên khỏi mặt đất thế?” Elínborg hỏi Skarphédinn, cô ngăn ông ta lại khi ông này đang băng qua.

“Không thể nói được,” Skarphédinn đáp. “Trong trường hợp tồi tệ nhất, người nằm dưới đó có thể vẫn còn sống khi anh ta bị phủ đất lên và cố gắng chống cự. Cố gắng đào đường thoát ra.”

“Còn sống!” Elínborg rên rỉ. “Đào đường thoát ra ư?”

“Điều đó chưa hẳn đã chính xác. Chúng ta không thể loại trừ khả năng là bàn tay ở vị trí đó khi thi thể được đưa xuống đất. Bây giờ còn quá sớm để có thể khẳng định điều gì.”

Sigurður Óli và Elínborg rất ngạc nhiên khi thấy Erlendur không xuất hiện tại cuộc khai quật. Erlendur vẫn lập di và không thể đoán trước được như thường thấy, họ cũng biết rằng ông rất quan tâm đến những người bị mất tích, trong cả quá khứ và hiện tại, và bộ xương nằm dưới đất này có thể là chìa khóa giải quyết cho một vụ mất tích trước đây mà Erlendur rất để tâm khi đọc được từ một đồng tài liệu khô khan. Khi đã quá trưa, Elínborg gọi vào máy bàn ở nhà cũng như di động cho ông, nhưng không có kết quả gì.

Khoảng hai giờ chiều, điện thoại của Elínborg reo.

“Cô có ở đó chứ?” Một giọng trầm

vang lên, và cô nhận ra người gọi ngay lập tức.

“Ông đang ở đâu thế?”

“Tôi đang kẹt. Cô có ở chỗ họ đang khai quật không?”

“Có.”

“Cô có thấy những bụi cây không? Tôi nghĩ chúng là cây lý chua. Cách khu móng nhà khoảng ba mươi mét về phía đông, xếp thành một hàng gần như thẳng về phía nam.”

“Bụi cây lý chua ư?” Elínborg liếc mắt nhìn quanh để tìm mấy bụi cây.

“Có,” cô đáp, “tôi thấy rồi.”

“Chúng được trồng cách đây lâu rồi.”

“Phải.”

“Kiểm tra xem tại sao. Xem có ai từng sống ở đó không. Cô đi xuống Ủy ban Quy hoạch Đô thị và lấy cho tôi mấy cái bản đồ về khu vực này, kể cả ảnh chụp trên không nếu có. Hãy tra cứu thêm sổ sách từ đầu thế kỷ cho đến ít nhất là năm 1960. Có thể là cả thời gian sau đó nữa.”

“Ông nghĩ là trước đây từng có một ngôi nhà trên đồi này à?”

Elínborg nói và nhìn quanh. Cô không buồn che giấu sự hoài nghi của mình.

“Tôi nghĩ là chúng ta phải làm rõ điều đó. Sigurdur Óli đang làm gì thế?”

“Anh ta đang truy cập vào các dữ liệu về những người bị mất tích từ Thế chiến

thứ Hai, bắt đầu từ đó. Anh ta đang chờ ông đấy. Sigurdur Óli nói rằng ông thích những chuyện đại loại thế.”

“Tôi vừa mới nói chuyện với Skarphédinn và ông ta nói rằng mình còn nhớ ở đây từng có một doanh trại, ở bên kia, chỗ dốc phía nam đèo Grafarholf, trong thời chiến. Bây giờ chỗ đó đã biến thành một sân golf.”

“Một doanh trại ư?”

“Một doanh trại của Anh hay Mỹ gì đó. Của quân đội. Ông ta không nhớ được tên. Cô cũng cần phải kiểm chứng lại thông tin đó nữa. Xem bên Anh có báo cáo về vụ lính mất tích khỏi doanh trại nào không. Hay quân đội Mỹ có tiếp quản doanh trại đó không.”

“Anh? Mỹ? Trong chiến tranh? Hượm đã nào, tôi phải tìm những thông tin đó ở đâu?” Elínborg hỏi đầy ngạc nhiên. “Khi nào người Mỹ tiếp quản sau người Anh chứ?”

“1941. Đó có thể là một kho quân nhu. Dù thế nào, đó cũng là những điều Skarphédinn nghĩ. Còn những ngôi nhà gỗ trên đồi và xung quanh đó nữa. Không biết có người nào bị mất tích mà liên quan đến chúng không. Thậm chí chỉ là các câu chuyện kể hay những mối nghi vấn. Chúng ta cần phải nói chuyện với chủ nhân của những ngôi nhà đó.”

“Có quá nhiều việc phải làm với mấy mẩu xương cũ rồi đây,” Elínborg nói một cách cáu kỉnh trong khi đá vào những

viên sỏi xung quanh móng nhà nơi cô đứng. “Ông đang làm cái gì thế?” sau đó cô hỏi, gần như với vẻ cáo buộc.

“Cô không cần phải bận tâm,” Erlendur nói rồi tắt máy.

Ông quay trở lại phòng chăm sóc đặc biệt, mặc một cái áo blu bằng giấy mỏng màu xanh lục, miệng bịt khẩu trang. Eva Lind đang nằm trên một chiếc giường lớn trong một phòng đơn của khu điều trị. Người con bé được nối với đủ loại máy móc thiết bị mà Erlendur chưa từng nhìn thấy bao giờ, một chiếc mặt nạ oxy che kín mặt và mũi nó. Ông đứng bên đầu giường, nhìn xuống con gái. Con ông đang trong cơn hôn mê, vẫn chưa tỉnh lại.

Trên mặt nó có một vẻ bình thản ngự trị mà trước đây ông chưa từng thấy. Một sự yên lặng xa lạ đối với ông. Khi con bé nằm như thế, những đường nét trên khuôn mặt nó hiện ra rõ hơn, lông mày sắc hơn, da hai bên gò má kéo căng ra, còn đôi mắt thì chìm sâu vào hai hốc.

Ông đã gọi xe cứu thương khi không thể giúp Eva Lind tỉnh lại ở nơi nó nằm trước nhà hộ sinh cũ. Cảm thấy mạch đập nhẹ nhẹ, ông khoác áo lên mình con, cố gắng giữ gìn cho con hết sức có thể nhưng vẫn không dám xê dịch nó. Điều tiếp theo mà ông biết là chiếc xe cứu thương xuất hiện, vẫn là chiếc xe đã đến Tryggvagata, với cùng một ông bác sĩ. Họ nhẹ nhàng chuyển Eva Lind lên cáng và đẩy vào trong xe, rồi cái xe lao vút đi

trên đoạn đường ngắn dẫn đến bệnh viện
Tai nạn và Cấp cứu.

Con bé được phẫu thuật ngay lập tức,
ca phẫu thuật gần như kéo dài suốt đêm
hôm đó. Erlendur đi lại trong một phòng
chờ nhỏ đằng trước phòng phẫu thuật, tự
hỏi không biết có nên cho Halldóra biết
không. Ông ngần ngại khi phải gọi điện
cho vợ cũ. Cuối cùng ông cũng tìm ra
được một giải pháp. Ông gọi Sindri
Snaer dậy, báo cho nó biết tin tức về chị
nó và bảo nó báo cho mẹ nó biết để bà
ấy vào viện thăm Eva Lind. Hai bố con
họ trao đổi với nhau một vài câu. Sindri
không có ý định trở về thành phố sớm, nó
thấy không cần thiết phải quay về chỉ vì
Eva Lind. Rồi cuộc nói chuyện kết thúc.

Erlendur đột hết điều này đến điều khác mặc dù ngay bên trên có tấm biển đề “Nghiêm cấm hút thuốc lá”, ông cứ hút như thế cho đến khi có một bác sĩ phẫu thuật đeo khẩu trang đi qua và quở trách ông vì đã vi phạm nội quy. Khi ông ta đi rồi, chuông điện thoại của Erlendur chợt vang lên. Sindri gọi cho ông để nói lại lời nhắn của Halldóra: “Tốt hơn là nên để Erlendur tự thực hiện trách nhiệm của mình một lần đi.”

Sáng hôm sau, ông bác sĩ trưởng ca phẫu thuật trao đổi với Erlendur. Chẩn đoán của họ về tình trạng sức khỏe con bé là không được tốt lắm. Họ không thể cứu được đứa bé trong bụng cô và ngay cả bản thân Eva Lind cũng khó lòng qua khỏi. “Tình trạng của cô ấy rất xấu,” ông

bác sĩ nói. Ông ta cao nhưng gầy, khoảng bốn mươi tuổi.

“Tôi hiểu,” Erlendur nói.

“Thiếu ăn kéo dài và lạm dụng ma túy. Đứa bé không có nhiều cơ hội được sinh ra khỏe mạnh nên... mặc dù nói ra điều đó thật độc ác nhưng...”

“Tôi hiểu mà,” Erlendur đáp.

“Cô ấy có bao giờ cân nhắc đến chuyện phá thai không? Trong những trường hợp như thế này...”

“Con bé muốn sinh đứa trẻ,” Erlendur đáp. “Nó nghĩ rằng đứa trẻ sẽ có thể giúp nó, và tôi cũng động viên nó nữa. Con bé muốn dừng lại. Đó là một phần nhỏ bé trong con người Eva Lind muốn

thoát ra khỏi cái địa ngục này. Một phần nhỏ bé đôi khi lộ ra và muốn từ bỏ tất cả. Nhưng thông thường thì có một Eva hoàn toàn khác ngự trị. Dữ tợn và nhẫn tâm. Một Eva nào đó luôn tìm cách tránh né tôi. Một Eva nào đó luôn đi tìm kiếm sự hủy hoại này, địa ngục này.”

Nhận ra là mình đang nói với một người đàn ông hoàn toàn không quen biết, Erlendur lại yên lặng.

“Tôi có thể hiểu được nỗi khó khăn của các bậc cha mẹ khi phải trải qua chuyện này,” ông bác sĩ nói.

“Chuyện gì đã xảy ra thế?”

“Placenta abruptio. Một chứng xuất huyết ồ ạt bên trong, xảy ra khi nhau thai

bị rách kết hợp với những tác nhân độc hại, chúng tôi vẫn đang chờ kết quả. Cô ấy mất quá nhiều máu và chúng tôi vẫn chưa giúp cô ấy tỉnh lại được. Điều đó không có mấy ý nghĩa trong hoàn cảnh này. Cô ấy thực sự rất yếu.”

Sau khi ngừng lại một lát, ông bác sĩ tiếp tục, “Ông đã liên lạc với người thân của mình chưa? Như thế họ có thể san sẻ với ông hay...”

“Chẳng có ai là ‘người thân’ của tôi cả”, Erlendur đáp. “Chúng tôi đã ly hôn rồi. Mẹ con bé và tôi ấy. Tôi đã báo cho bà ấy biết. Cả em trai của Eva nữa. Nó đang làm việc ở vùng nông thôn. Tôi không biết liệu mẹ nó có đến đây không. Có vẻ như bà ấy đã chịu đựng quá đủ

rồi. Cuộc sống đã rất khắc nghiệt với bà ấy. Luôn luôn là như vậy.”

“Tôi hiểu.”

“Tôi không cho là thế,” Erlendur nói. “Đến bản thân tôi còn không hiểu được nữa là.”

Ông lấy hai túi nhựa nhỏ và một hộp thuốc trong túi áo ra đưa cho bác sĩ.

“Con bé có thể đã dùng thứ này,” ông nói.

Ông bác sĩ cầm lấy những viên thuốc và nhìn chúng.

“Chất kích thích à?”

“Trông giống thế.”

“Đó là một cách giải thích. Chúng tôi

nhận được một số chất trong máu cô ấy.”

Erlendur lưỡng lự. Trong một thoáng, cả ông và ông bác sĩ không nói gì với nhau.

“Ông có biết cha đứa bé là ai không?” ông bác sĩ tiếp tục.

“Không.”

“Ông có nghĩ là cô ấy biết không?”

Erlendur nhìn ông ta và nhún vai bất lực.

Sau đó họ lại yên lặng.

“Con bé sắp chết phải không?”

Erlendur hỏi sau một thoáng.

“Tôi không biết,” ông bác sĩ đáp.

“Chúng ta chỉ có thể hy vọng vào điều tốt đẹp nhất.”

Erlendur do dự khi đặt câu hỏi. Ông đã phải vật lộn với nó, ghê sợ nó, mà không tìm ra được câu trả lời. Ông không dám chắc mình có muốn yêu cầu chuyện đó hay không. Cuối cùng, ông làm tới.

“Tôi có thể thấy nó được không?”

“Nó ư? Ý ông là...?”

“Tôi có thể xem cái bào thai được không? Tôi có thể nhìn đứa bé được không?”

Ông bác sĩ nhìn Erlendur mà không hề mảy may tỏ ra ngạc nhiên, trên mặt ông chỉ tràn ngập sự thông cảm. Ông gật đầu và bảo Erlendur đi theo mình. Họ đi dọc

một hành lang dẫn vào một căn phòng trống. Ông bác sĩ nhấn nút và bóng đèn huỳnh quang trên trần nhà lập lòe một lúc trước khi bùng lên thứ ánh sáng trắng tỏa khắp căn phòng. Ông ta bước đến một cái bàn kim loại lạnh lẽo và nhắc tấm vải lên, để lộ ra xác của một em bé.

Erlendur nhìn xuống và vuốt ngón tay dọc theo má đứa trẻ.

Đó là một bé gái.

“Con gái tôi sẽ qua cơn hôn mê chứ? Ông có thể khẳng định với tôi điều đó không?”

“Tôi không biết,” ông bác sĩ nói.
“Không thể nói chắc được. Tự bản thân cô ấy sẽ phải vượt qua. Nó phụ thuộc rất

nhiều vào cô ấy.”

“Tội nghiệp con bé,” Erlendur nói.

“Người ta nói rằng thời gian sẽ chữa lành mọi vết thương,” ông bác sĩ nói khi ông thấy Erlendur sắp không kiềm chế được mình. “Điều đó đúng cả với thể xác và tinh thần.”

“Thời gian,” Erlendur đáp trong lúc kéo cái mền phủ lên người đứa bé, “...chẳng chữa lành được vết thương nào cả.”

Ông ngồi bên giường bệnh con gái đến tận sáu giờ tối. Halldóra không xuất hiện. Sindri Snaer cũng không vào thành phố. Chẳng còn ai khác nữa. Tình trạng của Eva Lind vẫn không có gì thay đổi. Erlendur vẫn chưa ăn uống, nghỉ ngơi gì suốt từ ngày hôm trước, và lúc này ông đã kiệt sức. Ông liên lạc với Elínborg qua điện thoại suốt cả ngày và quyết định sẽ gặp cô và Sigurdur Óli ở cơ quan. Ông vuốt nhẹ má con gái, hôn lên trán nó rồi đi ra.

Ông không nói gì về những chuyện xảy ra đêm hôm trước khi ngồi bàn bạc với Sigurdur Óli và Elínborg buổi tối hôm đó. Hai người họ đã nghe tin đồn về việc

xảy ra với con gái ông, nhưng họ không dám hỏi.

“Họ vẫn đang cào xuống chỗ bộ xương theo cách của họ,” Elínborg nói. “Công việc diễn tiến quá chậm. Tôi nghĩ bây giờ họ đang dùng đến những cái tằm rồi. Bàn tay mà ông tìm thấy đã nhô lên khỏi mặt đất, họ đang cào đến chỗ cổ tay. Nhân viên y tế đã kiểm tra nó, nhưng điều chắc chắn duy nhất mà ông ta có thể nói được đó là người chết có đôi bàn tay khá nhỏ. Chẳng có gì hay ho cho lắm. Máy nhà khảo cổ vẫn chưa tìm ra được gì trong đất để xác minh xem chuyện gì đã xảy ra hay ai bị chôn dưới đó. Họ sẽ đào sâu xuống dưới thân của bộ xương vào chiều tối ngày mai, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta sẽ có bất kỳ

một câu trả lời chính xác nào về chuyện người đó là ai. Tất nhiên, chúng ta sẽ phải tìm câu trả lời ở những nơi khác nữa.”

“Tôi đã nghiên cứu các số liệu thống kê về những người bị mất tích trong khu vực Reykjavík,” Sigurdur Óli nói. “Có hơn bốn mươi trường hợp mất tích từ những năm ba mươi đến những năm bốn mươi mà đến nay vẫn chưa giải quyết được, và có thể đây là một trong số những vụ như thế. Tôi đã sắp xếp dữ liệu theo giới tính và tuổi, bây giờ tôi đang chờ báo cáo của bác sĩ về bộ xương.”

“Ý anh là có ai đó ở trên đồi bị mất tích ư?” Erlendur hỏi.

“Không phải theo địa chỉ trong hồ sơ

của cảnh sát,” Sigurdur Óli đáp, “mặc dù tôi vẫn chưa tìm hết. Có một số tên vùng mà tôi không biết. Khi chúng ta đã khai quật được bộ xương lên và có số liệu chính xác về tuổi, khổ người và giới tính từ các bác sĩ, chúng ta sẽ rút ngắn được danh sách đi một chút. Tôi nghĩ rằng đó là một người ở Reykjavík. Đó không phải là một giả thuyết có lý sao?”

“Ông bác sĩ đâu rồi?” Erlendur hỏi.
“Ông bác sĩ của chúng ta ấy?”

“Ông ấy đi nghỉ rồi,” Elínborg đáp.
“Ở Tây Ban Nha.”

“Cô đã kiểm tra xem trước đây có ngôi nhà nào ở gần những bụi cây kia chưa?” Erlendur hỏi cô.

“Nhà nào cơ?” Sigurdur Óli hỏi.

“Chưa, tôi vẫn chưa tìm hiểu chuyện đó,” Elínborg đáp. Cô nhìn Sigurdur Óli. “Erlendur nghĩ rằng trước đây ở phía bắc của ngọn đồi từng có nhà ở đó, còn phía nam là doanh trại quân đội Mỹ. Ông ấy muốn chúng ta nói chuyện với tất cả những người chủ nhà trong khu vực từ Reynisvatn và hỏi chuyện cả bà của họ nữa. Sau đó tôi được yêu cầu phải đến một lễ cầu hồn và nói chuyện với Churchill.”

“Và đó mới chỉ là bước ban đầu,” Erlendur nói. “Giả thuyết của các bạn về bộ xương là gì?”

“Đó không phải rõ ràng là một vụ giết người sao?” Sigurdur Óli nói. “Xảy ra

cách đây nửa thế kỷ hoặc hơn. Bị chôn trong đất suốt ngàn ấy thời gian mà không ai biết một điều gì.”

“Anh ta, hay nói khác đi, người này,” Elínborg tự chữa, “rõ ràng là đã bị chôn đi để che giấu một tội lỗi nào đó. Tôi nghĩ chúng ta có thể khám phá ra chuyện đó khi đọc đồng hồ sơ tại cơ quan.”

“Việc không một ai biết là không đúng,” Erlendur nói. “Lúc nào cũng phải có ai đó biết một vài điều gì đó.”

“Chúng ta biết rằng xương sườn đã bị gãy,” Elínborg nói. “Đó chắc hẳn là dấu hiệu của sự vật lộn.”

“Thế ư?” Sigurdur Óli hỏi.

“Sao nào, không phải à?”

“Việc chôn dưới đất không thể gây ra chuyện đó ư?” Sigurdur Óli hỏi lại.

“Trọng lượng của đất ấy. Thậm chí là việc thời tiết thay đổi. Rồi hiệu ứng băng đóng – băng tan nữa. Tôi đã nói chuyện với nhà địa chất mà cô gọi và ông ta có nói vài điều về chuyện đó.”

“Chắc chắn là phải có ẩu đả nên người này mới bị chôn. Điều đó đã rõ, đúng không?” Elínborg nhìn Erlendur và thấy ông đang suy nghĩ tận đâu đâu.

“Erlendur? Ông có nghĩ thế không?”

“Nếu đây là một vụ giết người,” Erlendur nói khi quay trở lại thực tại.

“Nếu đây là một vụ giết người ư?” Elínborg hỏi.

“Chúng ta chẳng biết gì về chuyện đó cả,” Erlendur đáp. “Có thể đây là mảnh đất chôn cất của một gia đình nào đó ngày xưa. Có thể họ không có đủ tiền cho một đám tang. Có thể đó là xương của một người già cả nào đó chết và được chôn ở đó mà tất cả mọi người đều biết. Có thể xác chết đã được đặt ở đó cách đây hàng trăm năm. Có thể là năm mươi. Điều mà chúng ta cần là một hướng đi đúng đắn. Rồi khi đó chúng ta nói dông dài bao nhiêu cũng được.”

“Không phải luật đã yêu cầu là anh phải chôn người chết ở những khu đất linh thiêng ư?” Sigurdur Óli nói.

“Tôi nghĩ anh có thể được chôn ở bất cứ nơi nào anh muốn,” Erlendur nói,

“biết đâu ai đó đang chuẩn bị có được anh trong vườn nhà họ đấy.”

“Thế còn về bàn tay chĩa lên mặt đất thì sao?” Elínborg nói. “Đó không phải là dấu hiệu của một cuộc ẩu đả sao?”

“Có vẻ như vậy,” Erlendur nói. “Tôi cho rằng có điều gì đó đang được giữ bí mật suốt nhiều năm nay. Có người đã bị giải quyết và kẻ sát nhân không bao giờ nghĩ là anh ta sẽ bị phát hiện. Nhưng sau đó Reykjavík đã bắt kịp anh ta và bây giờ chuyện đó tùy thuộc vào việc chúng ta có khám phá ra chuyện gì đã xảy ra hay không.”

“Nếu anh ta... cứ cho là anh ta đi, người đàn ông Thiên Niên Kỳ...”
Sigurdur Óli nói, “nếu anh ta bị giết cách

đây ngàn ấy năm, biết đâu đến bây giờ hung thủ đã chết vì già rồi thì sao? Và nếu như hấn ta chưa chết, hấn ta cũng đã ngấp nghé xuống mồ rồi. Vì thế sẽ thật là nực cười nếu chúng ta lần ra và trừng phạt hấn vì tội lỗi của mình. Tất cả những người có liên quan đến vụ việc này có thể đã chết nên chúng ta sẽ không có nhân chứng ngay cả khi chúng ta tìm ra chuyện gì đã xảy ra. Do đó...”

“Ý cậu là sao?”

“Liệu chúng ta có nên tiếp tục cuộc điều tra này không? Ý tôi là, có đáng phải làm thế không?”

“Ý cậu là hãy cứ quên nó đi chứ gì?” Erlendur hỏi. Sigudur Óli nhún vai đầy thờ ơ.

“Một vụ giết người là một vụ giết người,” Erlendur nói. “Dù nó có xảy ra cách đây bao lâu đi chăng nữa, nếu đây là một vụ án mạng, chúng ta cần phải tìm ra chuyện gì đã xảy ra, ai đã bị giết và tại sao, kẻ sát nhân là ai. Chúng ta phải điều tra vụ này giống như các vụ án khác. Thu thập thông tin. Nói chuyện với người dân. May mắn ra, chúng ta sẽ tìm ra được một giải pháp.”

Erlendur đứng lên.

“Chúng ta chắc chắn phải tìm ra điều gì đó. Nói chuyện với chủ nhân của những ngôi nhà gỗ kia và bà của họ nữa.” Ông nhìn Elínborg. “Tìm hiểu xem liệu có ngôi nhà nào ở gần những bụi cây đó không. Hãy để tâm đến chuyện đó.”

Ông gửi họ một lời chào tạm biệt lơ đãng rồi đi ra phía cầu thang. Elínborg và Sigurdur Óli đưa mắt nhìn nhau, Sigurdur Óli hát đầu về phía cửa. Elínborg đứng lên và đi theo Erlendur.

“Erlendur,” cô gọi giật ông lại.

“Gì thế?”

“Eva thế nào rồi?” cô ngập ngừng hỏi.

Erlendur nhìn cô nhưng không nói gì.

“Chúng tôi đã nghe chuyện đó ở đồn. Chuyện xảy ra thật đau lòng. Nếu Sigurdur Óli và tôi có thể làm được điều gì giúp ông, ông cứ nói nhé.”

“Không cần đâu,” Erlendur nói đầy mệt mỏi. “Con bé đang nằm ở khu điều trị và không ai có thể làm được gì cả.”

Ông ngậm ngừng. “Tôi đã bước vào thế giới của nó khi tôi đi tìm nó. Tôi biết một chút vì tôi đã từng đến mấy chỗ đó trước đây, những con phố, những ngôi nhà đó, nhưng tôi chưa bao giờ hết ngạc nhiên về cuộc sống của con bé, cách nó hành hạ và ngược đãi bản thân. Tôi đã gặp cái lũ mà con bé giao du, những kẻ mà nó nhờ vả trong lúc tuyệt vọng, những kẻ mà nó đã làm cho họ những điều không thể tả được.” Ông dừng lại.

“Nhưng đó không phải là điều tồi tệ nhất. Không phải là những ngôi nhà bẩn thỉu, những kẻ lường gạt tâm thường hay những tên giao hàng ma túy. Những điều mẹ con bé nói thật đúng.”

Erlendur nhìn Elínborg.

“Tôi là phần tồi tệ nhất trong toàn bộ những điều này,” ông nói, “vì tôi là kẻ đã làm cho chúng trở nên tồi tệ.”

Khi Erlendur về đến nhà, ông ngồi vào một chiếc ghế bành, hoàn toàn kiệt sức. Ông đã gọi đến bệnh viện để hỏi về tình trạng của Eva Lind và người ta nói rằng con bé vẫn thế. Ông cảm ơn rồi tắt máy. Sau đó ông ngồi nhìn chăm chăm vào khoảng không, đắm chìm trong suy nghĩ. Ông nghĩ về Eva Lind đang nằm trong phòng chăm sóc đặc biệt, về vợ cũ của mình và sự căm hận vẫn đeo đẳng đời bà, về đứa con trai mà ông chỉ nói chuyện với nó khi có gì đó xảy ra.

Qua những dòng suy nghĩ, ông cảm nhận được sự yên lặng ngự trong suốt

cuộc đời mình. Cảm thấy sự cô độc bủa vây lấy mình. Gánh nặng của những ngày tẻ nhạt dồn lại với nhau thành một chuỗi dài không thể phá vỡ, nó bao bọc lấy ông, trói chặt lấy ông khiến ông ngạt thở.

Ngay trước lúc Erlendur chìm vào giấc ngủ, tâm trí ông lại trở về với những ngày thơ ấu, khi những ngày tươi sáng lại tới sau một mùa đông u ám, và cuộc sống của ông hồi ấy mới thật hồn nhiên, vô tư lự làm sao! Mặc dù rất hiếm khi, nhưng đôi lúc ông vẫn lẫn lộn vào trong sự bình yên của quá khứ, để rồi sau đó, rất nhanh thôi, ông lại cảm thấy tốt hơn.

Nếu ông có thể ngăn chặn được những mất mát.

Erlendur bắt đầu tỉnh dậy khi có ai đó

đã gọi cho ông được một lúc khá lâu, đầu tiên là điện thoại trong túi, sau đó là điện thoại đặt trên chiếc bàn cũ kỹ, đó là một trong số rất ít những đồ đạc bày biện trong phòng khách.

“Ông nói đúng,” Elínborg nói khi cuối cùng ông cũng nghe máy. “Ôi, tôi xin lỗi, tôi đã đánh thức ông dậy phải không?” cô hỏi. “Mới có mười giờ thôi mà,” cô nói thêm đầy hối lỗi.

“Tôi nói đúng về chuyện gì cơ?” Erlendur nói, vẫn chưa hoàn toàn tỉnh táo.

“Trước đây từng có một ngôi nhà ở đó. Gần những bụi cây ấy.”

“Bụi cây ư?”

“Bụi cây lý chua. Ở Grafarholt ấy mà. Nó được xây vào những năm 1930 và bị phá năm 1980. Tôi đã nhờ Ủy ban Quy hoạch Đô thị liên hệ với tôi ngay khi họ tìm ra thông tin và họ vừa mới gọi điện, họ phải mất cả buổi tối mới tìm ra nó đấy.”

“Loại nhà gì thế?” Erlendur hỏi đầy mệt mỏi. “Một ngôi nhà, chuồng ngựa, chuồng chó hay nhà gỗ?”

“Một ngôi nhà. Một loại nhà gỗ hay đại loại thế.”

“Từ năm nào?”

“Trước năm 1940.”

“Chủ ngôi nhà là ai?”

“Tên ông ta là Benjamín. Benjamín

Knudsen. Một thương nhân.”

“Là gì cơ?”

“Ông ta đã chết. Cách đây nhiều năm rồi.”

Rất nhiều chủ nhà trên mạn bắc của đồi Grafarholt đang bận rộn với những công việc lặt vặt để chuẩn bị cho mùa xuân của mình. Sigurdur Óli đi vòng xung quanh nhằm tìm ra một đường đi an toàn dẫn đến đỉnh đồi. Elínborg đi cùng anh ta. Có mấy người đang tĩa bốt giậu trước nhà, một số khác thì sơn lại nhà hoặc sửa hàng rào hoặc thắng yên cương và chuẩn bị cưỡi ngựa.

Lúc đó đang là giữa trưa, thời tiết dịu nhẹ và rất dễ chịu. Sau khi nói chuyện với một vài chủ nhà mà không có gì tiến triển, Sigurdur Óli và Elínborg chậm chậm tiến về phía những ngôi nhà gần ngọn đồi nhất. Với thời tiết đẹp như vậy,

họ không cần phải vội vã, cả hai tận hưởng cuộc du ngoạn ngoạn thành, đi tản bộ dưới ánh mặt trời và nói chuyện với chủ nhân của những ngôi nhà gỗ. Những người này rất ngạc nhiên khi thấy cảnh sát đến gặp mình vào thời điểm sớm như thế trong ngày. Một số người đã nghe qua tin tức về bộ xương tìm thấy trên đồi. Những người khác hoàn toàn không biết một chút gì.

“Cô ấy sẽ sống chứ, hay...?” Sigurdur Óli hỏi khi họ đã lên xe không biết bao nhiêu lần và lái đến ngôi nhà tiếp theo. Họ đã nói về Eva Lind trên đường đi ra khỏi thành phố và thường trở về chủ đề cũ.

“Tôi không biết,” Elínborg nói. “Tôi

không nghĩ là có ai đó biết. Thật là một cô gái đáng thương,” cô nói, sau đó trút ra một tiếng thở dài nã nê. “Cả ông ấy nữa,” cô nói thêm. “Tội nghiệp Erlendur.”

“Cô ấy là một con nghiện,” Sigurdur Óli nói một cách nghiêm túc. “Làm cho mình mang thai rồi say thuốc mà không quan tâm đến một thứ gì, kết cục là giết chết đứa bé. Tôi không thể thông cảm cho những loại người như thế. Tôi không thể hiểu và sẽ không bao giờ hiểu được họ.”

“Chẳng ai cần anh phải thông cảm cho họ cả,” Elínborg nói.

“Ồ, thật vậy sao? Khi người ta nói về những người như thế, tất cả những gì tôi

được nghe là khoảng thời gian khó khăn mà họ trải qua. Từ những gì tôi đã chứng kiến về họ...” anh ngừng lại. “Tôi không thể thông cảm với họ được,” anh nhắc lại. “Họ là những kẻ thất bại. Không hơn. Một lũ bất tài.”

Elínborg thở dài.

“Hoàn hảo quá trông như thế nào nhỉ? Luôn ăn mặc đẹp, mày râu nhẵn nhụi, áo quần là lượt với tấm bằng từ Mỹ, móng tay móng chân tĩa tót, không thèm quan tâm đến xung quanh mà chỉ chăm chăm kiếm ra đủ tiền để mua những vẻ bề ngoài hào nhoáng ấy sao? Anh không bao giờ mệt mỏi với những chuyện đó à? Anh không bao giờ mệt mỏi với chính mình à?”

“Không,” Sigurdur Óli nói.

“Thế thì có gì là sai khi bày tỏ một chút cảm thông với những người như thế chứ?”

“Họ là những kẻ kém cỏi, và cô cũng hiểu điều đó cơ mà. Cái lý do cô gái đó là con của một ông già không làm cho cô ấy tốt đẹp hơn so với những người còn lại. Cô ấy cũng giống như tất cả những kẻ ăn bám khác, lúc nào cũng phê thuốc trên đường rồi sau đó ngủ lấy sức ở trong các trung tâm phục hồi trước khi lại trở nên mệt mỏi, bởi vì đó là tất cả những gì mà cái lũ hãi hùng ấy muốn. Chỉ biết ăn không ngồi rồi và phê thuốc.”

“Anh và Bergthóra sống cùng nhau thế nào rồi?” Elínborg hỏi, sau khi đã từ bỏ

mọi hy vọng thay đổi quan điểm của anh ta về mọi thứ.

“Tốt thôi,” Sigurdur Óli nói đầy mệt mỏi khi dừng lại bên ngoài một ngôi nhà gỗ khác. Bergthóra đơn giản là sẽ không bao giờ tha cho anh. Cô ấy không bao giờ thỏa mãn, cả ban đêm cũng như buổi sáng hay giữa ban ngày, ở mọi vị trí hay góc ngách trong căn hộ của họ, trong nhà bếp, trong phòng tắm, thậm chí là phòng giặt là, hết nằm xuống rồi lại đứng lên. Và mặc dù lúc đầu anh đã thích thú với chuyện đó, nhưng dần dần anh để ý thấy mình bắt đầu chán và nghi ngờ động cơ của cô. Không phải vì cuộc sống gò bó của họ buồn tẻ, không bao giờ như thế. Nhưng trước đây cô ấy chưa bao giờ ham muốn hay cuồng nhiệt nhiều đến vậy.

Họ vẫn chưa trao đổi một cách nghiêm túc về vấn đề có con, mặc dù cả hai ăn ở với nhau đã lâu. Anh biết rằng Bergthóra vẫn dùng thuốc, nhưng anh không thể không cảm thấy rằng cô đang muốn trói chặt anh lại bằng cách có con. Cô không nhất thiết phải làm thế, bởi vì anh yêu cô thực sự và không mong muốn sống cùng ai khác. Nhưng phụ nữ thì luôn khó đoán, Sigurdur Óli thầm nghĩ. Anh sẽ không bao giờ biết được họ đang làm gì.

“Rất lạ là Cục Thống kê Quốc gia vẫn chưa có tên của bất kỳ người nào từng sống trong ngôi nhà đó, nếu có ai từng ở đó,” Elínborg vừa nói vừa bước ra khỏi xe. “Những ghi chép về giai đoạn đó rất hỗn độn. Reykjavík tràn ngập người trong và sau chiến tranh, việc đăng ký

gần như bị bỏ qua khi người ta chuyển đến. Và tôi nghĩ rằng họ đã làm mất một phần ghi chép về dân số. Ông ta nói rằng mình không thể tìm ra thông tin đó ngay lập tức được, người đàn ông nói chuyện với tôi ấy.”

“Có lẽ thực ra không có ai sống ở đó hết.”

“Không nhất thiết là họ ở đó lâu. Có thể họ đã ghi tên ở một nơi nào đó và không đăng ký địa chỉ mới. Có thể họ sống trên đồi vài năm chẳng hạn, thậm chí là vài tháng, trong đợt khủng hoảng nhà đất ấy, sau đó chuyển đến một trong số những ngôi nhà tạm được sửa chữa sau chiến tranh. Anh nghĩ thế nào về giả thuyết đó?”

“Y như một cái Burberry vậy.”

Người chủ nhà gặp họ ở cửa, đó là một người đàn ông rất già, dáng người dong dỏng, cử động khó nhọc với mái tóc mỏng bạc phơ, ông ta mặc một cái áo sơ mi màu xanh nhạt, bên trong mặc một chiếc áo lưới có thể nhìn thấy rất rõ, quần nhung kẻ màu xám và giày thể thao mới. Khi Elínborg nhìn thấy đồng rác bản bên trong, cô băn khoăn không biết ông ta có sống ở đó quanh năm không. Cô liền hỏi.

“Tôi biết cô sẽ hỏi điều đó,” ông già đáp trong lúc ngồi xuống cái ghế bành và ra hiệu mời họ ngồi xuống mấy cái ghế ở giữa căn phòng. “Tôi bắt đầu xây ngôi nhà này cách đây bốn mươi năm và

chuyên mọi đồ đạc về đây – ở ngôi nhà Lada cũ kỹ này cách đây năm năm. Hay là sáu năm nhỉ? Mọi thứ đã bắt đầu trở nên mù mờ với tôi rồi. Tôi không còn muốn sống ở Reykjavík nữa. Một nơi thật khủng khiếp, cái thành phố ấy, nên...”

“Hồi đó có ngôi nhà nào trên đồi này, có thể là một ngôi nhà gỗ mùa hè như thế này mà không được sử dụng đúng mục đích không ông?” Sigurdur Óli vội vàng hỏi vì không muốn phải nghe một bài thuyết giảng. “Ý cháu là, cách đây bốn mươi năm, khi ông bắt đầu xây nhà của mình ấy?”

“Một ngôi nhà gỗ mùa hè nhưng lại không phải là nhà gỗ mùa hè...?”

“Nó nằm phía bên này của quả đồi Grafarholt ấy ạ,” Elínborg nói. “Nó được xây dựng trước chiến tranh.” Cô nhìn ra bên ngoài cửa sổ. “Ông có thể trông thấy nó từ cửa sổ này.”

“Tôi nhớ là có một ngôi nhà ở đó, không quét sơn, chưa xây xong. Nó biến mất cách đây nhiều năm rồi. Đó chắc chắn là một ngôi nhà gỗ khá lớn, hoặc gần như là vậy, khá rộng, rộng hơn nhà tôi, nhưng rất bừa bộn. Gần như là sắp sập rồi. Cửa chính không còn, cửa sổ thì vỡ. Ngày trước, thỉnh thoảng tôi đi bộ lên đó khi vẫn còn hứng thú với việc câu cá. Nhưng tôi đã thôi lâu rồi.”

“Vậy không có ai trong ngôi nhà đó ạ?” Sigurdur Óli hỏi.

“Không, chẳng có ai trong đó cả. Không ai có thể sống ở đó. Nó gần như sập đến nơi rồi.”

“Vậy ngôi nhà đó chưa từng có người ở phải không? Theo như ông biết ấy?” Elínborg nói. “Ông không nhớ có ai ở ngôi nhà đó ạ?”

“Tại sao cô cậu lại muốn biết về ngôi nhà đó?”

“Chúng cháu tìm thấy một bộ xương người trên đồi,” Sigurdur Óli giải thích. “Ông không xem ti vi ạ?”

“Một bộ xương ư? Không. Của người sống trong ngôi nhà đó à?”

“Chúng cháu chưa biết. Chúng cháu vẫn chưa biết gì về lịch sử của ngôi nhà

và những người từng sống ở đó,” Elínborg đáp. “Chúng cháu đã biết người chủ ngôi nhà là ai, nhưng ông ta đã chết cách đây lâu rồi, đến bây giờ chúng cháu vẫn chưa tìm ra ai đăng ký sống trong ngôi nhà đó. Ông có nhớ những trại lính trong thời chiến ở bên kia đồi không? Ở phía nam ấy. Một kho quân sự hay tương tự như thế chẳng hạn?”

“Khắp nông thôn ở đâu chẳng có trại lính,” người đàn ông đáp. “Của cả người Anh và người Mỹ. Tôi không nhớ có cái nào ở trên đồi này, thời đó xảy ra trước khi tôi ra đời khá lâu. Hai người nên nói chuyện với Róbert ấy.”

“Róbert ạ?”

“Nếu như ông ấy chưa chết. Ông ấy là

một trong số những người đầu tiên dựng nhà trên ngọn đồi này. Tôi biết ông ấy từng ở trong một nhà dưỡng lão. Róbert Sigurdsson. Cô cậu đi tìm ông ấy xem, biết đâu ông ấy còn sống.”

Vì cửa chính không có chuông nên Erlendur phải lấy cả lòng bàn tay đập vào cánh cửa gỗ sồi dày cộp mới mong người bên trong nghe thấy. Trước đây ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của Benjamín Knudsen, một thương nhân ở Reykjavík, ông này đã chết vào đầu những năm 1960. Em trai và em gái của ông ta được thừa kế và chuyển đến ngôi nhà đó sau khi ông ta chết rồi sống ở đó đến cuối đời. Theo Erlendur được biết, cả hai người ấy đều độc thân, tuy nhiên người chị có một cô con gái. Bà ấy là

bác sĩ, bây giờ đang sống ở tầng giữa và thuê thêm những căn hộ ở bên trên và bên dưới tầng đó nữa. Erlendur đã nói chuyện với bà ấy qua điện thoại. Họ dự định sẽ gặp nhau vào buổi trưa.

Tình trạng sức khỏe của Eva Lind vẫn không có gì tiến triển. Erlendur tạt qua thăm con bé trước khi đi làm và ngồi cạnh giường nó một lúc lâu, ông quan sát những thiết bị hiển thị các tín hiệu sống của con gái, cả cái ống cắm vào miệng, vào mũi và tĩnh mạch của nó. Điện tâm đồ vẫn ổn định. Trong lúc đi ra khỏi phòng chăm sóc đặc biệt, ông nói chuyện với một bác sĩ, ông ta nói rằng vẫn chưa có biến chuyển gì về tình trạng sức khỏe của cô. Erlendur hỏi liệu mình có thể làm được gì hay không và ông bác sĩ đáp

rằng mặc dù con gái ông đang bị hôn mê, ông vẫn nên nói chuyện với con bé càng thường xuyên càng tốt. Để cho nó nghe thấy giọng nói của ông. Trong những trường hợp như vậy, thân nhân người bệnh nên làm thế để giúp họ vượt qua cú sốc. Đối với ông, Eva Lind chắc chắn vẫn còn sống nên ông cần phải đối xử với con bé đúng như thế.

Cánh cửa gỗ sồi cuối cùng cũng mở ra và một người phụ nữ khoảng sáu mươi tuổi chìa tay ra, tự giới thiệu mình là Elsa. Người bà mảnh dẻ, khuôn mặt thân thiện, trang điểm nhẹ, tóc bà nhuộm đen, cắt ngắn và vuốt sang một bên. Bà mặc quần bò và áo sơ mi trắng, không đeo nhẫn, vòng tay hay vòng cổ. Bà đưa ông vào phòng khách và mời ông ngồi. Bà rất

manh mẽ và tự tin.

“Vậy các ông nghĩ thế nào về những khúc xương đó?” bà hỏi sau khi nghe Erlendur nói về công việc của mình.

“Chúng tôi vẫn chưa biết, nhưng một giả thuyết đưa ra là chúng có liên quan đến ngôi nhà gỗ trước đây xây ở cạnh đó, từng thuộc quyền sở hữu của bác bà là ông Benjamín. Ông ấy có ở đây lâu không?”

“Hình như bác tôi chưa từng đến ngôi nhà đó,” bà nói nhỏ. “Đó là một bi kịch. Mẹ tôi thường kể với chúng tôi về vẻ đẹp trai và tài trí của bác ấy, về việc bác ấy gặp vận may như thế nào, nhưng rồi một ngày vị hôn thê của bác ấy bỗng dung biến mất. Hồi đó, bà ấy đang mang

thai.”

Tâm trí Erlendur hướng về con gái.

“Bác ấy bị suy sụp nặng, không còn quan tâm gì đến việc buôn bán, sau đó toàn bộ tài sản và mọi thứ khác tiêu tan, tôi nghĩ thế, cho đến khi tất cả những gì mà bác ấy còn lại là ngôi nhà này. Bác ấy chết đi giữa độ tuổi đẹp nhất của một đời người.”

“Bà ấy biến mất như thế nào, vợ chưa cưới của ông Benjamín ấy?”

“Người ta đồn rằng bà ấy đã nhảy xuống biển,” Elsa đáp. “Ít nhất thì đó là những gì mà tôi được nghe.”

“Bà ấy có bị chứng trầm cảm không?”

“Không thấy ai nhắc gì đến chuyện

đó.”

“Vậy không ai tìm thấy bà ấy sao?”

“Không. Bà ấy...”

Elsa ngừng lại giữa chừng. Dường như bà đã bắt kịp được suy nghĩ của ông nên bắt đầu nhìn ông chăm chăm, đầu tiên là hoài nghi, sau đó là đau khổ, choáng váng và tức giận, tất cả cùng diễn ra một lúc. Mặt bà đỏ lên.

“Tôi không tin ông.”

“Sao cơ?” Erlendur hỏi lại khi thấy bà đột ngột trở nên thù địch.

“Ông nghĩ đó là bà ấy. Bộ xương của bà ấy!”

“Tôi không nghĩ gì cả. Đây là lần đầu

tiên tôi nghe chuyện về người phụ nữ này. Chúng tôi không hề biết ai là người nằm dưới đó. Bây giờ còn quá sớm để nói được người đó là ai.”

“Vậy thì tại sao ông lại quan tâm đến bà ấy? Ông biết điều gì mà tôi không biết?”

“Không có gì cả,” Erlendur nói, đầy hoang mang. “Chuyện đó không tác động gì đến bà khi tôi nói cho bà biết về bộ xương sao? Bác bà có một ngôi nhà gần đó. Vợ chưa cưới của ông ấy mất tích. Chúng tôi tìm thấy một bộ xương. Đó không phải là một phương trình khó.”

“Ông bị điên à? Ông đang nghĩ rằng...”

“Tôi không nghĩ gì cả.”

“...rằng ông ấy đã giết bà ấy ư? Rằng bác Benjamín đã giết chết hôn thê của mình và chôn bà ấy mà không nói cho ai biết trong ngần ấy năm cho đến khi ông ấy chết đi ư? Rằng bác ấy là một người đàn ông bỏ đi ư?”

Elsa đứng lên và đi tới đi lui.

“Chờ một chút, tôi đã nói thế đâu,” Erlendur nói, tự hỏi liệu mình có thể khéo léo hơn không. “Tôi chưa nói gì cả,” ông nói.

“Ông nghĩ rằng đó là bà ấy ư? Bộ xương mà các ông tìm thấy ấy? Đó là bà ấy phải không?”

“Hoàn toàn không,” Erlendur nói mà

không có căn cứ. Ông chỉ muốn giúp bà bình tĩnh lại. Ông đã quá vụng về, đã nói ra một số điều mà không dựa trên một chứng cứ nào, và rồi bây giờ ông hối hận về điều đó. Tất cả đều quá đột ngột với bà ấy.

“Bà có biết điều gì về ngôi nhà đó không?” ông nói, cố gắng thay đổi chủ đề. “Có ai sống ở đó cách đây khoảng năm, sáu mươi năm không? Trong hoặc ngay sau chiến tranh ấy? Chúng tôi vẫn chưa tìm ra giấy tờ liên quan đến thông tin đó lúc này.”

“Lạy Chúa tôi, thật là kinh khủng!” Elsa rên rỉ, đầu óc ở tận đâu đâu. “Xin lỗi, ông vừa nói gì vậy nhỉ?”

“Ông ấy có thể đã cho thuê ngôi nhà

đó,” Erlendur nói nhanh. “Bác của bà ấy. Sau khi chiến tranh nổ ra ở Reykjavík thiếu nhà ở trầm trọng. Việc thuê nhà rộ lên và tôi cho rằng ông ấy có thể đã cho thuê nhà giá rẻ. Hoặc thậm chí là đã bán nó đi. Bà có biết gì về chuyện đó không?”

“Có, hình như ông ấy có nói đến chuyện cho thuê ngôi nhà đó, nhưng tôi không biết là nói với ai, nếu như ông đang muốn biết điều ấy. Thứ lỗi cho tôi vì đã cư xử như thế này. Chuyện này quá... Đó là loại xương gì vậy? Một bộ xương đầy đủ, của đàn ông, phụ nữ hay trẻ con?”

Khi đã bình tĩnh hơn và quay trở lại mạch câu chuyện, bà ngồi xuống và nhìn

ông với ánh mắt tò mò.

“Bộ xương dường như còn nguyên vẹn, nhưng chúng tôi vẫn chưa khai quật hết được,” Erlendur đáp. “Bác bà còn giữ lại giấy tờ liên quan đến việc kinh doanh hay tài sản của mình không? Bất kỳ thứ gì chưa bị vứt đi ấy?”

“Dưới tầng hầm có đủ thứ của ông ấy. Tất cả các loại giấy tờ và hộp đựng mà tôi chưa bao giờ dám bỏ đi hay sắp xếp lại. Bàn làm việc và một số ngăn kéo của bác ấy còn ở tầng dưới. Tôi sẽ để mắt đến chúng sớm.”

Elsa nói điều này với vẻ ân hận và Erlendur thắc mắc không biết bà có bằng lòng với số phận của mình hay không. Bà sống một mình trong một ngôi nhà lớn

được thừa kế lại. Ông nhìn quanh và có cảm giác rằng dường như cả cuộc đời bà cũng là một sự thừa kế.

“Bà có nghĩ rằng chúng ta...?”

“Xin ông cứ thoải mái. Ông cứ quan sát tự nhiên,” bà nói với nụ cười lơ đãng.

“Tôi đang băn khoăn một điều.”

Erlendur nói khi đứng lên. “Bà có biết tại sao ông Benjamín cho thuê nhà không? Ông ấy thiếu tiền hay sao? Ông ấy có vẻ không cần thiết phải cần nhiều tiền đến thế. Với ngôi nhà này. Với công việc kinh doanh của mình. Bà nói rằng cuối cùng ông ấy mất tất cả, nhưng trong chiến tranh ông ấy chắc hẳn phải sống một cuộc sống khá tươm tất và có khi

còn hơn thế chứ?”

“Vâng, có lẽ bác tôi không cần tiền.”

“Vậy lý do là gì?”

“Tôi nghĩ rằng có ai đó đã hỏi bác ấy. Khi người ta bắt đầu từ quê chuyển đến Reykjavík trong chiến tranh. Tôi nghĩ rằng bác tôi đã rủ lòng thương người ta.”

“Vậy nên ông ấy không nhất thiết phải thu tiền thuê nhà phải không?”

“Tôi không biết gì về chuyện đó cả. Tôi không tin được khi ông cho rằng bác Benjamín ...”

Bà không nói hết câu như thể đang tìm cách ráp nối các suy nghĩ của mình lại.

“Tôi không nghĩ gì cả,” Erlendur cố

gắng mỉm cười. “Bây giờ còn quá sớm để có thể nghĩ ra điều gì đó.”

“Tôi không tin đâu.”

“Bà vui lòng cho tôi biết thêm điều này.”

“Sao cơ?”

“Bà ấy có người thân nào vẫn còn sống cho đến bây giờ không?”

“Ai cơ?”

“Vợ chưa cưới của Benjamín ấy. Có ai mà tôi có thể hỏi chuyện được không?”

“Tại sao? Ông muốn hỏi gì về chuyện đó? Bác ấy chưa bao giờ làm điều gì tổn hại đến bà ấy cả.”

“Tôi hiểu điều đó. Như tất cả mọi lần, chúng tôi có những khúc xương và chúng phải thuộc về một người nào đó chứ không thể mất đi. Tôi phải điều tra theo tất cả

các hướng.”

“Bà ấy có một người em gái mà tôi biết là đến bây giờ vẫn còn sống. Tên bà ấy là Bá-ra.”

“Người phụ nữ ấy biến mất khi nào?”

“Vào năm 1940,” Elsa đáp. “Họ nói với tôi đó là một ngày mùa thu rất đẹp.”

Róbert Sigurdsson vẫn còn sống, nhưng chỉ thế thôi, Sigurdur Óli thăm nghĩ. Anh ngồi cùng Elínborg trong phòng ông cụ, và khi nhìn vào khuôn mặt xanh xao của ông, Sigurdur Óli tự nhủ rằng mình không muốn sống đến tuổi chín mươi. Anh rùng mình. Cụ già đã móm hết răng, môi nhợt nhạt, má hóp, một nhúm tóc dựng trên cái đầu góm guộc, chúng tua tủa chĩa ra khắp hướng. Người ông nối với một bình oxy đặt trong một cái xe đẩy đặt ngay bên cạnh. Mỗi lần cần nói điều gì, ông phải đưa bàn tay run rẩy của mình bỏ cái mặt nạ oxy ra rồi thều thào vài ba từ trước khi đặt lại nó lên mặt.

Róbert đã bán căn nhà gỗ của mình

cách đây đã khá lâu, ngôi nhà đó cũng đã đổi được thêm hai đời chủ trước khi bị phá hủy và giờ đây nó được thay thế bằng một nhà khác mới xây bên cạnh. Sigurdur Óli và Elínborg đánh thức chủ nhân của ngôi nhà gỗ mới vào đầu giờ chiều và được nghe câu chuyện khá mơ hồ và rời rạc đó.

Họ đã nhờ cảnh sát xác định chỗ ở của Róbert khi họ lái xe từ trên đồi trở về. Hóa ra ông ta đang nằm trong Bệnh viện Trung ương, năm nay vừa tròn chín mươi tuổi.

Elínborg đã nói chuyện với Róbert khi ông ta ngồi dùm dỏ trên một cái xe và hít lấy hít để oxy từ bình chứa.

Một người cả đời hút thuốc lá. Ông ta

đường như vẫn rất minh mẫn mặc dù tình trạng sức khỏe thật thảm hại. Róbert gật đầu xác nhận rằng ông hiểu tất cả mọi chuyện và đã biết nhiệm vụ của hai thám tử. Người y tá đưa hai thám tử đến phòng bệnh của ông luôn đứng sau chiếc xe đẩy và nhắc nhở hai người rằng không nên hỏi chuyện quá lâu làm ông kiệt sức.

“Tôi nhớ...” giọng Róbert nhỏ và khàn. Tay ông run lên khi đưa chiếc mặt nạ trở lại lên miệng và hít mạnh luồng sinh dưỡng. Sau đó ông ta lại gỡ nó ra.

“...ngôi nhà đó, nhưng...”

Mặt nạ đưa lên mặt.

Sigurdur Óli nhìn Elínborg sau đó liếc xuống đồng hồ, không buồn che giấu sự

sốt ruột.

“Ông có muốn...” cô bắt đầu nói, nhưng cái mặt nạ lại được tháo ra.

“...Tôi chỉ nhớ...” Róbert ngắt lời cô, dùm người lại mà thở.

Mặt nạ đưa lên mặt.

“Sao anh không đến căng-tin kiếm ít đồ ăn đi?”

Elínborg nói với Sigurdur Óli khi thấy anh lại nhìn đồng hồ, nhìn ông già, nhìn cô rồi thở dài ngao ngán. Sigurdur Óli đứng lên và ra khỏi phòng.

Mặt nạ tháo ra.

“...một gia đình từng sống ở đó.”

Mặt nạ lại đưa lên mặt. Elínborg chờ

thêm một lát xem ông cụ có nói tiếp hay không, nhưng không thấy ông nói năng gì thêm nên cô cân nhắc việc đặt câu hỏi và để ông cụ trả lời bằng cách gật hoặc lắc đầu thay cho việc nói “có” và “không”. Cô nói với Róbert rằng mình muốn thử làm thế và ông gật đầu. “Rõ như ban ngày,” Elínborg nghĩ.

“Trong chiến tranh ông có ngôi nhà gỗ nào không?”

Róbert gật đầu.

“Hồi ấy gia đình mà ông vừa nói có ở đó không ạ?”

Róbert gật tiếp.

“Ông có nhớ tên những người sống trong ngôi nhà vào thời gian đó không?”

Róbert lắc đầu – Không.

“Đó là một gia đình lớn phải không ạ?”

Róbert lại lắc đầu – Không.

“Hai vợ chồng với hai, ba con hay nhiều hơn phải không?”

Róbert gật đầu và giơ ra ba ngón tay xanh xao.

“Thế là hai vợ chồng cùng ba đứa con. Ông có gặp những người này không? Ông có liên hệ gì với họ hay biết họ không ạ?” Erlendur đã quên mất quy định của mình về câu trả lời “có” và “không” nên Róbert phải bỏ mặt nạ ra.

“Không biết họ.” Mặt nạ lại đưa lên. Bà y tá dường như đã sốt ruột, bà ta

đứng đằng sau xe đẩy và nhìn trừng trừng vào Elínborg như thể bắt cô phải dừng lại ngay lập tức. Dường như bà ta đã sẵn sàng để xen vào bất cứ lúc nào. Róbert lại tháo mặt nạ ra.

“...chết...”

“Ai cơ ạ? Những người đó sao? Ai chết cơ ạ?” Elínborg nghiêng người gần hơn về phía ông, chờ ông tháo cái mặt nạ ra. Một lần nữa ông lại đưa bàn tay run rẩy của mình lên mặt.

“Vô dụng...”

Elínborg thấy rằng Róbert nói rất khó khăn và cô dùng hết sức lực của mình để giục ông nói tiếp. Cô nhìn ông chằm chằm và chờ đợi ông nói thêm.

Mặt nạ tháo ra.

...rau.”

Róbert làm rơi cái mặt nạ, mắt ông nhắm nghiền còn đầu gục hẳn xuống ngực.

“Thế đấy,” bà y tá nói sảng, “bây giờ thì cô đã làm ông ấy kiệt sức mãi mãi rồi.” Bà ta nhặt cái mặt nạ lên và đưa vào mũi Róbert một cách cẩn thận thái quá trong lúc ông ngồi gục đầu xuống ngực, đôi mắt già nua nhắm chặt trông như thể đang ngủ. Có lẽ ông ấy đã chết, Elínborg nghĩ. Cô đứng lên và nhìn theo người y tá đẩy ông về phía giường bệnh, bế ông nhẹ như bồng từ chiếc xe lên và đặt ông nằm xuống giường.

“Cô định giết chết ông già tội nghiệp này bằng những điều vô nghĩa đó ư?” bà y tá nói. Đó là một người phụ nữ tầm năm mươi tuổi, tóc búi đằng sau, bà ta mặc áo choàng trắng, quần trắng, đi guốc trắng. Bà ta nhìn chăm chăm vào Elínborg đầy dữ tợn. “Đáng lý ra tôi không nên cho phép cô làm điều này,” bà thì thầm như tự chỉ trích mình. “Ông ấy khó có thể sống đến sáng hôm sau,” bà quát lớn vào mặt Elínborg với một giọng cáo buộc rõ ràng.

“Tôi xin lỗi,” Elínborg nói mà không hiểu tại sao mình phải làm như thế. “Chúng tôi nghĩ rằng ông ấy có thể giúp chúng tôi trong quá trình điều tra về một bộ xương. Tôi hy vọng là ông ấy không cảm thấy quá tệ.”

Khi đã được đặt nằm xuống, Róbert chợt mở mắt ra. Ông nhìn quanh như thể dần nhận ra mình đang ở đâu và tháo cái mặt nạ oxy ra mặc dù bà y tá ra sức ngăn cản.

“Thường đến,” ông thở hắt ra, “... sau này. Người phụ nữ... xanh lục... các bụi cây...”

“Các bụi cây ư?” Elínborg nói. Cô suy nghĩ trong một thoáng. “Ý ông là các bụi cây lý chua ă?”

Người y tá đặt lại chiếc mặt nạ lên mặt Róbert, nhưng Elínborg nghĩ rằng mình đã nhìn thấy ông gật đầu.

“Đó là ai? Ý ông là bản thân ông sao? Ông nhớ các bụi cây lý chua phải không?”

Ông có đến đó bao giờ chưa? Ông đã đến chỗ mấy bụi cây chưa?”

Róbert chậm chậm lắc đầu.

“Ra ngoài đi và để ông ấy được yên!” người y tá ra lệnh với Elínborg, lúc này cô đã đứng lên để cúi xuống giường Róbert, nhưng cô không đứng quá gần để tránh làm bà ta tức giận như lúc trước.

“Ông có thể nói cho cháu biết về chúng được không?” Elínborg nói tiếp. “Ông có biết đó là ai không? Ai thường đến chỗ những bụi cây lý chua ạ?”

Mắt Róbert đã nhắm lại.

“Sau này?” Elínborg tiếp. “Ông nói sau này nghĩa là thế nào?”

Róbert mở mắt ra, đưa bàn tay già nua

và xương xẩu của mình lên ra dấu rằng ông cần một chiếc bút chì và một mẩu giấy. Bà y tá lắc đầu và bảo ông phải nghỉ ngơi, ông đã chịu đựng quá đủ rồi. Ông nắm chặt lấy tay bà ta và nhìn bà ta như van xin.

“Không được,” bà ta đáp. “Cô làm ơn ra khỏi đây,” bà ta nói với Elínborg.

“Chúng ta nên để cho ông ấy quyết định chứ? Nếu tối nay ông ấy chết...”

“Chúng ta ư? Chúng ta là ai cơ? Cô đã chăm sóc những bệnh nhân như thế này trong vòng ba mươi năm chưa?” bà ta nói đầy khinh bỉ. “Cô hãy ra đi, trước khi tôi buộc phải đưa cô ra.”

Elínborg nhìn xuống Róbert, lúc này

ông đã nhắm mắt, trông như đang ngủ. Cô nhìn sang người y tá và lưỡng lự bước ra phía cửa. Bà y tá đi theo cô và đóng cửa lại ngay sau khi cô ra khỏi hành lang. Elínborg đã định gọi cho Sigurdur Óli để anh ta nói cho bà y tá biết việc nói chuyện với Róbert quan trọng với họ đến thế nào, nhưng lúc sau cô từ bỏ ý định đó. Chắc chắn là Sigurdur Óli sẽ còn làm bà ta nổi điên hơn nữa.

Elínborg đi xuống hành lang và trông thấy Sigurdur Óli đang ngồi trong căng tin ngấu nghiến quả chuối, mặt anh ta trông chẳng khác nào một con khỉ. Cô dừng lại trong lúc bước đến chỗ anh ta ngồi. Có một hộc tường ở cuối hành lang và cô trốn vào đó, ẩn sau một chậu lớn, nó cao đến tận mái nhà. Cô chờ ở đó,

theo dõi cánh cửa giống như một con sư tử cái ẩn mình trong đám cỏ.

Ngay sau đó, bà y tá ra khỏi phòng Róbert. Bà ta lướt xuống cầu thang và đi qua căng tin để đến một phòng bệnh nhân khác. Bà ta không thấy Sigurdur Óli và anh ta cũng không trông thấy bà ta khi đang ăn quả chuối nhồm nhoàm.

Elínborg lên ra khỏi chỗ trú ẩn của mình đằng sau cái cây và đi nhón chân đến phòng Róbert. Ông đang nằm ngủ trên giường, miệng đeo mặt nạ giống y như khi cô đi ra. Rèm cửa đã buông xuống, trong phòng ánh đèn sáng dịu dịu của một chiếc đèn. Cô đi đến chỗ ông cụ, lưỡng lự một lát rồi lén lút nhìn quanh trước khi đánh thức ông. Róbert không

nhúc nhích. Cô thử lại lần nữa nhưng ông ngủ say như chết. Elínborg nghĩ rằng ông đang ngủ rất say, nếu không phải là đã chết, cô cắn móng tay trong lúc phân vân xem có nên huých vào ông mạnh hơn không hay là ra ngoài và quên luôn chuyện đó đi. Ông ấy vẫn chưa nói được là bao.

Chỉ mới nói đến đoạn có ai đó đã đến chỗ mấy bụi cây trên đồi, có vẻ như là một người phụ nữ mặc đồ màu xanh lục.

Cô đang xoay người sắp sửa bước đi thì Róbert đột ngột mở mắt ra và nhìn cô chăm chăm. Elínborg không biết ông có nhận ra mình không, nhưng ông gật đầu ra hiệu là có. Elínborg chắc chắn là mình đã nhìn thấy nụ cười của ông bên dưới

cái mặt nạ oxy. Ông ra dấu giống như lúc trước ý nói mình cần một cái bút và một mẫu giấy, Elínborg tìm giấy bút trong áo khoác của mình. Cô đặt hai thứ vào tay Róbert và ông bắt đầu viết hoa những chữ cỡ lớn bằng bàn tay run rẩy. Róbert mất khá nhiều thời gian khiến Elínborg liên tục đưa mắt nhìn về phía cánh cửa đầy lo sợ, cô sợ bà y tá sẽ đến bất cứ lúc nào, rồi bà ta sẽ lại bắt đầu chửi rủa. Cô muốn nhắc Róbert nhanh hơn nhưng không dám gây sức ép cho ông.

Khi Róbert viết xong, đôi bàn tay gầy guộc của ông buông thõng xuống cái mền, làm rơi theo cả quyển sổ và cây bút, rồi ông nhắm nghiền mắt lại. Elínborg nhặt quyển sổ lên và đang định đọc những điều mà ông cụ vừa viết thì máy đo nhịp

tim nổi với cơ thể ông bất ngờ phát ra tiếng kêu bíp bíp. Âm thanh đó vang lên inh tai nhức óc trong căn phòng tĩnh lặng khiến Elínborg giật mình đến nỗi cô nhảy lùi về phía sau. Cô nhìn xuống Róbert một thoáng nhưng không biết phải làm gì, sau đó lao nhanh ra khỏi phòng, xuống hành lang và đi vào căng-tin nơi Sigurdur Óli đang ngồi. Có tiếng chuông báo động vang lên ở đâu đó.

“Cô có moi được thông tin nào từ ông già ấy không?” Sigurdur Óli hỏi Elínborg khi cô ngồi xuống cạnh mình, thở lấy thở để. “Này, cô ổn đấy chứ?” anh nói thêm khi thấy đồng nghiệp thở hắt hắt.

“Tôi không sao,” Elínborg đáp.

Một nhóm bác sĩ, y tá và cấp cứu chạy qua căng-tin đến hành lang hướng đến phòng của Róbert. Không lâu sau đó một người đàn ông mặc áo choàng trắng xuất hiện, đẩy đằng trước một thiết bị mà Elínborg cho là một cái máy điều hòa nhịp tim, ông ta cũng đi xuống hành lang. Sigurdur Óli trông cho đến khi đám người mất hút nơi góc nhà.

“Cô đã ở chỗ quái quỷ nào thế?”
Sigurdur Óli hỏi trong lúc quay sang Elínborg.

“Tôi á?” Elínborg thì thầm. “Chẳng có gì cả. Tôi ư! Ý anh là sao?”

“Vì chuyện gì mà cô vã mồ hôi như thế?” Sigurdur Óli hỏi.

“Tôi có vã mồ hôi đầu.”

“Có chuyện gì xảy ra thế? Tại sao mọi người phải chạy?”

“Không biết.”

“Cô moi được gì từ ông ta phải không? Ông ta chết rồi à?”

“Thôi nào, anh tỏ ra tôn trọng người khác một chút đi,” Elínborg nhắc trong lúc nhìn xung quanh.

“Cô lấy được tin gì từ ông ta?”

“Tôi vẫn chưa kiểm chứng lại,” Elínborg đáp. “Chúng ta nên đi khỏi đây chứ?”

Họ đứng lên và đi ra khỏi căng-tin, rời bệnh viện và lên xe của Sigurdur Óli.

Anh lái xe đi.

“Vậy cô đã lấy được thông tin gì từ ông ta?” Sigurdur Óli sốt ruột hỏi.

“Ông ấy viết cho tôi mấy chữ,” Elínborg thở dài. “Ông già đáng thương.”

“Viết cho cô mấy chữ á?”

Cô lấy cuốn sổ ra khỏi túi và xem xét nó cho đến khi tìm thấy chỗ mà Róbert đã viết. Chỉ có một từ được viết lên đó, bằng đôi tay run rẩy của một người đang hấp hối, một chữ nguệch ngoạc gần như không hiểu được. Cô phải mất một lúc mới hiểu ra điều mà ông cụ viết, lúc sau cô chắc chắn hơn, mặc dù không hiểu lắm ý nghĩa của nó. Cô nhìn chăm chăm

vào từ cuối cùng mà Róbert để lại trước
khi từ giã cõi trần: MÉO MÓ.

Món ăn cho bữa tối hôm đó là khoai
tây. Hẳn nghĩ rằng chúng chưa được chín
kỹ. Chúng cũng có thể nhừ quá, vón thành
một cục bột hay còn sống, chưa gọt vỏ
hoặc gọt vỏ sơ sài, gọt quá sâu hoặc
không cắt thành miếng, không có nước
sốt hay có nước sốt, được chiên lên hay
không được chiên, bị nghiền nát, bị cắt
lát quá dày hay quá mỏng, quá ngọt hay
không được ngọt lắm...

Cô chưa bao giờ hiểu được chồng
mình.

Đó là một trong số những vũ khí mạnh

nhất mà hấn ta có. Những vụ đánh đập luôn luôn xảy ra mà không được báo trước và chúng đến vào những lúc cô không ngờ nhất, ngay cả khi mọi chuyện diễn ra suôn sẻ hay khi cô cảm thấy có chuyện gì đó khiến hấn ta bức mình. Hấn có biệt tài khiến cô lòng dạ lúc nào cũng như lửa đốt, không bao giờ cảm thấy an toàn. Cô luôn căng thẳng mỗi khi có sự xuất hiện của chồng, luôn sẵn sàng phục dịch hấn ta mọi lúc mọi nơi.

Chuẩn bị thức ăn sẵn sàng đúng giờ, chuẩn bị quần áo cho hấn vào buổi sáng, trông nom mấy đứa con trai cẩn thận, để Mikkelína khuất mắt hấn ta, phục vụ hấn ta đủ kiểu, mặc dù cô biết rằng làm những chuyện đó cũng chẳng ích gì.

Đã lâu lắm rồi cô không còn hy vọng gì vào việc mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Nhà của hắn ta là nhà tù của cô.

Sau khi đã ăn tối xong, hắn bê đĩa của mình bỏ vào bồn rửa, cúi kính y như mọi lần. Sau đó hắn quay trở lại bàn như thể đang chuẩn bị ra khỏi bếp, nhưng hắn dừng lại chỗ cô ngồi bên bàn ăn. Không dám ngẩng mặt lên, cô nhìn hai con trai đang ngồi cùng mẹ và tiếp tục ăn nốt phần ăn của mình. Mọi thứ thật trên người cô đều cảnh giác. Có lẽ hắn sẽ đi ra ngoài mà không động đến mình. Hai đứa con nhìn mẹ và từ từ buông đĩa xuống.

Một sự yên lặng chết chóc bao phủ toàn căn bếp.

Bất thình lình hấn tóm lấy đầu cô và đập nó xuống cái đĩa, cái đĩa vỡ tan tành, sau đó hấn tóm tóc cô kéo lên và ném cô ra đằng sau, rơi ra khỏi ghế và văng xuống đất. Hấn gạt tất cả bát đĩa trên bàn xuống và đá ghế của cô vào tường. Cô choáng váng sau cú ngã. Cả căn bếp dường như đảo lộn. Cô cố gắng đứng dậy mặc dù kinh nghiệm nói cho cô biết rằng mình nên nằm yên không động đậy sẽ tốt hơn, nhưng có chút gì đó ngoan cố trong cô vẫn muốn khiêu khích hấn ta.

“Đứng yên đó, đồ con bò!” hấn quát nạt cô, và khi cô đã quỳ được bằng hai đầu gối, hấn cúi xuống chỗ cô và hét lên:

“Vậy là mày muốn đứng lên phải không?” Hấn kéo tóc cô lên và dúi mạnh

mặt cô vào tường, đá vào đùi cô cho đến khi chân cô hoàn toàn kiệt sức đến mức cô hét lên và ngã gục xuống sàn. Máu tuôn ra như suối từ mũi cô và cô chỉ nghe thấy tiếng hấn quát giống như tiếng chuông ong ong bên tai.

“Thử đứng lên lần nữa xem, con khốn!” hấn rít lên.

Lần này cô nằm yên, cúi mình xuống, hai tay ôm lấy đầu và chờ đợi những cú đá như mưa trút xuống người mình. Hấn co chân lên, lấy hết sức thúc mạnh vào người cô khiến cô thở hắt ra vì cơn đau quặn quại trên ngực. Cúi xuống, hấn túm lấy tóc cô, giật ngửa mặt cô lên và tát mạnh trước khi đập đầu cô xuống sàn nhà.

“Đồ đĩ,” hắn rít lên. Sau đó hắn đứng dậy, nhìn bãi chiến trường ngổn ngang sau cơn hành hung của mình. “Nhìn xem mày đã làm nhà cửa lộn xộn đến mức nào, con ngu!!!” hắn hét om lên. “Dọn dẹp ngay đi nếu không tao giết chết bây giờ!”

Hắn từ từ lùi ra xa cô và cố gắng nhỏ vào mặt cô lần nữa, nhưng mồm hắn đã khô hết lại.

“Con khốn nạn,” hắn nói. “Mày thật vô dụng. Mày không làm đúng được một việc gì à, con điếm vô dụng khốn kiếp? Một ngày nào đó mày có nhận ra điều đó không? Mày không nhận thấy vậy à?”

Hắn không quan tâm trên người cô có để lại dấu vết gì không. Hắn biết rằng

chẳng ai có thể can thiệp được. Nhà chẳng mấy khi có khách. Chỉ có lác đác một vài ngôi nhà xung quanh vùng đất thấp, nhưng chẳng có mấy người đi lên đồi, mặc dù con đường cái nối giữa Grafarvogur và Grafarholt ở gần đó, và chẳng có ai có việc gì nhờ vả đến họ. Ngôi nhà họ đang sống là một căn nhà gỗ hắt thuê được của một người đàn ông ở Reykjavík; người chủ đang xây dở thì đâm ra chán, ông ta đồng ý cho hắt thuê với giá rẻ mạt nếu hắt có thể xây xong nó. Lúc đầu hắt rất hào hứng với việc xây nhà và gần như đã làm xong nó, nhưng dần dần hắt nhận ra người chủ cũng chẳng để ý gì đến, thế là về sau ngôi nhà bắt đầu trở nên rách nát. Nó được làm bằng gỗ, có một phòng khách

kề liền một nhà bếp với một bếp than để nấu ăn, hai phòng có bếp than để sưởi và một hành lang nối giữa các phòng. Vào buổi sáng, họ lấy nước từ một cái giếng gần nhà, đổ đầy nước vào hai cái thùng chứa đặt trên một chiếc bàn trong bếp.

Họ đã chuyển đến ngôi nhà này cách đây một năm sau khi rất nhiều người Iceland chuyển từ vùng nông thôn lên Reykjavík để mong kiếm việc làm. Gia đình họ mất căn hộ dưới tầng hầm vì không đủ tiền thuê nó nữa. Việc người ta đổ xô vào thành phố có nghĩa rằng nhà cửa trở nên đắt đỏ và việc thuê mướn bùng nổ. Sau khi nhận thuê ngôi nhà đang xây dở ở Grafarholt và cả nhà đã chuyển ra đó, hấn bắt đầu tìm những công việc phù hợp với hoàn cảnh mới của mình,

cuối cùng hẳn nhận giao than đến các trang trại quanh Reykjavík. Mỗi buổi sáng hẳn đi bộ xuống chỗ rẽ dẫn đến Grafarholt – nơi một chiếc xe tải chở than đón hẳn và đưa hẳn về nhà vào buổi chiều. Đôi khi cô nghĩ lý do duy nhất mà hẳn rời khỏi Reykjavík là vì ở Grafarholt sẽ không có ai nghe thấy tiếng hét kêu cứu của cô mỗi khi hẳn hành hạ cô.

Một trong số những điều đầu tiên mà cô làm sau khi họ chuyển đến ngọn đồi là trồng những bụi cây lý chua. Tìm được một khu đất cần cỗi, cô trồng những bụi cây ở phía nam ngôi nhà. Chúng dùng để đánh dấu một góc vườn mà cô dự định sẽ trồng rau ở đó. Cô muốn trồng nhiều bụi cây hơn, nhưng hẳn thấy đó là một việc

vô ích nên nghiêm cấm cô làm chuyện đó.

Cô nằm bất động trên sàn, chờ cho hấn bình tĩnh lại hoặc vào thị trấn gặp bạn bè. Đôi khi hấn đến Reykjavík và đến tận sáng hôm sau mới về. Mặt cô đau tê dại, cả chỗ đau nơi vùng ngực cũng đang phùng phùng như thiêu như đốt, y như lần hấn làm gãy xương sườn cô hai năm về trước. Cô biết nguyên nhân không phải là ở món khoai tây, chẳng có gì ngoài vết bẩn mà hấn thấy trên cái áo được giặt sạch sẽ, ngoài cái váy cô tự may cho mình, nhưng hấn lại cho rằng nó quá đáng điếm nên đã xé nó ra thành trăm mảnh. Hấn đổ lỗi cho cô chỉ vì lũ trẻ kêu khóc vào ban đêm. “Một con mẹ ngu độn! Bảo chúng nó câm mồm ngay

nếu không tao giết hết bây giờ!” Cô biết rằng hẳn rất có thể sẽ làm điều đó.

Hai thằng con trai lao ra ngoài khi thấy bố đánh mẹ, nhưng Mikkelína thì vẫn ngồi yên như thường lệ. Con bé khó có thể di chuyển mà không có người giúp đỡ. Trong nhà bếp có một cái đi-văng cũ kỹ để con bé nằm ngủ và ngồi cả ngày trên đó bởi vì đó là nơi cô có thể trông nom con bé được thuận tiện nhất.

Thường thường, Mikkelína ngồi yên khi hẳn ta đi vào, và khi hẳn bắt đầu đánh mẹ, con bé đưa bàn tay lạnh lặn kéo chăn phủ lên đầu như thể là đang cố vùi cho mình biến mất.

Con bé không trông thấy chuyện gì. Nó không muốn nhìn. Qua cái chăn, nó nghe

tiếng bồ dượng quát tháo, tiếng mẹ nó la hét vì đau, và khi nghe thấy tiếng mẹ nó đập mạnh vào tường và sụp xuống sàn nhà, đứa bé tội nghiệp run bắn lên. Nằm cuộn tròn trong chăn, con bé bắt đầu đọc thầm:

“Họ đứng trên chiếc hộp,
Chân đi tất nhỏ xinh,
Mái tóc thơm màu vàng,
Những cô nàng áo đẹp.”

Khi con bé ngừng đọc cũng là lúc căn bếp đã im ắng trở lại. Một lúc lâu con bé vẫn chưa dám bỏ cái chăn ra. Nó hé chăn nhòm ra đầy thận trọng nhưng không trông thấy hấn ta đâu. Nhìn xuống hành lang, nó thấy cửa chính mở. Chắc hẳn

hắn ta đã đi rồi. Con bé ngồi dậy và nhìn thấy mẹ nó đang nằm trên sàn nhà. Nó ném chăn ra, bò ra khỏi chỗ ngủ của mình, trườn xuống sàn nhà, luồn qua bàn đến chỗ mẹ, lúc này mẹ nó vẫn đang nằm khom bất động.

Mikkelína xích lại gần mẹ. Con bé gầy như que củi và yếu ớt, cái sàn nhà cứng quá, nó khó có thể bò qua được. Bình thường, nếu con bé muốn di chuyển thì đã có mẹ hoặc các em giúp đỡ. Còn hắn ta thì không bao giờ. Hắn ta thường dọa dẫm sẽ “giết chết con tạt nguyên đó”.

“Tao sẽ bóp chết con quái vật đang nằm trên cái giường ghê tởm đó! Đồ que quặt!”

Người mẹ không cử động nhưng vẫn

cảm nhận được Mikkelína đang chạm vào lưng và vuốt vuốt đầu mình. Cơn đau ở lồng ngực vẫn chưa dịu bớt, mũi cô vẫn đang chảy máu rùng rùng. Cô không biết liệu mình có vừa bị ngất hay không. Cô nghĩ hẳn ta vẫn còn ở trong bếp, nhưng vì Mikkelína đã rời khỏi giường nên chuyện đó là không thể. Mikkelína sợ bố dựng hơn tất cả mọi thứ trên đời.

Người mẹ đuổi thẳng người một cách thận trọng, cô rên rỉ vì đau, bám chặt lấy mạng sườn chỗ vừa bị đá. Chắc là hẳn đã đá gãy xương sườn mình rồi. Cô co người lại và nhìn Mikkelína. Trước đó con bé đã khóc, trên mặt vẫn còn hằn lên nỗi sợ hãi kinh hoàng. Sốc trước khuôn mặt đầy máu me của mẹ, con bé lại òa

lên khóc nức nở.

“Không sao đâu, Mikkelína,” người mẹ thở dài. “Chúng ta sẽ ổn cả thôi.”

Chậm chạp và khó khăn, người mẹ đứng lên và tì người vào bàn.

“Chúng ta sẽ sống.”

Cô xoa mạng sườn và thấy cơn đau nhói lên như có dao đâm.

“Các em con đâu?” cô hỏi khi nhìn xuống Mikkelína trên sàn nhà. Mikkelína chỉ ra phía cửa và ú ớ những tiếng đầy sợ hãi và kinh khiếp. Mẹ con bé luôn đối xử với nó như một đứa trẻ bình thường. Còn bố dượng thì không bao giờ gọi nó bằng cái tên nào khác ngoài “con què”, hoặc thậm chí tệ hơn. Mikkelína bị bệnh

viêm màng não từ khi lên ba và người ta cho rằng nó không sống được. Trong những ngày con bé sống dưới lưỡi hái tử thần ở bệnh viện Landakot, một bệnh viện do các tu sĩ cai quản, mẹ nó không được đến gần mặc cho cô có gào khóc và van xin đến mấy bên ngoài khu điều trị.

Khi cơn sốt qua đi, con bé bị liệt tay phải, liệt hai chân và cơ mặt nên khuôn mặt nó trở nên méo mó, một mắt nheo lại và miệng thì méo xệch đến mức lúc nào cũng chảy dãi.

Hai thằng con trai biết chúng không thể bảo vệ được mẹ mình: thằng em mới lên bảy còn thằng anh mới mười hai. Đến lúc này chúng đã biết bố nghĩ gì khi đánh mẹ, biết tất cả những lời thóa mạ ông ta

đồ lên đầu mẹ và cả cơn giận dữ điên cuồng trời lên khi ông ta nguyên rửa mẹ. Vì thế chúng phải chạy trốn. Símôn là đứa lớn tuổi hơn, nó ngay lập tức lôi thằng em chạy đi như một con cừ non hoảng loạn. Nó sợ bố sẽ trút cơn thịnh nộ lên đầu hai đứa.

Một ngày nào đó nó sẽ mang cả Mikkelína trốn cùng.

Và một ngày nào đó nó sẽ đủ lớn để bảo vệ mẹ mình.

Hai anh em khiếp đảm chạy ra khỏi nhà, hướng đến những bụi cây lý chua. Lúc đó đang là mùa thu, những bụi cây đang ra hoa với những tán lá xanh om. Những quả đỏ mọng nước ních chặt trong tay hai anh em khi chúng nhặt rồi bỏ vào

những cái hộp và lọ mà mẹ chúng đưa cho.

Hai anh em lăn sang phía bên kia bụi cây, nghe những lời mắng chửi thậm tệ của bố, tiếng bát đĩa vỡ và tiếng la hét của mẹ. Thành em bịt tai lại, nhưng Símôn lại nhìn thẳng vào cửa sổ căn bếp tỏa ánh sáng vàng vọt lúc trời chạng vạng. Nó bắt mình phải nghe tiếng mẹ đang gào thét.

Nó đã thôi không còn bịt tai lại như trước đây nữa. Nó phải nghe để biết lúc nào nó phải làm những gì cần làm.

Elsa không nói ngoa về tầng hầm trong ngôi nhà của Benjamín. Trong đó toàn đồ tạp nham và trong một thoáng, Erlendur thấy nhụt chí trước viễn cảnh quá ư ảm đạm. Ông đang phân vân về việc gọi cho Elínborg và Sigurdur Óli, nhưng lại quyết định tự mình làm lấy. Tầng hầm rộng khoảng chín mươi mét vuông, được ngăn thành các phòng lớn nhỏ khác nhau, không có cửa sổ, một số phòng cũng đề biển hiệu, nhưng hầu hết là không. Có nhiều hộp các-tông trước đây từng được dùng để chứa chai rượu và thuốc lá, có cả những cái sọt đủ mọi kích thước chứa vô khối các loại giấy rác khác nhau. Trong tầng hầm còn có các tủ ly cũ, hòm

xiêng, va ly và nhiều đồ lặt vặt khác chất đống từ rất lâu rồi: những cái xe đạp, máy cắt cỏ bụi bặm cùng một cái vỉ sắt nướng thịt hoen gỉ.

“Ông có thể xem qua chúng nếu ông muốn,” Elsa nói trong lúc theo ông đi xuống. “Nếu tôi có thể giúp gì được cho ông, xin ông cứ gọi.” Bà có phần thương ông thám tử tư lự này, ông ta dường như bị bệnh đãng trí, mặc chiếc áo len đan cũ kỹ bên trong cái áo khoác bạc màu có những miếng sờn ở khuỷu tay. Bà cảm thấy một nỗi buồn sâu sắc nơi ông khi nói chuyện và nhìn vào mắt ông.

Erlendur cười lơ đãng và cảm ơn bà. Hai tiếng sau, ông đã tìm được những tài liệu đầu tiên về Benjamín Knudsen –

người lái buôn. Ông đã phải làm việc vô cùng cật lực trong tầng hầm. Mọi thứ cứ lộn tung hết cả lên. Những đồ cả cũ cả mới chất hết vào với nhau thành những chồng cao ngất ngưỡng khiến Erlendur phải xem xét và phân loại lại theo thứ tự thành từng đống một. Tuy nhiên, ông càng xếp, cái đống mà ông đã xếp lại càng cũ hơn cái trước. Erlendur muốn uống một cốc cà phê và một điếu thuốc, ông băn khoăn xem có nên làm phiền Elsa hay không, hay là nên nghỉ một lát và tìm một quán cà phê nào đó.

Eva Lind vẫn luôn thường trực trong tâm trí của ông. Ông mang điện thoại theo người và chờ điện thoại gọi đến từ bệnh viện bất cứ lúc nào. Lương tâm ông dằn vặt vì không thể ở bên con bé. Có

thể ông nên nghỉ vài ngày, ngồi bên con gái và nói chuyện với nó giống như lời ông bác sĩ nói. Ở bên nó chứ không phải để nó ở phòng chăm sóc đặc biệt, bất tỉnh, không có người thân hay một ai chăm sóc, an ủi, tất cả đều chỉ có một mình con bé. Nhưng ông biết mình không thể ngồi yên cả ngày để chờ bên giường bệnh. Làm việc là một hình thức cứu rỗi cho ông. Ông cần nó để choán đầy suy nghĩ, ngăn không cho ông nghĩ đến điều tồi tệ nhất. Điều ông không thể nghĩ đến.

Ông dồn sức tập trung làm việc trong tầng hầm. Trên một cái bàn cũ, ông tìm thấy một sổ hóa đơn của những người bán sỉ gửi đến có đề địa chỉ cửa hàng của Knudsen. Chúng được viết tay và rất khó đọc, nhưng có vẻ như chúng liên

quan đến việc giao hàng. Những hóa đơn tương tự xuất hiện trong chiếc tủ dưới bàn, và ấn tượng đầu tiên của Erlendur là Knudsen có một cửa hàng tạp hóa. Cà phê và đường được nhắc đến trong các hóa đơn, với những con số bên cạnh.

Không có giấy tờ nào liên quan đến ngôi nhà gỗ cách xa Reykjavík – nơi mà hiện nay Quảng trường Thiên niên kỷ của thành phố đang được xây dựng.

Cuối cùng còn thêm một điều thuộc đã chiến thắng. Erlendur tìm thấy một cái cửa ở tầng hầm thông ra một khu vườn được chăm sóc cẩn thận và rất đẹp. Những bông hoa mới đang bắt đầu nhú ra sau mùa đông lạnh lẽo. Dầu vậy, Erlendur cũng không mấy chú ý đến

chúng trong lúc đứng hút thuốc một cách thèm thuồng. Ông nhanh chóng hút hết hai điếu. Chuông điện thoại chọt vang lên trong túi áo khoác khi ông đang chuẩn bị quay trở lại tầng hầm. Người gọi là Elínborg.

“Eva thế nào rồi?” cô hỏi.

“Vẫn đang hôn mê,” Erlendur nói cộc lốc, ông không muốn nói về chuyện đó. “Có gì mới không?” ông hỏi lại.

“Tôi đã nói chuyện với ông già Róbert rồi. Ông ta có một ngôi nhà gỗ trên đồi. Tôi không hiểu rõ những điều ông ta nói cho lắm, nhưng ông ta nhớ là có ai đó đã quanh quẩn bên những bụi cây mà ông nói.”

“Những bụi cây ư?”

“Gần chỗ bộ xương ấy.”

“Những bụi cây lý chua hả? Ai cơ?”

“Và tôi nghĩ là ông ta chết rồi.”

Erlendur nghe tiếng Sigudur Óli cười rộ lên.

“Cái người đến chỗ bụi cây á?”

“Không, Róbert ấy,” Elínborg đáp.

“Nên chúng ta sẽ không moi thêm được tin gì từ ông ta nữa.”

“Vậy là ai? Ai đã ở chỗ bụi cây?”

“Chuyện đó rất mơ hồ,” Elínborg đáp.

“Sau này có ai đó thường đến đó. Đó là tất cả những gì tôi hỏi được từ ông ta. Sau đó ông ta nói gì đó. Nói là ‘người

phụ nữ, xanh lục, các bụi cây’, và chấm hết.”

“Một phụ nữ màu xanh ư?”

“Phải. Màu xanh.”

“Thường đến, sau này và xanh lục,” Erlendur nhắc lại. “Sau này là khi nào? Ý ông ta là sao?”

“Tôi đã nói rồi đây. Câu trả lời rất rời rạc. Tôi nghĩ là... Tôi cho là cô ấy...” Elínborg lưỡng lự.

“Làm sao?” Erlendur hỏi.

“Bị méo mó.”

“Bị méo mó ư?”

“Đó là từ miêu tả duy nhất của ông già về người đó. Ông ta không thể nói được

và chỉ viết ra một từ duy nhất, ‘méo mó’. Sau đó ông ta lịm đi và tôi cho là có chuyện gì đó đã xảy đến với ông ta bởi vì có một nhóm bác sĩ nháo nhào đến phòng ông ta và...”

Giọng của Elínborg mờ dần. Erlendur nghiền ngẫm câu chuyện của cô một lát.

“VẬY là có vẻ như có một cô gái thường đến những bụi cây lý chua vào khoảng thời gian sau đó.”

“CÓ thể là sau chiến tranh,” Elínborg nói.

“Ông ta có nhớ ai sống trong ngôi nhà đó không?”

“Một gia đình,” Elínborg trả lời. “Hai vợ chồng với ba đứa con. Tôi không hỏi

thêm được gì về chuyện đó.”

“Vậy là có người đã sống quanh đây, gần những bụi cây phải không?”

“Có vẻ là như vậy.”

“Và cô ấy bị méo mó. Cái gì bị méo mó cơ chứ? Róbert bao nhiêu tuổi rồi?”

“Ông ấy... đã... tôi không biết... hơn chín mươi tuổi rồi.”

“Không thể hiểu được ý ông ta là gì.” Erlendur tự nói với mình. “Một người phụ nữ bị méo mó trong những bụi cây lý chua. Có ai sống trong ngôi nhà của Róbert không? Nó vẫn còn ở đấy chứ?”

Elínborg nói cho ông biết rằng lúc trước cô và Sigurdur Óli đã nói chuyện với những chủ nhân hiện tại của ngôi nhà,

nhưng họ không nhắc đến người phụ nữ nào cả. Erlendur bảo họ quay lại và hỏi những người ấy xem có thấy bất cứ người nào, đặc biệt là một người phụ nữ xuất hiện xung quanh khu vực những bụi cây lý chua hay không. Họ cũng phải cố tìm ra người thân thích nào đó của Róbert có thể có để hỏi xem ông ta đã bao giờ nói chuyện với gia đình trên đồi chưa. Erlendur nói rằng mình sẽ lục soát trong tầng hầm một chút nữa trước khi vào bệnh viện thăm con gái.

Ông quay lại để tìm kiếm trong đồng đồ của Benjamín, trong lúc nhìn quanh căn hầm ông băn khoăn không biết mình có phải mất mấy ngày trời để cày xới cái đồng trong đây hay không. Ông len lỏi đến chỗ bàn của Benjamín – nơi ông biết

rằng chỉ chứa những tài liệu và hóa đơn liên quan đến cửa hàng của ông ta.

Erlendur không nhớ nó, nhưng chắc chắn là nó ở Hverfisgata. Hai tiếng sau, sau khi đã uống cà phê với Elsa và hút thêm hai điếu thuốc nữa sau vườn, ông đã đến được chỗ cái hòm sơn màu xám trên sàn nhà. Nó đã được khóa lại nhưng trong đó có chìa khóa. Erlendur phải gồng mình lên mới xoay được ổ khóa và mở cái hòm ra. Trong hòm có nhiều giấy tờ hơn và có những phong bì được buộc lại bằng dây chun, nhưng không có hóa đơn nào. Có mấy bức ảnh để lẫn cùng chồng thư, một số cái được lồng khung, những chiếc còn lại đã bị long ra cả. Erlendur xem xét chúng nhưng không biết những người trong ảnh là ai, chỉ biết rằng

Benjamín nhất định phải có mặt trong vài tấm. Có một bức chụp một người đàn ông cao to, đẹp trai, bụng đang bắt đầu phệ xuống, ông ta đang đứng đằng trước một cửa hàng. Nhân dịp gì thì đã quá rõ rồi. Một tấm biển đóng trên cửa ra vào, trên đó đề dòng chữ:

CỬA HÀNG CỦA KNUDSEN

Kiểm tra kỹ hơn, Erlendur thấy người đàn ông đó xuất hiện trong một số bức ảnh cùng với một người phụ nữ trẻ tuổi hơn. Họ mỉm cười trước máy ảnh. Tất cả những bức hình đều được chụp ngoài trời.

Ông đặt chúng xuống, nhặt đồng phong bì lên và phát hiện ra bên trong đó có những bức thư của Benjamín gửi cho cô

dâu tương lai của mình. Tên cô ta là Sólveig. Một số bức thư chỉ là những lời nhắn rất ngắn bày tỏ tình yêu, những bức khác chi tiết hơn kể về những sự việc trong ngày. Chúng được viết ra bằng tình cảm mãnh liệt của Benjamín dành cho người yêu. Những bức thư có vẻ như được xếp theo ngày tháng, Erlendur bèn rút một bức ra đọc, mặc dù hơi lưỡng lự. Ông cảm thấy như mình đang tọc mạch vào một điều gì đó bất khả xâm phạm, và thấy thực sự xấu hổ. Giống như là đang đứng bên ngoài cửa sổ của một ngôi nhà và dòm ngó vào bên trong.

“Tình yêu của anh,

Anh nhớ em nhiều lắm, em yêu ạ. Cả ngày nay anh chỉ nghĩ đến em, anh đếm

từng giờ từng phút chờ em quay trở lại. Cuộc sống không có em giống như mùa đông lạnh lẽo, thật ảm đạm và trống rỗng. Hãy tưởng tượng mà xem, em đã ra đi được hai tuần tròn rồi. Anh thực sự không biết mình sẽ phải đối mặt với chuyện đó như thế nào nữa.

Anh yêu của em

Benjamín K.”

Erlendur nhét lá thư trở lại trong phong bì và lấy ra một bức khác từ tận bên dưới, nó kể một cách chi tiết về dự định của một thương gia tương lai muốn mở một cửa hàng ở Hverfisgata. Anh ta có những dự định rất to lớn cho tương lai, anh ta đã đọc và biết rằng ở những thành phố lớn của Mỹ có rất nhiều cửa

hàng không lồ bán tất cả mọi loại hàng hóa, quần áo cũng như thực phẩm. Đó là nơi các khách hàng tự chọn cho mình những đồ muốn mua trên giá, sau đó đặt chúng vào xe rồi đẩy quanh khắp cửa hàng.

Erlendur đến bệnh viện vào buổi tối, dự định là sẽ ngồi bên Eva Lind. Đầu tiên ông gọi cho Skarphédinn, ông ta nói rằng cuộc khai quật đã đạt được những bước tiến đáng kể, nhưng ông ta từ chối không dự đoán xem chùng nào họ mới đến chỗ bộ xương. Họ vẫn chưa phát hiện được gì trong đất để tìm ra nguyên nhân cái chết của Người Thiên niên kỷ.

Erlendur cũng đã gọi cho bác sĩ của Eva Lind trước khi đi, ông ta nói rằng

tình trạng con bé vẫn không có gì suy chuyển. Khi đến phòng chăm sóc đặc biệt, ông thấy có một người phụ nữ mặc áo choàng màu nâu đang ngồi bên con gái mình, và ông phải vào tận nơi mới nhận ra người đó là ai. Ông chợt thấy căng thẳng nên đứng lại, từ từ bước ra khỏi phòng cho đến khi ra đến hành lang, và ông đứng nhìn vợ cũ từ xa.

Người đó quay lưng về phía ông, nhưng ông biết đó là bà. Một người phụ nữ ngang tuổi ông, ngồi khom người lại, đầy đặn trong bộ quần áo thể thao màu tím, bên ngoài khoác áo màu nâu, tay lấy khăn chặm mũi và hạ thấp giọng nói chuyện với Eva Lind. Ông không nghe được những lời bà nói. Ông thấy bà đã nhuộm tóc, nhưng chắc là cách đây khá

lâu rồi vì nơi đường ngôi đã xuất hiện những mảng chân màu trắng. Ông đang đoán xem lúc này bà đã bao nhiêu tuổi rồi.

Bà nhiều hơn ông ba tuổi.

Ông đã không gặp vợ cũ được gần hai mươi năm. Chưa từng gặp lại kể từ khi ông ra đi, để lại bà cùng hai đứa nhỏ. Bà, cũng giống như Erlendur, chưa tái hôn, nhưng đã từng sống cùng một vài người đàn ông khác, có một vài người tốt hơn những người còn lại. Lớn lên, Eva Lind kể cho bố nghe về những người đó và bắt đầu tìm người mới cho ông.

Mặc dù lúc đầu con bé có phần nghi ngờ ông nhưng về sau hai bố con đã hiểu nhau hơn, Erlendur cố gắng giúp nó bắt

cứ khi nào có thể. Nhưng với đũa con trai thì khác. Nó xa cách hơn rất nhiều. Erlendur gần như không liên lạc gì với nó.

Erlendur nhìn vợ cũ rồi đi xuống hàng lang thêm một đoạn. Ông băn khoăn xem có nên vào với bà không, nhưng lại không làm được việc đó. Ông nghĩ là mọi chuyện sẽ khá rắc rối và không muốn xảy ra cãi cọ ở nơi này. Chính xác ra thì ông không muốn cảnh ấy xảy ra ở bất kỳ đâu, nếu có thể tránh được thì ông sẽ tránh cả đời. Họ chưa bao giờ chấp nhận một cách hoàn toàn sự thất bại trong mối quan hệ của mình mà Eva Lind nói rằng đó là điều khiến bà đau đớn nhất.

Chuyện ông đã ra đi như thế nào.

Ông quay đi và chậm chậm bước xuống hành lang, nghĩ về những bức thư tình trong tầng hầm của Benjamín K. Erlendur không nhớ chính xác chuyện đó, và câu hỏi đó vẫn còn để ngỏ cho đến khi ông về đến nhà, ngồi sụp xuống cái ghế bành và để giấc ngủ cuốn nó ra khỏi tâm trí.

Halldóra đã bao giờ là người yêu của mình chưa?

Người ta đã quyết định rằng Erlendur, Sigurdur Óli và Elínborg sẽ phải tự thụ lý vụ Bí Mật Những Khúc Xương – theo như giới truyền thông gọi nó. Cục điều tra hình sự không thể điều thêm thám tử cho một vụ không được ưu tiên như thế. Một vụ điều tra quy mô lớn về ma túy đang diễn ra khẩn trương nên tốn rất nhiều thời gian và nhân lực, vì thế họ không thể cử thêm người vào vụ nghiên cứu lịch sử này được, theo đúng như lời ông giám đốc Hrólfur nói. Không ai có thể đảm bảo chắc chắn rằng nó có phải là một vụ liên quan đến tội phạm hay không.

Erlendur ghé qua bệnh viện vào sáng

sớm hôm sau trên đường đến sở. Ông ngồi bên con gái hai tiếng đồng hồ. Tình trạng của con bé ổn định. Không có dấu hiệu nào cho thấy mẹ nó đã đến đây.

Erlendur ngồi yên lặng như thế khá lâu, ngắm nhìn gương mặt gầy, xương xẩu của con gái và nhớ lại thời quá khứ. Ông cố gắng nhớ về khoảng thời gian ông ở cùng con bé khi nó còn rất nhỏ. Eva Lind mới lên hai tuổi bố mẹ nó đã ly hôn, và ông nhớ rằng con bé luôn nằm ngủ giữa hai người. Nó không muốn nằm ở cái cũi của mình vì họ chỉ sống trong một căn hộ rất nhỏ với một phòng ngủ đơn, một phòng khách và nhà bếp, nhà bếp kết hợp luôn trong phòng ngủ. Con bé leo ra khỏi cũi, nằm phịch xuống cái giường đôi và rúc vào giữa bố mẹ.

Ông nhớ hình ảnh con bé đứng trước cửa nhà mình, lúc đó đã đến tuổi vị thành niên, sau khi lần theo dấu vết của bố. Halldóra đã thẳng thừng từ chối không cho ông gặp mặt các con. Cứ khi nào ông sắp xếp để gặp chúng là bà lại chửi mắng ông thậm tệ và ông có cảm giác rằng mỗi lời bà nói ra đều là sự thật. Dần dần ông không còn gọi cho chúng nữa. Ông không gặp Eva Lind trong ngần ấy thời gian và đột ngột con bé đứng ở đó, trên ô cửa nhà ông. Bộ dạng của nó trông rất quen thuộc. Khuôn mặt nó giống bên nội nhiều.

“Bố không mời con vào nhà sao?” con bé nói khi thấy bố nhìn mình chằm chằm một lúc lâu. Con bé mặc một chiếc áo da đen, quần bò rách rưới, môi tô son đen

kịt. Móng tay sơn đen. Con bé hút thuốc và nhả khói qua mũi.

Trên mặt nó vẫn còn có nét trẻ con, gần như là tinh khôi.

Ông run lập cập. Giật mình. Rồi mời con bé vào nhà.

“Mẹ do dự khi thấy con nói là con sẽ đi gặp bố,” con bé nói khi bước qua chỗ ông, kéo theo khói thuốc và ngồi phịch xuống cái ghế bành. “Bà ấy gọi bố là đồ tồi. Lúc nào cũng nói thế. Với con và Sindri Snaer. ‘Một thằng tồi khôn kiếp, thằng bố của chúng mày ấy.’ Và rồi: ‘Chúng mày cũng chỉ giống như ông ta thôi, một lũ tồi khôn nạn’.”

Eva Lind phá ra cười. Nó tìm một cái

gạt tàn đế vút điều thuốc, nhưng Erlendur đã cầm lấy đầu lọc và dập tắt cho con bé.

“Tại sao...” ông bắt đầu, nhưng không thể nói hết câu.

“Con chỉ muốn đến thăm bố,” con bé nói. “Chỉ muốn xem bố trông như thế quái nào thôi.”

“Vậy trông bố như thế nào?” ông hỏi.

Con bé nhìn bố.

“Giống như một đồ tòi vậy,” nó đáp.

“Vậy chúng ta không khác nhau rồi,” ông nói.

Con bé nhìn ông chăm chăm rất lâu và ông nghĩ rằng mình đã trông thấy nụ cười

của con bé.

Khi Erlendur đến sở, Elínborg và Sigurdur Óli cùng ngồi xuống và kể rằng họ chẳng thu thập được thêm thông tin gì từ người chủ nhà hiện tại của ngôi nhà của Róbert. Theo như lời họ nói thì họ chưa bao giờ thấy có một người phụ nữ méo mó nào trên đồi cả. Vợ của Róbert đã chết cách đây mười năm. Họ có hai con. Người con trai sáu mươi tuổi chết cùng mẹ vào năm đó, còn một người phụ nữ bảy mươi tuổi đang chờ Elínborg gọi cho mình.

“Thế còn Róbert thì sao? Chúng ta có hỏi được thêm gì từ ông ta không?” Erlendur hỏi.

“Tôi qua Róbert đã ra đi,” Elínborg đáp, giọng nói đượm vẻ hối lỗi. “Ông ấy đã sống đủ rồi. Thật sự là như thế. Tôi nghĩ rằng ông ấy cũng không còn muốn sống nữa. Ông ấy tự gọi mình là một cây rau già úa đáng thương và vô dụng. Lạy Chúa, tôi ghét phải chết dần chết mòn trong bệnh viện như thế.”

“Ông ấy đã viết được vài từ trong cuốn sổ ngay trước khi chết,” Sigurdur Óli nói. “Cô ấy đã giết tôi.”

“Thôi đi, anh đùa hơi quá rồi đấy,” Elínborg rên rỉ.

“Hôm nay cô không phải gặp anh ta nữa đâu,” Erlendur nói và hát đầu về phía Sigurdur Óli. “Tôi và anh ta sẽ đến tầng hầm của Benjamín để tìm kiếm một

vài dấu vết.”

“Ông mong tìm thấy gì ở đó cơ chứ?”
Sigurdur Óli hỏi, nụ cười toe toét trên mặt lập tức chuyển sang nhăn nhó.

“Chắc chắn là ông ta phải viết ra điều gì đó nếu cho thuê ngôi nhà. Chuyện đó không có gì phải bàn cãi. Chúng ta cần tên của những người từng sống ở đó. Cục Thống kê Quốc gia dường như khó có thể tìm ra nó cho chúng ta. Một khi có tên của họ rồi, chúng ta có thể tra cứu danh sách những người mất tích và xem có ai trong số họ còn sống hay không. Và chúng ta cần phân tích để xác định giới tính và tuổi tác ngay sau khi bộ xương được khai quật hoàn toàn.”

“Róbert có nói đến ba người con,”

Elínborg nói. “Ít nhất thì một trong số họ phải còn sống chứ.”

“Xem nào, đây là điều mà chúng ta cần quan tâm,” Erlendur đáp.

“Và cũng không có gì nhiều: một gia đình năm người sống trong một ngôi nhà gỗ ở Grafarholt, hai vợ chồng với ba đứa con vào một thời điểm nào đó trước, trong hoặc sau chiến tranh. Họ là những người duy nhất sống trong ngôi nhà đó mà chúng ta biết, nhưng còn có những người khác có thể sống ở đó nữa. Do đó, cho đến bây giờ chúng ta chỉ có thể đoán rằng một trong số họ đã bị chôn ở đó, hoặc có ai đó liên quan đến họ. Và có một số người có quan hệ đến họ chính là người phụ nữ mà Róbert còn nhớ,

thường đến đó...”

“Thường đến và sau này, và bị méo mó,” Elínborg nói nốt câu của ông. “Bị méo mó có thể hiểu là chân cô ta bị khập khiễng không?”

“Vậy tại sao lúc đó ông ta không viết là “bị què”?” Sigurdur Óli hỏi.

“Có chuyện gì xảy ra với ngôi nhà đó nhỉ?” Elínborg hỏi. “Không còn dấu vết nào của nó trên đời cả.”

“Có thể anh sẽ tìm ra điều đó cho chúng ta trong căn hầm của Benjamín hoặc từ cháu gái của ông ta,” Erlendur nói với Sigurdur Óli. “Tôi đã quên bằng đi không hỏi chuyện đó.”

“Tất cả những gì chúng ta cần là tên

của những người sống trong ngôi nhà đó và xem xét lại chúng trong danh sách những người mất tích trong thời gian đó, và đến lúc ấy tất cả sẽ được khớp lại với nhau. Chuyện đó không phải rất rõ ràng sao?” Sigurdur Óli nói.

“Chưa đâu,” Erlendur đáp.

“Tại sao?”

“Anh chỉ mới nói đến những người được báo cáo là mất tích thôi.”

“Còn ai mất tích mà tôi chưa nói đến nữa?”

“Những trường hợp mất tích mà không được trình báo. Anh không đảm bảo được là tất cả mọi người sẽ báo cho cảnh sát nếu có ai đó bị mất tích. Có một

số người chuyển đến vùng nông thôn và chẳng còn ai nhìn thấy họ nữa. Có một số người rời bỏ đất nước và dần dần rơi vào quên lãng. Và còn có những người đi du lịch rồi bị chết cồng. Nếu chúng ta có danh sách của những người được trình báo là mất tích và chết trong khu vực này vào thời gian đó, chúng ta cũng cần kiểm chứng lại danh sách đó nữa.”

“Tôi nghĩ tất cả chúng ta có thể nhất trí rằng đây không phải là một trường hợp như thế,” Sigurdur Óli nói với giọng đầy quyền uy và ngay lập tức nó bắt đầu tác động đến dây thần kinh của Erlendur. “Không thể có chuyện người đàn ông này, hay bất kỳ ai đang nằm dưới đó, bị đóng băng đến chết. Đó là một hành động có chủ ý. Có ai đó đã chôn anh ta xuống

đó.”

“Đó chính xác là những gì tôi muốn nói,” Erlendur – một pho từ điển sống về những thử thách của thiên nhiên hoang dã – đáp. “Ví dụ như ai đó bắt đầu khởi hành từ một trang trại. Lúc đó là vào mùa đông và theo như dự báo, thời tiết rất tồi tệ. Tất cả mọi người đều cố gắng ngăn cản anh ta. Tuy nhiên người này lại bỏ ngoài tai hết mọi lời khuyên can, cứ khẳng khẳng là mình sẽ làm được. Điều lạ lùng nhất trong câu chuyện về những người chết cóng là họ không bao giờ nghe những lời khuyên. Giống như thần chết đã dụ dỗ họ vậy. Dường như họ buộc phải chấp nhận số phận bi đát của mình. Như thể họ muốn chống lại số phận nhưng không được. Dù có thể nào đi

chăng nữa.

Người đàn ông này nghĩ rằng mình sẽ thành công. Trừ khi cơn bão tan đi, tình hình sẽ tồi tệ hơn anh ta tưởng rất nhiều. Anh ta mất hết phương hướng và bị lạc. Cuối cùng, anh ta bị phủ dưới một đống tuyết và chết cứng. Đến lúc đó anh ta đã hoàn toàn mất dấu vết. Đó là lý do tại sao xác của anh ta không bao giờ được tìm thấy. Anh ta bị mất tích hoàn toàn.”

Elínborg và Sigurdur Óli liếc nhìn nhau, không hiểu Erlendur định nói điều gì.

“Đó là một trường hợp mất tích điển hình ở Iceland mà chúng ta có thể giải thích và hiểu được, bởi vì chúng ta sống ở đất nước này và biết khi nào thời tiết

bất ngờ chuyển sang xấu, biết câu chuyện về người khách bộ hành đó đôi khi được lặp lại một cách đều đặn mà không một ai thắc mắc. Đó là Iceland, người ta nghĩ thế, và lắc đầu. Tất nhiên, chuyện đó xảy ra thường xuyên hơn trong quá khứ khi mà hầu hết tất cả mọi người đều đi bộ. Có cả một bộ sách kể về chuyện đó; tôi không phải là người duy nhất quan tâm đến điều này. Các hình thức du lịch mới chỉ thực sự thay đổi trong vòng sáu mươi đến bảy mươi năm qua. Người ta thường bị mất tích, và mặc dù anh không bao giờ chấp nhận chuyện đó, anh vẫn hiểu được số phận của họ. Người ta thường không cho rằng những vụ mất tích đó có liên quan đến tội phạm hay cảnh sát.”

“Ý ông là gì?” Sigurdur Óli hỏi.

“Cả bài thuyết trình vừa rồi là về chuyện gì thế?” Elínborg cũng hỏi.

“Nếu như ngay từ đầu, những người đàn ông hay phụ nữ này không khởi hành từ một trang trại thì sao?”

“Ông đang muốn nói đến điều gì?” Elínborg hỏi.

“Nếu như người ta lại khai báo rằng những người này đã đi đến một khu đất hoang hoặc một trang trại khác hoặc đi thả lưới bắt cá ở một cái hồ nào đó và không bao giờ trở về nữa thì sao? Một cuộc điều tra sẽ diễn ra, nhưng người đó thì không bao giờ được tìm thấy và bị mất tích mãi mãi.”

“Vậy là tất cả những người trong gia

đình có âm mưu giết người này sao?”
Sigurdur Óli nói, nghi ngờ về giả thuyết
của Erlendur.

“Tại sao lại không?”

“Vậy là anh ta bị đâm hoặc đánh hoặc
bắn và bị chôn trong vườn sao?”
Elínborg thêm vào.

“Cho đến một ngày Reykjavík phình ra
quá lớn đến nỗi anh ta không thể yên nghỉ
dưới đó được nữa,” Erlendur nói.

Sigurdur Óli và Elínborg nhìn nhau
rồi lại nhìn qua Erlendur.

“Benjamín Knudsen có một người vợ
chưa cưới bị mất tích trong hoàn cảnh rất
khó hiểu,” Erlendur nói. Trong khoảng
thời gian ngôi nhà được xây dựng. Người

ta nói rằng cô ấy tự lao mình ra biển và Benjamín không bao giờ còn như trước nữa. Dường như trước đó ông ta có kế hoạch làm cách mạng cho việc kinh doanh lẻ ở Reykjavík, nhưng Benjamín đã hoàn toàn suy sụp khi cô gái biến mất và tham vọng làm giàu của ông ta tan thành mây khói.”

“Theo như giả thuyết mới của ông thì cô ấy không hề biến mất phải không?”
Sigurdur Óli hỏi.

“Có chứ, cô ấy đã biến mất.”

“Nhưng ông ta đã giết cô ấy.”

“Thực ra tôi thấy chuyện đó rất khó,”
Erlendur đáp. “Tôi đã đọc vài bức thư Benjamín viết cho vợ chưa cưới và thấy

rằng ông ta không động đến một sợi tóc của cô ấy.”

“Vậy thì đó là vì ghen tuông rồi,” Elínborg – một độc giả cuồng nhiệt của các câu chuyện tình – nhận xét. “Ông ta giết cô ấy vì lòng ghen tuông. Tình yêu của ông ta dành cho cô ấy có thể là thật. Chôn cô ấy dưới đó và không bao giờ quay trở lại đó nữa. Thế là hết.”

“Tôi đang nghĩ là,” Erlendur nói, “chẳng lẽ việc một người đàn ông trẻ tuổi suy sụp khi biết người yêu của mình chết trên tay mình lại là quá đáng ư? Thậm chí nếu cô ấy tự tử thì sao? Tôi thấy rằng Benjamín là một người đàn ông đau khổ sau khi cô ấy mất tích. Có còn gì khác ngoài điều đó nữa hay không?”

“Ông ta có thể giữ một mớ tóc của cô ấy lắm chứ?” Elínborg phân vân. Erlendur nghĩ cô vẫn còn đang chìm đắm trong mớ ảo tưởng nhào nhoẹt. “Có thể là trong một khung ảnh hoặc một hộp lồng ảnh chẳng hạn,” cô nói thêm. “Nếu ông ta yêu cô ấy đến thế.”

“Một mớ tóc ư?” Sigurdur Óli nhắc lại.

“Ông ta thật là tối dạ,” Erlendur nói khi đã bắt kịp được dòng suy nghĩ của Elínborg.

“Ý ông là gì, một mớ tóc ư?” Sigurdur Óli hỏi.

“Nó sẽ cho biết cô ta là ai, nếu như không còn lại dấu vết nào khác.”

“Ai cơ?” Sigurdur Óli nhìn hết người

này đến người khác. “Hai người đang nói đến DNA ư?”

“Còn có một người phụ nữ trên đồi nữa,” Elínborg nói. “Chúng ta phải lần ra cô ta.”

“Người phụ nữ màu xanh lục,” Erlendur trầm ngâm nói, rõ ràng là đang lẩm bẩm một mình.

“Erlendur,” Sigurdur Óli nói.

“Sao cơ?”

“Rõ ràng là cô ấy không thể có màu xanh được.”

“Sigurdur Óli.”

“Sao?”

“Anh nghĩ là tôi là một kẻ ngu ngốc

lắm à?”

Điện thoại trên bàn Erlendur vang lên. Người gọi là Skarphédinn, nhà khảo cổ.

“Chúng tôi đang xuống gần đến nơi rồi,” Skarphédinn nói. “Chúng tôi có thể khai quật toàn bộ bộ hài cốt trong vòng hai ngày nữa hoặc gần thế.”

“Hai ngày cơ à!” Erlendur gầm lên.

“Hoặc gần vậy. Chúng tôi vẫn chưa tìm ra thứ gì có vẻ như một vũ khí cả. Ông có thể nghĩ rằng chúng tôi đang làm việc quá tỉ mỉ, nhưng tôi cho là làm việc cẩn thận sẽ tốt hơn. Ông có muốn đến xem không?”

“Có, tôi đang trên đường đến đây,” Erlendur đáp.

“Ông có thể mua một ít bánh ngọt trên đường đến đây không?” Skarphédinn nói, và Erlendur có thể tưởng tượng ra cái răng nanh màu vàng của ông ta.

“Bánh ngọt ư?”

“Bánh ngọt Đan Mạch ấy,”
Skarphédinn đáp.

Erlendur sập mạnh điện thoại, bảo Elínborg đi cùng mình đến Grafarhort và cử Sigurdur Óli đến tầng hầm của Benjamín để cố tìm kiếm điều gì đó về ngôi nhà gỗ – ngôi nhà mà người thương nhân đã xây nhưng không còn quan tâm gì đến nó nữa sau khi cuộc đời ông rơi vào bế tắc.

Trên đường đến Grafahort, Erlendur

vẫn còn vẫn vợ nghĩ đến những người mất tích và chết trong những cơn bão tuyết. Ông nhớ đến câu chuyện về Jón Austman. Ông ta bị chết cồng, có lẽ là ở Blöndugil năm 1780. Con ngựa của ông ta bị phát hiện với cái cổ họng bị xé toạc, nhưng tất cả những gì còn lại của Jón chỉ là một bàn tay.

Nó được bao bọc trong một cái găng tay len màu xanh.

Bố của Símon là con quái vật xuất hiện trong tất cả những cơn ác mộng của nó. Theo trí nhớ của nó thì luôn là như vậy. Thằng bé sợ con quái vật hơn mọi thứ trên đời, và khi nó tấn công mẹ mình, tất cả những gì mà Símon có thể nghĩ đến

là trở thành người bảo vệ cho mẹ. Nó tưởng tượng ra một cuộc chiến đấu tất yếu giữa một bên là chàng hiệp sĩ oai dũng và bên kia là một con rồng khè ra lửa. Giống như trong các câu chuyện phiêu lưu, chàng hiệp sĩ luôn đánh bại con quái vật, còn trong những giấc mơ của mình, Símon chưa bao giờ chiến thắng.

Con quái vật trong giấc mơ của Símon có tên là Grímur. Nó không bao giờ là người Cha thân yêu của thằng bé, chỉ là Grímur mà thôi.

Símon tỉnh dậy khi Grímur lần ra ba mẹ con họ trong khu tập thể của nhà máy chế biến cá ở Siglufjörður, nó nghe thấy tiếng ông ta thì thào vào tai mẹ nó về

việc ông ta sẽ đưa Mikkelína lên núi và giết chị. Nó nhìn thấy nỗi kinh hoàng trong mắt mẹ, và nó thấy mẹ nó đột nhiên mất tự chủ, lao người vào đầu giường và bất tỉnh. Sau đó Grímur bình tĩnh lại. Nó thấy lúc Grímur tát liên tục vào mặt mẹ nó để gọi mẹ tỉnh dậy. Thằng bé ngửi thấy mùi hôi thối nồng nặc phát ra từ Grímur, nó vùi mặt vào tấm nệm. Sợ quá, Símon cầu xin Jesus hãy mang nó lên thiên đàng ngay lập tức.

Símon không nghe thấy Grímur thì thào gì với mẹ nó nữa. Chỉ nghe thấy tiếng mẹ khóc thút thít. Đây kìm nén, giống như tiếng của một con thú bị thương hòa cùng những tiếng rửa xả của Grímur. Qua khe mắt, thằng bé thấy Mikkelína nhìn chăm chăm vào bóng tối

trong nỗi hoảng sợ không thốt thành lời.

Símon đã thôi cầu xin vị Chúa của mình, thôi không còn nói chuyện với “người anh em tốt Jesus” nữa, dù cho mẹ nó có nói rằng không được đánh mất niềm tin vào Ngài. Tuy không bị mẹ thuyết phục nhưng Símon cũng đã không còn nói với mẹ về hành động bất tín của mình. Qua biểu hiện của mẹ, nó có thể thấy rằng mình đã làm mẹ phật lòng. Nó biết sẽ không có một ai, thậm chí là tất cả các vị thần thánh trên đời, có thể giúp mẹ nó chống lại được Grímur. Theo như những điều mà nó nghe được, Chúa là đấng sáng tạo quyền năng và toàn trí ở cả thiên đường và mặt đất, Chúa đã tạo ra Grímur cũng giống như tất cả mọi người, Chúa để cho con quái vật đó sống và

hành hạ mẹ mình, kéo tóc mẹ lồi quanh sàn bếp và khắc nhổ vào mặt mẹ. Và đôi khi Grímur còn đánh cả Mikkelína, “con què khốn kiếp”, hấn ta gọi như vậy trong lúc đánh đập và nhạo báng chị nó. Thỉnh thoảng hấn đánh cả nó, đá đít hoặc đâm nó, có lần Rrímur đánh mạnh quá đến mức nó bị bật một cái răng hàm trên và chảy máu.

“Lạy người anh em tốt Jesus, người bạn của trẻ em...”

Grímur đã sai lầm khi cho rằng Mikkelína chậm phát triển trí tuệ. Símon có cảm giác rằng chị mình thông minh hơn tất cả mọi người trong nhà cộng lại. Nhưng chị ấy chẳng bao giờ nói nửa lời. Thằng bé chắc chắn rằng chị mình có thể

nói, nhưng chỉ là không muốn nói mà thôi.

Chắc chắn chị nó đã chọn cách yên lặng, vì cái cách mà Mikkelína sợ Grímur cũng giống y như hai anh em nó, có thể còn hơn thế vì đôi lúc Grímur nói đến chuyện ném Mikkelína vào đồng rác cùng với cái xe đẩy tạm bợ của chị nó. Dù gì Mikkelína cũng là “kẻ vô dụng” và Grímur đã chán ngấy việc cứ phải nhìn một “con què” ăn thức ăn do hắn làm ra mà chẳng được tích sự gì, ngoại trừ việc trở thành một gánh nặng. Hắn nói rằng Mikkelína đã biến họ thành một cái nhà kho nực cười, cả gia đình và cả hắn nữa, chỉ vì Mikkelína là một con què.

Grímur chắc chắn Mikkelína có thể

nghe thấy những điều này, và hẳn đã cười
sảng sặc khi thấy vợ hẳn cố gắng một
cách yếu ớt để át đi những lời chửi rủa.
Mikkelína chẳng nề hà gì việc bị hẳn ta
quát mắng hay sỉ nhục, nó chỉ không
muốn mẹ phải chịu đựng khổ sở vì mình.
Simon có thể thấy điều đó khi nhìn chị.
Giữa Mikkelína và nó có mối quan hệ rất
gắn bó, gắn bó hơn rất nhiều so với
Tómas – một đứa khó hiểu và chỉ thui
thui một mình.

Người mẹ biết rằng Mikkelína không
hề bị chậm phát triển trí tuệ hay thể chất.
Cô thường xuyên luyện tập cùng con bé,
nhưng chỉ vào những lúc Grímur không
có nhà. Cô giúp con khởi động đôi chân,
nhắc cánh tay cứng ngắc, quất queo bị
vặn vào phía trong của nó lên và lấy

thuộc mỡ mình tự chế từ thảo dược trên đồi để xoa bóp nửa người bị liệt cho con. Người mẹ thậm chí còn cho rằng một ngày nào đó con mình có thể đi lại được. Cô vòng tay con bé quanh người mình và dìu nó đi chập chững tới lui trên sàn nhà, giục giã nó, động viên nó.

Người mẹ luôn nói chuyện với Mikkelína giống như với một đứa trẻ khỏe mạnh bình thường khác, cô còn yêu cầu Símon và Tómas cũng phải làm như thế. Cô chưa bao giờ loại con bé ra khỏi những công việc mà mấy mẹ con họ cùng làm mỗi khi Grímur ra ngoài. Mẹ và con gái luôn luôn hiểu lẫn nhau. Và các em của nó cũng hiểu nó như thế, hiểu từng cử chỉ, từng biểu hiện trên khuôn mặt của nó. Nói chuyện là việc không cần thiết,

thậm chí nếu Mikkelína biết về ngôn ngữ, con bé cũng không bao giờ sử dụng. Cô đã dạy nó đọc và nó còn ưa thích đọc sách hơn cả việc được đưa ra ngoài sưởi nắng.

Và rồi một ngày lời nói của Mikkelína bắt đầu bật ra, một ngày mùa hè sau khi thế giới lâm vào cảnh chiến tranh và quân đội Anh đến dựng lều trên đồi, khi ấy Símon đưa Mikkelína vào nhà tránh nắng. Cả ngày hôm đó con bé sôi động khác thường, nó lắc lư cái đầu, há miệng và thè lưỡi ra ngoài. Símon đang chuẩn bị đặt chị lên chiếc đi-văng trong bếp vì trời đã sắp tối và bắt đầu trở lạnh thì bất thình lình con bé phát ra tiếng nói khiến mẹ nó giật mình đến nỗi đánh rơi cả cái đĩa vào bồn rửa bát và vỡ tan tành. Quên

khuây đi nổi hoảng sợ của con bé sau sự vụng về đó, cô quay lại và nhìn con không chớp mắt.

“EMAAEMAAA,” Mikkelína nhắc lại.

“Mikkelína!” mẹ thốt lên đầy kinh ngạc.

“EMAAEMAAA,” Mikkelína hét lên, lắc đầu quây quây đầy phấn khích khi thấy mình đã làm được.

Người mẹ từ từ đi lại chỗ con bé như thể không tin nổi vào tai mình, sau đó nhìn con, miệng há hốc, còn Símon dường như thấy mắt mẹ ầng ậng nước.

“Maammmmaa,” Mikkelína nói. Cô bế nó từ tay Símon rồi chậm chậm và nhẹ

nhàng đặt nó lên giường, xoa xoa vào đầu con bé. Trước đây Símon chưa bao giờ thấy mẹ nó khóc, mặc cho Grímur có làm gì với mẹ đi chăng nữa, mẹ cũng không bao giờ khóc. Mẹ nó chỉ kêu thét vì đau, gọi người cứu, van xin ông ta dừng tay lại hoặc là chịu đòn trong câm lặng, nhưng Símon chưa bao giờ thấy mẹ khóc.

Nghĩ rằng mẹ thất vọng, nó vòng tay quanh người mẹ, nhưng mẹ lại bảo nó đừng lo lắng. Đây là điều tuyệt vời nhất mà mẹ từng có trong đời. Thằng bé chắc chắn rằng mẹ nó khóc không phải chỉ vì sức khỏe của Mikkelína mà còn vì nỗ lực của chị nó nữa. Và điều này làm mẹ nó hạnh phúc hơn tất cả những gì mẹ nó cho phép mình cảm nhận được từ trước

đến giờ.

Đó là chuyện cách đây hai năm, và Mikkelína đã dần dần bổ sung thêm vào vốn từ vựng của mình, giờ đây con bé đã nói được cả câu hoàn chỉnh, mặt nó giống như một củ cải lớn, thè lưỡi ra và lắc đầu nguầy nguậy một cách điên cuồng khiến họ nghĩ rằng cái đầu sẽ rơi ra khỏi cơ thể ốm yếu quặt quẹo của con bé mất. Grímur không biết rằng con bé nói được. Mikkelína không bao giờ hé miệng khi có hấn ta ở nhà và người mẹ cũng giấu hấn, bởi vì chưa bao giờ cô để hấn mảy may chú ý gì đến con bé, thậm chí là thành quả tuyệt vời như thế. Mẹ con họ giả vờ như chẳng có chuyện gì xảy ra hay thay đổi. Có đôi lần Símon nghe thấy mẹ nó nói một cách rất thận trọng với

Grímur về việc họ phải tìm người giúp đỡ Mikkelína. Nói rằng con bé có thể trở nên linh hoạt và khỏe mạnh hơn theo thời gian, và nó tỏ ra có năng khiếu học. Nó có thể đọc và đang học viết bằng bàn tay lạnh.

“Nó là một con què,” Grímur đáp. “Đừng bao giờ nghĩ rằng nó có thể làm được gì khác hơn ngoài một con què. Và đừng bao giờ nhắc đến nó trước mặt tao nữa.”

Vậy nên cô thôi không nói nữa, bởi vì cô tuân theo từng lời nói của hắn. Nguồn giúp đỡ duy nhất mà Mikkelína nhận được là từ mẹ nó, Símon và Tómas khi hai anh em nó bế chị ra ngoài và chơi đùa cùng chị.

Símon tránh bố càng xa càng tốt, nhưng dần dần hẳn ta bắt nó phải đi cùng mình. Khi Símon lớn lên, thằng bé có vẻ hữu ích đối với Grímur nên hẳn đưa nó lên Reykjavík và bắt nó khuân đồ dự trữ về nhà. Chuyến đi lên thành phố mất hai tiếng đồng hồ, họ xuống Grafarvogur, qua cầu ở Ellidaár và đi men theo các quận Sund và Laugarnes. Đôi lúc họ đi theo dốc đến Háaleiti và đi qua Sogamýri. Símon đi cách Grímur khoảng bốn năm bước, còn hẳn thì không bao giờ hé răng nói nửa lời hay để ý gì đến thằng bé cho đến khi tổng lên người nó cả đống đồ rồi bắt nó tải về nhà. Quãng đường về nhà mất ba hoặc bốn tiếng đồng hồ, phụ thuộc vào sức nặng của đống hàng mà Símon phải vác. Đôi

lúc Grímur ở lại thành phố và không về
đôi trong nhiều ngày liền.

Khi chuyện đó xảy ra, cả nhà họ bùng
lên một niềm vui khôn tả.

Trên đường đến Reykjavík, Símon
phát hiện ra một đặc điểm của Grímur
mà nó mất khá lâu để cố gắng tìm hiểu
mà vẫn không hiểu hết. Ở nhà, Grímur
cáu kỉnh và hung tợn, hấn ghét người
khác nói chuyện với mình, khi buộc phải
nói, hấn ăn nói tục tĩu và gọi vợ con bằng
những cái tên thô bỉ. Hấn bắt vợ con phải
phục tùng tất cả mọi nhu cầu của mình và
chửi mắng những ai không làm tròn
nhiệm vụ. Nhưng khi tiếp xúc với người
ngoài, con quái vật dường như nấu mình
sau lớp vỏ và lại trở thành một con

người thực thụ. Trong chuyến đi đầu tiên của Simon đến Reykjavík, nó nghĩ rằng Grímur sẽ cư xử giống như với mẹ con nó ở nhà, lúc nào cũng cần nắn và đấm, thui. Nó rất sợ chuyện đó, nhưng điều đó không bao giờ xảy ra. Mà ngược lại. Đây bất ngờ, Grímur muốn làm vừa lòng tất cả mọi người. Hắn ta nói chuyện râm ran với người lái buôn, cúi rạp đầu chào kính cẩn với tất cả những người đến cửa hàng. Hắn ta gọi tên họ một cách trịnh trọng, thậm chí còn mỉm cười, bắt tay họ nữa. Đôi lúc Grímur tình cờ gặp những người hắn ta quen, hắn cười lên ha hả chứ không phải là điệu cười khàn khàn kỳ cục và khô khốc thường bật ra khi phỉ báng vợ mình. Khi mọi người chỉ vào Simon, Grímur đưa tay lên đầu thẳng bé

và nói “Vâng, con trai tôi đây, lớn tướng rồi.” Lần đầu Símon cúi đầu né tránh vì sợ bị đòn, nhưng Grímur lại đùa cợt với người ta về điều đó.

Símon phải mất rất nhiều thời gian mới hiểu ra sự hai mặt kỳ cục của Grímur. Nó không thể nhận ra được vẻ bề ngoài lạ lùng của bố nó. Nó không thể hiểu được tại sao Grímur có thể là một người như thế ở nhà nhưng khi ra đường hẳn lại là một con người hoàn toàn khác. Símon không thể hiểu được tại sao hẳn lại có thể bợ đỡ, khúm núm và cúi đầu lịch sự đến thế, trong khi đó ở nhà hẳn ta giống như một người có quyền uy tối thượng, ban ra sự sống và cái chết. Khi Símon nói lại chuyện này với mẹ, bà chỉ lắc đầu chán nản và nhắc nhở thằng bé, y

như mọi khi, là phải cảnh giác với Grímur, chú ý không được kích động hẳn. Không cần biết ai là người làm hẳn ta điên lên, Símon, Tómas hay Mikkelína, hay chuyện gì xảy ra khi Grímur không ở nhà khiến hẳn ta lồng lộn, Grímur luôn luôn đánh đập vợ mình.

Đôi khi những vụ đánh đập xảy ra cách nhau mấy tháng liền, thậm chí là cả năm trời, nhưng có khi chúng lại diễn ra khá thường xuyên, thậm chí là hàng tuần. Tần suất giận dữ của hẳn cũng biến đổi khôn lường. Có khi là một quả đấm bất thành linh, có khi hẳn rơi vào cơn thịnh nộ không kiểm soát nổi đến nỗi đánh vợ gục xuống sàn và đá cô không thương tiếc.

Đè nặng lên cả gia đình không chỉ là bạo hành về thân thể. Ngôn ngữ mà hắn ta dùng giống như một cái roi quất vào mặt. Tất cả đều là những lời đả kích thậm tệ nhắm vào Mikkelína, rằng nó là một con què vô tích sự, rồi nguyên rủa Tómas là một thằng chuyên đái dâm vào ban đêm và chửi bới Símon hành động chẳng khác nào một thằng con hoang lười như hủi. Kể cả những điều mẹ nó bị buộc phải nghe trong khi mấy anh em nó cố gắng bịt tai lại để tránh.

Grímur không thèm đếm xỉa gì đến chuyện con cái chứng kiến hắn đánh đập hay sỉ nhục vợ bằng những từ sắc như dao cạo.

Thời gian còn lại, hắn gần như không

bao giờ chú ý gì đến chúng, cư xử cứ như thể không còn ai tồn tại ngoài hẳn. Thỉnh thoảng lắm hẳn mới chơi bài với hai đứa con trai và thậm chí còn để Tomás thắng. Đôi lúc, vào ngày Chủ nhật, cả nhà họ kéo nhau lên Reykjavík và hẳn còn mua kẹo cho chúng nữa. Rất hiếm khi Mikkelína được cho đi cùng, và trong những lần như thế, Grímur bố trí nhờ một chiếc xe tải chở than đá để khỏi phải bế con bé từ trên đồi xuống. Trong những chuyến đi rất hiếm hoi và cách nhau rất xa ấy, Símon có cảm giác bố nó gần như là một con người thực sự, gần như là một người cha.

Có vài lần Símon nhìn nhận bố mình không giống như một kẻ bạo ngược, ông ta bí ẩn và khó hiểu. Một lần hẳn ngồi

uống cà phê ở bàn ăn trong lúc quan sát Tomás chơi trên sàn nhà, hắn xoa xoa bàn tay lên mặt bàn và bảo Símon mang cho mình một cốc cà phê khác khi nó đang chuẩn bị lên ra khỏi bếp. Và khi Símon rót cà phê cho hắn, hắn nói:

“Cứ nghĩ về chuyện đó là tao lại phát điên lên.”

Símon dừng tay lại, hai tay bê lấy bình cà phê và đứng bên cạnh bố.

“Phát điên lên được,” hắn nói trong lúc tay vẫn xoa xoa trên mặt bàn.

Símon chậm chậm lùi về đằng sau và đặt cái bình xuống mặt lò nướng.

Nhìn Tomás chơi trên sàn, Grímur nói:

“Tao phát điên lên khi nghĩ rằng mình không thể lớn tuổi hơn thằng đó.”

Símon chưa bao giờ tưởng tượng ra bố nó trông như thế nào nếu trẻ hơn, hay là có gì khác. Giờ đây, đột ngột, bố nó trở thành một đứa trẻ cũng giống như Tomás, và một khía cạnh hoàn toàn mới mẻ trong tính cách của bố nó được bộc lộ.

“Mày và Tomás là bạn bè phải không?”

Símon gật đầu.

“Phải không?” hấn nhắc lại, và Símon nói “Vâng.”

Bố nó vẫn xoa cái bàn.

“Chúng tao cũng đã từng là bạn.”

Sau đó hắn im lặng.

“Người phụ nữ đó,” cuối cùng Grímur nói. “Tao đã bị gửi đến đó. Lúc bằng tuổi Tomás bây giờ. Ở đó rất nhiều năm.” Hắn lại im lặng.

“Và chồng cô ấy.”

Hắn thôi không xoa mặt bàn nữa mà xiết chặt tay lại.

“Thằng chó đê ấy. Thằng chó đê khôn kiếp ấy.”

Símon chậm chậm lùi ra sau. Sau đó bố nó dường như đã lấy lại bình tĩnh.

“Ngay cả tao cũng không hiểu chuyện đó,” Grímur nói. “Và tao không thể kiểm soát được nó.”

Hắn uống hết cà phê, đứng lên, đi vào phòng ngủ và đóng cửa. Trên đường đi, hắn nhắc Tomás từ sàn nhà lên và đưa nó đi cùng mình.

Thời gian trôi đi, Símón cảm thấy có sự thay đổi ở mẹ nó khi nó dần lớn lên, trưởng thành hơn và cảm thấy có trách nhiệm hơn. Chuyện đó xảy ra không nhanh chóng giống như khi Grímur đột ngột lột xác và trở thành một người bình thường; ngược lại, mẹ nó đã thay đổi từ từ và ít một, trong khoảng thời gian nhiều năm. Và nó nhận ra ý nghĩa đằng sau sự thay đổi đó, trong nó dấy lên một cảm giác muốn phủ nhận tất cả. Cảm giác của nó càng ngày càng rõ rệt rằng sự thay đổi của mẹ nó rất nguy hiểm, không thua kém gì so với Grímur, và chắc chắn nó phải

có trách nhiệm can thiệp trước khi quá muộn. Mikkelína thì quá yếu còn Tómas thì còn quá nhỏ. Một mình nó cũng có thể giúp được mẹ.

Símon khó có thể hiểu được sự thay đổi này, càng không hiểu thay đổi như thế có nghĩa là gì, nhưng nó dần dần để ý đến chuyện đó nhiều hơn trong khoảng thời gian Mikkelína phát ra được tiếng nói đầu tiên. Sự tiến bộ của Mikkelína khiến mẹ nó vui mừng khôn xiết. Có đôi lúc trông cô dường như mất hẳn vẻ u uẩn thường ngày, cô cười và ôm tất cả các con vào lòng. Thời gian sau đó cô dạy Mikkelína học cách nói và vui sướng trước những tiến triển thậm chí là nhỏ nhất của con gái.

Nhưng chẳng bao lâu sau, mẹ nó lại trở về thói quen như cũ, như thể là sự u uất trước đây rời bỏ cô bây giờ lại quay trở lại với cường độ mạnh hơn rất nhiều lần. Đôi khi cô ngồi bên giường, nhìn chăm chăm vào khoảng không nhiều giờ liền sau khi đã lau chùi từng hạt bụi trong ngôi nhà nhỏ bé của họ. Cô nhìn trùng trùng không chớp, hai mắt lim dim trông thật khổ sở, gương mặt sàu thắm, đầy cô độc. Có lần, sau khi Grímur đâm vào mặt cô xong và lao ra ngoài, Símon thấy mẹ nó cầm con dao thái thịt, lòng bàn tay ngửa lên và lướt nhẹ lưỡi dao quanh cổ tay. Khi thấy con nhìn mình, cô mỉm cười nhăn nhó và đặt con dao trở lại vào ngăn kéo.

“Mẹ lấy dao ra làm gì thế?” Símon

hỏi.

“Mẹ kiểm tra xem nó có sắc không ấy mà. Ông ấy luôn yêu cầu dao phải được mài thật sắc.”

“Ồ thành phố trông ông ấy khác hẳn,” Símôn nói. “Ông ấy chẳng cái gì chột chút nào.”

“Mẹ biết.”

“Ồ đó ông ta rất vui vẻ, lại còn cười nữa mẹ ạ.”

“Ừ.”

“Tại sao ở nhà ông ấy lại không như thế nhỉ? Với chúng ta ấy?”

“Mẹ không biết. Ông ấy không thấy thoải mái cũng nên.”

“Con ước là ông ta không như thế này. Con ước ông ta chết đi.”

Mẹ nó nhìn nó.

“Không được nói thế. Con đừng nói năng giống như ông ta. Con không được nghĩ như thế. Con không giống ông ta và sẽ không bao giờ giống hết. Cả con và Tomás. Không bao giờ. Con nghe rõ chưa? Con không được phép.”

Símon nhìn mẹ.

“Mẹ kể về bố của chị Mikkelína cho con nghe đi,” nó nói. Có đôi lần Símon nghe thấy mẹ kể về người đàn ông đó với Mikkelína và nó cố gắng hình dung ra xem mẹ nó sẽ như thế nào nếu ông ấy không chết và để lại mẹ nó một mình. Nó

tưởng tượng mình là con của người đàn ông đó, hình dung ra một gia đình mà bố nó không phải là con quái vật, ông ấy là một người bạn, một người thân luôn hết lòng yêu thương con cái của mình.

“Ông ấy chết rồi,” mẹ nó đáp, giọng đầy tiếc nuối. “Và chỉ thế thôi.”

“Nhưng ông ấy khác,” Simon nói. “Mẹ sẽ sống khác.”

“Nếu như ông ấy không chết ư? Nếu như Mikkelína không bị ốm ư? Nếu mẹ không gặp bố con ư? Nghĩ như thế thì có ích gì cơ chứ?”

“Tại sao ông ấy lại luôn cáu giận như vậy hả mẹ?”

Thằng bé cứ hỏi đi hỏi lại điều này.

Đôi khi mẹ nó trả lời, đôi khi mẹ nó chẳng nói câu nào như thể chính cô cũng đã cố tìm ra câu trả lời cho câu hỏi đó trong nhiều năm ròng mà chưa bao giờ giải đáp được. Cô chỉ nhìn chằm chằm vào khoảng không, chìm đắm vào thế giới riêng của mình và tự nói một mình đầy buồn bã và xa vắng, như thể là mình có nói hay làm gì đi chăng nữa cũng chẳng ích gì.

“Mẹ không biết. Mẹ chỉ biết rằng chúng ta không có lỗi gì hết. Đó không phải là lỗi của chúng ta. Mọi chuyện là tại ông ta cả. Lúc đầu mẹ tự đổ lỗi cho mình, cố gắng tìm xem mình có làm gì sai trái khiến ông ta tức giận không, và mẹ đã cố gắng thay đổi điều đó. Nhưng mẹ không bao giờ hiểu được nguyên nhân

đó là gì, và mẹ có làm gì đi chăng nữa thì cũng chẳng có gì khác cả. Mẹ đã không còn tự trách mình nhiều năm rồi và mẹ không muốn con, Tomás hay Mikkelína nghĩ rằng vì mình mà ông ta cư xử như vậy. Ngay cả khi ông ta nguyên rủa hay sỉ nhục các con cũng thế. Đó không phải là lỗi của các con.”

Bà nhìn Símon.

“Cái thứ sức mạnh nhỏ bé mà ông ta có trên đời này là cai trị chúng ta, và ông ta không bao giờ có ý định từ bỏ nó. Không bao giờ.”

Símon nhìn vào cái ngăn kéo đựng dao.

“Chúng ta không làm được gì sao

me?”

“Không.”

“Mẹ định lấy dao làm gì thế?”

“Mẹ nói với con rồi mà. Mẹ chỉ kiểm tra xem nó sắc đến đâu thôi. Ông ta muốn dao trong nhà phải thật sắc.”

Símon tha thứ cho việc mẹ nó nói dối, vì nó biết rằng bà đang cố gắng, như bà vẫn luôn như thế, bảo vệ ông ta, che chở cho ông ta và tìm cách để cho cuộc sống gia đình khủng khiếp của họ ít ảnh hưởng bởi ông ta nhất.

Buổi tối hôm đó, khi Grímur về đến nhà, người ngợm đen thui vì bụi than, tinh thần hấn thoải mái đến kỳ lạ. Hấn kể

cho vợ điều gì đó hẳn nghe được ở Reykjavík. Grímur ngồi xuống ghế đầu, bảo vợ mang cà phê cho mình và nói rằng người ta nhắc đến tên cô trong xưởng làm việc của hẳn. Hẳn không hiểu tại sao, nhưng những người thợ mỏ nói rằng cô là một trong số những đứa trẻ được sinh ra sau ngày tận thế ở nhà máy sản xuất khí đốt.

Cô xoay lưng về phía Grímur và không nói năng gì. Símon đứng cạnh bàn còn Tomás và Mikkelína đã ra ngoài.

“Ồ nhà máy sản xuất khí đốt ư!?”

Sau đó Grímur cười khùng khục. Đôi khi hẳn ho ra những cục đờm đen kịt vì bụi than, quanh miệng, mắt và tai, chỗ nào cũng một màu tối thui.

“Trong một cuộc vui điên cuồng ở một cái kho chứa ga khôn kiếp!” hấn quát lên.

“Không phải đâu,” cô nhẹ nhàng nói, và Símon rất ngạc nhiên vì rất ít khi nó thấy mẹ nó phản đối những gì Grímur nói. Nó nhìn mẹ chăm chăm, cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng.

“Bọn chúng làm tình và uống say túy lúy suốt đêm vì chúng nghĩ ngày tận thế đã đến, và đó là lý do tại sao mà được sinh ra, đồ đĩ ạ.”

“Họ nói dối đấy,” cô nói, kiên quyết hơn lúc trước, nhưng vẫn không nhìn lên mà chỉ tập trung vào công việc của mình ở bồn rửa bát. Lưng cô vẫn xoay về phía Grímur, hai bờ vai nhỏ bé nhô lên như thể cô muốn trốn vào giữa chúng.

Grímur thôi không cười nữa.

“Mày gọi tao là thằng nói láo phải không?”

“Không,” cô nói, “nhưng chuyện đó không đúng. Đó chỉ là chuyện hiểu lầm thôi.”

Grímur đứng lên.

“Đó chỉ là chuyện hiểu lầm thôi,” hắn nhại lại lời cô.

“Em biết thời gian người ta xây cái kho chứa ga mà. Em được sinh ra trước đó.”

“Tao lại không nghe thấy thế. Tao nghe nói là mẹ mày là một con điếm còn bố mày là một gã lang thang, bọn chúng đã vứt mày vào thùng rác sau khi đẻ ra

mày.”

Lúc đó ngăn kéo đang mở, cô nhìn chằm chằm xuống đó và Símôn thấy mẹ nó liếc nhìn con dao thái thịt to bản. Cô nhìn Símôn rồi lại nhìn xuống con dao, và đó là lần đầu tiên nó tin rằng mẹ nó có khả năng sử dụng con dao đó.

Skarphédinn đã cho dựng một cái lều lớn màu trắng trên khu vực khai quật và khi Erlendur bước vào trong để tránh ánh nắng mặt trời mùa xuân, ông đã được tận mắt chứng kiến sự tiến triển chậm chạp đến khó tin của họ. Chỗ móng nhà, họ đã cắt ra một khu vực rộng mười mét vuông và bộ xương chìm vào một rìa của đồng đất đỏ. Cánh tay vẫn chĩa lên trên như trước, hai người đàn ông đang quỳ xuống, tay cầm bàn chải và thìa, cào cào chỗ đất bẩn và quét nó vào những cái đĩa.

“Làm thế này không phải là mất công lắm sao?” Erlendur hỏi khi thấy Skarphédinn lại chỗ mình để chào. “Các

ông mà cứ làm thế này thì chẳng bao giờ xong được.”

“Các ông không bao giờ cẩn thận trong một cuộc khai quật cả,” Skarphédinn vẫn nói đầy ngạo mạn. Ông ta tự hào vì phương pháp của mình đang mang lại kết quả. “Và các ông, tất cả mọi người, phải chú ý đến điều đó,” ông ta nói thêm.

“Các ông không phải là đang thực tập đây chứ?”

“Thực tập ư?”

“Môn khảo cổ học ấy? Đây không phải là lớp ông dạy ở đại học sao?”

“Nghe này, Erlendur. Chúng tôi đang làm việc có phương pháp. Không còn cách nào khác cả. Tin tôi đi.”

“Phải, có thể không cần phải vội vã,”
Erlendur đáp.

“Cuối cùng rồi chúng tôi cũng sẽ đến
nơi thôi,” Skarphédinn nói, liếm lưỡi
vào chỗ răng nanh.

“Người ta nói với tôi rằng ông bác sĩ
đang ở Tây Ban Nha,” Erlendur nói.
“Ông ấy sẽ không trở về trong vài ngày
nữa. Nên chúng ta có nhiều thời gian, tôi
nghĩ vậy.”

“Ai có thể nằm ở dưới đó chứ?”
Elínborg hỏi.

“Chúng tôi không thể xác định được
đó là đàn ông hay đàn bà, một người trẻ
hay một người già,” Skarphédinn đáp.
“Và có lẽ đó không phải là việc của

chúng tôi. Nhưng tôi cho rằng không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vụ giết người.”

“Đó có thể là một người phụ nữ trẻ đang mang thai không?” Erlendur hỏi.

“Chúng tôi sẽ giải quyết chuyện đó sớm thôi.” Skarphédinn nói.

“Sớm ư?” Erlendur hỏi. “Không thể được nếu tiến độ của chúng ta cứ chậm mãi thế này.”

“Kiên nhẫn là một đức hạnh,” Skarphédinn nói. “Hãy nhớ điều đó.”

Nếu Elínborg không xen vào thì Erlendur đã nói cho ông ta biết phải cắm cái đức hạnh của mình vào đâu.

“Vụ giết người không nhất thiết là phải

liên quan đến chỗ này,” cô đột ngột nói. Cô đã đồng ý với phần đa những điều mà Sigurdur Óli nói ngày hôm qua khi anh ta chỉ trích Erlendur vì đã quá mải mê với linh cảm đầu tiên của mình về những mẫu xương: rằng cái người nằm dưới đó đã từng sống trên đồi, thậm chí là ở một trong số những ngôi nhà gỗ đó. Theo ý kiến của Sigurdur Óli, thật là ngu ngốc nếu họ chỉ tập trung vào một ngôi nhà từng ở đó và vào những người từng sống ở đó. Trong lúc Erlendur đến bệnh viện thì Sigurdur Óli thao thao trình bày bài thuyết giáo của mình, nhưng Elínborg vẫn quyết định nghe theo cái nhìn của Erlendur về vấn đề này.

“Người này có thể bị giết ở... xem nào, ở phía Tây thành phố và được mang

đến đây,” cô nói. “Chúng ta không thể chắc chắn được là vụ giết người diễn ra trên đồi. Tôi đã thảo luận vấn đề này với Sigurdur Óli ngày hôm qua.”

Erlendur lục lọi trong túi áo khoác của mình cho đến khi tìm thấy cái bật lửa và bao thuốc. Skarphédinn nhìn ông với ánh mắt khinh khỉnh.

“Ông không được hút thuốc trong lều,” ông ta gầm gừ.

“Chúng ta ra ngoài,” Erlendur nói với Elínborg. “Chúng ta không nên làm cho đức hạnh mất đi sự kiên nhẫn vốn có của nó.”

Họ ra khỏi lều và Erlendur châm thuốc.

“Tất nhiên là hai người đúng,” ông nói. “Không có gì đảm bảo chắc chắn là vụ giết người, nếu đó đúng là một vụ giết người thật, xảy ra ở đây. Theo quan sát của tôi,” ông nói tiếp sau khi thở ra một hơi khói đặc, “chúng ta có ba giả thuyết hợp lý như nhau. Thứ nhất, người đó là vợ chưa cưới của Benjamín Knudsen, cô ta có thai, biến mất, và tất cả mọi người đều nghĩ rằng cô ta đã lao ra biển. Vì một số lí do nào đó, có thể là vì ghen tuông như cô nói, ông ta giết vợ chưa cưới của mình rồi giấu xác ở ngôi nhà này, rồi sau đó trở thành một con người hoàn toàn khác trước. Thứ hai, có người nào đó đã bị giết ở Reykjavík, thậm chí là ở Keflavík, Akranes hay bất cứ đâu quanh thành phố, sau đó bị mang xác đến

chôn ở đây rồi bị lãng quên. Thứ ba, có khả năng những người sống trên đồi này đã phạm tội giết người, họ chôn xác chết ở ngưỡng cửa nhà mình vì họ không còn nơi nào khác để chôn nữa. Đó có thể là một người đi du lịch, một vị khách, hoặc một trong số những người Anh đã đến đây trong chiến tranh và dựng trại ở phía bên kia quả đồi, cũng có thể là một trong số những người Mỹ tiếp quản vùng này từ người Anh, hoặc có thể là một thành viên trong gia đình.” Erlendur ném cái đầu lọc xuống gần chân và dập tắt nó. “Cá nhân tôi, không hiểu tại sao, lại nghiêng về giả thuyết cuối cùng hơn cả. Giả thuyết về người vợ chưa cưới của Benjamín có vẻ dễ dàng nhất, nếu chúng ta có thể so sánh mẫu DNA của cô ấy với

bộ xương. Giả thuyết thứ ba có vẻ khó
nhần nhất, vì chúng ta đang nói đến một
người bị mất tích, cứ cho là vụ mất tích
đó đã được trình báo, ở một khu vực
rộng lớn, đông dân cư, cách đây quá lâu
rồi. Phương án đó rất rộng.”

“Nếu chúng ta tìm ra được một phi
thai cùng với bộ xương, không phải là
chúng ta gần như đã có câu trả lời ư?”
Elínborg nói.

“Đó sẽ là giải pháp gọn gàng nhất, như
tôi đã nói. Việc phụ nữ mang bầu có
được lưu trong hồ sơ không?” Erlendur
hỏi.

“Ý ông là sao?”

“Chúng ta có thể biết đích xác chuyện

đó không?”

“Ý ông là Benjamín có thể đã nói dối ư? Và cô ta không phải là đã mang thai ư?”

“Tôi không biết. Cô ấy có thể mang thai thật, nhưng không nhất thiết là bởi ông ta.”

“Cô ta lừa dối ông ấy sao?”

“Chúng ta cứ tha hồ mà suy đoán cho đến khi mấy ông khảo cổ cung cấp cho chúng ta một vài thông tin nào đó.”

“Chuyện gì có thể xảy ra với người đó nhỉ?” Elínborg thở dài, bản khoản về bộ xương đang nằm dưới đất.

“Có thể là họ đáng bị như thế,” Erlendur đáp.

“Sao cơ?”

“Người đó ấy. Dù sao chẳng nữa thì cũng cứ hy vọng là như thế. Hãy cứ hy vọng rằng người đó không phải là vô tội.”

Suy nghĩ của ông hướng về Eva Lind. Con bé có đáng phải nằm như thế ở khu chăm sóc đặc biệt, thừa sống thiếu chết như thế không? Đó có phải là lỗi của mình không? Có ai phải chịu trách nhiệm ngoài con bé không? Có phải việc nó rơi vào hoàn cảnh này là do tất cả những gì nó gây ra không? Chuyện nó nghiện ma túy có phải là việc riêng của nó không? Hay là chính bản thân ông cũng có phần trong đó? Con bé khẳng định là ông có lỗi, nó đã nói với ông như thế khi cảm

thấy ông không công bằng với mình.

“Đáng lý ra bố không bao giờ nên rời bỏ chúng con,” có lần nó đã quát vào mặt ông như thế. “Được thôi, bố khinh thường con. Nhưng ngay cả bố cũng chẳng tốt đẹp hơn con đâu. Bố cũng chỉ là một kẻ đồi bại chết tiệt!”

“Bố không khinh thường con,” ông nói, nhưng con bé thậm chí còn chẳng thèm nghe ông nói.

“Bố nhìn con như một đồng phân vậy,” nó quát lên, “Như thể là bố quan trọng hơn con vậy. Như kiểu bố giỏi giang, tốt đẹp hơn vậy. Như kiểu bố tốt đẹp hơn con, mẹ và Sindri vậy. Bỏ ba mẹ con con như thể bố là một kẻ xuất chúng lắm, rồi lờ tịt chúng con đi. Giống như là, giống

như bố là một lão Thượng đế khôn kiếp.”

“Bố đã cố gắng...”

“Bố chẳng cố gắng cái quái gì cả! Bố cố gắng làm gì mới được chứ? Chẳng có gì cả. Mẹ kiếp. Lùi đi như một lè lén lút vậy.”

“Bố chưa bao giờ khinh thường con,” ông nói. “Không phải thế đâu. Bố không hiểu tại sao con lại nói thế.”

“Ồ vâng, bố có đấy. Thế nên bố mới bỏ đi. Bởi vì chúng con quá tầm thường. Tầm thường đến mức tệ hại, khiến bố không thể chịu đựng được. Hỏi mẹ mà xem! Bà ấy biết đấy. Bà ấy nói rằng tất cả là do lỗi của bố. Tất cả. Lỗi của bố. Ngay cả hoàn cảnh của con lúc này cũng

thê. Bô nghĩ thê nào về chuyện đó, thưa ngài Thượng đế khôn nạn?”

“Không phải tất cả những điều mẹ con nói đều đúng. Bà ấy tức giận và cay nghiệt và...”

“Tức giận và cay nghiệt! Giá mà bố biết được bà ấy tức giận, cay nghiệt, ghét cay ghét đắng bố và con cái bà ấy đến mức nào, bởi vì việc bố bỏ đi không phải là lỗi của bà ấy. Bởi vì bà ấy là Đức mẹ đồng trinh Mary khôn kiếp. Đó là lỗi CỦA CHÚNG CON. Sindri và con. Bố không hiểu đâu, lão già ngu ngốc khôn kiếp ạ. Bố không thể hiểu được đâu, lão già ngu ngốc khôn kiếp ạ...”

“Erlendur?”

“Gì thế?”

“Ông không sao chứ?”

“Ồn mà. Tôi rất ồn là đằng khác.”

“Tôi sẽ ghé qua nhà con gái Róbert một chút.” Elínborg hươ hươ tay trước mặt ông như thể ông đang bị thôi miên. “Ông chuẩn bị đến Đại sứ quán Anh hả?”

“Sao cơ?” Erlendur quay trở về thực tại. “Được, cứ làm như thế đi,” ông nói mơ hồ. “Cứ làm như thế đi. Và còn điều này nữa, Elínborg.”

“Sao cơ?”

“Gọi nhân viên y tế quận đến đây để kiểm tra về những khúc xương khi chúng đã được đào hết lên. Skarphédinn dốt đặc cán mai. Càng lúc ông ta càng nhắc

cho tôi nhớ đến một kẻ quái dị trong câu chuyện của anh em nhà Grimm.”

Trước khi Erlendur đến Đại sứ quán Anh, ông lái xe đến quận Vogar và đỗ cách căn hộ dưới tầng hầm mà Eva Lind từng sống ở đó một đoạn ngắn. Ông nhớ lại đứa bé mà ông tìm thấy ở căn hộ với những vết bỏng do thuốc lá gây ra trên người. Ông biết rằng đứa bé đã được mang đi xa khỏi mẹ nó và được chăm sóc tử tế, và ông cũng biết rằng người đàn ông sống cùng cô ta là bố đứa trẻ. Một cuộc điều tra nhanh đã hé lộ rằng năm ngoái người mẹ đã hai lần đến bệnh viện Tai Nạn và Cấp cứu, một lần bị gãy tay và lần khác bị thương toàn thân mà cô ta nói rằng do bị tai nạn trên đường.

Một cuộc kiểm tra đơn giản cũng đã

chỉ ra rằng chồng cô ta đã có tên trong sổ cảnh sát, mặc dù không phải là vì bạo lực. Hẳn ta đang chờ án tù vì tội trộm cướp và buôn ma túy. Có lần hẳn ta đã phải ngồi tù do nhiều tội nhỏ góp lại. Một trong số đó là ăn cắp trong các cửa hàng.

Erlendur ngồi trong xe một lúc lâu để theo dõi cửa ra vào của ngôi nhà. Ông cố nhịn không hút thuốc và đang chuẩn bị lái xe đi thì cánh cửa mở ra. Một gã đàn ông bước ra, khói thuốc lá mờ mịt, hẳn ta búng điếu thuốc vào khu vườn phía trước. Hẳn cao tầm thước, dáng người đô con, tóc đen, dài, mặc đồ đen từ đầu đến chân. Hình dáng hẳn giống hệt như mô tả trong hồ sơ của cảnh sát. Khi hẳn đã biến mất ở góc đường, Erlendur lặng

lễ lái xe đi.

Con gái Róbert đón Elínborg ở cửa ra vào. Elínborg đã gọi điện từ trước. Người phụ nữ đó tên là Harpa, bà ta ngồi cố định trên chiếc xe đẩy, đôi chân teo tóp và khô héo, nhưng thân mình và hai tay vẫn còn khỏe mạnh.

Elínborg có đôi chút ngỡ ngàng nhưng cô không nói gì. Harpa mỉm cười và mời cô vào nhà. Bà để cửa mở, Elínborg theo sau và đóng cửa lại. Ngôi nhà nhỏ nhưng ấm áp, được xây phù hợp với điều kiện của chủ nhân.

“Tôi rất tiếc về chuyện của bố bà,” Elínborg nói trong lúc đi theo bà vào phòng khách.

“Cảm ơn cô,” người phụ nữ ngồi trên xe lăn đáp. “Ông ấy đã già lắm rồi. Tôi mong là mình không thọ đến thế. Tôi không ghét điều gì bằng việc cuối đời trở thành một bệnh nhân trong bệnh viện, chờ mòn mỏi để được ra đi. Chết dần chết mòn trong đó.”

“Chúng tôi đang điều tra về những người từng sống trong ngôi nhà gỗ ở Grafarholt, bên mạn Bắc,” Elínborg nói. “Không cách xa nhà bà lắm. Trong thời chiến hoặc khoảng thời gian đó. Chúng tôi đã nói chuyện với bố bà ngay trước khi ông ấy mất và ông ấy có nói rằng ông biết một gia đình sống ở đó, nhưng đáng tiếc là ông ấy không thể nói thêm được gì nữa.”

Elínborg nhớ lại cái mặt nạ trên mặt Róbert, sự hụt hơi và đôi tay xanh xao của ông ta.

“Cô nói rằng các cô đã tìm thấy một vài khúc xương,” Harpa nói trong lúc vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán. “Chương trình thời sự có đưa tin.”

“Phải, chúng tôi phát hiện ra một bộ xương ở đó và đang cố gắng điều tra xem người đó là ai. Bà có nhớ gia đình mà bố bà nhắc đến không?”

“Hồi chiến tranh lan đến Iceland, tôi mới có bảy tuổi,” Harpa nói. “Tôi nhớ những người lính ở Reykjavík. Chúng tôi sống trong nội thành, nhưng tôi không biết tất cả chuyện đó là gì. Họ cũng ở trên đồi, phía Nam ấy. Họ cho dựng

doanh trại và boong-ke. Trên boong-ke có một khe hở dài, nòng của một khẩu đại bác chĩa ra ở đó. Tất cả những điều đó rất ấn tượng. Bố mẹ bảo anh em tôi không được đến gần chỗ đó. Tôi nhớ mang máng là có hàng rào bao quanh đó. Dây thép gai thì phải. Chúng tôi không đi bằng đường đó nhiều lắm. Phần lớn thời gian chúng tôi ở trong ngôi nhà bố xây, chủ yếu là vào mùa hè, và dĩ nhiên là chúng tôi biết rất ít về hàng xóm xung quanh.”

“Bố bà nói rằng trong ngôi nhà đó có ba đứa trẻ. Có thể họ ngang tầm tuổi bà.” Elínborg liếc nhìn xuống cái xe đẩy của Harpa. “Có thể bà không đi lại nhiều.”

“Ồ, chắc chắn rồi,” Harpa nói, gõ gõ

khớp ngón tay vào chiếc xe đẩy. “Về sau chuyện này mới xảy ra. Hồi ba mươi tuổi tôi bị tai nạn xe hơi. Tôi không nhớ có đứa trẻ nào trên đời cả. Tôi nhớ những đứa khác ở những ngôi nhà khác, nhưng không nhớ đứa nào trên đó.”

“Có mấy bụi cây lý chua gần chỗ ngôi nhà cũ nơi chúng tôi phát hiện ra bộ xương. Bố bà có nói đến một cô gái thường đến đó, sau này, tôi nghĩ vậy. Cô ấy đến đó rất nhiều lần... Tôi nghĩ rằng ông ấy nói thế... có thể mặc đồ màu xanh lục và cô ấy bị méo mó.”

“Bị méo mó ư?”

“Ông ấy đã nói vậy, hoặc đúng ra là viết vậy.”

Elínborg lấy ra tờ giấy mà Róbert đã viết và đưa nó cho Harpa.

“Hình như đây là thời gian mà bà vẫn còn sở hữu ngôi nhà đó,” Elínborg nói. “Tôi biết là bà đã bán nó sau năm 1970.”

“1972,” Harpa nói.

“Bà có để ý thấy người phụ nữ này không?”

“Không, và tôi chưa bao giờ nghe thấy bố tôi nói về cô ấy. Tôi rất tiếc vì không giúp được gì cho cô, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy cô ấy và không biết gì về cô ấy cả, mặc dù tôi có nhớ những người sống ở nơi mà cô nói đến.”

“Bà có hiểu ý của bố bà khi ông ấy

nói là ‘bị méo mó’ không?”

“Đúng như ý nghĩa của nó thôi. Ông ấy luôn nói những gì mình nghĩ, chẳng có gì khác cả. Ông ấy là một người rất kỹ tính. Một người đàn ông tốt. Tốt với tôi. Nhất là sau vụ tai nạn xảy đến với tôi. Và khi chồng tôi bỏ rơi tôi – ông ta chịu đựng chuyện đó khoảng ba năm sau vụ tai nạn, rồi ông ta ra đi.”

Elínborg nghĩ rằng mình đã thấy một nụ cười, nhưng chẳng có nụ cười nào hiện lên trên mặt bà ta cả.

Nhân viên Đại sứ quán Anh chào đón Erlendur với phép lịch sự và sự đứng đắn chuẩn mực đến mức ông gần như phải cúi đầu cảm ơn ông ta. Người này nói rằng mình là thư ký. Ông ta mặc một

bộ vest đẹp hoàn hảo, đi giày da đen kêu kin kít, thân hình gầy và cao kỳ lạ, nói tiếng Iceland chuẩn không chê vào đâu được làm Erlendur rất thích vì ông nói và nghe tiếng Anh rất kém. Ông thở phào nhẹ nhõm khi nhận ra rằng nếu có ai đó cảm thấy một chút gì không thoải mái trong cuộc trò chuyện của họ thì người đó là viên thư ký.

Văn phòng làm việc cũng đẹp hoàn hảo như chính người thư ký vậy, nó khiến Erlendur nghĩ đến nơi làm việc của chính mình, lúc nào trông nó cũng như vừa bị đánh bom. Viên thư ký – “Hãy cứ gọi tôi là Jim,” ông ta nói – mời ông ngồi.

“Tôi rất thích tác phong thoải mái của người Iceland các ông,” Jim nói.

“Ông ở đây đã lâu chưa?” Erlendur hỏi, không hiểu sao mình lại cư xử giống như một bà già ở một tiệc trà.

“Vâng, gần được hai mươi năm rồi,” Jim gật đầu. “Cảm ơn ông đã hỏi thăm. Và khi Thế chiến thứ hai nổ ra, nó là mối quan tâm đặc biệt của tôi. Ý tôi là Thế chiến thứ hai ở Iceland ấy. Tôi đã bảo vệ luận án Thạc sĩ về chủ đề này ở Trường Kinh tế học London. Khi ông gọi điện hỏi về những doanh trại ở đó, tôi nghĩ là mình có thể giúp được phần nào.”

“Ông nói tiếng Iceland rất sõi đấy!”

“Cảm ơn ông, vợ tôi là người Iceland.”

“Vậy những doanh trại đó là thế nào?”

Erlendur hỏi, đi thẳng vào chủ đề chính.

“Vâng, tôi không có nhiều thời gian, nhưng tôi đã tìm được một số báo cáo của Đại sứ quán về những doanh trại chúng tôi cho dựng trong chiến tranh. Chúng ta có thể sẽ cần đến nhiều thông tin hơn. Ông có thể quyết định điều đó. Có hai doanh trại ở chỗ mà hiện nay là sân golf Grafahort.”

Jim lấy ra một số giấy tờ trên bàn và đọc lướt qua chúng.

“Ồ đó còn có, không biết các ông gọi là gì, một cái công sự. Hay là một boong-ke? Một cái tháp. Một khẩu đại bác khổng lồ. Một trung đội từ Tiểu đoàn 12 ở Tyneside Scotland giữ vị trí ở khẩu đại bác, nhưng tôi vẫn chưa tìm ra ai

sống trong các doanh trại cả. Tôi nghĩ rằng đó là một kho quân sự. Tôi không biết tại sao nó lại được đặt trên đồi, nhưng có các doanh trại và boong-ke khắp nơi trên đó, trên đường đến Mosfellsdalur, ở Kollafjörður và Hvalfjörður.”

“Chúng tôi đang băn khoăn về một người bị mất tích trên đồi, như tôi đã trao đổi với ông qua điện thoại. Ông có biết liệu có người lính nào bị mất tích hay bị trình báo là mất tích không?”

“Ông cho rằng bộ xương mà các ông tìm thấy có thể là một người lính Anh sao?”

“Có thể không phải như vậy, nhưng chúng tôi cho rằng bộ xương bị chôn ở

đó trong thời kỳ chiến tranh và nếu như người Anh từng ở khu vực đó thì rất có khả năng đó là một trong số họ.”

“Tôi sẽ kiểm tra điều đó giúp ông, nhưng tôi không biết họ giữ những tài liệu đó bao lâu. Tôi nghĩ rằng người Mỹ đã tiếp quản doanh trại cũng như tất cả những thứ khác sau khi chúng tôi để lại năm 1941. Phần lớn quân đội của chúng tôi được đưa sang các nước khác, nhưng không phải là tất cả.”

“Vậy là người Mỹ đã cai quản doanh trại đó?”

“Tôi sẽ xem lại chuyện đó. Tôi có thể trao đổi với tòa đại sứ Mỹ và xem họ nói gì. Điều đó sẽ đỡ phiền cho ông hơn.”

“Các ông từng có quân cảnh ở đây.”

“Chính xác. Đó có thể là điểm khởi đầu thuận lợi nhất. Chuyện này sẽ mất vài ngày đây. Có thể là hàng tuần.”

“Chúng tôi có nhiều thời gian mà,” Erlendur nói và nghĩ đến Skarphédinn.

Lục lợi trong đồng tài sản của Benjamín, Sigurdur Óli chán phát ngấy lên được. Elsa chào anh ta khi mở cửa, chỉ đường cho anh ta đến tầng hầm và để anh ta ở đó, rồi anh ta mất bốn tiếng đồng hồ mở tất cả các tủ ly, ngăn kéo và vô số hộp mà không biết đích xác là mình đang tìm cái gì. Bergthóra choán hết tâm trí của anh. Anh băn khoăn không biết cô có còn cuồng dâm khi anh trở về nhà giống như mấy tuần gần đây không.

Anh đã quyết định sẽ hỏi thẳng cô xem liệu có lý do đặc biệt nào giải thích cho sự ham muốn anh đột ngột của cô không, và liệu có phải tất cả chỉ vì cô muốn có con không. Nhưng câu hỏi đó, anh biết, có nghĩa là sẽ dẫn đến một vấn đề khác mà đôi lần họ đã nói chuyện nhưng chẳng đi đến đâu: đã đến lúc họ tổ chức một đám cưới với đầy đủ nghi lễ và những thủ tục thích hợp chưa?

Câu hỏi đó cháy bỏng trên môi cô giữa những nụ hôn nồng nàn cô phủ lên anh. Anh vẫn còn suy nghĩ về vấn đề đó và luôn luôn né tránh trả lời. Suy nghĩ của anh như sau: họ đang sống cùng nhau rất tốt, tình yêu của họ đang nảy nở, tại sao lại phải phá hủy nó bằng việc kết hôn? Tất cả đều nặng nề. Một bữa tiệc

toàn đàn ông trước khi cưới. Đi trên lối đi ở giáo đường. Tất cả khách khứa. Những chiếc bao cao su bơm phồng trong bộ váy cô dâu. Thật là lỗi thời không thể tả. Bergthóra không muốn có một đám cưới thông thường vớ vẩn. Cô ấy nói về pháo hoa và những kỷ niệm đẹp để sưởi ấm tuổi già. Sigurdur Óli làm bầm, nghĩ rằng bây giờ vẫn còn quá sớm để nghĩ đến chuyện cưới xin. Vậy là vấn đề vẫn cứ bế tắc, rõ ràng là Sigurdur Óli phải tự quyết định chuyện đó và anh không biết mình cần gì, ngoại trừ việc không có đám cưới trong nhà thờ và không làm tổn thương Bergthóra.

Cũng như Erlendur, khi đọc được những bức thư của Benjamín, anh cảm nhận được tình yêu và sự mến mộ chân

thành của ông dành cho cô gái mà bỗng
dưng một ngày biến mất trên đường phố
Reykjavík và bị cho là đã rơi xuống
biển. “Tình yêu của anh. Em thương yêu.
Anh nhớ em quá.”

Tất cả tình yêu đó, Sigurdur Óli nghĩ.

Nó có khả năng giết người không?

Có cả núi giấy tờ liên quan đến của
hàng của Knudsen, và khi Sigurdur Óli
đã mất hết mọi hy vọng tìm ra thứ gì đó
khả quan thì anh lôi ra được một tờ giấy
tờ ngăn kéo chứa tài liệu. Trên tờ giấy có
ghi:

Höskuldur Thórarinsson.

Đã trả trước tiền thuê nhà ở Grafaholt.

8 krónur.

Benjamín Knudsen đã ký.

Erlendur đang trên đường rời đại sứ quán thì điện thoại kêu.

“Tôi tìm thấy một người thuê,”
Sigurdur Óli nói. “Tôi nghĩ vậy.”

“Thuê cái gì cơ?” Erlendur hỏi.

“Thuê ngôi nhà gỗ. Tôi đang ra khỏi tầng hầm của Benjamín. Chưa bao giờ tôi thấy một cái đồng lõa ngổn kinh khủng như thế trong đời. Tôi tìm thấy một tờ giấy ám chỉ rằng một người nào đó tên là Höskuldur Thórarinsson đã trả tiền thuê nhà ở Grafarhort.”

“Höskuldur ư?”

“Phải. Thórarinsson.”

“Ngày tháng ghi trên tờ giấy là gì?”

“Không có ngày tháng gì cả. Thực ra nó chỉ là một hóa đơn của cửa hàng của Knudsen. Hóa đơn thuê được viết ở đằng sau. Và tôi còn tìm thấy những hóa đơn có thể là về vật liệu xây dựng ngôi nhà nữa. Tất cả đều tính phí cho cửa hàng và những hóa đơn có ghi năm 1938. Có thể ông ta bắt đầu xây ngôi nhà trong khoảng thời gian đó hoặc là đang xây dở nó.”

“Vợ chưa cưới của ông ta mất tích khi nào nhỉ?”

“Chờ một chút, tôi đã ghi lại rồi.” Erlendur chờ trong lúc Sigurdur Óli kiểm tra lại. Anh ta ghi chép lại nội dung các cuộc họp – một công việc mà chưa bao giờ Erlendur biến nó trở thành một

thói quen.

Ông có thể nghe thấy tiếng Sigurdur Óli lướt qua các trang giấy và quay trở lại chiếc điện thoại.

“Bà ta biến mất năm 1940. Vào mùa xuân.”

“Vậy là Benjámín xây nhà đến khoảng thời gian đó, sau đó dừng lại và cho thuê.”

“Và Höskuldur là một trong số những người thuê nhà.”

“Anh có tìm được gì về nhân vật Höskuldur này không?”

“Chưa, vẫn chưa. Chúng ta bắt đầu với người này chứ?” Sigurdur Óli hỏi, hy vọng được thoát khỏi tầng hầm.

“Tôi sẽ điều tra về ông ta,” Erlendur nói, và Sigurdur Óli chán nản khi ông nói thêm: “Kiểm tra xem anh có tìm thêm được gì về ông ta hay bất kỳ ai trong đồng rác ấy không. Nếu có một giấy tờ, rất có thể là sẽ có nhiều hơn thế.”

Erlendur ngồi bên giường Eva Lind một hồi lâu sau khi trở về từ Đại sứ quán, trong đầu ông tràn trề không biết phải nói gì. Ông không biết phải nói gì với con gái. Ông đã cố gắng vài lần nhưng không thành. Từ lúc ông bác sĩ nói rằng sẽ tốt hơn nếu ông nói chuyện với con bé, Erlendur lúc nào cũng băn khoăn không biết phải nói gì với con gái, và cuối cùng cũng chẳng rút ra được kết luận gì.

Ông bắt đầu nói chuyện về thời tiết, nhưng rồi nhanh chóng từ bỏ. Sau đó ông kể về Sigurdur Óli và nói về chuyện gần đây trông anh ta mệt mỏi thế nào. Nhưng rồi cũng chẳng có gì nhiều để mà kể nữa.

Ông cố gắng tìm chuyện về Elínborg để kể nhưng rồi lại thôi. Sau đó ông kể với con gái về vợ chưa cưới của Benjamín Knudsen, người bị cho là nhảy xuống biển tự tử, và về những bức thư tình mà ông tìm thấy ở tầng hầm của người thương nhân.

Ông nói với Eva Lind rằng mình đã gặp mẹ con bé ngồi bên giường bệnh của nó.

Sau đó ông yên lặng.

“Có chuyện gì giữa bố và mẹ cơ chứ?” Eva Lind có lần đã hỏi khi đến thăm ông. “Sao bố không nói gì?” Sindri Snaer đi cùng nó nhưng không ở lâu, để lại hai bố con họ với nhau khi bóng tối ập xuống. Lúc đó là tháng Mười hai, trên

đài đang phát mấy bài hát Giáng sinh nên Erlendur tắt đi, nhưng Eva Lind lại bật lên và nói rằng nó muốn nghe chúng. Lúc đó con bé đang mang thai được mấy tháng rồi, thời gian ấy nó đã hoàn lương và như thường lệ, cứ mỗi lần ngồi xuống với bố, nó lại bắt đầu kể lể về gia đình mà nó không có. Sindri Snaer chưa bao giờ kể về chuyện đó, về mẹ nó, về chị nó hay về tất cả những chuyện chưa bao giờ xảy ra. Nó luôn yên lặng và lãnh đạm khi bố nói chuyện với mình. Nó không quan tâm đến bố. Đó là sự khác nhau giữa Sindri Snaer và chị gái. Eva Lind muốn hiểu về bố rõ hơn và không ngần ngại khi quy trách nhiệm cho bố.

“Mẹ con ư?” Erlendur nói. “Chúng ta có thể tắt mấy cái bài hát Giáng sinh đó

đi được không?”

Erlendur đang cố gắng đẩy lùi thời gian. Việc Eva luôn tìm kiếm sự thật trong quá khứ lúc nào cũng khiến ông rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Ông không biết câu trả lời cho những câu hỏi liên quan đến cuộc hôn nhân ngắn ngủi của họ, những đứa con của họ và tại sao ông lại ra đi. Ông không trả lời tất cả các câu hỏi của con bé, và đôi khi chuyện đó khiến cho nó tức giận. Cứ mỗi lần động đến chuyện gia đình là tính nó lại nóng như lửa.

“Không, con muốn nghe nhạc Giáng sinh,” Eva Lind nói, và Bing Crosby lại tiếp tục mơ về một Giáng sinh trắng xóa. “Con chưa bao giờ nghe mẹ nói một điều

gì tốt đẹp về bố, nhưng chắc hẳn là bà ấy đã nhìn thấy điều gì đó ở bố. Lần đầu tiên. Khi bố mẹ gặp nhau. Đó là cái gì?”

“Con đã hỏi bà ấy chưa?”

“Rồi.”

“Vậy bà ấy nói sao?”

“Chả nói gì cả. Thế có nghĩa là bà ấy sẽ phải nói điều gì đó tốt đẹp về bố và bà ấy không thể làm thế được. Không thể chịu được cái ý nghĩ là ở bố có một điều gì tốt đẹp. Đó là cái gì vậy? Tại sao hai bố mẹ lại như thế?”

“Bố không biết,” Erlendur nói, và đúng là như thế. Ông cố gắng thành thực. “Bố mẹ gặp nhau ở một vũ hội. Bố không biết. Chuyện đó không được dự trù từ

trước. Nó cứ thế xảy ra thôi.”

“Lúc ấy trong đầu bố nghĩ gì?”

Erlendur không trả lời. Ông nghĩ về những đứa trẻ không bao giờ biết mặt cha mẹ, không bao giờ khám phá ra mình thực sự là ai. Chúng bước vào đời mà không hề biết một chút gì về cha mẹ chúng. Không bao giờ khám phá ra những bí mật riêng tư của họ, kết quả là bố mẹ chúng cũng là người lạ như bao người khác chúng gặp trên đường đời. Ông băn khoăn không hiểu làm thế nào mà những người làm cha làm mẹ đó có thể bỏ rơi con cái của mình như thế, để rồi tất cả những gì mà chúng học được là từ cuộc sống chứ không phải từ tình yêu thương thực sự.

“Lúc đó trong đầu bố nghĩ gì thế?”
câu hỏi của Eva Lind khơi ra những nỗi
đau mà nó luôn luôn chỉ trích.

“Bố không biết,” Erlendur đáp và giữ
khoảng cách với nó giống như mọi lần.
Con bé cảm nhận được điều đó. Có thể
nó làm thế để xem ông phản ứng thế nào,
để chắc chắn hơn, để cảm nhận xem
khoảng cách giữa bố với mình xa đến
đâu và mình hiểu bố được đến đâu.

“Chắc chắn là bố cũng đã nhìn thấy
điều gì đó ở mẹ.”

Làm sao mà con bé hiểu được khi
ngay cả bản thân ông có lúc cũng còn
không hiểu?

“Bố mẹ gặp nhau ở một vũ hội,” ông

nhắc lại. “Bố không mong là chuyện đó có kết quả gì trong tương lai.”

“Và rồi bố bỏ đi.”

“Bố không bỏ đi,” Erlendur nói.

“Chuyện không phải như thế. Nhưng cuối cùng bố đã ra đi và mọi chuyện kết thúc. Bố mẹ không làm chuyện đó... Bố không biết. Có thể không có cách nào đúng cả. Nếu có, bố mẹ cũng không tìm ra.”

“Nhưng mọi chuyện chưa kết thúc,” Eva Lind nói.

“Không,” Erlendur nói. Ông vẫn đang nghe Bing Crosby hát trên đài. Qua khung cửa sổ, ông lặng ngắm những bông tuyết lớn rơi xuống mặt đất. Rồi ông nhìn con gái, những quầng thâm quanh mắt nó,

cái khuyên trên mũi nó, đôi giày quân đội nó gác trên bàn uống nước, những vết cáu bần trong móng tay nó, cái bụng kẹp lép bên dưới cái áo phong đen của nó đang bắt đầu phình ra.

“Mọi chuyện không bao giờ kết thúc cả,” ông nói.

Höskuldur Thórarinsson sống ở căn hộ dưới tầng hầm trong ngôi nhà riêng trang nhã của con gái mình ở Árbaer, ông ta trông có vẻ hài lòng với số phận của mình. Đó là một người đàn ông nhỏ con, linh lợi với mái tóc bạc và chòm râu bạc quanh cái miệng nhỏ. Ông ta mặc một chiếc áo lao động kẻ ca-rô và quần nhung màu be. Elínborg đã tìm ra ông ta. Trong sổ đăng ký quốc gia không có

nhiều người có tên là Höskuldur đã qua độ tuổi về hưu. Cô gọi điện cho hầu hết những người đó, họ sống ở khắp nơi trên toàn Iceland, và người đàn ông đặc biệt có tên là Höskuldur ở Árbaer này đã nói cho cô biết, chắc chắn là ông ta đã thuê nhà Benjamín Knudsen, về người đàn ông tội nghiệp dễ mến ấy. Höskuldur vẫn còn nhớ ngôi nhà đó rất rõ mặc dù ông ta không ở đó lâu.

Erlendur và Elínborg ngồi trong phòng khách của Höskuldur, ông ta pha cà phê và mời họ. Sau đó ba người ngồi nói chuyện phiếm. Höskuldur kể rằng ông ta sinh ra và lớn lên ở Reykjavík, sau đó ông than phiền về việc những kẻ bảo thủ khốn kiếp đã bóp nghẹt cuộc sống của những người được trợ cấp như thế nào,

nhìn nhận họ như thể họ là một lũ vô công rồi nghề không thể tự nuôi sống bản thân mình vậy. Erlendur quyết định không để cho ông ta nói dông dài thêm nữa.

“Tại sao ông lại chuyển đến ngọn đồi? Ở đó không phải là khá thôn dã so với Reykjavík sao?”

“Chắc chắn là thế rồi,” Höskuldur nói khi rót cà phê vào cốc. “Nhưng không còn cách nào khác cả. Ngày ấy anh không thể tìm nổi một chỗ trú thân ở bất cứ đâu tại Reykjavík. Suốt chiến tranh, người ta ở nhồi ở nhét trong những căn phòng bé tí. Đột nhiên, tất cả những người nhà quê đều có thể lên thành phố để kiếm tiền chứ không còn phải nhận những cục sữa đông và một chai rượu nữa. Họ cũng có

thể ngủ trong các căn lều nếu buộc phải làm như vậy. Giá nhà cao ngút trời nên tôi phải chuyển lên đồi. Những khúc xương mà các ông tìm thấy là gì vậy?”

“Ông chuyển lên đồi khi nào?”

Elínborg hỏi.

“Hồi đó là khoảng năm 1943, tôi nghĩ vậy. Hay năm 44 gì đó. Hình như lúc ấy là mùa thu. Giữa cuộc chiến tranh.”

“Ông sống ở đó bao lâu?”

“Tôi ở đó trong vòng một năm. Cho đến mùa thu năm sau.”

“Ông sống một mình sao?”

“Vớì vợ tôi. Ellý già thân yếu. Bà ấy qua đời rồi.”

“Bà ấy mất năm nào?”

“Cách đây ba năm. Các ông nghĩ là tôi chôn bà ấy trên đồi à? Tôi trông giống loại người đó lắm sao?”

“Chúng tôi không tìm được ghi chép nào về những người từng sống ở đó cả,” Elínborg nói mà không trả lời câu hỏi của ông ta. “Về ông hay bất kỳ ai cũng không. Ông không đăng ký cư ngụ tại đó.”

“Tôi không thể nhớ nổi chuyện đó như thế nào nữa. Chúng tôi chẳng bao giờ đăng ký cả. Chúng tôi là những kẻ vô gia cư. Những người khác luôn luôn sẵn sàng trả giá cao hơn chúng tôi, sau đó tôi nghe nói về ngôi nhà gỗ của Benjamín nên tôi đã nói chuyện với ông ấy. Những người

thuê nhà ở đó vừa mới chuyển đi nên ông ấy làm phúc cho tôi.”

“Ông có biết những người thuê nhà đó là ai không? Những người đến trước ông ấy?”

“Không, nhưng tôi nhớ rằng ngôi nhà hoàn toàn sạch sẽ khi chúng tôi đến đó.” Höskuldur uống nốt cốc cà phê, lại rót đầy rồi nhấp thêm một ngụm. “Sạch như chùi.”

“Ông nói ‘sạch như chùi’ nghĩa là gì?”

“Tôi nhớ là Ellý đã đặc biệt nhận xét về điều đó. Bà ấy thích thế. Mọi thứ đều được lau chùi, đánh bóng và chẳng có lấy một hạt bụi. Cứ như là đến ở một khách sạn vậy. Không phải là chúng tôi

thô lỗ gì đâu, xin hai vị nhớ cho. Nhưng chỗ đó được lau chùi sạch sẽ lạ lùng. Chắc chắn là đã có một bà nội trợ nào đó rất giỏi làm công việc của mình, Ellý của tôi nói vậy.”

“Vậy ông chưa bao giờ nhìn thấy một dấu hiệu bạo lực hay điều gì đó tương tự à?” Erlendur hỏi, từ đầu đến giờ ông mới lên tiếng. “Ví dụ như vết máu trên tường chẳng hạn?”

Elínborg nhìn ông. Chẳng lẽ Erlendur đang trêu tức ông ta sao?

“Máu ư? Trên tường ư? Không, chẳng thấy vết máu nào cả.”

“Vậy là mọi thứ đều ngăn nắp?”

“Mọi thứ đều ngăn nắp. Chắc chắn là

vậy.”

“Hồi ông đến có bụi cây nào gần nhà không?”

“Có những bụi cây lý chua, có đây. Tôi nhớ chúng rất rõ vì chúng trĩu quả vào mùa thu đó, chúng tôi còn lấy quả làm mứt nữa.”

“Ông không trông chúng sao? Hay là vợ ông, bà Ellý ấy?”

“Không, chúng tôi không trông. Khi chúng tôi đến thì đã thấy chúng ở đó rồi.”

“Ông có thể hình dung ra bộ xương đó là ai không?” Erlendur hỏi.

“Đó là lý do tại sao các ông đến đây à? Để xem tôi có giết ai không chứ gì?”

“Chúng tôi cho rằng bộ xương đó bị chôn ở trên đồi trong thời gian chiến tranh hoặc gần như thế. Nhưng ông không bị tình nghi giết người. Hoàn toàn không. Ông có bao giờ nói chuyện với Benjamin về những người từng thuê nhà trước ông không?”

“Tình cờ thôi,” Höskuldur đáp. “Có một lần khi tôi đang trả tiền thuê nhà và khen ngợi về sự sạch sẽ tuyệt đối mà những người thuê nhà trước đó để lại. Nhưng dường như ông ấy không quan tâm cho lắm. Một người đàn ông bí ẩn. Mất vợ. Nghe nói bà ấy tự gieo mình xuống biển.”

“Vợ chưa cưới thì đúng hơn. Họ chưa kết hôn. Ông có nhớ những doanh trại

của quân đội Anh trên đồi không? Hoặ
c của Mỹ hồi cuối chiến tranh ấy?”

“Quân đội Anh đã rút đi sau vụ chiếm
đóng năm 1940. Họ cho dựng doanh trại
ở phía bên kia quả đồi và có một khẩu
đại bác để chống lại quân Reykjavík.
Tôi luôn luôn nghĩ đó chỉ là một trò đùa,
nhưng Ellý bảo tôi rằng đừng có lấy đó
làm trò cười. Sau đó quân Anh đi và
quân Mỹ đến tiếp quản. Hồi tôi đến đó,
họ cũng dựng lều trại trên đồi. Quân Anh
đã bỏ đi nhiều năm trước đó rồi.”

“Ông có biết họ không?”

“Không biết một chút nào. Họ chỉ biết
họ với nhau thôi. Họ không bốc mùi như
quân Anh, Ellý của tôi nói thế. Họ sạch
sẽ và tử tế hơn nhiều. Lịch sự nữa. Lịch

sự hơn người Anh nhiều lắm. Y như trong phim ấy. Kiểu như Clark Gable hay Cary Grant vậy.”

Cary Grant là người Anh, Erlendur nghĩ, nhưng ông chẳng buồn tranh cãi với cái ông-biết-tuốt ấy. Ông thấy Elínborg cũng lờ đi không để ý.

“Họ cũng dựng những doanh trại chắc chắn hơn nữa,” Höskuldur khẳng định chắc nịch. “Những doanh trại của họ tốt hơn nhiều so với của người Anh. Người Mỹ đổ sàn bê tông chứ không dùng ván lót sàn mục rữa như người Anh. Thật là một nơi ở lý tưởng. Tất cả những thứ mà người Mỹ động vào làm đều tốt hơn và khéo léo hơn rất nhiều.”

“Ông có biết sau khi ông và bà Ellý

rời khỏi ngôi nhà, ai đã đến thuê nó không?” Erlendur hỏi.

“Có, chúng tôi đưa họ đi quanh ngôi nhà. Anh ta làm việc tại một nông trại ở Gufunes, có một vợ và hai con cùng với một con chó. Họ là những người rất dễ mến, nhưng dù có cố đến mấy tôi cũng không thể nào nhớ nổi tên họ.”

“Ông có biết gì về những người sống ở đó trước ông không? Những người đã coi sóc ngôi nhà thật cẩn thận ấy?”

“Tôi chỉ biết những điều mà Benjamín nói khi tôi khen ngợi việc ngôi nhà của ông ấy được giữ gìn cẩn thận và nói rằng Ellý với tôi cũng đặt ra những tiêu chuẩn cao như vậy.”

Erlendur vểnh tai lên nghe còn Elínborg ngồi ngay người lại trên ghế. Nhưng Höskuldur chẳng nói gì thêm.

“Sao cơ?” Erlendur hỏi.

“Những điều ông ấy nói ư? Đó là về người vợ.” Höskuldur ngừng lại một lúc và nhấp một ngụm cà phê. Erlendur sốt ruột chờ ông ta kết thúc câu chuyện. Sự sốt sắng của ông không qua nổi mắt của Höskuldur, và ông ta biết rằng vị thám tử này đang phải van xin mình.

“Chuyện đó rất thú vị, chắc chắn là như vậy,” Höskuldur nói. Cảnh sát sẽ không đi khỏi đây với hai bàn tay trắng đâu. Ông ta lại nhấp thêm một ngụm cà phê nữa và lưng chừng rất lâu.

Lạy Chúa tôi, Elínborg nghĩ. Lão già này có định lảng sang chuyện khác không đây? Mình đã phải chịu đựng quá đủ những kẻ hủ lậu hoặc là chết một cách khốn khổ vì mình hoặc là ra về phách lồi với mình rồi.

“Ông ấy nghĩ rằng người chồng đã hành hạ vợ mình.”

“Hành hạ ư?” Erlendur nhắc lại.

“Ngày nay người ta gọi là gì nhỉ? Bạo hành gia đình phải không?”

“Anh ta đánh vợ à?” Erlendur nói.

“Đó là Benjámín nói vậy. Kẻ vô lại đó đánh vợ và con mình. Tôi chưa bao giờ đụng một ngón tay vào Ellý.”

“Ông ta có nói cho ông biết tên của họ

không?”

“Không, mà nếu ông ấy có nói thì tôi cũng quên lâu rồi. Nhưng ông ấy có nói một điều mà từ đó tới bây giờ tôi chưa từng quên. Ông ấy nói rằng cô ta – vợ người đàn ông ấy – được sinh ra trong một nhà máy sản xuất khí đốt ở Raudarárstígur. Ở mạn dưới Hlemmur. Ít nhất đó cũng là những gì người ta nói. Cũng giống như kiểu người ta nói rằng Benjamín giết vợ mình ấy mà. À ý tôi là vợ chưa cưới ấy.”

“Benjamín? Nhà máy sản xuất khí đốt? Ông đang nói đến chuyện gì thế?” Erlendur đã hoàn toàn mất phương hướng. “Người ta nói rằng Benjamín giết vợ chưa cưới của mình ư?”

“Có một số người nghĩ vậy. Vào hồi đó ấy. Tự ông ấy cũng nói vậy.”

“Rằng ông ta giết cô ấy à?”

“Rằng người ta nghĩ là ông ấy đã làm gì đó với cô ấy. Ông ấy không nói rằng mình giết vợ chưa cưới. Ông ấy chưa bao giờ nói thế. Tôi không hiểu về ông ấy một chút nào. Nhưng ông ấy chắc chắn rằng người ta nghi ngờ mình và tôi nghe nói là vì ghen tuông gì đó.”

“Chuyện ngồi lê đôi mách sao?”

“Tất nhiên rồi. Chúng tôi rất giỏi chuyện đó. Giỏi buôn chuyện về những điều xấu xa mà người khác làm.”

“Hượm một chút, chuyện về nhà máy sản xuất khí đốt là thế nào?”

“Đó là lời đồn đại hay hóm nhất. Ông chưa nghe qua chuyện đó à? Người ta nghĩ rằng ngày tận thế của trái đất sắp đến nên họ đã tổ chức một đêm truy lạc ở nhà máy đó. Sau đó thì có mấy đứa trẻ được sinh ra và người phụ nữ này là một trong số họ, hoặc đó là suy nghĩ của Benjamin. Họ được gọi là những đứa trẻ của ngày tận thế.”

“Ông đang đùa tôi đây à?”

Höskuldur lắc đầu.

“Đó là vì sự xuất hiện của sao chổi. Người ta nghĩ rằng nó sẽ va vào trái đất.”

“Sao chổi nào cơ?”

“Sao chổi Halley, tất nhiên là thế rồi!”

ông-biết-tuốt gần như quát lên vì tức giận trước sự ngu độn của Erlendur. “Sao chửi Halley ấy! Người ta nghĩ là nó sẽ va vào trái đất và tất cả sẽ bị tiêu hủy bởi lửa địa ngục!”

Lúc trước đó Elínborg đã tìm ra nơi ở của em gái vợ chưa cưới của Benjamín. Khi cô và Erlendur rời khỏi nhà Höskuldur, cô nói với ông rằng mình muốn đến nói chuyện với bà ta. Erlendur gật đầu và nói rằng ông sẽ đến Thư viện Quốc gia để tìm xem có bài báo nào nói về sao chổi Halley hay không. Giống như tất cả các nhà-biết-tuốt, té ra Höskuldur cũng chẳng biết rõ lắm về chuyện đã xảy ra. Ông ta nói vòng vo quanh quẩn cho đến khi Erlendur không buồn nghe nữa và ra về khá đột ngột.

“Cô nghĩ sao về những điều Höskuldur vừa mới nói?” Erlendur hỏi cô khi họ đã lên xe.

“Câu chuyện về nhà máy sản xuất khí đốt ấy thật lố bịch,” Elínborg đáp. “Sẽ rất thú vị nếu ông tìm được thông tin về vụ đó đây. Nhưng tất nhiên là những điều mà ông ta nói về chuyện ngồi lê đôi mách thì không sai một tẹo nào. Chúng ta rất thích thú khi kể những câu chuyện xấu xa về người khác. Những lời đồn đại đó chẳng thể nói lên được gì về chuyện Benjamín có phải là một tên sát nhân thực sự hay không, và ông cũng hiểu điều đó mà.”

“Phải, nhưng còn câu thành ngữ ‘Không có lửa làm sao có khói’ thì sao?”

“Những thành ngữ,” cô lẩm bẩm. “Tôi sẽ hỏi em gái bà ấy. Nói chuyện khác đi.”

Eva Lind thế nào rồi?”

“Con bé vẫn đang nằm trên giường bệnh. Bác sĩ bảo tôi phải nói chuyện với con bé.”

“Nói chuyện với nó ư?”

“Ông ấy cho rằng nó có thể nghe được qua cơn hôn mê, và điều đó rất tốt cho nó.”

“Vậy ông nói gì với nó?”

“Chẳng có gì nhiều,” Erlendur nói.
“Tôi chẳng biết phải nói gì cả.”

Em gái vợ chưa cưới của Benjamín đã nghe những lời đàm tiếu nhưng bà ta phủ nhận thẳng thừng những tin đồn đó. Tên bà ta là Báara, vẫn còn khá trẻ so với chị mình. Bà ta sống trong một ngôi nhà

riêng ở Grafarvogur cùng chồng là một doanh nhân giàu có. Cuộc sống của họ rất xa xỉ, phong lưu với đủ các đồ nội thất hoa mỹ bày biện trong nhà. Bà ta đeo những đồ trang sức đắt tiền và tỏ ra hóm hỉnh trước mặt Elínborg – người thám tử đang ngồi trong phòng khách. Elínborg đã nói qua điện thoại những điều mà cô muốn hỏi và nghĩ rằng người đàn bà này chưa bao giờ phải lo lắng về tiền bạc, bà ta luôn thỏa mãn mọi nhu cầu của mình và không bao giờ giao du với những người dưới đẳng cấp. Có lẽ bà ta đã không còn phải lo lắng về bất cứ điều gì từ lâu lắm rồi. Elínborg có cảm giác rằng đây là cuộc đời đang chờ đợi trước mắt chị gái Báara trong khoảng thời gian cô biến mất.

“Chị tôi thực sự yêu Benjamín, nhưng tôi không thể hiểu nổi tại sao. Đối với tôi ông ta chỉ là một kẻ tẻ nhạt tầm thường. Tất nhiên là không vô giáo dục, nhà Knudsen là dòng họ lâu đời nhất ở Reykjavík. Nhưng ông ta không phải là loại người hấp dẫn.”

Elínborg mỉm cười. Cô không hiểu ý bà ta là gì.

Bára thấy điều đó.

“Một kẻ mơ mộng. Chẳng mấy khi thực tế, chỉ biết nghĩ ra những điều to lớn về việc buôn bán lẻ, và những điều này thì đã trôi vào dĩ vãng quá lâu rồi. Ông ta cũng chẳng sống được để mà hưởng những thứ đó. Ông ta lại còn đối tốt với bọn dân thường nữa chứ. Người hầu kẻ

hạ trong nhà cũng chẳng phải gọi ông ta là ‘ngài’. Bây giờ thì người ta không gọi thế nữa rồi. Chẳng còn chút lịch sự nào cả. Và cũng chẳng còn người hầu nào nữa.”

Bára lau những hạt bụi vô hình trên chiếc bàn uống nước.

Elínborg thấy có một số bức tranh lớn ở cuối gian phòng cùng những bức chân dung riêng của Bára và chồng. Ông ta trông có vẻ cau có và mệt mỏi, suy nghĩ tận đâu đâu. Gương mặt nghiêm khắc của Bára dường như ngăm cười toe toét khiến Elínborg không thể không nghĩ rằng trong cuộc hôn nhân này bà ta là người thắng cuộc. Cô thấy thương hại cho người đàn ông trong ảnh.

“Nhưng nếu các người nghĩ là ông ta giết chị tôi thì làm to rồi,” Bára nói.

“Những mẫu xương mà các người tìm thấy gần ngôi nhà gỗ không phải là của chị ấy.”

“Tại sao bà biết?”

“Tôi biết thế. Vì Benjamín thậm chí còn không bao giờ động đến cả một con ruồi. Thật là một kẻ yếu đuối dễ sợ. Một kẻ viễn vông, như tôi đã nói rồi đây. Chuyện đó càng rõ ràng hơn khi chị tôi biến mất. Ông ta sụp đổ hoàn toàn, không còn quan tâm gì đến việc kinh doanh nữa, cũng chẳng thèm giao du với ai và từ bỏ mọi thứ. Benjamín không bao giờ vượt qua nỗi cú sốc đó. Mẹ tôi gửi trả lại cho ông ta những bức thư tình mà ông

ta gửi cho chị gái tôi. Bà đã đọc mấy bức và nói rằng chúng thật tha thiết.”

“Bà và chị gái có thân thiết với nhau không?”

“Không, tôi không cho là thế. Tôi ít tuổi hơn chị ấy quá nhiều. Từ khi tôi còn bé tí, chị ấy đã trưởng thành rồi. Mẹ tôi luôn nói rằng chị rất giống bố tôi: giàu trí tưởng tượng và hay buồn phiền nữa. Ông ấy cũng làm như thế.”

Điệu bộ của Bára khiến người ta có cảm giác rằng bà ta đã sơ suất khi nói ra câu cuối.

“Cũng làm như thế ư?”

“Phải,” Bára cúi kính nói. “Cũng tự tử như vậy.” Bà ta nói đầy thơ ơ. “Nhưng

ông ấy không mất tích như chị tôi.
Không. Ông ấy treo cổ ở phòng ăn, trên
cái móc đèn chùm ấy. Tất cả mọi người
đều trông thấy rất rõ. Ông ấy quan tâm
đến gia đình thế đấy.”

“Chuyện đó chắc khiến gia đình bà
khổ tâm lắm,” Elínborg nói lấy lệ. Bára
nhìn chòng chọc vào Elínborg với vẻ cáo
buộc khi bà ta ngồi xuống đối diện với
cô, như thể chính cô đã khơi mào ra
khiến bà ta phải nhắc lại chuyện đó vậy.

“Chuyện đó đối với chị tôi là khó
khăn nhất. Họ rất thân nhau. Chuyện đó
để lại nỗi đau trong lòng mọi người.
Người phụ nữ tội nghiệp.”

Trong một thoáng giọng bà ta có pha
chút cảm thông.

“Đó có phải...”

“Chuyện này xảy ra trước khi chị tôi mất tích vài năm,” Bára nói. Elínborg nhận thấy bà ta đang cố gắng che giấu điều gì đó. Như thể câu chuyện của bà ta đã được chuẩn bị từ trước vậy, nó đã được lọc hết mọi cảm xúc trong đó. Nhưng có lẽ bà ta chỉ đơn giản là con người như vậy. Hồng hách, nhẫn tâm và ngu độn.

“Về phần mình, Benjamín đối xử với chị ấy rất tốt,” Bára nói tiếp. “Ông ta viết thư tình cho chị ấy, đại loại là vậy. Ngày đó, người Reykjavík có thể đi dạo cùng nhau khá lâu khi họ đã đính hôn. Đó là sự tìm hiểu lẫn nhau rất bình thường. Họ gặp nhau ở khách sạn Borg, nơi hẹn

hồ chủ yếu của trai gái thời đó. Họ rủ nhau đi dạo, đi du lịch, và mọi chuyện cứ thế tiếp diễn như bao đôi lứa khác. Ông ta cầu hôn chị tôi, và rồi trước đám cưới chỉ khoảng hai tuần thì chị tôi mất tích, tôi đoán thế.”

“Tôi nghe người ta đồn rằng bà ấy đã tự gieo mình xuống biển,” Elínborg nói.

“Phải, họ đã tốn khá nhiều công để thuê dệt nên câu chuyện đó. Người ta bủa đi tìm chị ấy khắp Reykjavík. Hàng tá người tham gia vào cuộc tìm kiếm nhưng họ không tìm thấy dù chỉ là một sợi tóc của chị ấy. Mẹ tôi báo tin cho tôi biết rằng sáng hôm đó chị ấy đã ra đi. Chị ấy đi mua sắm và đến một số nơi khác nữa, hồi đó không có nhiều cửa hàng lắm,

nhưng chị ấy không mua thứ gì. Chị tôi gặp Benjamín ở cửa hàng của ông ta, sau đó chia tay, rồi từ đó không còn ai trông thấy chị ấy đâu nữa. Ông ta nói với cảnh sát và chúng tôi rằng họ đã cãi nhau. Đó là lý do tại sao ông ấy đổ lỗi cho mình về việc đã xảy ra và rất đau khổ về chuyện đó.”

“Tại sao người ta lại nói đến biển?”

“Một số người cho là họ đã trông thấy một người phụ nữ đi ra phía biển – điểm tận cùng của Tryggvagata ngày nay. Cô ấy mặc áo khoác giống như chị tôi, cũng cao như thế. Tất cả chỉ có thế.”

“Thế họ cãi nhau vì chuyện gì?”

“Mấy chuyện linh tinh thôi, liên quan

đến việc chuẩn bị cho đám cưới. Hoặc chí ít thì Benjamín nói như vậy.”

“Bà không cho rằng có chuyện gì khác sao?”

“Tôi không biết.”

“Vậy bà không nghĩ rằng có khả năng bộ xương chúng tôi tìm thấy trên đồi là của chị mình?”

“Phải, không thể có khả năng đó. Tôi không có cơ sở gì, tất nhiên rồi, tôi cũng chẳng chứng minh được gì, nhưng tôi thấy chuyện đó thật khó tin. Đơn giản là tôi không thể tin nổi điều đó.”

“Bà có biết gì về những người từng thuê ngôi nhà gỗ của Benjamín ở Grafarholt không? Có thể là những người

ở đó trong chiến tranh chẳng hạn? Có khả năng đó là một gia đình có năm người, hai vợ chồng với ba đứa con. Chuyện đó có gợi cho bà nhớ đến điều gì không?”

“Không. Nhưng tôi biết người ta đến ở ngôi nhà của ông ấy trong suốt thời kỳ chiến tranh, vì hồi đó nhà cửa đang lên cơn sốt mà.”

“Bà có kỷ vật nào của chị mình không? Một mớ tóc chẳng hạn? Để trong một cái hộp nhỏ ấy?”

“Không, nhưng Benjamín có một lọn tóc của chị ấy đây. Tôi thấy chị ấy cắt nó cho ông ta. Benjamín hỏi xin chị ấy một vật lưu niệm vào một mùa hè chị tôi đi xuống miền Nam đến Fljót để thăm họ hàng trong hai tuần.”

Khi Elínborg đã vào trong xe, cô gọi điện cho Sigurdur Óli. Anh ta đang ra khỏi tầng hầm của Benjamín sau một ngày làm việc dài đằng đẵng và chán ngắt. Cô bảo Sigurdur Óli để ý tìm một lọn tóc của vợ chưa cưới của Benjamín. Có thể nó nằm trong một cái hộp xinh xắn, cô nói. Elínborg nghe thấy tiếng Sigurdur Óli rên rỉ. “Nào,” Elínborg nói, “nếu tìm được lọn tóc đó, chúng ta có thể làm sáng tỏ chuyện người đó có phải là bà ta hay không. Chỉ đơn giản có thể thôi,” rồi cúp máy. Đúng lúc Elínborg đang chuẩn bị lái xe đi thì trong đầu cô chợt nảy ra một suy nghĩ. Sau một hồi cân nhắc và bần chồn cắn môi, cô quyết định hành động.

Khi Báara ra mở cửa, bà ta rất ngạc

nhiên khi lại gặp Elínborg.

“Cô quên gì à?” bà ta hỏi.

“Không, tôi chỉ muốn hỏi một câu này nữa thôi,” Elínborg ngượng nghịu nói.

“Rồi tôi sẽ đi ngay.”

“Được rồi, cô muốn hỏi gì?” Bára sốt ruột nói.

“Bà nói rằng chị gái mình có mặc một chiếc áo khoác vào cái hôm bà ấy mất tích phải không?”

“Vậy thì sao?”

“Đó là loại áo khoác gì?”

“Loại nào ư? Chỉ là một cái áo khoác bình thường mà mẹ tôi đã tặng chị ấy thôi.”

“Ý tôi là màu gì ấy. Bà có biết không?”

“Sao cô lại hỏi thế?”

“Tôi tò mò thôi.” Elínborg nói, không muốn giải

thích thêm.

“Tôi không nhớ.”

“Vâng, tất nhiên rồi,” Elínborg nói. “Tôi hiểu. Cảm ơn bà và xin lỗi vì đã làm phiền.”

“Nhưng mẹ tôi nói là nó màu xanh lục”.

Có quá nhiều thứ đã thay đổi trong những năm tháng kỳ lạ ấy.

Tómas đã thôi không còn tè dầm ra giường và làm cho bố nó nổi điên lên nữa. Símon thì không hiểu tại sao Grímur lại bắt đầu chú ý đến em nó. Nó cho rằng bố nó đã thay đổi kể từ lúc quân lính đến. Hoặc có lẽ Tómas đang thay đổi cũng nên.

Mẹ của Símon chưa bao giờ nói đến nhà máy sản xuất khí đốt, còn Grímur thì rất lấy làm thích thú khi nhạo báng cô về chuyện đó, nhưng nói mãi cuối cùng hẳn cũng phải chán. Hẳn gọi cô là “đồ con hoang” hay “đồ đầu ga”, nói không ngớt về cái bình ga lớn và cái đêm truy hoan trác táng trước ngày tận thế của Trái đất. Mặc dù chẳng hiểu gì về những điều bố đang nói, Símon vẫn thấy điều đó làm mẹ nó buồn lắm. Símon biết rằng mỗi lời

hắn nói ra đều khiến mẹ nó đau y như bị dằn cho một trận đòn nhừ tử.

Có một lần Símon đi cùng bố ra thành phố, trên đường đi qua nhà máy sản xuất khí đốt, Grímur cười phá lên và chỉ vào cái thùng lớn, nói rằng đó là nơi mẹ chúng nó sinh ra. Sau đó hắn cười to hơn. Nhà máy sản xuất khí đốt là một trong những tòa nhà lớn nhất ở Reykjavík và Símon thấy nó thật phiền phức. Thằng bé quyết tâm hỏi mẹ về tòa nhà và cái bình ga lớn gây tò mò đó.

“Đừng nghe ông ta nói vớ vẩn,” bà nói. “Đến bây giờ con phải biết cách mắng chửi của ông ta rồi chứ. Con không nên tin bất cứ điều gì ông ta nói. Bất cứ điều gì.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra ở nhà máy đó hả mẹ?”

“Theo như mẹ biết thì chẳng có gì cả. Tự ông ta dựng ra mọi chuyện đấy. Mẹ không biết ông ta nghe được câu chuyện đó từ đâu.”

“Nhưng ông bà ngoại đâu hả mẹ?”

Cô yên lặng nhìn con trai. Cô đã trăn trở với câu hỏi đó suốt cả cuộc đời và lúc này đây con trai cô lại vô tình hỏi cô câu đó. Cô không biết phải trả lời nó thế nào. Cô chưa bao giờ biết mặt bố mẹ mình. Khi còn nhỏ, cô đã hỏi người ta về họ nhưng chẳng bao giờ nhận được câu trả lời.

Những ký ức đầu tiên của cô là ở

trong một ngôi nhà có rất nhiều trẻ em ở Reykjavík. Khi lớn lên, cô được kể lại rằng mình chẳng có bố mẹ hay người thân nào hết, may nhờ hội từ thiện giúp đỡ cô mới được ở đây. Cô cứ ngẫm nghĩ về những lời nói đó và cho đến mãi sau này mới hiểu ra. Một ngày cô được đưa ra khỏi ngôi nhà đó và về làm người ở cho một đôi vợ chồng già. Đến khi trưởng thành, cô đến làm việc cho người lái buôn. Đó là toàn bộ cuộc đời cô trước khi gặp Grímur. Cô không có bố mẹ hay một nơi nào đó để gọi là nhà, không có một gia đình với họ hàng, cô đi chú bác, ông bà, anh em. Trong giai đoạn từ thiếu nữ trở thành phụ nữ, cô không ngừng băn khoăn về việc mình và bố mẹ mình là ai. Cô không biết phải tìm câu

trả lời ở đâu nữa.

Cô hình dung ra rằng họ chết trong một vụ tai nạn. Đây là điều cô tự đặt ra để mà an ủi chính mình, vì cô không thể chịu đựng được khi nghĩ rằng họ đã bỏ rơi cô – đứa con bé bỏng của họ. Cô tưởng tượng ra rằng họ đã cứu mình và chết, thậm chí là đã hy sinh cuộc đời mình cho con. Cô luôn luôn nhìn họ bằng thứ ánh sáng ấy – giống như những vị anh hùng đã chiến đấu để bảo vệ cho cuộc sống của mình và con gái. Cô không thể hình dung ra được là bố mẹ mình còn sống. Đối với cô, điều đó thật không thể tưởng tượng nổi.

Khi cô gặp một thanh niên ngư dân – bố Mikkelína, cô đã nhờ người đó tìm

câu trả lời giúp mình, và họ đến một loạt các văn phòng nhưng vẫn không biết một chút thông tin gì về cô cả, ngoại trừ rằng cô là một đứa trẻ mồ côi. Người ta ghi cô là “trẻ mồ côi”. Giấy khai sinh của cô cũng không có thông tin gì về bố mẹ. Cô và người đàn ông đó đã đến gia đình mà cô từng ở với những đứa trẻ khác, họ nói chuyện với người phụ nữ trước đây là mẹ nuôi của cô nhưng bà ta cũng chẳng nhớ được gì.

“Họ trả tiền cho cô,” bà ta nói. “Còn chúng tôi thì cần tiền.”

Bà ta chưa bao giờ thắc mắc về quá khứ của cô.

Trước khi Grímur về nhà và nói rằng mình đã biết bố mẹ cô là ai và làm thế

nào mà cô có mặt trên thế giới này, cô đã thôi không còn băn khoăn xem họ là ai từ lâu lắm rồi. Nhìn Grímur nói về cái đêm thác loạn ở nhà máy sản xuất khí đốt, cô có thể thấy sự thỏa mãn bệnh hoạn của hắn.

Tất cả những suy nghĩ này lướt qua đầu óc của cô khi cô nhìn Símon, và trong một thoáng cô như chực nói ra một điều quan trọng với thằng bé trước khi kịp đột ngột bảo nó không được đặt những câu hỏi liên miên như thế nữa.

Gần như cả thế giới đang sôi lên trong chiến tranh. Nó đã lan đến tất cả các con đường dẫn đến phía bên kia ngọn đồi – nơi các đơn vị chiếm cứ của Anh bắt đầu cho xây các công trình trông giống như ổ

bánh mỳ mà họ gọi là doanh trại. Simon không hiểu từ đó là gì. Bên trong các doanh trại được cho là chứa một thứ gì đó có tên khó hiểu không kém. Một cái kho quân sự.

Đôi khi nó cùng Tomás chạy lên đồi để xem binh lính. Họ đã vận chuyển gỗ, xà nhà, tôn sóng, hàng rào, dây thép gai, xi măng, máy trộn xi măng và một xe ủi đất để dọn chỗ cho các doanh trại lên đồi. Họ cũng xây một cái boong-ke bao quát toàn bộ Grafarvogur, và một ngày, hai anh em trông thấy người Anh đưa một khẩu đại bác lên đồi. Khẩu súng được lắp vào boong-ke, cái nòng khổng lồ của nó chĩa thẳng lên trên phải đến vài mét qua một khe hở. Nhìn nó người ta có cảm tưởng khẩu súng đã sẵn sàng bắn kẻ thù

tan xác thành trăm mảnh. Họ đến để giúp Iceland chiến đấu chống lại quân Đức – những kẻ tuyên chiến và giết tất cả những người chúng bắt được, thậm chí là cả những đứa bé như Símon hay Tómas.

Những người lính dựng một hàng rào bao quanh tám doanh trại và xây một cái cổng có đề dòng chữ bằng tiếng Iceland “KHÔNG PHẬN SỰ MIỄN VÀO”. Một lính canh luôn bông súng đứng ở một chòi gác ngay tại cổng. Họ không quan tâm đến hai đứa bé, còn hai đứa nó thì luôn chú ý giữ một khoảng cách an toàn. Khi đẹp trời, Símon và Tómas lại đưa chị chúng lên đồi, đặt chị xuống đám rêu để xem những người lính đang xây gì, chúng còn chỉ cho Mikkelína thấy cái nòng súng chĩa lên từ boong-ke.

Mikkelína nằm xuống và nhìn mọi thứ xung quanh mình, nhưng con bé yên lặng và trầm mặc khiến Símon có cảm giác như chị nó sợ trước những gì mình trông thấy: binh lính và khẩu đại bác khổng lồ.

Tất cả quân lính đều mặc quần áo kaki có thắt lưng, chân đi những đôi ủng đen chuyên dụng cao đến mắt cá, một số còn đội mũ bảo hiểm và đeo súng trường hoặc súng ngắn trong bao. Khi trời âm ập, họ cởi áo khoác và áo phông ra, cởi trần nằm phơi nắng. Các thao tác tập luyện quân sự diễn ra rất thường xuyên trên đồi, khi đó các binh lính nằm giấu mình, chạy lên từ vị trí nấp, lao mình lên mặt đất và bắn. Tiếng ồn ào và nhạc nổi lên ở doanh trại về đêm. Đôi khi họ bật một cái máy phát nhạc lạo xạo còn tiếng

hát thì loảng xoảng. Có những lúc quân lính hát đến khuya những bài hát của đất nước họ mà Símon biết là nước Anh, còn Grímur nói rằng đó là một đê chế.

Chúng kể cho mẹ nghe tất cả những gì đang diễn ra ở phía bên kia ngọn đồi, nhưng cô không chú tâm lắm. Tuy nhiên, có một lần, chúng đưa mẹ lên đỉnh đồi và cô quan sát doanh trại của quân Anh khá lâu, sau đó khi về nhà, cô nói về tất cả những sự nguy hiểm ở đó và cảm ba đứa không được lảng vảng quanh khu vực đó nữa, bởi vì chúng không bao giờ có thể biết được chuyện gì sẽ xảy ra khi người ta có súng trong tay và cô thì không muốn chúng gặp bất kỳ một mối nguy hiểm nào.

Thời gian cứ thế trôi đi, bỗng dưng một hôm doanh trại của quân Anh tràn ngập binh lính Mỹ, gần như tất cả quân Anh đã rời đi. Grímur nói rằng họ bị đưa đi giết còn người Mỹ sẽ rất thanh thoi ở Iceland, chẳng cần phải lo gì hết.

Grímur nghỉ làm than, bây giờ hẳn chuyển sang làm việc cho lính Mỹ trên đồi vì ở doanh trại đó có rất nhiều tiền, công việc phải làm ở đó cũng nhiều không kém. Một ngày, hẳn đi bộ lên đồi và xin làm việc ở kho quân nhu, và không phải mất nhiều công sức, hẳn được nhận vào làm ở đó và nhà ăn tập thể. Kể từ đó trở đi, bữa ăn trong gia đình đã được cải thiện hơn một chút. Grímur mang về một cái hộp màu đỏ có chìa khóa bên cạnh. Hẳn lấy chìa khóa mở cái

nấp hộp ra và dốc ngược nó xuống, ngay lập tức một tảng thịt màu hồng có phủ nước thịt đông trong suốt rơi xuống cái đĩa. Tảng thịt rung rinh và có vị mặn rất ngon.

“Thịt giảm-bông,” Grímur nói. “Chính hiệu Hoa Kỳ đây.”

Símon chưa bao giờ được ăn thứ gì ngon như thế trong đời. Lúc đầu nó chẳng băn khoăn lắm về chuyện tại sao món ăn đó lại xuất hiện ở nhà mình, nhưng nó thấy vẻ mặt lo lắng của mẹ khi Grímur mang về nhà một thùng chứa đầy hộp thịt và giấu chúng trong nhà. Đôi khi Grímur đi Reykjavík, mang theo hẳn một bao tải chứa đầy những chiếc hộp như thế và nhiều loại hàng hóa khác nữa mà Símon

không biết là gì. Khi trở về, hấn đồ tiên ra mặt bàn rồi đếm, những lúc như thế Símon thấy hấn rất hạnh phúc – điều mà từ trước tới nay Símon chưa từng chứng kiến. Grímur không còn quá hấn học với mẹ chúng nữa, không nói về nhà máy sản xuất khí đốt, và hấn còn xoa đầu Tómas nữa.

Thời gian cứ thế trôi đi, lúc này trong ngôi nhà của họ đã ngập đầy các món hàng hóa của Mỹ: thuốc lá, thực phẩm đóng hộp, hoa quả, và thậm chí là cả bút tất ni-lông mà theo như mẹ chúng nói, đó là niềm mơ ước của tất cả phụ nữ ở Reykjavík.

Chẳng có món đồ nào ở nhà họ được lâu. Có một lần Grímur mang về nhà một

cái gói nhỏ với mùi thơm điếc mũi nhất mà Símon từng được ngửi. Grímur mở nó ra cho cả nhà cùng thử và nói rằng đó là thứ mà người Mỹ nhai suốt, như là bò nhai cỏ vậy. “Chúng mày không được nuốt, sau một lúc phải nhổ nó ra rồi lấy một miếng mới.” Símon, Tomás, và thậm chí cả Mikkelína cũng được hắt đưa cho một miếng nhỏ màu hồng thơm phức. Chúng nhai lấy nhai để, sau đó nhổ bã ra và lại được lấy thêm miếng nữa.

“Cái này có tên là kẹo cao su,” Grímur nói.

Grímur nhanh chóng học được cách nói chuyện bằng tiếng Anh và kết bạn với lính. Thỉnh thoảng khi họ được nghỉ, Grímur lại mời họ về nhà chơi, và mỗi

lần như thế, Mikkelína lại phải giam mình trong nhà kho chật chội, hai thằng con trai phải chải tóc đàng hoàng, còn mẹ chúng phải mặc váy tử tế và ra trình diện. Những người lính đến chơi cư xử rất lịch thiệp, họ chào cả nhà bằng những cái bắt tay siết chặt, tự giới thiệu về mình và cho kẹo mấy đứa nhỏ. Sau đó họ ngồi chè chén với nhau. Tàn cuộc, họ lên xe Jeep về Reykjavík và sau đó mọi thứ trong ngôi nhà lại chìm vào yên ắng, bởi vì ngoài họ ra chẳng còn ai đến đây chơi nữa.

Tuy nhiên, thông thường, những người lính đi thẳng đến Reykjavík rồi đến đêm lại quay về và ca hát. Tiếng họ la hét và gọi nhau í ới làm náo động cả ngọn đồi, và có một hai lần tiếng súng vang lên

nhưng không phải là tiếng đại bác vì, theo như Grímur nói, điều đó có nghĩa là: “Bọn Đức quốc xã khốn kiếp đang ở Reykjavík và chúng sẽ giết tất cả chúng ta trong nháy mắt.” Hấn thường đến thành phố với bọn lính cả đêm và khi trở về, hấn hát những bài hát Mỹ. Símon chưa bao giờ nghe Grímur hát trước mùa hè năm đó.

Có một lần, Símon chứng kiến một sự lạ.

Hôm đó, có một người lính Mỹ đi lên đồi, tay cầm một cần câu, dừng lại ở bờ hồ Reynisvatn và quăng dây câu cá hồi. Sau đó anh ta xuống đồi, cầm theo cần câu và huýt sáo suốt dọc đường đến hồ Hafravatn, rồi anh ta quanh quẩn ở đó cả

ngày. Hôm đó là một ngày mùa hè đẹp trời, anh ta đi quanh hồ và thả câu bất cứ khi nào thấy thích. Thay vì câu được nhiều cá, anh ta lại có vẻ thích được ở bên hồ trong tiết trời đẹp như thế hơn. Anh ta ngồi xuống, hút thuốc và tắm nắng.

Đến khoảng ba giờ, dường như đã nghỉ ngơi đủ, anh ta thu dọn cần câu và cái túi đựng ba con cá hồi rồi đi bộ lên đồi. Nhưng thay vì đi qua ngôi nhà, anh ta dừng lại và nói điều gì đó mà Símon không hiểu. Từ đầu đến giờ thằng bé đã theo dõi sát sao mọi cử động của anh ta và lúc này nó đang đứng ở cửa chính.

“Bố mẹ cháu có ở nhà không?” người lính mỉm cười hỏi Símon bằng tiếng Anh

và ngó vào bên trong. Cứ mỗi khi đẹp trời là cửa nhà lại mở. Tomás đã đưa Mikkelína ra khoảng đất nắng sau nhà và đang nằm ở đó cùng chị. Người mẹ đang dọn dẹp ở trong nhà.

Símon không hiểu người lính nói gì.

“Cháu không hiểu à?” Người lính nói. “Tên chú là Dave. Chú là người Mỹ.”

Hiểu rằng tên anh ta là Dave, Símon gật đầu.

Dave giơ cái túi ra trước mặt thằng bé, để xuống đất, mở nó ra và lấy ra ba con cá hồi.

“Chú cho cháu cái này. Cháu có hiểu không? Cho nhà cháu đấy. Chúng rất ngon đấy!”

Símon nhìn Dave chăm chăm không hiểu gì. Dave mỉm cười, phô ra hàm răng trắng bóng. Anh ta thấp và gầy, khuôn mặt xương, mái tóc dày màu đen chải gọn gàng sang một bên.

“Mẹ cháu có nhà không?” anh ta hỏi.
“Hay bố cháu cũng được?”

Símon ngờ ngác. Dave cởi cúc túi áo, lấy ra một quyển sổ màu đen và lật nhanh đến trang cần tìm. Anh ta bước lại chỗ Símon và chỉ vào một câu trong đó.

“Cháu có biết đọc không?”

Símon đọc cái câu mà Dave chỉ tay vào. Nó hiểu được vì câu này viết bằng tiếng Iceland, nhưng bên dưới là một cái gì đó của nước ngoài mà nó không hiểu

được. Dave đọc to câu viết bằng tiếng Iceland, cẩn thận hết sức

có thể.

“My name is Símon,” nó mỉm cười và nói. Dave còn cười to hơn. Anh ta tìm một câu khác và chỉ cho thằng bé xem.

“Quý cô có khỏe không?” Símon đọc.

“Phải, nhưng không phải là quý cô, hỏi cháu cơ mà,” Dave cười to, nhưng Símon không hiểu. Dave tìm một từ khác và đưa cho Símon xem. “Mẹ,” Símon đọc to, và Dave chỉ vào nó kèm theo một cái gật đầu.

“Ở đâu?” Dave hỏi bằng tiếng Iceland, và Símon hiểu là anh ta đang hỏi về mẹ mình. Símon ra hiệu cho Dave đi

theo mình và dẫn anh ta vào bếp, nơi mẹ nó đang ngồi vá tất ở bàn. Cô mỉm cười khi thấy Símon bước vào, nhưng khi thấy người đàn ông lạ đi sau thằng bé, nụ cười của cô khựng lại, cô làm rơi cái tất và nhảy lên ghế. Dave, lúc này cũng lùi lại, bước về phía trước và xua tay rồi rít.

“Xin lỗi,” anh ta nói. “Tôi rất xin lỗi. Tôi không muốn làm kinh động đến cô.”

Mẹ Símon lao đến chỗ bồn rửa bát và nhìn chăm chăm xuống dưới như thể không dám nhìn lên.

“Símon, con hãy đưa anh ta ra ngoài đi, Símon,” cô nói.

“Vâng, tôi sẽ đi,” Dave nói. “Không có gì đâu. Tôi xin lỗi. Tôi đi đây. Xin

cô, tôi...”

“Símon, đưa anh ta đi,” người mẹ nhắc lại.

Lúng túng trước phản ứng của mẹ, Símon hết nhìn người này lại nhìn người kia, sau đó nó thấy Dave đi khỏi bếp ra ngoài sân.

“Tại sao con lại làm thế với mẹ?” cô nói và quay sang Símon. “Con dám đưa một người đàn ông vào đây. Tại sao con lại làm thế?”

“Con xin lỗi,” Símon nói. “Con tưởng là chuyện đó cũng bình thường. Tên chú ấy là Dave.”

“Anh ta muốn gì?”

“Chú ấy muốn cho chúng ta cá,”

Símon nói. “Những con cá chú ấy câu được ở hồ. Con nghĩ chuyện đó cũng bình thường thôi. Chú ấy chỉ muốn cho chúng ta cá thôi mà.”

“Lạy Chúa, chết mất thôi! Ôi Chúa ơi, chết mất thôi! Con không bao giờ được làm như thế nữa. Không bao giờ! Mikkelína và Tómas đâu?”

“Ở sau nhà ạ.”

“Chúng không sao chứ?”

“Tất nhiên rồi mẹ. Mikkelína muốn sưởi nắng.”

“Con không bao giờ được làm như thế nữa,” cô nhắc lại trong lúc đi ra chỗ Mikkelína. “Con nghe rõ chưa? Không bao giờ.”

Cô đi ra chỗ góc nhà và thấy người lính đang đứng chỗ Tomás và Mikkelína, anh ta nhìn chăm chăm vào cô bé đầy bối rối. Mikkelína ngھn cổ lên xem ai đang đứng trước mặt mình. Con bé không thể nhìn thấy khuôn mặt của người lính vì anh ta đứng quay lưng về phía mặt trời. Người lính nhìn mẹ cô bé, rồi lại nhìn Mikkelína đang quẩn quại trên mặt đất.

“Tôi...” Dave ấp ứng. “Tôi không biết chuyện này,” anh ta nói. “Tôi xin lỗi. Thực sự xin lỗi. Đây không phải là việc của tôi. Tôi xin lỗi.”

Sau đó anh ta quay người và bước đi thật nhanh, họ nhìn theo bóng anh ta cho đến khi nó dần biến mất trên đồi.

“Các con không sao chứ?” người mẹ

hỏi trong lúc quỳ xuống bên Mikkelína và Tómas. Lúc này cô đã bình tĩnh hơn khi thấy rõ ràng là người lính không làm gì hại bọn trẻ cả. Cô bế Mikkelína lên, đưa nó vào nhà và đặt nó trên chiếc đi-văng trong bếp. Símon và Tómas đi theo mẹ.

“Dave không phải là người xấu,” Símon nói. “Chú ấy khác.”

“Tên anh ta là Dave à?” người mẹ hỏi trống rỗng.

“Dave,” cô nhắc lại. “Cái tên đó cũng gần như David trong tiếng Iceland phải không?” cô hỏi, gần như là hỏi chính mình chứ không phải ai khác. Và lúc ấy chuyện đó xảy ra, một chuyện hết sức kỳ lạ đối với Símon.

Mẹ nó mỉm cười.

Tómas lúc nào cũng bí hiểm, lặng lẽ như một kẻ cô độc vậy, nó có vẻ nhút nhát và hay xấu hổ, thuộc típ người trầm. Mùa đông năm trước, dường như Grímur đã thấy điều gì đó ở thằng bé khiến hẳn ta quan tâm đến nó hơn là Símon. Hẳn chú ý đến thằng bé và đưa nó vào một phòng khác. Khi Símon hỏi em xem bố vừa nói với nó chuyện gì, Tómas chẳng nói nửa lời, nhưng Símon cứ khăng khăng hỏi, nên sau một hồi nịnh nọt em, nó biết rằng họ đã nói chuyện về Mikkelína.

“Ông ta nói gì với em về chị Mikkelína?” Símon hỏi.

“Không có gì đâu,” Tómas đáp.

“Có, ông ấy có nói. Nói gì nào?”

Símon hỏi.

“Không mà,” Tómas nói, khuôn mặt nó thoảng vẻ bối rối như thể đang cố gắng giấu anh điều gì đó.

“Nói cho anh biết đi.”

“Em không muốn. Em không muốn ông ta nói chuyện với em. Em không muốn ông ta làm thế.”

“Em không muốn ông ta nói chuyện với em à? Vậy ý em là em không muốn ông ta nói ra những điều đó phải không? Ý em là thế phải không?”

“Em chẳng muốn gì cả, thế thôi,” Tómas đáp. “Và anh cũng đừng có nói chuyện với em nữa.”

Nhiều tuần và tháng trôi qua, Grímur thể hiện sự quan tâm của mình đối với thằng con út bằng nhiều cách khác nhau. Mặc dù Símon không bao giờ góp mặt vào cuộc trò chuyện của họ, vào một buổi tối cuối hè nó đã phát hiện ra điều mà họ đang làm. Grímur đang chờ để lấy hàng từ một người lính có tên là Mike. Mike có một chiếc xe jeep riêng và họ dự định sẽ chất hàng lên đó để đem lên thành phố bán. Người mẹ đang nấu những đồ ăn lấy từ doanh trại. Mikkelína đang nằm trên giường.

Símon để ý thấy Grímur đẩy Tómas đến chỗ Mikkelína, hấn thì thào vào tai nó và mỉm cười giống như khi nhận xét đầy ác ý về hai thằng bé. Mẹ chúng thì không để ý còn Símon thì không thực sự

hiều chuyện gì đang xảy ra cho đến khi Tomás đến chỗ Mikkelína (Grímur thì không ngừng giục giã nó) và nói:

“Đồ chó cái.”

Sau đó nó chạy lại chỗ Grímur khiến hắn cười hả hê và vỗ nhẹ vào đầu thằng bé.

Símon nhìn ra bồn rửa bát chỗ mẹ nó đang đứng. Dù chắc chắn đã nghe thấy nhưng lúc đầu cô vẫn không cử động và không có phản ứng gì, như thể đang cố lờ đi chuyện đó. Ngoại trừ việc thằng bé để ý thấy một tay mẹ nó vẫn đang cầm dao gọt vỏ khoai tây, những khớp ngón tay của cô hằn lên trắng bệch khi cô xiết chặt cán dao. Sau đó cô từ từ quay lại, tay vẫn cầm dao và nhìn Grímur chằm chằm.

“Đó là điều mà anh không bao giờ được làm,” cô nói, giọng run run.

Grímur nhìn cô, điệu cười toe toét khựng lại trên mặt.

“Tao á?” Grímur nói. “Ý mày là sao, không bao giờ được làm ư? Tao chẳng làm gì cả. Thằng bé làm đấy chứ! Tomás con trai tao làm đấy chứ!”

Người mẹ bước một bước đến gần chỗ Grímur, tay vẫn nắm chặt cán dao.

“Đề Tomás được yên.”

Grímur đứng lên.

“Mày định làm gì với con dao đó?”

“Đừng có làm thế với thằng bé,” cô nói, và Símon cảm thấy mẹ nó đang chùn

lại. Nó nghe tiếng xe jeep bên ngoài.

“Ông ta đến rồi,” Símon hét lên.
“Mike đến rồi.”

Grímur nhìn qua cửa sổ rồi lại nhìn người vợ, trong một thoáng không khí căng thẳng chùng xuống. Cô đặt dao xuống. Mike xuất hiện ở bậc cửa. Grímur mỉm cười.

Đêm hôm đó khi quay về hắn đánh vợ bất tỉnh. Buổi sáng hôm sau, mắt cô tím bầm, còn chân thì đi cà nhấc. Máy đưa trẻ nghe tiếng bố chửi bới khi đâm mẹ thùm thụp. Tómas bò đến giường Símon và nhìn anh qua màu đen kịt của bóng tối, nó choáng váng, miệng lảm bảm liên hồi như thể làm như thế sẽ xóa bỏ được những chuyện đã diễn ra.

“...xin lỗi, em không cố ý, xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi...”

Elsa mở cửa cho Sigurdur Óli và mời anh ta uống trà. Trong lúc nhìn Elsa pha trà trong bếp, anh nghĩ về Bergthóra. Sáng hôm đó, trước khi đi làm họ đã cãi nhau. Sau khi từ chối những hành động đăm đuôi của cô, anh vụng về nói đến những điều mình trần trở cho đến khi Bergthóra trở nên kích động mạnh.

“Ồ, chờ một chút,” cô nói. “Vậy là chúng ta sẽ không bao giờ kết hôn phải không? Đây là kế hoạch của anh à? Ý anh là chúng ta chỉ lấp lửng thế thôi chứ không có giấy tờ gì ràng buộc, và con của chúng ta mãi mãi chỉ là những đứa con hoang phải không?”

“Con hoang ư?”

“Phải.”

“Em lại nghĩ đến một đám cưới lớn đấy à?”

“Xin lỗi nếu chuyện đó khiến anh cảm thấy phiền.”

“Em thực sự muốn đi vào giáo đường à? Mặc váy cưới, tay cầm hoa và...”

“Anh khinh thường ý nghĩ đó phải không?”

“Vậy thì chuyện này liên quan gì đến con cái chứ?” Sigurdur Óli hỏi, và ngay lập tức hối hận khi thấy mặt Bergthóra tối sầm lại.

“Anh không bao giờ muốn có con à?”

“Có, à không, à có chứ, ý anh là, chúng ta vẫn chưa thảo luận chuyện đó,” Sigurdur Óli nói. “Anh nghĩ chúng ta cần bàn bạc chuyện này. Em không thể tự mình quyết định về việc chúng ta có nên sinh con hay không. Như thế là không công bằng và anh không muốn thế. Không phải bây giờ. Không phải lúc này.”

“Rồi sẽ đến lúc đó,” Bergthóra nói. “Mong là như thế. Chúng ta đã ba mươi lăm tuổi rồi. Chẳng còn bao lâu nữa trước khi quá muộn đâu. Bất kỳ lúc nào em định nói về chuyện đó anh lại đổi đề tài. Anh không muốn bàn bạc gì hết. Anh không muốn có con, không muốn cưới hay bất cứ thứ gì. Anh chẳng muốn gì cả. Càng ngày anh càng trở nên tồi tệ y như ông già Erlendur rồi đây.”

“Sao cơ?” Sigurdur Óli sững sờ. “Em vừa nói cái gì cơ?”

Nhưng Bergthóra đã chuẩn bị đi làm, để Sigurdur Óli lại một mình với những ý nghĩ u ám về tương lai.

Elsa thấy Sigurdur Óli đang mải nghĩ tận đâu đâu trong lúc anh ngồi nhìn cốc trà chăm chăm.

“Cậu dùng thêm trà nhé?” bà hỏi nhỏ.

“Không, cảm ơn bà,” Sigurdur Óli đáp. “Elínborg – người cùng giải quyết vụ này với cháu, nhờ cháu hỏi liệu bà có biết ông Benjamín có giữ một lọn tóc nào của vợ chưa cưới không. Ông ấy có thể để trong một cái hộp hoặc thứ gì đó tương tự như vậy.”

Elsa đăm chiêu.

“Không,” bà đáp, “tôi không nhớ có một lọn tóc nào cả, nhưng tôi không hoàn toàn chắc chắn là ở dưới kia có những gì đâu.”

“Elínborg nói rằng rất có thể ông ấy giữ một lọn. Em gái vợ chưa cưới của ông Benjamín nói với Elínborg rằng bà ấy đã trao cho Benjamín một lọn tóc khi bà ấy đi đâu đó, tôi nghĩ vậy.”

“Tôi chưa bao giờ nghe nói đến một lọn tóc hay bất cứ thứ gì như thế cả. Dòng họ tôi chưa bao giờ lãng mạn đến thế.”

“Vậy trong tầng hầm có món đồ nào của bà ấy không? Của người vợ chưa

cưới ấy?”

“Tại sao các cậu lại muốn tìm một lợn tóc?” Elsa hỏi thay vì trả lời. Trên mặt bà ánh lên vẻ tò mò khiến Sigurdur Óli lưỡng lự. Anh không biết Erlendur đã nói với Elsa những gì rồi, nhưng câu nói tiếp theo của bà khiến anh không phải hỏi nhiều.

“Vì nhờ nó, cảnh sát có thể xác minh xem người bị chôn trên đó có phải là bà ấy không,” bà nói. “Nếu như có trong tay một món đồ gì đó của bà ấy, các cậu có thể tiến hành xét nghiệm DNA để xem liệu đó có phải là bà ấy không. Và nếu đúng như vậy, các người sẽ tuyên bố rằng bác tôi đã giết vợ chưa cưới của mình và chôn bà ấy ở đó. Tôi nói thế có

đúng không?”

“Chúng cháu chỉ điều tra theo tất cả các hướng có thể thôi,” Sigurdur Óli nói, bằng mọi giá cố tránh làm Elsa tức giận vì cách đó mới một giờ đồng hồ, anh đã châm ngòi nổ khiến Bergthóra điên tiết. Ngày hôm nay khởi đầu thật tệ hại. Rất tệ hại.

“Có một thám tử khác đã đến đây, mặt mày ủ rũ, nói bóng nói gió rằng Benjamín phải chịu trách nhiệm trước cái chết của vợ chưa cưới của mình. Và bây giờ tất cả các người sẽ xác thực được điều đó nếu các người tìm ra một lọn tóc của bà ấy. Tôi thật không thể hiểu nổi. Làm sao mà các ông có thể nghĩ rằng bác Benjamín có khả năng giết người phụ

nữ đó. Tại sao ông ấy phải làm thế? Động cơ gì mới được chứ? Không. Hoàn toàn không có động cơ nào hết.”

“Không, tất nhiên là không rồi,” Sigurdur Óli nói để trấn tĩnh bà. “Nhưng chúng cháu cần biết bộ xương thuộc về ai, và cho đến giờ phút này chúng cháu vẫn chưa có nhiều manh mối lắm ngoài trừ một sự thật là Benjamín là chủ của ngôi nhà và vợ chưa cưới của ông ấy biến mất. Chắc chắn là bản thân bà cũng tò mò về chuyện đó. Chắc chắn bà cũng muốn biết những mẫu xương ấy là của ai.”

“Tôi không nghĩ là mình muốn,” Elsa đáp, có vẻ như đã trấn tĩnh hơn.

“Nhưng cháu có thể tiếp tục tìm trong

tầng hầm chứ ạ?” anh nói.

“Tất nhiên rồi. Tôi khó mà ngăn anh làm chuyện đó được.”

Anh uống nốt trà rồi xuống căn hầm, đầu óc vẫn vẫn vợ nghĩ đến Bergthóra. Mình chẳng giữ món tóc nào của cô ấy trong hộp, cũng chẳng cần thứ gì để nhắc mình nhớ về cô ấy. Thậm chí mình còn chẳng để ảnh của cô ấy trong ví nữa, không giống như một số ông mà mình biết thường hay để ảnh vợ con vào đó và luôn mang theo người. Mình cảm thấy thật tội tệ. Mình cần phải nói chuyện với cô ấy. Giải quyết dứt điểm mọi chuyện.

Mình chẳng muốn giống Erlendur một chút nào.

Sigurdur Óli lục lợi đồng đồ của Benjamín cho đến giữa trưa mới nghỉ tay, sau đó anh vọt ra một cửa hàng bán đồ ăn nhanh, mua một chiếc hamburger và nhấm nháp nó trong lúc đọc báo và uống cà phê. Đến khoảng hai giờ, anh quay trở lại tầng hầm và nguyên rủa Erlendur vì tính khí ngoan cố của ông. Anh vẫn chưa tìm ra một chút manh mối nào giải thích tại sao vợ chưa cưới của Benjamín mất tích, cũng chẳng phát hiện ra tí chứng cứ nào liên quan đến những người thuê nhà trong thời chiến ngoại trừ Höskuldur. Anh vẫn chưa nhìn ra lọn tóc mà Elínborg chắc chắn là phải có sau khi cô đọc xong cả đồng tiểu thuyết diễm tình. Đây đã là ngày thứ hai Sigurdur Óli phải làm việc ở căn hầm rồi, sức chịu

đựng của anh đang sắp cạn.

Khi Sigurdur Óli quay trở lại thì Elsa đã đứng ở cửa, sau đó bà mời anh vào nhà. Anh cố gắng tìm ra lý do để khước từ lời mời nhưng đã kịp ngăn hành động thô lỗ đó lại. Anh bước theo Elsa đi vào trong nhà.

“Cậu đã tìm được gì dưới đó chưa?” bà hỏi, và Sigurdur Óli hiểu rằng đằng sau những lời hỏi han ân cần này, bà ta đang cố gắng lấy thông tin từ mình. Sigurdur Óli không nhận ra rằng có thể Elsa sống một mình, cảm giác mà Erlendur nhận thấy chỉ vài phút sau khi ông bước chân vào ngôi nhà ấm đạm của bà.

“Cháu vẫn chưa tìm được lọn tóc đó,”

Sigurdur Óli đáp và nhấp một ngụm trà.
Bà đã chờ anh đến.

Sigurdur Óli nhìn người phụ nữ, băn khoăn không biết chuyện gì sẽ diễn ra tiếp theo.

“Không,” bà nói. “Cậu lập gia đình chưa? Xin lỗi, tất nhiên là đó không phải là việc của tôi.”

“Cháu chưa... đó là... mà có, mà chưa, cháu chưa kết hôn nhưng cháu đang sống cùng người yêu,” Sigurdur Óli nói một cách lúng túng.

“Có con chưa?”

“Chưa, chưa có con,” Sigurdur Óli đáp. “Vẫn chưa ạ.”

“Tại sao chưa?”

“Sao cơ ạ?”

“Tại sao hai người vẫn chưa sinh con?”

Chuyện quái gì đang diễn ra thế nhỉ? Sigurdur Óli nghĩ, nhấp một ngụm trà để lấy thời gian.

“Áp lực, cháu nghĩ vậy. Chúng cháu bận công việc suốt ngày. Chúng cháu đều làm những công việc đòi hỏi rất khẩn trương, và, thế đấy, chúng cháu không có thời gian.”

“Không có thời gian cho con cái ư? Thế hai người có gì hay hơn để làm à? Bạn gái cậu làm nghề gì?”

“Cô ấy là một nhân viên trong công ty máy tính,” Sigurdur Óli đáp và sắp sửa

cảm ơn bà vì đã mời trà và nói rằng mình cần phải tiếp tục công việc của mình. Anh không có ý định để một bà cô già không quen biết thắm vấn về đời tư của mình, bằng cái cách mà những người phụ nữ như bà cuối cùng cũng sẽ làm, đó là chỉ biết chĩa mũi vào chuyện riêng của người khác.

“Cô ấy là người phụ nữ tốt chứ?” Elsa hỏi.

“Tên cô ấy là Bergthóra,” Sigurdur Óli đáp, sắp trở nên thô lỗ. “Cô ấy là một người phụ nữ cực kỳ tốt.” Anh mỉm cười. “Tại sao bà lại...?”

“Tôi chưa bao giờ có gia đình,” Elsa nói. “Chưa bao giờ có con. Chồng cũng thế. Tôi không quan tâm đến chuyện đó,

nhưng tôi thích có con cái. Có lẽ giờ đây chúng đã ba mươi rồi. Đôi lúc tôi lại nghĩ thế. Chúng đã trưởng thành, có con riêng. Tôi thực sự không biết chuyện gì đã xảy ra. Bỗng nhiên chúng ta bước vào độ tuổi trung niên. Tôi là một bác sĩ. Hồi tôi thi vào trường Y, không có mấy phụ nữ học về Y dược cả. Tôi cũng giống như hai người, tôi không có thời gian, tôi thậm chí còn không có thời gian cho cuộc sống của riêng bản thân mình. Những gì anh đang làm lúc này không phải là cuộc sống của anh. Đó chỉ là công việc mà thôi.”

“Vâng, được rồi, cháu nghĩ là cháu nên...”

“Benjamín cũng không có gia đình,”

Elsa nói tiếp. “Tất cả những gì mà ông ấy muốn là một gia đình. Cùng bà ấy.”

Elsa đứng lên, và Sigurdur Óli cũng thế. Anh đang chờ bà ấy nói tạm biệt, nhưng thay vào đó, Elsa lại bước đến một cái tủ lớn làm bằng gỗ sồi, trang trí bằng những ô cửa kính và những ngăn kéo được khảm rất đẹp mắt. Bà mở một ngăn kéo và mang ra một chiếc hộp nữ trang kiểu Trung Quốc, nhấc cái nắp lên và lấy ra một cái hộp nhỏ bằng bạc.

“Ông ấy có giữ một lọn tóc của bà ấy,” bà nói. “Trong cái hộp này còn có bức ảnh của bà ấy nữa. Tên bà ấy là Sólveig.” Elsa mỉm cười. “Người yêu đầu của Benjamín. Tôi không nghĩ là bác tôi lại chôn bà ấy trên đồi. Tôi không

chịu được cái suy nghĩ đó. Điều đó có nghĩa là Benjamín đã hãm hại bà ấy. Ông ấy không làm thế. Không thể làm thế. Tôi chắc chắn điều đó. Lọn tóc này sẽ chứng minh điều đó.”

Bà đưa cái hộp cho Sigurdur Óli. Anh ngồi xuống, cẩn thận mở nó ra và thấy một lọn tóc nhỏ màu đen trên bức ảnh của chủ nhân nó. Không chạm vào mớ tóc, anh khéo léo đẩy nó lên chỗ cái vòng cổ để có thể xem được bức ảnh. Trong ảnh là khuôn mặt của một cô gái chừng hai mươi tuổi, mái tóc đen, lông mày lá liễu lượn trên đôi mắt lớn đang nhìn một cách bí ẩn vào ống kính. Đôi môi cương nghị, cằm nhỏ, khuôn mặt thanh tú, đáng yêu. Vợ chưa cưới của Benjamín, Sólveig.

“Xin thứ lỗi cho tôi vì đã giấu nó,” Elsa nói. “Tôi đã nghĩ kỹ chuyện này, cân nhắc nó và tôi không thể tự bắt mình hủy lọn tóc đó đi được. Cho dù cuộc điều tra có hé lộ ra điều gì đi chăng nữa.”

“Tại sao bà lại giấu nó?”

“Tôi cần phải xem xét mọi chuyện.”

“Vâng, nhưng thậm chí...”

“Tôi khá sốc khi đồng nghiệp của anh – Erlendur phải không nhỉ? – nói bóng gió rằng có thể là bà ấy đang nằm trên đó, nhưng khi nghĩ đến chuyện đó kỹ càng hơn...” Elsa nhún vai như thể cam chịu.

“Thậm chí nếu kết quả DNA là dương

tính,” Sigurdur Óli nói, “thì cũng không nhất thiết là Benjamín đã giết bà ấy. Kết quả phân tích không thể giải đáp được điều đó. Nếu đó là vợ chưa cưới của ông ấy, có thể có lý do nào khác ngoài Benjamín...”

Elsa cắt ngang lời anh.

“Bà ấy... ngày nay người ta gọi là gì nhỉ... bỏ rơi ông ấy. ‘Hủy hôn ước’ có thể đã là từ cũ rồi. Vào cái thời mà người ta còn hay đính hôn với nhau ấy. Bà ấy làm điều đó vào cái ngày bà ấy biến mất. Mãi sau này Benjamín mới tiết lộ chuyện đó cho mẹ tôi biết lúc ông ấy lâm chung. Bà đã kể lại cho tôi. Trước đây tôi chưa từng nói với ai chuyện đó. Và tôi sẽ mang bí mật đó xuống mồ nếu

như các anh không tìm thấy bộ xương. Các anh đã biết đó là đàn ông hay đàn bà chưa?”

“Vẫn chưa ạ,” Sigurdur Óli đáp. “Ông ấy có nói tại sao bà ấy lại hủy hôn ước giữa họ không? Tại sao bà ấy lại bỏ Benjamín?”

Anh cảm nhận được sự lưỡng lự của Elsa. Họ nhìn vào mắt nhau và anh biết bà đã nói ra quá nhiều, không thể dừng lại được nữa. Anh cảm thấy Elsa muốn nói cho mình tất cả những gì bà biết. Như thể là bà đang phải gánh chịu một nỗi đau khổ nặng nề và bây giờ đã đến lúc cởi bỏ nó. Cuối cùng cũng đã đến lúc, sau ngàn ấy năm trời.

“Đó không phải là con ông ấy,” bà

đáp.

“Không phải là con của Benjamín ư?”

“Không.”

“Thế bà ấy không có thai với Benjamín ư?”

“Không.”

“Vậy đó là con của ai?”

“Cậu phải hiểu là thời đó rất khác bây giờ,” Elsa nói. “Ngày nay phụ nữ phá thai như đến gặp nha sĩ. Hôn nhân chẳng có nghĩa lý gì đặc biệt, ngay cả khi người ta muốn có con. Họ sống cùng nhau. Rồi chia tay. Rồi lại bắt đầu sống cùng một người khác. Có thêm con. Lại chia tay. Nhưng hồi đó không như thế. Sinh con ngoài giá thú là một điều không

thể chấp nhận đôi với người phụ nữ. Đó là chuyện đáng xấu hổ, họ sẽ bị cả xã hội ruồng bỏ. Hồi đó người ta rất nhẫn tâm, họ gọi những người phụ nữ như thế là ‘đồ dĩ thỏa’.”

“Cháu hiểu rồi,” Sigurdur Óli đáp. Tâm trí anh hướng đến Bergthóra và anh dần dần vỡ ra lý do tại sao Elsa lại hỏi về đời tư của mình.

“Benjamín đã chuẩn bị cưới bà ấy,” Elsa nói tiếp. “Hoặc ít nhất thì đó cũng là điều mà ông ấy nói với mẹ tôi về sau này. Sólveig không muốn thế. Bà ấy muốn hủy đính ước của hai người và nói thẳng với ông ấy điều đó. Chỉ thế thôi. Mà không hề báo trước.”

“Vậy ai là cha đứa trẻ?”

“Khi ra đi, bà ấy xin Benjamín tha thứ vì đã bỏ rơi ông ấy. Nhưng ông ấy không làm được. Ông ấy cần thêm thời gian.”

“Và bà ấy biến mất?”

“Sau khi chia tay Benjamín, không ai còn nhìn thấy cô ấy nữa. Buổi tối hôm đó, khi Sólveig không về nhà, họ bắt đầu bỏ đi tìm, còn Benjamín thì tham gia tìm kiếm hết mình. Nhưng bà ấy không bao giờ xuất hiện nữa.”

“Thế còn cha đứa trẻ?” Sigurdur Óli hỏi lại. “Ông ta là ai?”

“Bà ấy không nói cho Benjamín biết. Bà ấy đi mà không để cho ông ấy biết. Đó là những điều ông ấy nói lại với mẹ tôi, ít ra là như vậy. Nếu ông ấy biết,

chắc chắn ông ấy cũng chẳng bao giờ nói cho mẹ tôi biết.”

“Ai có thể là người đó được nhỉ?”

“Có thể ư?” Elsa nhắc lại. “Chuyện ông ta có thể là ai không quan trọng. Điều duy nhất quan trọng ở đây là ông ta là ai.”

“Ý bà là người cha có liên quan đến vụ mất tích của bà ấy ư?”

“Anh nghĩ sao?” Elsa hỏi.

“Bà và mẹ bà chưa bao giờ nghi ngờ ai sao?”

“Không, không ai cả. Theo như tôi biết, cả Benjamín cũng không.”

“Có khả năng tự ông ấy tự thù dết nên

câu chuyện không?”

“Tôi không chắc, nhưng Benjamín chưa từng nói dối một lần trong đời.”

“Ý cháu là, để người ta không chú ý đến ông ấy.”

“Tôi không may may nghĩ là bác ấy bị nghi ngờ một chút nào. Mãi đến tận sau này bác ấy mới nói với mẹ tôi cơ mà. Ngay trước khi chết ấy.”

“Ông ấy chưa bao giờ thôi nghĩ về bà ấy.”

“Mẹ tôi nói vậy.”

Sigurdur Óli nghĩ ngợi một hồi.

“Có thể là vì xấu hổ mà bà ấy đã tự tử không?”

“Chắc chắn rồi. Bà ấy không chỉ phản bội Benjamín mà còn có thai nhưng không nói cha đứa trẻ là ai.”

“Elínborg – nữ cảnh sát cùng làm việc với tôi, đã nói chuyện với em gái bà ấy. Bà ta nói rằng bố mình đã tự tử. Treo cổ. Chuyện đó thật khủng khiếp với Sólveig bởi vì họ rất gần gũi với nhau.”

“Khủng khiếp đối với Sólveig ư?”

“Phải.”

“Thật là kỳ quặc!”

“Sao lại thế ạ?”

“Đúng là ông ta treo cổ thật, nhưng chuyện đó chẳng mấy ảnh hưởng đến Sólveig.”

“Ý bà là sao?”

“Người ta nói rằng ông ta vì quá đau buồn mà làm thế.”

“Đau buồn ư?”

“Phải, đó là tôi cảm nhận thế.”

“Đau buồn vì chuyện gì cơ ạ?”

“Vì sự mất tích của con gái,” Elsa đáp. “Ông ta treo cổ sau khi bà ấy mất tích mà.”

Mãi về sau, Erlendur mới tìm được chuyện để nói với con gái. Ông đã nghiên cứu rất kỹ ở Thư viện Quốc gia, tập hợp thông tin trên báo chí – những ấn bản được phát hành năm 1910 – năm mà sao chổi Halley băng qua Trái đất với cái đuôi mà người ta cho rằng chứa đầy chất độc xy-a-nua. Ông được đặc cách cho phép đọc trên giấy tờ thay vì đọc trên máy vi phim. Ông thích được vùi đầu vào sách vở và báo cũ, thích nghe tiếng những trang giấy sột soạt, thích hít thở mùi giấy đã ố vàng và cảm nhận mùi thời gian để lại trên những trang giấy cứng, bây giờ và mãi mãi.

Khi Erlendur ngồi xuống bên giường

bệnh của Eva Lind và bắt đầu kể cho con bé nghe về việc phát hiện ra bộ xương ở Grafarholt, trời đã bắt đầu sập tối. Ông kể cho nó nghe chuyện các nhà khảo cổ phân chia khu đất có bộ xương thành các khu vực nhỏ, kể chuyện Skarphédinn có những chiếc răng nanh khiến ông ta không thể ngậm miệng lại được. Ông nói về những bụi cây lý chua và những miêu tả lạ lùng của ông già Róbert về một cô gái méo mó mặc đồ màu xanh. Ông kể về Benjamín Knudsen và vợ chưa cưới của ông ta – người bỗng dưng một ngày biến mất, và tác động của việc đó đối với chàng trai. Ông cũng nhắc đến Höskuldur, người đã thuê ngôi nhà gỗ trong chiến tranh, và kể về việc Benjamín nói rằng có một người phụ nữ

sống trên đời được sinh ra ở thùng chứa ga sau cái đêm mà tất cả mọi người cho rằng thế giới sẽ bị hủy diệt.

“Đó là năm Mark Twain mất,” Erlendur nói.

Sao chổi Halley lao thẳng xuống trái đất với một tốc độ kinh hoàng, đuôi của nó chứa đầy khí độc. Thậm chí nếu Trái đất không bị vỡ vụn thành những mảnh nhỏ sau vụ va chạm, người ta vẫn tin rằng cái đuôi sao chổi sẽ quét qua trái đất và tất cả mọi sinh vật sẽ chết hết. Những người lo sợ nhất thì cho rằng họ sẽ bị lửa và axit thiêu rụi. Cơn hoảng loạn bùng nổ, không chỉ ở Iceland mà ở khắp nơi trên toàn thế giới. Ở Áo, Trieste và Dalmatia, người ta bán tất cả tài sản của mình chỉ

trong nháy mắt để lao vào những trò tiêu khiển trong quãng đời ngắn ngủi còn lại của mình. Ở Thụy Sĩ, các trường tư thục dành cho nữ sinh vắng không một bóng người vì các gia đình cho rằng họ nên ở bên nhau vào giây phút ngôi sao chổi hủy diệt trái đất. Giới tu sĩ được dạy cách nói theo các thuật ngữ thông thường về thiên văn học để xoa dịu nỗi sợ hãi của con người.

Ở Reykjavík, người ta nói rằng phụ nữ trốn vào gầm giường vì sợ ngày tận thế, rất nhiều người tin rằng “mùa xuân lạnh lẽo năm đó là do sao chổi gây nên”, theo như một tờ báo đã nói. Người già bắt đầu nói về chuyện thời tiết tồi tệ như thế nào trong lần sao chổi đến gần Trái đất trước đó.

Vào khoảng thời gian đó, ở Reykjavík, khí đốt được cho là chìa khóa dẫn đến tương lai. Đèn khí đốt được sử dụng rộng rãi trong thành phố, mặc dù nó không phổ biến đến mức trở thành đèn thấp sáng trên đường phố nhưng người dân vẫn đốt chúng trong nhà mình. Bước tiếp theo trong kế hoạch là xây dựng một nhà máy sản xuất khí đốt hiện đại ở vùng ngoại ô để đáp ứng toàn bộ nhu cầu tiêu thụ gas của người dân trong nhiều thập kỷ tới. Thị trưởng thành phố Reykjavík đã đàm phán với một công ty của Đức, và Carl Franke – một kỹ sư – đã đi từ Bremen đến Reykjavík cùng với một nhóm chuyên gia khác để xây dựng nhà máy sản xuất khí đốt Reykjavík. Nó đi vào hoạt động vào mùa thu năm 1910.

Bản thân cái thùng là một cái máy khổng lồ với dung tích lên đến một nghìn năm trăm mét khối. Nó được gọi là “thùng chuông” vì nó có thể nổi trên mặt nước ở các mức độ khác nhau phụ thuộc vào lượng khí đốt bên trong. Chưa bao giờ nhìn thấy một thứ gì kỳ lạ như thế, người dân đổ xô đến xem nó được xây dựng như thế nào.

Khi cái thùng sắp sửa được làm xong, một nhóm người tụ tập bên trong vào cái đêm ngày mười tám tháng Năm. Họ tin rằng cái thùng đó là nơi duy nhất ở Iceland có thể bảo vệ được con người thoát khỏi luồng khí độc của đuôi sao chổi. Người ta kháo nhau rằng trong cái thùng ấy đã diễn ra một bữa tiệc và những người ở đó đã cố gắng tận hưởng

nốt một đêm trụy lạc ngay trước ngày tận thế.

Một vài ngày sau, chuyện xảy ra ở cái thùng chứa ga lan đi nhanh như lửa cháy. Người ta đồn rằng những người say xỉn trong cái đêm thác loạn ấy đã chơi bời thả cửa đến tận rặng đông – khi họ nhận ra rằng rõ ràng là Trái đất không bị hủy diệt, không va chạm gì với sao chổi cũng như chẳng có ngọn lửa địa ngục nào phát từ cái đuôi của nó hết. Người ta còn nói rằng có một số đứa trẻ được sinh ra từ sau cái đêm hôm đó, và Erlendur băn khoăn liệu có phải nhiều năm sau đó, một trong số chúng đã chết ở Grafarholt và được chôn cất tại đó không.

“Văn phòng quản lý Nhà máy đó đến

nay vẫn còn,” ông nói với Eva Lind, không biết nó có nghe được mình nói hay không. “Nhưng ngoài cái đó ra, mọi dấu vết của Nhà máy đã mất hết. Cuối cùng, nguồn năng lượng của tương lai hóa ra lại là điện chứ không phải khí đốt, con ạ. Cái nhà máy ấy ở Raudarárstígur, ngày nay đã biến thành trạm xe bus Hlemmur, và nó vẫn hoạt động tốt bất kể trong quá khứ nó có là cái gì đi chăng nữa. Vào những ngày rét cắt da cắt thịt, những người vô gia cư vẫn thường đến đó, ngồi bên ngọn đèn sưởi ấm, nhất là vào ban đêm. Và vào thời kỳ đen tối nhất của mùa đông, nơi đó thường có rất đông người đến.”

Eva Lind chẳng có phản ứng gì khi Erlendur kể câu chuyện đó. Ông cũng

chẳng mong chờ điều ấy xảy ra. Ông không mong chờ vào phép màu.

“Nhà máy sản xuất khí đốt được xây dựng trên một mảnh đất nhỏ có tên là Elsumýrarblettur,” ông nói tiếp và mỉm cười trước sự mỉa mai của Thượng đế. “Nhiều năm sau khi nhà máy đó bị phá hủy và cái thùng chứa bị dời đi, Elsumýrarblettur đã bị sa sút rất nhiều. Sau đó một lô văn phòng được xây dựng trên mảnh đất đó, đối diện với trạm xe bus. Cái lô đó bây giờ là trụ sở cảnh sát Reykjavík. Văn phòng của bố ở đó. Ở đúng vị trí của cái thùng chứa trước đây.”

Erlendur ngừng lại.

“Tất cả chúng ta đều chờ đến ngày

cuối cùng của thế giới,” ông nói. “Không cần biết đó là một ngôi sao chổi hay thứ gì. Tất cả chúng ta đều có ngày tận thế của riêng mình. Một số người tự mang nó đến với mình. Một số người né tránh nó. Hầu hết chúng ta đều sợ nó, có phần kính nể nó. Nhưng không phải là con. Con không bao giờ sợ hãi bất cứ điều gì. Và con cũng không sợ cả cái ngày tận thế bé nhỏ của mình.”

Erlendur ngồi yên nhìn con gái, không biết việc mình nói chuyện với con – trong khi dường như nó chẳng nghe được một lời nào – có ý nghĩa gì không. Ông nhớ lại lời ông bác sĩ nói và cảm thấy khuây khỏa đôi chút khi nói chuyện với con gái như thế này. Rất ít khi ông có thể nói chuyện với nó một cách bình tĩnh và

dễ dàng. Sự căng thẳng đã nhuôm lên toàn bộ mối quan hệ giữa hai bố con khiến họ rất hiếm khi ngồi xuống để nói chuyện nhẹ nhàng với nhau.

Nhưng cũng chẳng mấy khi họ nói chuyện, Erlendur cười nhả nhỏ. Ông cứ nói còn con bé cứ không nghe. Về chuyện đó thì chẳng có gì thay đổi giữa họ cả. Có thể đó là những điều con bé không muốn nghe. Việc phát hiện ra bộ xương, nhà máy khí đốt, ngôi sao chổi và vụ ăn chơi thác loạn. Có thể con bé muốn nghe ông nói về một chuyện gì đó hoàn toàn khác. Về bản thân ông. Hoặc về gia đình họ.

Ông đứng lên, cúi xuống hôn vào trán nó rồi ra khỏi phòng. Erlendur vẫn chìm

đắm trong dòng suy nghĩ, và thay vì rẽ phải xuống cầu thang đi ra khỏi khu điều trị, ông lại đi theo hướng ngược lại đến khu chăm sóc đặc biệt, đi qua những căn phòng chiếu sáng lờ mờ nơi các bệnh nhân khác đang nằm, cơ thể họ được nối với tất cả những thiết bị tối tân nhất. Ông chỉ sực tỉnh khỏi cơn mê khi đã đi đến cuối hành lang. Ông đang định quay lại thì có một người phụ nữ bé nhỏ đi ra từ căn phòng trong cùng và đụng phải ông.

“Xin lỗi,” cô ta nói bằng giọng hơi gắt.

“Không, tôi mới phải xin lỗi,” Erlendur bối rối nhìn quanh. “Tôi không định đi lối này. Tôi định ra khỏi khu điều trị cơ.”

“Tôi được gọi đến đây,” người phụ nữ thấp bé nói. Tóc cô ta mỏng quẹt, bộ ngực khổng lồ chỉ được che đậy dưới cái áo phong màu tím, người cô ta tròn lẳn với khuôn mặt thân thiện. Erlendur thấy một hàng ria đen ở trên mép cô ta.

Erlendur liếc vào trong phòng nơi người phụ nữ này vừa đi ra và thấy một ông già đang nằm đắp chăn trên giường, khuôn mặt gầy guộc, xanh xao. Một người phụ nữ khoác áo lông thú đắt tiền ngồi bên cạnh giường bệnh, bà ta đưa bàn tay đeo găng chạm khăn lên mũi.

“Vẫn còn có một số người tin vào các ông đồng bà cốt,” người phụ nữ nói nhỏ, như thể là nói với chính mình.

“Xin lỗi, tôi không hiểu...”

“Tôi được gọi đến đây,” cô ta nói và nhẹ nhàng đưa Erlendur ra xa căn phòng. “Ông ta sắp chết rồi. Họ không thể làm gì được nữa. Vợ ông ta đang ở đó. Bà ta nhờ tôi liên hệ với ông ta. Ông ta đang bị hôn mê và người ta nói rằng họ đã làm hết sức mình, nhưng ông ta không muốn chết. Như kiểu là ông ta không muốn ra đi ấy. Bà ta nhờ tôi giúp, nhưng tôi không thể tìm ra ông ta.”

“Tìm ra ông ta?” Erlendur hỏi.

“Ở thế giới bên kia ấy.”

“Bên kia... cô là một bà đồng ư?”

“Bà ta không hiểu rằng chồng mình đang hấp hối. Cách đây mấy ngày ông ta ra ngoài và điều tiếp theo mà bà ta biết

là cảnh sát gọi đến và thông báo có một vụ tai nạn ô tô xảy ra trên đường West. Lúc đó ông ta đang trên đường đến Borgarfjördu. Một chiếc xe tải đi chệch sang làn đường của ông ta. Họ nói rằng việc cứu ông ta là vô vọng. Nào đã chết.”

Cô ta nhìn lên Erlendur, còn ông thì đang nhìn cô ta chăm chăm không hiểu gì.

“Bà ta là bạn tôi.”

Erlendur không biết cô ta đang nói về chuyện gì và tại sao cô ta lại nói với mình tất cả những chuyện này ở một hành lang tối lờ mờ với giọng thì thầm bí ẩn. Ông nói lời tạm biệt cụt lủn với người phụ nữ mà ông chưa từng gặp trước đây.

Ông đang chuẩn bị bước đi thì cô ta túm lấy tay ông.

“Chờ một lát,” cô ta nói.

“Xin lỗi?”

“Chờ một lát.”

“Xin lỗi, nhưng đây không phải là việc của tôi...”

“Có một cậu bé ở đó,” người phụ nữ bé nhỏ nói.

Erlendur không nghe rõ cô ta nói gì.

“Có một cậu bé trong trận bão tuyết,” cô ta nói tiếp.

Erlendur nhìn cô ta đầy kinh ngạc và giật tay ra như thể ông vừa bị đâm một nhát.

“Cô đang nói gì cơ?” ông hỏi.

“Ông có biết đó là ai không?” người phụ nữ hỏi và nhìn lên Erlendur.

“Tôi không hiểu một chút nào về những điều cô đang nói,” Erlendur ngắt lời cô ta, quay người và đi xuống hành lang dẫn ra ngoài.

“Ông không phải sợ gì cả,” cô ta nói đằng sau. “Cậu ta chấp nhận điều đó. Cậu ta chấp nhận những gì đã xảy ra. Đó không phải là lỗi của ai hết.”

Erlendur dừng lại, chậm chậm quay lưng và nhìn chằm chằm vào người phụ nữ bé nhỏ ở đầu kia của hành lang. Ông không hiểu tại sao cô ta lại cứ khăng khăng như vậy.

“Thằng bé đó là ai?” cô hỏi. “Tại sao nó lại đi với ông?”

“Chẳng có đứa bé nào hết,” Erlendur khịt mũi. “Tôi không hiểu ý cô. Tôi không hề quen biết cô và tôi cũng chẳng biết cô đang nói đến đứa bé nào. Để tôi yên!” ông quát lên.

Sau đó ông quay người và lao ra khỏi khu điều trị.

“Để tôi yên,” ông rít lên qua hai hàm răng nghiến chặt.

Edward Hunter từng là một nhân viên trong lực lượng quân đội thời chiến của Mỹ, ông ta là một trong số rất ít những quân nhân không rời đi sau khi hòa bình lập lại. Jim, viên thư ký ở Tòa Đại sứ Anh đã tìm ra ông ta mà không mất nhiều công sức nhờ có Tòa Đại sứ Mỹ. Jim tìm kiếm những thành viên của lực lượng chiếm đóng của Anh và Mỹ, nhưng theo như Ủy ban Nhà đất London, có rất ít người còn sống. Hầu hết những người lính Anh đến Iceland đã thiệt mạng trong cuộc chiến ở Nam Phi và Ý hay trên chiến trường miền Tây, trong cuộc xâm lược của Normandy năm 1944. Sau đó chỉ có một vài người Mỹ đóng quân tại

Iceland ra chiến trường, còn lại hầu hết là ở lại trong suốt chiến tranh. Có một vài người lưu lại Iceland và lấy vợ ở đây rồi cuối cùng đổi sang quốc tịch Iceland. Một trong số họ là Edward Hunter. Erlendur nhận được điện thoại của Jim vào sáng sớm.

“Tôi đã nói chuyện với Đại sứ quán Mỹ và họ chỉ cho tôi đến chỗ ông Hunter này. Để tránh phiền phức cho ông, tôi đã nói chuyện với ông ta. Tôi hy vọng chuyện đó được ông cho phép.”

“Cảm ơn ông,” Erlendur đáp.

“Ông ấy sống ở Kópavogur.”

“Ông ấy ở đó từ hồi chiến tranh à?”

“Rất tiếc là tôi không biết điều đó.”

“Nhưng ông ta vẫn sống ở đây, nói cách khác, cái ông Hunter này ấy,” Erlendur nói trong lúc đưa tay dụi mắt.

Tối hôm đó Erlendur ngủ không ngon, ông chỉ lơ mơ và gặp toàn ác mộng. Những lời mà người phụ nữ nhỏ bé ở bệnh viện nói chiều hôm trước vẫn cứ ám ảnh ông. Ông không tin chuyện những người hầu đồng có thể trở thành cầu nối giữa cõi dương và cõi âm, và ông cũng không tin rằng họ có thể nhìn thấy những điều người khác không nhìn thấy. Ngược lại, ông cho rằng họ chỉ là những kẻ chuyên đi lừa đảo, họ đủ thông minh để có thể lấy được thông tin từ mọi người và giải mã ngôn ngữ cơ thể để dựng lên chi tiết về những người họ quan tâm, và gần như một nửa trong số chúng là đúng,

nửa còn lại có thể sai lè – một khả năng đơn giản. Erlendur từng chế giễu chuyện đó là vô bổ khi người ta bàn tán về nó trong sở, điều này khiến Elínborg rất chán nản. Cô tin vào đồng cốt và sự sống sau cái chết, vì một số lý do nào đó cô hy vọng ông sẽ cởi mở hơn với những chuyện đại loại như thế. Có thể là vì ông xuất thân từ nông thôn. Đó hóa ra lại là một sự hiểu lầm nghiêm trọng. Chắc chắn Erlendur không bao giờ chấp nhận những chuyện siêu nhiên. Tuy nhiên có điều gì đó về người phụ nữ ông gặp ở bệnh viện và những điều cô ta nói khiến Erlendur cứ nghĩ mãi, và kết quả là nó đã quấy nhiễu giấc ngủ của ông.

“Phải, bây giờ ông ta vẫn ở đây,” Jim nói và cực kỳ hối lỗi vì đã đánh thức

Erlendur dậy. Ông ta nghĩ rằng người Iceland dậy sớm. Bản thân ông ta cũng thế, ánh sáng ban ngày bất tận của mùa xuân chẳng làm cho ông ta vui vẻ chút nào.

“Họm đã, vậy là ông ta đã kết hôn với một người Iceland sao?”

“Tôi đã nói chuyện với ông ta,” Jim nhắc lại bằng ngữ điệu Anh của mình như thể chưa nghe thấy câu hỏi. “Ông ta đang chờ ông gọi điện. Đại tá Hunter đã phục vụ một thời gian trong quân cảnh ở Reykjavík và ông ta nhớ có một vụ việc xảy ra ở một kho quân nhu trên đồi mà ông ta sắp kể với ông.”

“Vụ việc nào cơ?” Erlendur hỏi.

“Ông ta sẽ kể cho ông nghe. Và tôi sẽ tiếp tục tìm thêm thông tin về những người lính đã chết hoặc mất tích ở đây. Ông cũng nên hỏi Đại tá Hunter về điều đó nữa.”

Họ chào tạm biệt nhau, Erlendur chậm chạp đi vào bếp pha cà phê. Ông vẫn đang đắm chìm trong suy nghĩ. Liệu một cô đồng có thể nói được một người đang ở bên nào của ranh giới giữa sự sống và cái chết không? Không thể chấp nhận được điều đó, ông tự nhủ rằng nếu đó là một cách để an ủi những người vừa mới mất đi người thân yêu, ông sẽ không phản đối nó nữa. Bản thân sự an ủi mới là quan trọng, chứ không phải là vấn đề nó đến từ đâu.

Cà phê sôi sùng sục làm Erlendur bỏng cả lưỡi khi ông vừa nhấp một ngụm. Ông tránh nghĩ đến cái điều đã dày vò mình cả đêm và sáng hôm đó, cố gắng không nhớ đến nó nữa.

Không ít thì nhiều.

Cựu Đại tá quân đội Mỹ Edward Hunter mang dáng dấp của một người Iceland hơn là người Mỹ khi ăn vận một chiếc áo len kín đáo và nuôi bộ râu mảnh màu trắng. Ông ta mời Erlendur và Elínborg vào ngôi nhà riêng của mình ở Kópavogur. Mái tóc ông ta rôi bù và bần, tuy nhiên thái độ vẫn rất thân thiện và lịch sự khi bắt tay hai thám tử và bảo họ cứ gọi mình là Ed. Kiểu cách đó khiến Erlendur nhớ đến Jim. Ông ta nói

rằng vợ mình đang đi thăm chị gái của ông ta ở Mỹ. Còn bản thân ông ta thì ngày càng ít đến đó.

Trên đường đến thăm Ed, Elínborg đã nói với Erlendur rằng theo như lời Bára nói, khi vợ chưa cưới của Benjamín mất tích, cô ta mặc một chiếc áo khoác màu xanh lục. Elínborg cho rằng điều này rất thú vị, nhưng Erlendur đã chặn cuộc nói chuyện bằng cách nói khá sẵng rằng ông không tin vào ma quỷ. Elínborg có cảm giác rằng chủ đề câu chuyện đã khép lại.

Ed đưa họ vào một phòng khách rộng, và khi nhìn quanh một lượt, Erlendur thấy có rất ít bằng chứng về cuộc sống quân ngũ của ông ta: trước mặt ông là hai bức tranh phong cảnh Iceland ảm đạm,

những bức tượng đá của Iceland và những bức ảnh gia đình được lồng khung. Chẳng có gì khiến Erlendur nhớ đến quân đội hay Thế chiến thứ hai.

Vì biết họ đến nên Ed đã chuẩn bị sẵn cà phê, trà và bánh quy. Sau mấy phút nói chuyện xã giao miễn cưỡng, người lính già đi thẳng vào vấn đề và hỏi mình có thể giúp được gì. Ông ta nói một thứ tiếng Iceland hoàn hảo với những cụm từ ngắn và chính xác, như thể kỷ luật quân đội đã dạy ông ta phải biết giữ lại những gì quan trọng nhất.

“Ông Jim ở Đại sứ quán Anh nói cho chúng tôi biết rằng ông đã phục vụ ở đây trong suốt chiến tranh và ông có liên quan đến một vụ việc dính dáng đến kho

quân nhu ở vị trí hiện nay của sân golf Grafahort.”

“Phải, hiện giờ tôi vẫn thường xuyên đến đó chơi golf,” Ed nói. “Tôi đã nghe tin tức về những mẫu xương trên đồi. Jim nói với tôi các ông cho rằng có thể chúng thuộc về một trong số những người của chúng tôi. Người Anh hoặc Mỹ.”

“Có vụ việc gì xảy ra ở kho quân nhu thế?” Erlendur hỏi.

“Họ thường ăn cấp đồ,” Ed nói. “Chuyện đó xảy ra ở hầu hết các kho quân nhu, tôi nghĩ rằng các ông gọi đó là ‘sự hao hụt’. Một nhóm binh lính ăn cấp đồ dự trữ và bán chúng cho người Iceland. Chuyện này bắt đầu xảy ra với quy mô nhỏ, nhưng dần dần họ bạo gan

hơn và cuối cùng nó trở thành một vụ làm ăn lớn. Người sĩ quan hậu cần cũng tham gia cùng với họ. Tất cả những người ấy đều phải đi tù. Phải rời bỏ đất nước. Tôi nhớ chuyện đó rất rõ. Tôi có giữ một cuốn nhật ký và đã đọc lại nó sau khi Jim gọi điện. Tất cả những chuyện đó như sống lại trong tôi, việc ăn trộm ấy. Tôi cũng gọi cho bạn tôi từ thời đó, Phil, ông ấy là thượng cấp của tôi. Chúng tôi đã cùng nhau ôn lại chuyện cũ.”

“Làm thế nào mà vụ trộm cắp đó bị phát hiện?” Elínborg hỏi.

“Lòng tham đã khiến họ mờ mắt. Trộm cắp với số lượng lớn như thế thì khó che giấu lắm. Rồi tin đồn về sự phá kỷ luật

bắt đầu lan đi.”

“Có những ai liên lụy?” Erlendur lấy ra một miếng thuốc lá và Ed gạt đầu ra dấu rằng ông cứ hút tự nhiên. Còn Elínborg nhìn Erlendur đầy trách cứ.

“Dân thường. Gần như là vậy. Sĩ quan hậu cần bị kết tội nặng nhất. Và ít nhất là có một người Iceland. Một người đàn ông sống trên đồi. Ở phía bên kia của kho quân nhu.”

“Ông có nhớ tên anh ta không?”

“Không. Anh ta sống cùng gia đình trong một ngôi nhà tuềnh toàng không được sơn. Chúng tôi tìm thấy rất nhiều hàng hóa lấy từ kho quân nhu ở đó. Tôi viết trong nhật ký rằng anh ta có ba con,

một trong số đó là một cô gái bị tật
nguyên. Hai đứa còn lại là con trai.
Người mẹ...”

Ed yên lặng.

“Người mẹ thì sao?” Elínborg nói.

“Tôi nghĩ là cô ấy đã sống rất khổ
sở.” Ed lại yên lặng và trầm ngâm suy
nghĩ như thể đang đưa mình quay trở lại
thời xa xôi đó, khi mà ông điều tra vụ ăn
cắp, bước vào một ngôi nhà của người
Iceland và gặp một người phụ nữ mà ông
hiểu rằng cô là nạn nhân của bạo lực gia
đình. Và không chỉ là nạn nhân của một
trận đánh gần đây; rõ ràng cô đã phải
chịu đựng sự ngược đãi thường xuyên và
có hệ thống, cả về thể chất lẫn tinh thần.

Ông hầu như không chú ý đến cô ấy khi bước vào ngôi nhà cùng bốn cảnh sát quân đội khác. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt ông là một bé gái bị tật nguyền nằm trên chiếc đi-văng cũ kỹ trong bếp. Ông thấy hai thằng con trai đứng bên cô bé, sững sờ và kinh ngạc khi thấy quân lính xộc vào nhà. Ông nhìn thấy người đàn ông nhảy dựng lên từ bàn ăn. Họ đến mà không thông báo trước và rõ ràng là anh ta không mong chờ cuộc viếng thăm này. Chỉ cần liếc mắt họ cũng biết người nào cứng đầu, người nào có khả năng nguy hiểm. Người đàn ông này khó có thể gây khó khăn cho họ.

Sau đó ông thấy người phụ nữ. Lúc đó mới là đầu xuân, trời rất âm đạm, phải mất một lúc ông mới quen với bóng tối

trong nhà. Như thể đang lẫn trốn, người phụ nữ đứng ở chỗ mà ông nghĩ rằng mình có thể trông thấy một hành lang dẫn đến các phòng khác. Lúc đầu, ông bắt cô ấy vì nghĩ cô là một trong số những tên trộm và đang cố chạy trốn. Ông tiến lại chỗ hành lang, rút súng ra khỏi bao. Ông hét lên và chĩa súng vào bóng tối. Đứa bé bị què bắt đầu hét lên. Hai thằng con trai lao vào ông ngay lập tức và hét lên những câu mà ông không hiểu. Và người phụ nữ bước ra khỏi bóng tối, người mà ông sẽ không bao giờ quên cho đến cuối đời.

Ngay lập tức ông nhận ra lý do tại sao cô lại giấu mình. Khuôn mặt cô bị bầm tím rất nặng, môi trên phồng lên còn một mắt bị sưng đến mức không thể mở ra

được. Cô nhìn ông bằng tia nhìn sợ hãi của con mắt còn lại, sau đó cúi đầu xuống như thể theo bản năng. Như thể sợ ông ta chuẩn bị đánh mình. Cô mặc một chiếc váy rách tả tơi phủ bên ngoài một chiếc khác, đi đôi tất và đôi giày cũ kỹ bẩn thỉu. Mái tóc bần của cô xõa xuống vai thành một mớ dày. Ông thấy cô đi khắp khiêng. Đây là sinh vật khôn khổ nhất mà ông từng thấy trong đời.

Ông nhìn cô trong lúc cô cố gắng bảo các con bình tĩnh lại và hiểu rằng không phải cô đang cố gắng che giấu đi vẻ bề ngoài của mình.

Mà cô ấy đang che giấu sự xấu hổ.

Những đứa trẻ yên lặng. Thằng anh đứng đằng trước, quay lưng về phía mẹ.

Ed nhìn sang chỗ gã chồng, tiến lại và tát vào mặt hắn một phát nổ đom đóm mắt.

“Chuyện là như thế,” Ed kết thúc câu chuyện của mình. “Tôi không thể kiểm chế bản thân mình được. Không hiểu chuyện gì đã diễn ra. Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy đến với mình. Thực sự, tôi không hiểu nổi. Chúng ta đã được huấn luyện, hai người biết đấy, được huấn luyện để đối mặt với tất cả mọi chuyện. Được huấn luyện để giữ bình tĩnh, cho dù có chuyện gì xảy ra đi chăng nữa. Hai người có thể hình dung rằng, điều quan trọng nhất là phải kiểm soát được mình ở mọi nơi mọi lúc, trong khi chiến tranh đang xảy ra và tất cả những chuyện khác nữa. Nhưng khi tôi nhìn người phụ nữ đó... khi tôi thấy những gì

cô ấy phải chịu đựng – và chắc chắn là không chỉ có thế – tôi có thể hình dung ra cuộc sống của cô ấy dưới bàn tay tên khốn đó. Và có điều gì đó chợt xảy đến trong tôi. Có điều gì đó diễn ra mà tôi không thể nào kiểm soát nổi.”

Ed dừng lại.

“Tôi làm cảnh sát ở Baltimore hai năm trước khi chiến tranh nổ ra. Hồi ấy chuyện đó không được gọi là bạo lực gia đình, nhưng nó cũng thế cả thôi. Tôi cũng đã bắt gặp điều đó, ở ngôi nhà đó và tôi luôn luôn ghê tởm nó. Tôi có thể hình dung ra ngay những gì mà hắn đã làm, hắn lại còn ăn cắp của chúng tôi nữa... nhưng, thế đấy, hắn lại bị xử bởi tòa án của các ông,” Ed nói như thể đang cố

gắng đẩy những hình ảnh về người phụ nữ trên đời ra khỏi tâm trí của mình.

“Tôi không nghĩ là hẳn phải chịu một bản án nặng. Chắc chắn hẳn lại quay về nhà và đánh đập người vợ đáng thương trước khi cái thời hạn hai tháng trôi qua.”

“Như vậy, ông đang nói về bạo lực gia đình nghiêm trọng,” Erlendur nói.

“Chuyện tôi tệ nhất mà tôi có thể tưởng tượng ra. Ánh mắt của người phụ nữ đó, nó thật sự kinh hoàng,” Ed nói.

“Rất kinh hoàng. Như tôi đã nói, tôi có thể biết ngay tức khắc chuyện gì đã xảy ra. Tôi cố gắng nói chuyện với cô ấy nhưng cô ấy không hiểu một từ tiếng Anh nào hết. Tôi nói với cảnh sát Iceland về cô ấy, nhưng họ nói rằng họ cũng không

làm được gì nhiều. Chuyện đó cũng chẳng biến chuyển nhiều, tôi hiểu vậy.”

“Ông không nhớ tên của họ à?”

Elínborg hỏi. “Ông không ghi vào nhật ký à?”

“Không, nhưng các ông phải có báo cáo về việc đó. Về vụ ăn trộm ấy. Và hẳn lại làm việc trong kho quân nhu. Chắc chắn là phải có danh sách những người được thuê làm ở đó, những người Iceland ở doanh trại trên đồi. Nhưng có thể là đã quá lâu rồi.”

“Thế còn những người lính thì sao?”

Erlendur hỏi. “Những người mà tòa án của các ông xử ấy?”

“Họ bị phạt tù. Ăn cắp của kho quân

nhu là tội rất nặng. Sau đó họ bị đưa ra chiến trường. Một bản án tử hình hoàn hảo.”

“Và các ông bắt họ không sót một ai?”

“Ai mà biết được? Nhưng sau đó không còn nạn ăn cắp nữa. Việc kiểm kê hàng hóa lại trở lại bình thường. Vấn đề đã được giải quyết.”

“Vậy ông không cho rằng chuyện này có chút dính líu gì đến bộ xương mà chúng tôi tìm thấy à?”

“Tôi không dám chắc.”

“Ông không nhớ có ai bị mất tích trong lực lượng của ông hay của người Anh à?”

“Ý ông là một kẻ đào ngũ ư?”

“Không. Một vụ mất tích khó giải thích ấy. Vì bộ xương đó. Có thể là một lính Mỹ ở kho dự trữ không?”

“Tôi không biết một thông tin nào hết.”

Họ nói chuyện với Ed thêm một lúc lâu nữa. Ông ta tỏ ra thích trò chuyện với hai thám tử. Dường như ông ta thích hồi tưởng lại những ngày xưa cũ với sự giúp đỡ của cuốn nhật ký của mình. Chẳng mấy chốc họ đã nói chuyện về những năm chiến tranh ở Iceland và những ảnh hưởng của sự có mặt của quân đội cho đến khi Erlendur tỉnh táo lại. Minh không được phung phí thời gian như thế. Ông đứng lên và Elínborg cũng thế, cả hai người họ cảm ơn Ed một cách chân

thành.

Ed đứng lên để tiễn họ ra ngoài.

“Làm thế nào mà các ông phát hiện được vụ ăn cắp?” Erlendur hỏi ở bậc cửa.

“Phát hiện ra ư?” Ed nhắc lại.

“Các ông lấy manh mối ở đâu?”

“À, tôi hiểu rồi. Một cuộc điện thoại. Có ai đó gọi điện đến sở chỉ huy và báo cáo về một vụ đánh cắp lớn ở kho dự trữ.”

“Ai đã tố cáo nhỉ?”

“Chúng tôi không bao giờ tìm ra, tôi e vậy. Không bao giờ biết người đó là ai.”

Símon đứng bên cạnh mẹ và quan sát, nó điếng cả người khi người lính đi vòng quanh nhà với vẻ mặt đầy ngạc nhiên và giận dữ, ông ta đi thẳng qua bếp và tát bổ nó nỏ đom đóm mắt đến nỗi nó ngã lăn ra sàn nhà.

Ba người lính còn lại đứng yên ở cửa ra vào trong lúc người vừa tấn công Grímur đứng bên trên và quát nạt ông ta bằng những lời lẽ mà người Iceland không hiểu nổi. Símon không thể tin nổi vào mắt mình. Nó nhìn Tómas, khiếp đảm trước những gì đang diễn ra, và sau đó nhìn sang Mikkelína, chị nó đang nhìn chăm chăm đầy hoảng loạn vào Grímur – người lúc này đang nằm trên sàn nhà. Nó nhìn lên mẹ nó và thấy mắt mẹ rung rung nước.

Grímur không được phòng bị từ trước. Khi họ nghe thấy tiếng hai chiếc xe jeep đỗ bên ngoài nhà, người mẹ đã lẩn nhanh vào trong hành lang để không ai nhìn thấy mình, nhìn thấy hốc mắt tím bầm và đôi môi nứt toác. Grímur thậm chí còn chưa đứng lên khỏi bàn ăn, như thể hấn không lo lắng gì về việc trộm cắp của hấn và những tên ăn cắp vặt sẽ có ngày bị phát hiện. Hấn đang chờ những người bạn lính của mình mang đến một chuyến hàng mà họ dự định sẽ giấu trong nhà và buổi tối sẽ vào thành phố bán chiến lợi phẩm của mình. Grímur có rất nhiều tiền và hấn bắt đầu nói đến chuyện chuyển đi khỏi ngọn đồi, mua một căn hộ, và thậm chí cả việc mua ô tô, nhưng chỉ khi nào tinh thần rất thoải mái hấn mới nói những chuyện như

thê.

Những người lính dẫn Grímur ra khỏi nhà, tống hấn lên một trong hai chiếc xe jeep và giải hấn đi. Người đứng đầu – người đã đón Grímur ngã xuống sàn mà không mất chút công sức khó nhọc nào – đã nói điều gì đó với người mẹ và sau đó chào tạm biệt, không phải là kiểu chào nhà binh mà là một cái bắt tay, sau đó ông ta leo lên chiếc xe jeep còn lại.

Ngôi nhà nhỏ bé lại nhanh chóng chìm ngập trong sự yên lặng. Người mẹ vẫn đứng nguyên ở chỗ hành lang như thể việc xâm nhập vừa rồi vượt quá tầm hiểu biết của cô. Cô nhẹ nhàng xoa mắt, dán chặt mắt vào những gì mình vừa nhìn được. Mẹ con họ chưa bao giờ nhìn thấy

cảnh Grímur nằm trên sàn nhà, chưa bao giờ chúng kiến hắn nằm chổng queo như thế. Chưa có một ai dám quát hắn, chưa bao giờ thấy hắn kém cỏi như vậy. Họ không thể hiểu được chuyện gì vừa xảy ra. Nó xảy ra như thế nào. Tại sao Grímur lại không đánh lại người lính và dẫn cho họ một trận như tử. Những đứa trẻ nhìn nhau. Trong ngôi nhà, sự yên lặng trở nên ngọt ngào. Chúng nhìn mẹ khi nghe thấy một âm thanh lạ. Âm thanh đó phát ra từ Mikkelína. Con bé ngồi xồm trên chiếc giường của nó và họ lại nghe thấy âm thanh ấy lần nữa. Họ thấy con bé cười rúc rích, và tiếng cười rúc rích chuyển dần thành tiếng cười khẩy, lúc đầu con bé đã cố gắng nín lại nhưng không được, về sau con bé cười ầm lên.

Símon mỉm cười rồi cũng cười phá lên, Tomás cũng bắt chước, và ngay lập tức cả ba gào rú lên những tràng cười không dứt vang vọng khắp quả đồi, lan vào tiết trời xuân đẹp đẽ.

Hai tiếng sau, một xe tải quân đội đến và thu dọn hết tất cả những chiến lợi phẩm mà Grímur và đồng bọn đã giấu trong nhà. Những đứa trẻ nhìn theo cái xe tải dần đi xa, sau đó chúng chạy lên đồi và thấy nó quay trở lại kho quân nhu, nơi các món đồ được dỡ xuống.

Símon không biết đích xác chuyện gì đã xảy ra và nó cũng không dám chắc là mẹ nó hiểu, nhưng Grímur đã bị kết án tù và trong một vài tháng tới ông ta sẽ không được phép về nhà. Lúc đầu, cuộc

sống trên đồi vẫn diễn ra như mọi khi. Dường như họ không hiểu được rằng Grímur không còn ở nhà nữa. Ít nhất là trong thời gian hiện tại. Người mẹ vẫn làm những công việc vặt hàng ngày, không băn khoăn gì về việc sử dụng những của cải bất chính của Grímur để nuôi sống bản thân và các con. Về sau cô tự tìm việc làm cho mình ở nông trại Gufunes cách nhà tầm nửa tiếng đồng hồ đi bộ.

Khi thời tiết thuận lợi, hai thằng con trai vẫn đưa Mikkelína ra tắm nắng. Đôi lúc chúng đưa chị đi cùng mỗi khi đi câu cá ở hồ Reynisvatn. Nếu chúng bắt được đủ cá hồi, mẹ chúng sẽ rán cá trong chảo và nấu một bữa ngon lành. Dần dần, họ không còn e ngại rằng Grímur vẫn tìm

kep mình ngay cả khi hấn không ở nhà nữa. Việc thức dậy vào buổi sáng dễ dàng hơn rất nhiều, một ngày trôi qua mà không ai phải lo lắng điều gì, và đêm đã về mà ngôi nhà vẫn chìm trong yên tĩnh, chuyện này thật dễ chịu đến mức họ thức đến tận đêm khuya trò chuyện và chơi đùa cho đến khi mắt díp hết cả lại.

Tuy nhiên, sự vắng mặt của Grímur ảnh hưởng lớn nhất đến mẹ của lũ trẻ. Một ngày, khi cuối cùng cô cũng nhận ra rằng hấn sẽ không quay trở lại ngay nữa, cô lau chùi từng phân trên chiếc giường đôi của họ. Cô phơi đệm ra ngoài sân, đập và phui tất cả những bụi bẩn bám trên đó. Sau đó cô mang chăn mền ra và đập cả chúng nữa. Cô thay khăn trải giường, tắm rửa cho các con với xà

phòng màu xanh và nước nóng lấy từ cái bình lớn cô đặt trên sàn bếp. Cuối cùng, cô cẩn thận gội đầu và rửa mặt sạch sẽ – trên đó vẫn còn hằn những dấu vết từ lần đánh đập trước của Grímur – cô tắm cả người mình. Cô lưỡng lự cầm một cái gương lên và soi vào đó. Cô xoa mắt và môi. Người cô đã gầy đi và khuôn mặt đã đáng hơn, răng hơi nhô ra một chút, hai mắt trũng sâu còn cái mũi từng gãy một lần có một đường cong khó nhận ra.

Đến nửa đêm, cô đưa các con lên giường và cả bốn mẹ con họ ngủ cùng nhau. Từ đó, những đứa trẻ ngủ trên chiếc giường lớn cùng mẹ, Mikkelína nằm bên phải, hai thằng con trai nằm bên trái, thật hạnh phúc.

Cô chưa bao giờ vào thăm Grímur trong tù. Cô và cả các con của cô chưa bao giờ nhắc đến tên hắn trong suốt thời gian hắn vắng nhà.

Một buổi sáng không lâu sau khi Grímur bị đưa đi, Dave – anh lính tốt bụng – lại đi bộ lên đồi, tay cầm theo cần câu. Anh ta đi qua ngôi nhà của họ và nháy mắt với Símon, thằng bé đang đứng trước nhà, và tiếp tục đi đến Hafravatn. Símon lại bắt đầu theo dõi, nó nằm xuống cách anh ta một khoảng đủ để quan sát. Dave ngồi cả ngày bên hồ, nghỉ ngơi như mọi lần và hình như không quan tâm xem mình bắt được bao nhiêu cá. Anh ta bắt được ba con.

Khi trời chuyển sang chiều, anh ta

quay trở lại lên đồi và dừng lại bên nhà họ với ba con cá buộc đuôi lại với nhau bằng một sợi dây. Bản thân Dave cũng không chắc chắn, và Símon cũng có vẻ như thế. Thằng bé đã chạy trở lại nhà để theo dõi người lính qua cửa sổ bếp – nơi mà nó chắc chắn là Dave không thể trông thấy mình. Cuối cùng người lính đã quyết định, anh ta bước đến ngôi nhà và gõ cửa.

Símon đã kể cho mẹ nghe về Dave, người cho cá hồi lần trước, cô bước ra và nhìn xung quanh tìm anh ta, lại vào nhà, nhìn mình trong gương và vuốt lại tóc. Dường như cô cảm thấy rằng anh ta sẽ ghé qua trên đường trở về doanh trại. Cô đã sẵn sàng chào Dave khi anh ta đến.

Cô mở cửa và Dave mỉm cười, nói điều gì đó mà cô không hiểu và đưa cho cô mấy con cá. Cô cầm lấy và mời anh ta vào nhà. Dave bước vào và đứng lúng túng trong bếp. Anh ta gật đầu với mấy đứa trẻ và với Mikkelína. Con bé đuổi thẳng người và cố rướn lên để nhìn anh lính cho rõ – người đã đi một quãng đường xa như vậy chỉ để đứng trong bếp nhà họ. Anh ta mặc quân phục và đội một chiếc mũ buồn cười trông chẳng khác nào một cái thuyền úp ngược. Dave đột ngột nhớ ra là phải bỏ nó ra khỏi đầu khi bước vào nên anh ta túm lấy nó và giật xuống đầy ngượng nghịu. Anh ta người tầm thước, chắc chắn là trên ba mươi tuổi, người mảnh khảnh với hai bàn tay đẹp đang nghịch vớ vẩn cái thuyền úp

ngược, tay vặn vẹo như thể là đang giắt nó. Cô phác một cử chỉ mời anh ta ngồi, anh ta ngồi xuống, hai đứa con trai mỗi đứa ngồi một bên trong lúc mẹ chúng pha cà phê mời khách – loại cà phê Grímur đã ăn cắp ở kho quân nhu mà những người lính không phát hiện ra. Dave đã biết tên của Símon và phát hiện ra rằng cái tên Tómas của cậu út rất dễ phát âm. Tên của Mikkelína làm anh ta ngạc nhiên, Dave đọc đi đọc lại, khôi hài đến mức tất cả mọi người đều phải bật cười. Anh ta nói rằng tên mình là Dave Welch, đến từ một vùng có tên là Brooklyn ở Hoa Kỳ. Anh ta nói rằng mình là một binh nhì nhưng họ chẳng hiểu anh ta đang nói gì.

“Một binh nhì,” anh ta nhắc lại, nhưng

họ chỉ nhìn anh ta chăm chăm.

Anh ta uống cà phê và có vẻ rất hài lòng với mùi vị của nó.

Người mẹ ngồi đối diện với anh ta ở đầu kia của bàn.

“Tôi biết là chồng cô đang ở trong tù,” anh ta nói. “Vì tội ăn cắp.”

Anh ta không nhận được lời đáp lại.

Liếc nhìn lũ trẻ, anh lấy ra một mẫu giấy trong túi áo ngực và xoay xoay nó giữa các ngón tay như thể là không biết phải làm gì. Sau đó anh ta đưa tờ giấy qua bàn cho người mẹ. Cô cầm lên, mở nó ra và đọc xem nó nói gì. Cô nhìn anh ta ngạc nhiên, sau đó lại nhìn mẫu giấy. Sau đó cô gấp mẫu giấy lại và để vào túi

tạp dề.

Tómas cố gắng để Dave hiểu rằng anh ra phải thử phát âm lại tên Mikkelína lần nữa, và khi anh ta nói lại, tất cả mọi người lại bắt đầu cười, còn Mikkelína cười nhăn hết cả mặt trong niềm vui đích thực.

Mùa hè năm đó, Dave Welch đến thăm nhà họ thường xuyên hơn, anh kết bạn với lũ trẻ và mẹ chúng. Anh câu cá ở hai hồ và đưa cá cho họ, anh còn lấy thêm những thứ nhỏ nhỏ cho họ từ kho quân nhu nữa. Những thứ này rất có ích với họ. Anh chơi đùa cùng lũ trẻ, còn chúng thì tỏ ra rất vui sướng khi anh có mặt ở đó. Anh luôn luôn mang theo cuốn sổ của mình để giúp lũ trẻ hiểu bằng tiếng

Iceland. Họ cười lẫn cười bò khi thấy Dave áp úng một cụm từ tiếng Iceland. Khuôn mặt nghiêm túc trái ngược hẳn với những gì anh nói, và cái cách mà anh phát âm thì chẳng khác nào một đứa trẻ ba tuổi đang bập bẹ.

Nhưng Dave là một người sáng dạ nên chẳng bao lâu họ đã hiểu anh và anh cũng hiểu những gì họ nói. Hai đứa con trai đưa anh đến những nơi câu cá tốt nhất, chúng đi bộ đầy tự hào cùng anh lên đồi và vòng quanh hồ. Hai đứa trẻ còn được học tiếng Anh với Dave cùng những bài hát Mỹ mà chúng nghe thấy từ kho quân nhu.

Anh tạo dựng một mối quan hệ đặc biệt với Mikkelína. Ngay lập tức anh

chiếm trọn cảm tình của cô bé. Anh thường đưa cô bé ra ngoài vào những ngày đẹp trời và kiểm tra khả năng nhận thức của nó. Cách dạy của anh cũng giống như mẹ nó: nâng đỡ chân tay cho nó, đỡ nó trong lúc đi lại, giúp nó tập tất cả các bài thể dục. Một ngày, anh đưa một bác sĩ quân y đến để kiểm tra sức khỏe cho Mikkelína. Ông bác sĩ soi đèn pin vào mắt và cổ họng nó, xoay đầu nó, sờ vào cổ và xem xét dọc xương sống nó. Ông ta mang theo nhiều khối gỗ và luôn người con bé vào những cái lỗ trên đó. Chuyện đó không hề khó khăn với con bé chút nào. Ông ta nghe kể rằng cô bé bị ốm năm lên ba tuổi và có thể hiểu được những gì người khác nói nhưng lại không nói được. Ông ta cũng nghe rằng

con bé có thể đọc được và mẹ con bé đã dạy nó viết. Bác sĩ gặt đầu ra chùng đã hiểu, trên mặt biểu lộ một ánh nhìn đầy ý nghĩa. Ông ta đã nói chuyện rất lâu với Dave sau cuộc kiểm tra và khi ông ta rời đi, Dave cố gắng làm cho họ hiểu rằng Mikkelína hoàn toàn khỏe mạnh. Tất cả mọi người đều đã biết điều đó. Nhưng anh ta nói rằng, dần dần, với những bài luyện tập thích hợp và nỗ lực không ngừng, Mikkelína sẽ có thể đi lại được mà không cần ai giúp đỡ.

“Đi lại được ư!” Người mẹ nhảy dựng lên.

“Và thậm chí là cả nói năng bình thường nữa,” Dave nói thêm. “Có lẽ vậy. Cô bé đã đi khám bác sĩ lần nào chưa?”

“Chuyện đó nằm ngoài khả năng của tôi,” người mẹ nói buồn bã.

“Cô bé sẽ ổn thôi,” Dave nói. “Hãy cho cô bé thời gian.”

Người mẹ không nghe anh ta nói nữa.

“Hắn là một gã đàn ông tệ bạc,” cô đột ngột nói. Và tất cả những đứa trẻ dỏng tai lên vì chúng chưa bao giờ nghe thấy mẹ nói một lời nào về Grímur giống như lần này cả. “Một gã đàn ông tệ bạc,” cô nói tiếp, “một sinh vật đáng ghét không xứng đáng được sống. Tôi không hiểu tại sao người ta lại được phép làm những điều mình muốn. Điều gì khiến người ta làm như vậy? Điều gì đã khiến hắn biến thành một con quái vật như vậy? Tại sao hắn lại cư xử như một con vật

hết năm này qua năm khác, cứ đánh đập tôi cho đến khi tôi muốn chết và nghĩ cách làm thế nào để...”

Cô trút một hơi thở dài và đến ngồi bên Mikkelína.

“Tôi cảm thấy xấu hổ vì là nạn nhân của một gã đàn ông như thế, tôi giấu mình trong nỗi cô đơn vây bủa và ngăn chặn tất cả mọi người đi vào thế giới của mình, thậm chí là các con mình, vì tôi không muốn ai đặt chân vào đó, ít nhất là tất cả bọn họ. Và tôi ngồi chờ đợi lần đánh đập bất ngờ tiếp theo, lòng tràn ngập sự căm thù đối với một điều gì đó mà tôi không biết. Tôi dành cả cuộc đời mình để chờ đợi lần tấn công tới, bất cứ khoảnh khắc nào thì nó đến, nó sẽ tệ như thế

nào, lý do là gì, làm thế nào để né tránh nó. Tôi càng cố làm hấn hải lòng thì hấn càng tức giận. Tôi càng thể hiện là mình ngoan ngoãn và sợ hãi, hấn lại càng ghê tởm tôi. Và nếu tôi chống lại, hấn càng có lý do để đánh tôi như tử. Chẳng có cách nào để làm đúng mọi chuyện. Không có cách nào. Cho đến khi tôi nghĩ về việc làm thế nào để vượt qua chuyện đó. Không quan trọng là thế nào. Chỉ cần vượt qua nó là được.”

Một sự yên lặng chết chóc bao trùm. Mikkelína nằm yên trên giường còn hai thằng con trai tiến lại gần chỗ mẹ. Chúng lắng nghe và chết lặng đi trước từng lời mẹ nói. Chưa bao giờ mẹ chúng khơi ra nỗi đau và sự dằn vặt mà bà vật lộn với chúng lâu đến mức bà đã quên sạch

những thứ khác.

“Mọi chuyện sẽ ổn thôi,” Dave nói.

“Con sẽ giúp mẹ,” Símôn nghiêm túc nói.

Cô nhìn con trai.

“Mẹ biết, Símôn,” cô đáp. “Mẹ luôn biết điều đó, Símôn tội nghiệp của mẹ.”

Ngày tháng cứ thế trôi đi và Dave dành hết thời gian rảnh rỗi của mình đến nhà họ. Càng ngày anh càng dành nhiều thời gian bên mẹ chúng, hoặc ở trong nhà hoặc đi dạo quanh hồ Reynisvatn hay đến Hafravatn. Hai thằng con trai muốn gặp anh nhiều hơn, nhưng anh đã thôi không còn đi câu cá với chúng cũng như dành ít thời gian bên Mikkelína hơn.

Nhưng chúng không buồn. Chúng để ý thấy sự thay đổi nơi mẹ, chúng gắn chuyện đó với Dave và thấy mừng cho mẹ.

Một ngày mùa thu đẹp trời, gần nửa năm sau khi Grímur bị cảnh sát đưa đi, Símon thấy Dave và mẹ nó từ xa, họ đang đi bộ về phía ngôi nhà. Họ đi sát cạnh nhau và tất cả những gì nó thấy là hai người đang nắm tay nhau. Khi họ đến gần nhà hơn, hai người bỏ tay ra và đi cách xa nhau, và Símon nhận ra là họ không muốn để ai nhìn thấy.

“Mẹ và chú Dave dự định sẽ làm gì?” Símon hỏi mẹ vào một buổi tối mùa thu sau khi hoàng hôn đã đổ xuống ngọn đồi. Họ ngồi trong bếp. Tómas và Mikkelína

đang chơi bài. Dave ở đó cả ngày cùng họ, sau đó quay trở về đơn vị. Câu hỏi đó đã được đặt ra suốt mùa hè. Những đứa trẻ đã thảo luận riêng về chuyện đó và tưởng tượng ra rất nhiều tình huống mà cái nào cũng kết thúc bằng việc Dave trở thành bố của chúng và tổng khứ Grímur ra khỏi cuộc sống của mẹ con chúng mãi mãi.

“Ý con là sao, làm gì là làm gì?” mẹ nó hỏi.

“Khi ông ta trở về ấy,” Símon nói, nó thấy Tomás và Mikkelína đã thôi chơi bài và đang nhìn nó.

“Còn rất nhiều thời gian để nghĩ đến chuyện đó mà,” cô đáp. “Ông ta sẽ không trở về ngay đâu.”

“Nhưng hai người định sẽ làm gì?”
Mikkelína và Tómas quay đầu từ Símon sang mẹ.

Cô nhìn Símon và hai đứa kia.

“Chú ấy sẽ giúp chúng ta,” cô nói.

“Ai cơ?” Símon hỏi.

“Dave. Chú ấy sẽ giúp chúng ta.”

“Chú ấy định làm gì?” Símon nhìn mẹ, cố gắng hiểu ý của bà. Cố nhìn thẳng vào mắt bà.

“Dave biết rõ loại người đó. Chú ấy biết cách để loại trừ chúng.”

“Chú ấy sẽ làm gì cơ?” Símon nhắc lại.

“Con đừng lo về chuyện đó,” người

mẹ đáp.

“Chú ấy sẽ giúp chúng ta tránh khỏi ông ta ư?”

“Phải.”

“Làm thế nào cơ?”

“Mẹ không biết. Chúng ta càng biết ít càng tốt, chú ấy nói vậy. Và tốt nhất là mẹ không nên nói với các con chuyện này. Có thể chú ấy sẽ nói chuyện với ông ta. Đe dọa ông ta. Chú ấy nói rằng chú ấy có bạn bè trong quân đội và họ sẽ giúp chú ấy khi cần thiết.”

“Nhưng nếu Dave ra đi thì sao?”

“Ra đi ư?”

“Nếu chú ấy rời Iceland, ” Simon nói.

“Chú ấy sẽ không thể ở đây mãi được. Chú ấy là quân nhân. Người ta luôn chuyển quân đi và đưa quân mới đến. Nếu chú ấy đi thì sao? Lúc đó chúng ta sẽ làm gì?”

Cô nhìn con trai.

“Chúng ta sẽ tìm cách,” cô nói bằng giọng trầm. “Lúc đó chúng ta sẽ tìm cách.”

Sigurdur Óli gọi điện cho Erlendur và kể về cuộc nói chuyện giữa mình và Elsa. Anh cũng thuật lại suy nghĩ của Elsa rằng có sự dính líu của một người đàn ông khác – người đã khiến cho vợ chưa cưới của Benjamín mang thai; tuy nhiên danh tính của ông ta chưa xác định được. Họ bàn bạc một lúc, sau đó Erlendur kể cho Sigurdur Óli nghe những phát hiện mới của mình sau khi nói chuyện với cựu Đại tá Ed Hunter về vụ trộm tại kho dự trữ và chuyện một người đàn ông Iceland sống trên đồi đã bị bắt vì có liên quan. Ed tin rằng vợ của người đàn ông đó là nạn nhân của bạo lực gia đình, chuyện này củng cố thêm cho câu

chuyện mà Höskuldur đã kể lại theo những gì Benjamín nói.

“Tất cả những người đó đều đã chết và bị chôn cách đây lâu lắm rồi,” Sigurdur Óli ngán ngẩm nói. “Tôi không biết tại sao chúng ta lại cứ phải đuổi theo họ. Cứ như bắt ma vậy. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ gặp họ hay nói chuyện được với họ. Tất cả họ chỉ là một phần của câu chuyện ma này mà thôi.”

“Cậu đang nói đến người phụ nữ mặc đồ màu xanh lục trên đồi ư?” Erlendur hỏi.

“Elínborg nói rằng Róbert đã trông thấy bóng ma của Sólveig mặc cái áo khoác màu xanh lục, vì thế chúng ta đang dính vào một vụ truy tìm ma quỷ thực

sự.”

“Nhưng cậu không muốn biết ai đang nằm dưới ngôi mộ đó với một cánh tay giơ lên như thể người đó bị chôn sống à?”

“Tôi đã mất cả hai ngày giam mình trong một tầng hầm bẩn thỉu và tôi chẳng buồn quan tâm đến nó nữa,” Sigurdur Óli đá. “Tôi không thể để ý đến những chuyện vớ vẩn này nữa,” anh ta gầm lên và tắt máy.

Như mọi khi, tâm trí Erlendur lại quay về hình ảnh Eva Lind, con bé đang nằm trong khu chăm sóc đặc biệt và khó lòng sống sót. Ông chìm đắm trong suy nghĩ về lần cãi nhau cuối cùng giữa hai bố con trong căn hộ của ông cách đây hai

tháng. Lúc đó vẫn đang là mùa đông, tuyết rơi thật dày, trời lạnh và tối. Ông không cố ý cãi nhau với con. Ông không nghĩ rằng mình sẽ nổi nóng. Nhưng con bé luôn bướng bỉnh không chịu lùi một phân.

“Con không thể làm thế với đứa trẻ được,” ông cố gắng thuyết phục con lần nữa. Ông nghĩ rằng con bé đã có thai năm tháng. Nó rất quyết tâm khi biết mình đã có thai, và sau hai lần, dường như nó đã bỏ được thói quen dùng ma túy. Ông cố gắng giúp nó hết sức có thể, nhưng cả hai đều biết rằng sự giúp đỡ đó không mấy hiệu quả và rằng mối quan hệ giữa hai bố con họ đã trở nên tệ đến mức ông càng ít xen vào bao nhiêu thì con bé càng có cơ hội thành công bấy nhiêu.

Eva Lind có quan điểm hai chiều đôi với bố. Một mặt nó tìm sự đồng cảm nơi ông, mặt khác, nó soi mói tất cả những gì thuộc về ông.

“Bố thì biết gì về chuyện đó cơ chứ?” con bé nói. “Bố thì biết gì về trẻ con? Chắc chắn con có thể sinh con. Và một mình con sẽ tự sinh đứa trẻ.”

Ông không biết nó dùng thuốc phiện hay rượu hay cả hai thứ đó, nhưng con bé rất ít khi tỉnh trí mỗi khi ông ra mở cửa cho nó vào nhà. Nó thả người đánh bịch một cái xuống ghế sofa. Bụng nó lùm lùm dưới cái áo khoác da không khóa, việc nó có thai rất dễ phát hiện. Con bé chỉ mặc mỗi cái áo phong bên trong. Bên ngoài, nhiệt độ tụt xuống đến âm mười

độ C.

“Bố nghĩ là chúng ta đã...”

“Chúng ta đã chẳng làm gì cả,” con bé ngắt lời bố. “Bố và con. Chúng ta đã chẳng làm gì cả.”

“Bố nghĩ là con đã quyết định tự chăm sóc đứa trẻ. Hãy chắc chắn là không gì có thể thay đổi được. Con phải đảm bảo là thuốc phiện không ảnh hưởng gì đến nó. Con đã sắp bỏ cuộc, nhưng con có khả năng vượt qua chuyện đó. Con có khả năng chăm sóc con mình một cách chu đáo.”

“Bố im đi!”

“Tại sao con lại đến đây?”

“Con không biết.”

“Đó là vì lương tâm của con. Đúng không? Chính lương tâm đã dẫn dắt con, và con mong là bố sẽ thông cảm với hoàn cảnh khủng khiếp mà con đang phải gánh chịu. Đó là lý do tại sao con đến đây. Để được cảm thông và để cuộc sống của mình tốt hơn.”

“Phải rồi, đây chỉ là nơi để đến nếu ai đó cần được người ta thương hại, thưa ngài Thánh Ngu Si ạ.”

“Con đã quyết định chọn tên. Con còn nhớ chứ? Nếu đó là một bé gái.”

“Bố quyết định đây chứ. Không phải con. Là bố. Như mọi lần thôi. Bố có quyền quyết định mọi chuyện. Nếu như bố muốn ra đi thì bố cứ đi thôi, chẳng quan tâm quái gì đến con hay bất kỳ ai

hết.”

“Con dự định đặt tên cho nó là Audur. Con thích cái tên đó mà.”

“Bố tưởng con không biết trò chơi của bố à? Bố tưởng con không nhìn thấu tâm can bố à? Ồ, bố sợ... Con biết con có thứ gì trong bụng mà. Con biết nó là một con người. Con biết điều đó. Bố không cần phải nhắc nhở con. Không cần đâu!”

“Tốt,” Erlendur nói. “Đôi khi con đã quên điều đó. Quên rằng không phải chỉ nghĩ cho riêng mình. Khi con say, đứa bé cũng bị say theo, và nó bị ảnh hưởng bởi chuyện đó hơn rất nhiều lần so với bản thân con.”

Ông ngừng lại.

“Có thể đó là một sai lầm,” ông nói.
“Vì không phá thai.”

Con bé nhìn ông.

“Đồ khốn nạn!”

“Eva...”

“Mẹ nói cho con rồi. Con biết đích xác điều bố muốn là gì.”

“Điều gì?”

“Và bố có thể gọi bà ấy là một con dối trá rẻ tiền, nhưng con biết điều đó là đúng.”

“Con đang nói cái gì thế?”

“Mẹ nói chắc chắn bố sẽ phủ nhận điều đó.”

“Phủ nhận cái gì cơ?”

“Rằng bố không muốn có con.”

“Sao cơ?”

“Rằng bố không muốn sinh con ra. Khi bố làm mẹ có thai.”

“Mẹ con đã nói gì?”

“Rằng bố KHÔNG MUỐN sinh con ra.”

“Bà ấy nói dối.”

“Bố muốn mẹ phá thai...”

“Nói dối...”

“...và sau đó bố liên tiếp phán xét con, không cần biết con đã cố gắng thế nào. Bố luôn luôn phán xét con.”

“Không đúng đâu. Bố chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Bố không biết tại sao mẹ con lại nói với con như thế, nhưng đó không phải là sự thật. Đó không phải là một phương án giải quyết. Bố mẹ chưa bao giờ đề cập đến chuyện đó.”

“Mẹ biết bố sẽ nói thế. Bà ấy đã cảnh báo con từ trước.”

“Cảnh báo con ư? Bà ấy nói với con tất cả những điều này khi nào?”

“Khi mẹ biết con có thai. Mẹ nói rằng bố muốn đưa bà ấy đi phá thai nhưng bố sẽ phủ nhận chuyện đó. Mẹ nói rằng bố sẽ nói tất cả những điều bố vừa nói.”

Eva Lind đứng lên và đi ra phía cửa.

“Mẹ con nói dối đây, Eva Lind, con hãy tin bố. Bố không biết tại sao bà ấy lại nói thế. Bố biết bà ấy ghét bố, nhưng chắc không đến mức nhiều như thế. Bà ấy đang xúi giục con chống lại bố. Con phải nhận ra điều đó chứ. Nói ra điều đó thật... thật... thật đáng kinh tởm. Con có thể nói với bà ta điều đó.”

“Bố đi mà nói với mẹ!!!” Eva Lind quát lên. “Nếu bố dám.”

“Thật là ghê tởm khi nói với con điều đó. Bịa ra cả một câu chuyện để phá hủy mối quan hệ giữa hai bố con.”

“Thực ra, con tin mẹ.”

“Eva...”

“Bố im đi.”

“Bố sẽ nói cho con biết tại sao chuyện đó không thể là thật được. Tại sao bố không bao giờ có thể...”

“Con không tin bố đâu!”

“Eva... Bố đã...”

“Ngậm cái mồm của bố vào. Con không tin bất kỳ lời nào của bố đâu.”

“Vậy thì con ra khỏi đây đi,” ông nói.

“Vâng, phải,” nó chọc tức ông. “Tránh xa con ra.”

“Cút đi!”

“Bố thật là kinh tởm!” con bé quát lên và lao ra ngoài.

“Eva!” ông gọi với theo nhưng con bé đã đi rồi.

Đã hai tháng. Ông không nghe tin tức gì về nó và cũng không trông thấy nó cho đến khi điện thoại của ông rung lên khi ông đứng trên đồi.

Erlendur ngồi trong xe hút thuốc, ông nghĩ rằng đáng lý mình nên phản ứng khác đi, dẹp lòng tự ái sang một bên để đuổi theo Eva Lind khi đã nguôi cơn giận. Ông phải nói lại với con bé rằng mẹ nó đã nói dối, ông sẽ không bao giờ đề nghị phá thai. Không bao giờ ông có thể làm điều đó. Và không bao giờ để con bé phải cầu cứu mình. Con bé đơn giản là chưa thực sự trưởng thành để có thể hiểu được tất cả những chuyện này, con bé không nhận ra nó đã tự đẩy mình đi đến đâu.

Erlendur sợ phải nói cho nó biết khi nó tỉnh lại. Nếu nó có thể tỉnh lại. Muốn làm một việc gì đó cho khuây khỏa, ông nhấc điện thoại và gọi cho Skarphédinn.

“Kiên nhẫn một chút đi,” nhà khảo cổ nói, “và đừng có gọi điện cho tôi liên tục như thế. Chúng tôi sẽ cho ông biết kết quả chùng nào chúng tôi đào đến chỗ bộ xương.”

Skarphédinn cư xử như thể chính ông ta đang thụ lý vụ điều tra không bằng. Càng ngày ông ta càng trở nên ngạo mạn.

“‘Chùng nào’ là bao giờ?”

“Rất khó nói,” ông ta đáp, và Erlendur hình dung ra cái răng vàng bên dưới bộ râu của lão già. “Chúng tôi phải xem xét

cái đã. Hãy để yên cho chúng tôi làm công việc của mình.”

“Ông chắc chắn phải nói cho tôi biết một vài điều. Đó là đàn ông hay phụ nữ?”

“Kiên nhẫn là chìa khóa giải quyết mọi vấn đề...”

Erlendur tắt máy. Ông đang châm thêm một điếu thuốc nữa thì điện thoại reo. Người gọi là Jim ở Đại sứ quán Anh. Ed và Đại sứ quán Mỹ đã phát hiện ra một danh sách tên những người Iceland làm thuê cho quân đội và Jim vừa mới nhận được bản fax. Ông ta vẫn chưa phát hiện ra điều gì về những người Iceland đó. Có chín cái tên trong danh sách và Jim đọc cho Erlendur qua điện thoại. Erlendur

không nhận ra bất cứ cái tên nào trong số đó và cho Jim số fax của cơ quan để ông ta gửi bản danh sách đến đó.

Erlendur lái xe đến Vogar và đỗ xe ở đó, cũng như mọi lần, ông giữ một khoảng cách vừa phải với ngôi nhà mà ông đã lao vào để tìm Eva Lind. Ông chờ đợi và bản khoản không hiểu điều gì đã khiến gã đó cư xử với vợ con mình như vậy.

Nhưng kết luận mà ông rút ra cũng giống như những người khác: chúng là những tên ngu độn hết sức. Ông vẫn chưa biết mình muốn làm gì với tên đó, có nên ngoéo cổ hắn ta ngay lập tức không, hay là chỉ ngồi trên xe theo dõi.

Ông không thể xua đi hình ảnh bé gái

với những vết bỏng thuốc lá trên lưng. Người đàn ông chối bay chối biến những gì đã làm với con bé, còn mẹ nó lại bao che cho lời khai của hắn nên cảnh sát cũng chẳng làm được gì hơn việc tách đứa trẻ ra khỏi bố mẹ. Vụ này do đích thân giám đốc Ủy ban Công tố Nhân dân xử lý. Có thể hắn sẽ bị kết tội. Có thể không.

Erlendur cân nhắc những phương án có thể xảy đến với hắn. Cũng chẳng nhiều nhận gì, vì tất cả bọn chúng đều là lũ xấu cả. Nếu gã đó quay trở về ngôi nhà vào cái đêm ông đi tìm Eva Lind và phát hiện ra đứa bé bị bỏng lưng đang ngồi trên sàn nhà, chắc chắn ông sẽ cho thằng ác ôn ấy một bài học. Mấy ngày đã trôi qua nhưng ông vẫn chưa thể trị cho hắn một

trận, chưa thể đến đám tang vào mặt
hắn, mặc dù ông muốn làm điều đó ngay
tức khắc. Erlendur biết mình không thể
nói chuyện suông với loại người như thế.
Chúng sẽ cười nhạo những lời đe dọa
tâm thường, thậm chí còn cười vào mặt
Erlendur là đằng khác.

Erlendur không thấy ai ra vào ngôi nhà
trong suốt hai tiếng đồng hồ qua. Cuối
cùng ông bỏ cuộc và lái xe đến bệnh
viện thăm con gái, cố gắng quên đi tất cả
những chuyện đó, cũng giống như rất
nhiều điều trong quá khứ mà ông cần
phải quên.

Elínborg nhận được điện thoại của Sigurdur Óli khi cô vừa đến sở. Anh nói với cô rằng Benjamín có lẽ không phải là cha của đứa trẻ trong bụng vợ chưa cưới của mình, và chính điều này đã phá hủy cuộc hôn nhân của họ. Thêm vào đó, bố của Sólveig đã treo cổ tự vẫn sau khi nghe tin con gái mất tích chứ không phải trước đó như lời Báara nói.

Elínborg ghé vào Cục Thống kê Quốc gia để xem xét các giấy chứng tử trước khi lái xe đến Grafarvogur. Cô rất ghét bị lừa dối, nhất là bởi những mục già hợm hĩnh.

Trong lúc Báara nghe Elínborg thuật lại

những gì mà Elsa đã nói về người cha chưa rõ danh tính của đứa con trong bụng Sólveig, khuôn mặt bà ta vẫn lạnh như tiền.

“Bà đã từng nghe qua chuyện này chưa?” Elínborg hỏi.

“Chuyện gì ? Rằng chị tôi là một con điếm à? Không, tôi chưa bao giờ nghe thấy và tôi không hiểu tại sao bây giờ cô lại nói điều đó với tôi. Sau ngàn ấy năm. Tôi không hiểu nổi. Cô phải để cho hương hồn của chị tôi được yên. Chị ấy không đáng bị đem ra bàn tán như thế. Cái bà... bà Elsa này nghe câu chuyện ấy từ đâu thế?”

“Từ mẹ bà ấy,” Elínborg đáp.

“Và bà ta lại nghe từ Benjamín?”

“Phải. Mãi cho đến lúc lâm chung, ông ấy mới kể ra chuyện đó.”

“Các cô tìm được một lọn tóc của chị tôi ở nhà ông ta chưa?”

“Chúng tôi tìm rồi, và đã thấy.”

“Vậy các cô sẽ xét nghiệm nó cùng với bộ xương à?”

“Đúng vậy.”

“Và các cô cho rằng ông ta đã giết chị ấy ư? Cái lão Benjamín, cái cục bột ấy mà dám giết vợ chưa cưới của mình ư? Tôi nghĩ chuyện đó thật nực cười. Quá nực cười! Tôi không hiểu nổi tại sao cô lại tin chuyện đó.”

Bára ngừng lại và ra chiều đăm chiêu suy nghĩ.

“Chuyện này có bị phanh phui lên báo không?” bà ta hỏi.

“Tôi không biết,” Elínborg đáp. “Vụ bộ xương đã thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân.”

“Ý tôi là chuyện chị tôi bị giết ấy?”

“Nếu đó là kết luận cuối cùng. Bà có biết ai là cha đứa trẻ không?”

“Benjamín là người duy nhất.”

“Liệu có một người nào khác được nhắc đến không? Chị bà không kể với bà về một người đàn ông khác à?”

Bára lắc đầu.

“Chị tôi không phải là con điếm.”

Elínborg hắng giọng.

“Bà nói với tôi rằng bố bà tự tử trước khi chị bà mất tích.”

Họ đưa mắt nhìn nhau.

“Tôi nghĩ là cô đi được rồi đây,” Bára nói và đứng lên.

“Tôi không phải là người khơi ra câu chuyện về bố bà trước. Tôi đã kiểm tra giấy chứng tử của ông ấy ở Cục Thống kê Quốc gia. Không giống như một số người, Cục Thống kê không bao giờ nói dối.”

“Tôi chẳng còn gì để nói với cô nữa,” Bára nói nhưng không còn vẻ kiêu căng như trước nữa.

“Tôi không nghĩ bà sẽ đề cập đến bộ mình trừ khi bà muốn nói về ông ấy. Sâu trong thâm tâm bà ấy.”

“Thật là hết sức vớ vẩn!” bà ta thốt lên. “Cô đang đóng vai một nhà tâm lý học đấy à?”

“Ông ấy chết sáu tháng sau khi chị bà mất tích. Giấy chứng tử của ông ấy không nói rằng ông ấy tự tử. Không rõ nguyên nhân cái chết. Có lẽ dùng từ “tự vẩn” thì hơi xa hoa quá. Chết bất đắc kỳ tử tại nhà, giấy tờ nói vậy.”

Bára xoay lưng về phía Elínborg.

“Bà có thể nói sự thật cho tôi biết được không?” Elínborg nói và cũng đứng lên. “Bố bà có liên quan gì? Tại sao bà

lại nhắc đến ông ấy? Ai đã khiến cho Sólveig có thai? Có phải là ông ấy không?”

Cô không nhận được câu trả lời. Sự yên lặng giữa hai người dường như có thể sờ thấy được. Elínborg nhìn quanh phòng khách rộng thênh thang, những thứ đồ đẹp đẽ, những bức chân dung của Báara và chồng, những đồ nội thất đắt tiền, chiếc đàn piano đen bóng, một bức ảnh được đặt ở vị trí nổi bật chụp Báara và người đứng đầu Đảng cấp tiến. Một cuộc sống thật trống rỗng, cô thầm nghĩ.

“Không phải mỗi một gia đình đều có bí mật riêng hay sao?” cuối cùng Báara nói, lưng vẫn quay về phía Elínborg.

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Elínborg đáp.

“Người đó không phải là bố tôi,”
Bára lưỡng lự nói. “Tôi không biết tại
sao mình lại nói dối cô về cái chết của
ông ấy. Chuyện đó cứ tự diễn ra thôi.
Nếu cô muốn đóng vai một nhà tâm lý
học, cô có thể nói rằng từ sâu thẳm tôi
muốn thú nhận với cô tất cả mọi chuyện.
Rằng tôi đã giữ im lặng quá lâu cho đến
khi cô bắt đầu nói về Sólveig, tôi muốn
trút hết tâm sự của mình. Tôi không biết
tại sao lại thế.”

“Vậy người đó là ai?”

“Cháu trai của bố tôi,” Bára đáp.
“Con trai của bác tôi, ở Fljót. Chuyện ấy
xảy ra trong một lần chị tôi đến thăm nơi
đó.”

“Làm thế nào mà gia đình bà phát hiện

ra?”

“Khi trở về, chị ấy trở nên khác hẳn. Mẹ... mẹ chúng tôi để ý ngay lập tức, và tất nhiên là chuyện đó không giấu được lâu.”

“Bà ấy có nói cho mẹ bà biết chuyện xảy ra không?”

“Có. Rồi bố tôi lên miền Bắc. Tôi không biết gì thêm về chuyện đó. Khi ông ấy đến nơi thì người cháu trai đó đã đi nước ngoài. Người dân ở đó nói vậy. Ông tôi quản lý một trang trại rất lớn. Ông bà tôi chỉ có hai người con. Bố tôi chuyển về miền Bắc này lập nghiệp kinh doanh và trở nên giàu có. Ông là một trụ cột của xã hội.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra với người cháu trai đó?”

“Chẳng có gì cả. Sólveig nói rằng nó đã cưỡng hiếp chị ấy. Bố mẹ tôi không biết phải làm gì, họ không muốn kiện tụng vì sợ dính dáng đến chính quyền và dư luận bàn ra tán vào. Sau vài năm người cháu họ đó quay về nước và định cư tại Reykjavík rồi lập gia đình. Nó chết cách đây hai mươi năm rồi.”

“Thế còn Sólveig và đứa bé thì sao?”

“Chúng tôi yêu cầu Sólveig phá thai nhưng chị ấy từ chối. Chị ấy không muốn từ bỏ đứa bé. Rồi một ngày chị ấy mất tích.”

Bára quay mặt lại đối diện Elínborg.

“Cô có thể hiểu rằng chuyện đó đã hủy hoại chúng tôi, cái chuyện nghỉ hè của chị tôi đến Fljót ấy. Hủy hoại cả gia đình tôi. Chuyện đó ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ cuộc đời tôi. Chúng tôi che đậy chuyện đó lại vì lòng tự tôn và niềm kiêu hãnh của gia đình. Đó là điều cấm kỵ. Chúng tôi không bao giờ được phép nói đến chuyện đó. Mẹ tôi đảm bảo cho điều đó không xảy ra. Nhưng về sau chị tôi có nói lại với Benjamín và giải thích mọi chuyện với ông ấy. Điều này khiến cho không ai ngó ngàng gì đến cái chết của Sólveig. Đó là việc riêng của chị ấy, có vậy thôi. Bí mật riêng của chị ấy, sự lựa chọn của chị ấy. Chúng tôi vẫn bình thường. Vẫn trong sạch và đáng kính. Chị ấy bị điên và tự lao mình ra biển.”

Elínborg nhìn Bára và đột nhiên cô thấy thương cảm cho bà ta khi buộc phải sống với câu chuyện dối trá đó.

“Tự chị ấy gây ra mọi chuyện,” Bára nói tiếp. “Chúng tôi chẳng liên can. Đó là việc của chị ấy.”

Elínborg gật đầu.

“Chị ấy không nằm trên đồi đâu,” Bára nói. “Chị ấy đang nằm dưới đáy biển, trong suốt hơn hai mươi năm khủng khiếp.”

Erlendur ngồi xuống bên cạnh Eva Lind sau khi nói chuyện với bác sĩ của con bé. Ông ta vẫn nói như trước: tình trạng của con bé vẫn không có gì suy chuyển, chỉ còn biết chờ vào thời gian

thôi. Ông ngồi bên giường bệnh của con, nghĩ xem nên nói gì với nó bây giờ, nhưng ông không nghĩ ra nổi. Thời gian cứ thế trôi đi. Khu chăm sóc đặc biệt hoàn toàn tĩnh lặng.

Thỉnh thoảng có một bác sĩ đi qua cửa hoặc một y tá mang giày mềm trắng đi lại loẹt quẹt trên lớp vải lót nền.

Cái tiếng kêu kin kít ấy.

Erlendur nhìn con, và gần như là vô thức, giọng ông trầm xuống khi nói về một người bị mất tích khiến ông trăn trở trong một thời gian dài và có lẽ, sau ngàn ấy năm, ông vẫn chưa thể hiểu được.

Ông bắt đầu kể về một cậu bé chuyển đến Reykjavík cùng bố mẹ, nhưng cậu ta

luôn nhớ đến quê hương. Đứa bé đó còn quá nhỏ, nó không thể hiểu được tại sao nhà mình lại phải chuyển lên thành phố, mà hồi ấy Reykjavík chưa hẳn là một thành phố, đó chỉ là một thị trấn lớn bên bờ biển. Về sau nó nhận ra rằng quyết định đó là do nhiều nhân tố tác động.

Ngôi nhà mới của nó khác lạ ngay từ đầu. Nó lớn lên giữa cuộc sống thôn quê mộc mạc và riêng biệt, với mùa hè âm áp, mùa đông khắc nghiệt và những câu chuyện về những người đã từng sống ở khắp các miền quê. Hầu hết họ hàng của nó đều là chủ các trang trại nhỏ và nghèo khổ trong nhiều thế kỷ liền. Đối với nó, họ là những người hùng. Nó nghe chuyện về họ mỗi ngày, những câu chuyện kể đi kể lại hết năm này qua năm khác, từ thập

kỷ này sang thập kỷ khác. Những câu chuyện về những cuộc hành trình gian nan và đầy thảm họa. Những câu chuyện về cuộc sống vui nhộn khiến cho người kể phải thở lầy thở đẽ vì cười đến mức oằn cả người đi và ho sặc sụa. Rồi những câu chuyện về những người mà nó biết và nó sống cùng, cũng có thể là những người từng sống ở làng quê từ thế hệ này sang thế hệ khác: các chú, các bác, các bà và các cụ bà, các ông và các cụ ông... Nó biết tất cả những người ấy, mặc dù họ đã chết từ lâu và đã được chôn cất tại khu nghĩa trang nhỏ bên cạnh nhà thờ xứ đạo: các bà đỡ lội qua những dòng sông băng để giúp những người phụ nữ sinh con, những người nông dân anh dũng bảo vệ mùa màng qua cơn bão tàn

khôc, những người tá điền chết cồng trên
lối ra chuồng cừu, những thầy tu say xỉn,
những loài ma quỷ... Những câu chuyện
là một phần cuộc sống của nó.

Thằng bé mang tất cả những câu
chuyện này theo mình khi theo bố mẹ lên
thành phố. Họ mua một nhà tắm công
cộng thời chiến do quân đội Anh xây ở
vùng ngoại ô thành phố và sửa nó thành
một ngôi nhà nhỏ bởi vì đó là tất cả
những gì họ có thể mua. Cuộc sống nơi
thành thị không phù hợp với bố nó, ông
bị suy tim và mất không lâu sau khi
chuyển đến đây. Mẹ nó bán ngôi nhà,
mua một căn hộ chật hẹp dưới tầng hầm
cách không xa bến cảng cho lắm, bà làm
việc ở một nhà máy chế biến cá. Đứa
con không biết phải làm gì sau khi khi

học xong chương trình giáo dục phổ cập. Lao động chân tay, xây dựng các công trình hay theo các thuyền đánh cá? Cuối cùng nó nhìn thấy một thông báo tuyển người vào lực lượng cảnh sát.

Thằng bé không còn được nghe những câu chuyện kể nữa, dần dần chúng phai mờ trong tâm trí nó. Tất cả những người nó biết đã ra đi, bị chôn vùi và quên lãng ở những miền quê hẻo lánh. Còn nó trôi dạt đến một thành phố mà không có việc để làm. Nó biết mình không phải là người thành thị. Không biết đích xác mình là cái gì nữa. Nhưng nó chưa bao giờ thôi khao khát một cuộc sống khác, nó cảm thấy mất gốc và không thanh thản. Khi mẹ mất, nó cảm nhận được sợi dây liên kết duy nhất của nó với quá khứ đã

đứt hoàn toàn.

Anh đến sàn nhảy. Và ở một trong số những sàn nhảy đó, Glaumbaer, anh gặp một người phụ nữ. Anh biết nhiều người nhưng tất cả chỉ là những cuộc gặp xã giao thông thường. Nhưng người này thì khác, có gì đó chắc chắn hơn, và anh cảm thấy cô ấy có thể điều khiển mọi thứ. Mọi thứ xảy ra quá nhanh khiến anh không kịp hiểu. Cô ấy yêu cầu anh làm mọi việc và anh hoàn thành mà không cần một động lực nào khác. Và trước khi anh kịp hiểu ra điều đó, anh đã cưới cô và họ có với nhau một đứa con gái. Họ thuê một căn hộ nhỏ. Cô có những kế hoạch lớn cho tương lai của họ và nói về việc sinh thêm con cái, mua một căn hộ. Cô nói nhanh với giọng điệu đầy hứng

khởi như thể cô nhìn thấy cuộc đời mình yên ổn chứ không hề gặp một trắc trở nào. Anh nhìn cô và chợt nhận ra mình chẳng hiểu gì về người phụ nữ này hết.

Họ có thêm một đứa con nữa và cô càng lúc càng nhận ra anh xa cách đến thế nào. Khi con họ chào đời, anh chỉ khá vui khi thấy mình được làm cha lần nữa và bắt đầu nói rằng mình muốn kết thúc tất cả những chuyện này, anh muốn ra đi. Cô cảm nhận được điều đó. Cô hỏi rằng có phải anh có người phụ nữ nào khác không, nhưng anh chỉ nhìn cô chăm chăm trống rỗng mà không để ý gì đến câu hỏi. Anh chưa bao giờ suy nghĩ về câu hỏi đó. “Chắc chắn là anh có người đàn bà khác,” cô nói. “Không phải thế,” anh đáp và bắt đầu giải thích với cô cảm

giác và suy nghĩ của mình, nhưng cô không muốn nghe. Cô có hai đứa con của anh và anh không thể nói chuyện một cách nghiêm túc về việc rời bỏ cô được. Rời bỏ chúng. Những đứa con của anh.

Các con anh. Eva Lind và Sindri Snaer. Tên của những con vật nuôi mà cô đã chọn cho chúng. Anh không coi chúng là một phần của mình. Không có một chút cảm nhận nào về tình phụ tử, nhưng anh cảm thấy mình phải có trách nhiệm và nghĩa vụ với chúng. Tuy nhiên việc đó chẳng liên quan gì đến mẹ chúng hay mối quan hệ với cô ta. Anh nói rằng mình muốn chu cấp cho các con và ly hôn một cách nhẹ nhàng. Cô nói không thể có chuyện nhẹ nhàng ở đây được, sau đó cô bế lấy Eva Lind và ôm chặt nó. Anh có

cảm giác cô sẽ dùng con cái để trói buộc mình, và điều đó càng củng cố thêm quyết định không thể chung sống với người phụ nữ này được nữa. Tất cả mọi chuyện đều là một sai lầm ngay từ lúc ban đầu và đáng lý ra anh đã nên làm thế này từ lâu lắm rồi. Anh không biết hồi đó mình đã nghĩ gì. Nhưng đến lúc này tất cả đã kết thúc.

Anh cố gắng thuyết phục cô để cho mình ở với các con một số ngày trong tuần hoặc tháng, nhưng cô ta từ chối thẳng thừng và nói rằng nếu anh quyết tâm rời bỏ cô, anh sẽ không bao giờ được gặp lại chúng nữa. Cô ta quyết tâm làm điều đó.

Rồi anh biến mất. Biến mất khỏi cuộc

đời của đứa con gái bé bỏng mới lên hai tuổi. Con bé vẫn còn đeo tã lót, tay cầm một hình nộm và dõng theo bố bước ra khỏi nhà. Cái hình nộm nhỏ màu trắng kêu lên kìn kít mỗi lần con bé cắn vào đó.

“Chúng ta đã sai rồi,” Erlendur nói.

Cái tiếng kêu kìn kít ấy.

Ông cúi đầu và nghĩ rằng cô y tá lại đi qua cửa lần nữa.

“Bố không biết chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông đó,” Erlendur nói nhỏ rất khó nghe. Ông nhìn mặt con gái, trông nó bình thản hơn bao giờ hết. Các đường nét rõ ràng hơn. Ông nhìn những thiết bị đang giúp cho nó sống. Sau đó ông lại

nhìn xuống sàn nhà. Một lúc lâu như thể trôi qua cho đến lúc ông đứng lên, cúi xuống và hôn lên trán con gái.

“Ông ta biến mất và bố nghĩ ông ta đã mất tích thật rồi, mất tích lâu rồi. Bố không biết ông ta có thể được tìm thấy không. Đó không phải là lỗi của con. Chuyện đó xảy ra trước khi con ra đời. Bố nghĩ người đó đang tìm lại chính mình, nhưng ông ta không biết tại sao hay đích xác là mình đang tìm kiếm cái gì, và rõ ràng là ông ta sẽ không bao giờ tìm thấy nó.”

Erlendur nhìn xuống Eva Lind.

“Trừ khi con giúp ông ta.”

Khuôn mặt con bé trông giống như một

cái mặt nạ lạnh giá trong ánh đèn tỏa ra từ chiếc đèn để trên bàn gần giường nó nằm.

“Bố biết con đang đi tìm ông và bố biết rằng nếu có ai đó có thể tìm thấy ông ta thì người đó chính là con.”

Ông quay người, đang chuẩn bị bước đi thì nhìn thấy vợ cũ đứng ngoài cửa. Ông không biết bà ta đã đứng đó được bao lâu rồi, không biết bà ta đã nghe được những gì từ câu chuyện ông nói với Eva Lind. Bà ta vẫn mặc áo khoác màu nâu như lần trước, bên trong mặc một bộ quần áo tập chạy bộ, nhưng lần này đi thêm một đôi giày cao gót khiến bà ta trông thật lố bịch. Erlendur rất ít khi nhìn thấy vợ cũ trong hơn hai mươi năm, và

ông thấy bà ta đã già đi đến thế nào sau ngàn ấy thời gian. Gương mặt bà ta đã mất đi những đường nét sắc sảo, hai má phính ra còn cằm đã bắt đầu chẻ làm đôi.

“Bà đã nói dối Eva Lind một cách trắng trợn về việc phá thai,” Erlendur rít lên đầy giận dữ.

“Để tôi yên,” Halldóra nói. Giọng bà ta cũng già đi nữa, bây giờ nó trở nên khàn khàn vì hút thuốc quá nhiều.

“Bà còn nói dối các con những chuyện gì nữa?”

“Cút đi,” Halldóra nói và đứng tránh sang một bên để ông có thể đi qua.

“Halldóra...”

“Biến ngay,” bà ta nhắc lại. “Đi đi, đi

cho tôi yên.”

“Chúng ta đều muốn có con.”

“Ông không hối hận sao?” bà nói.

Erlendur không đáp.

“Ông nghĩ rằng chúng có nhiệm vụ phải ra đời à?”

“Chuyện gì đã xảy ra?” Erlendur hỏi.

“Chuyện gì đã khiến bà trở nên như thế này?”

“Cút đi,” bà ta nói. “Ông bỏ đi giới lắm cơ mà? Vậy thì đi đi! Để tôi được yên bên con bé.”

Erlendur nhìn bà chăm chăm.

“Halldóra...”

“Đi ngay, tôi nói rồi đây.” Bà ta nói to hơn. “Đi ngay khỏi đây. Ngay bây giờ. Đi đi! Tôi không muốn ông quanh quẩn ở đây! Tôi không bao giờ muốn nhìn thấy bản mặt của ông nữa!”

Erlendur đi qua bà ta ra khỏi phòng, rồi bà ta đóng cửa lại sau lưng ông.

Tôi đó, Sigurdur Óli đã hoàn tất công việc tìm kiếm trong tầng hầm mà chẳng phát hiện thêm được điều gì về những người thuê ngôi nhà gỗ của Benjamín trên đồi. Anh không quan tâm. Anh chỉ thấy sung sướng khi được thoát ra khỏi đó. Khi anh về đến nhà, Bergthóra đang chờ anh. Cô đã mua một ít rượu vang đỏ và đang nhấm nháp nó trong bếp. Cô lấy ra một cái cốc khác và đưa nó cho anh.

“Anh không giống Erlendur,” Sigurdur Óli nói. “Đừng bao giờ nói bất kỳ điều gì tồi tệ như thế về anh.”

“Nhưng anh muốn giống ông ta,” Bergthóra nói. Cô đang nấu mì và đã đốt

nên trong phòng ăn. “Một khung cảnh thật đẹp cho một buổi hành hình,” Sigurdur Óli thầm nghĩ.

“Đàn ông nào chẳng muốn giống ông ta,” Bergthóra nói.

“Nào nào, sao em lại nói thế?”

“Đề mặc cho mình tự làm những gì mình thích.”

“Không phải thế đâu. Em không thể hình dung được là Erlendur sống một cuộc sống đáng thương như thế nào đâu.”

“Ít nhất là em muốn làm rõ mối quan hệ của chúng ta,” Bergthóra nói trong lúc rót rượu vào cốc của Sigurdur Óli.

“Được, chúng ta hãy cùng làm rõ mối quan hệ giữa em và anh.” Sigurdur Óli

chưa bao giờ gặp một người phụ nữ nào thực tế hơn Bergthóra. Cuộc nói chuyện này không đề cập gì đến tình yêu trong cuộc sống của họ.

“Chúng ta đã ở cùng nhau đến nay là, xem nào, ba, bốn năm rồi, và chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Anh nhăn mặt lại mỗi khi em nhắc đến bất cứ điều gì có dính dáng đến trách nhiệm. Chúng ta vẫn độc lập về tài chính. Một đám cưới ở nhà thờ là điều không tưởng; em không biết có còn kiêu nào khác nữa không. Chúng ta vẫn chưa đăng ký sống thử. Việc có con với anh xa vời giống như một thiên hà xa lơ xa lắc vậy. Thế nên câu hỏi của em là: Giữa chúng ta còn lại gì?”

Trong lời nói của Bergthóra không có dấu hiệu nào cho thấy cô đang giận dữ. Cho đến lúc này, cô vẫn chỉ đang cố gắng hiểu mối quan hệ của họ và bản thân nó sẽ tiến đến đâu. Sigurdur Óli quyết định sẽ tận dụng điều này trước khi vấn đề trở nên khó kiểm soát. Anh đã có rất nhiều thời gian để nghiền ngẫm những câu hỏi đó trong lúc làm công việc chán nản ở tầng hầm của Benjamín.

“Điều còn lại là hai chúng ta,”
Sigurdur Óli nói. “Hai chúng ta.”

Anh tìm một đĩa CD, đặt nó vào đầu quay và chọn một bài hát đã ám ảnh anh từ khi Bergthóra gây sức ép về trách nhiệm với anh. Tên bài hát có tựa đề Lòng chung thủy của Marianne, thể hiện

bởi Lucy Jordan, nói về người nội trợ đã mơ đến việc lái xe thể thao vòng quanh Paris với làn gió lạnh lùa vào mái tóc.

“Chúng ta đã nói về chuyện này đủ lâu rồi,” Sigurdur Óli nói.

“Sao cơ?” Bergthóra nói.

“Cuộc du ngoạn của chúng ta.”

“Ý anh là đến Pháp ư?”

“Phải.”

“Sigurdur...”

“Chúng mình đi Paris và thuê một chiếc xe thể thao thôi,” Sigurdur Óli nói.

Erlendur bị cuốn vào một cơn bão

tuyệt xoáy kinh hoàng. Tuyệt phủ lên người ông và tấp vào mặt ông, hơi lạnh và bóng tối trời chật lầy ông. Ông cố chống cự lại cơn bão nhưng không làm được, vì thế ông quay lưng lại luồng gió và cúi mình khi tuyết lại phủ kín người ông. Ông biết rằng mình sẽ chết và không thể làm được gì hết.

Chuông điện thoại vẫn cứ tiếp tục réo, nó đâm thủng cơn bão tuyết cho đến khi cơn bão đang gào rú bỗng trở nên yên lặng, ông tỉnh dậy và nhận thấy mình đang nằm trên chiếc ghế trong nhà. Trên bàn, chiếc điện thoại réo càng lúc càng nhấn tâm.

Erlendur khó nhọc lết đến chỗ cái bàn, đang định nhắc ống nghe lên thì tiếng

chuông dừng lại. Ông đứng bên điện thoại, chờ cho nó reo lần nữa nhưng chẳng có gì cả. Nó đã quá cũ rồi, không hiển thị số của người gọi được nên Erlendur không biết ai đã liên lạc với mình. Ông tưởng tượng ra một người tiếp thị qua điện thoại đang cố bán một chiếc máy hút bụi với một lò nướng bên trong cho tiện sử dụng. Ông thầm cảm ơn người nhân viên tiếp thị đó đã kéo ông ra khỏi cơn bão tuyết.

Ông đi vào bếp. Lúc đó đã là tám giờ tối. Ông cố xua ánh sáng của buổi tối mùa xuân ra khỏi nhà bằng cách kéo rèm nhưng nó vẫn cố len qua. Những tia nắng mặt trời mang theo vô số bụi bặm đã chiếu sáng ngôi nhà tối tăm ảm đạm. Mùa xuân và mùa hè không phải là thời

gian ưa thích của ông. Chúng quá sáng. Quá phù phiếm. Ông thích mùa đông nặng nề và tăm tối. Không tìm được thứ gì để ăn, ông ngồi xuống cạnh bàn, tay chống cằm.

Ông vẫn còn choáng váng vì cơn ác mộng. Sau khi rời viện về nhà lúc khoảng sáu giờ, ông ngồi xuống ghế, ngủ gật và lơ mơ đến tận tám giờ. Ông nghĩ đến trận bão tuyết trong giấc mơ, về việc chống lại nó và chờ chết. Ông thường gặp giấc mơ này nhưng theo những kiểu khác nhau. Tuy nhiên lúc nào cũng có trận bão tuyết dữ dội và rét buốt đến thấu xương. Ông biết rằng giấc mơ đó sẽ tiếp tục nếu như không có tiếng chuông điện thoại phá vỡ giấc ngủ của mình.

Chuông điện thoại lại vang lên, Erlendur không biết có nên lờ nó đi không. Cuối cùng ông đứng xỏ lên, ra phòng khách và nhắc ông nghe.

“Erlendur phải không?”

“Phải,” Erlendur đáp và hắng giọng. Ông nhận ra giọng người gọi ngay lập tức.

“Tôi là Jim ở Đại sứ quán Anh đây. Tha lỗi cho tôi vì đã gọi số máy bàn của ông.”

“Lúc ban nãy ông vừa gọi cho tôi phải không?”

“Ban nãy ư? Không, chỉ cuộc gọi này thôi. Tôi đã nói chuyện với Ed và tôi nghĩ tôi cần phải liên lạc với ông.”

“Thế à? Có gì mới không?”

“Ông ấy đang điều tra vụ việc đó cho ông và tôi muốn báo cho ông tin đó. Ông ấy đã gọi sang Mỹ, xem lại cuốn nhật ký của mình và nói chuyện với nhiều người, và ông ấy cho rằng mình đã biết ai tố cáo vụ ăn cắp ở doanh trại.”

“Người đó là ai?”

“Ông ấy không nói. Ed nhờ tôi nói cho ông biết và nói rằng đang chờ điện thoại của ông.”

“Tôi nay ư?”

“Phải, à không, buổi sáng ấy. Để sáng mai thì tốt hơn. Ông ấy ngủ rồi. Ed thường đi ngủ sớm.”

“Đó là một người Iceland à? Ai đã chỉ

điền họ nhỉ?”

“Ông ấy sẽ nói cho ông biết. Chúc ông ngủ ngon, và tôi xin lỗi vì đã làm phiền ông.”

Erlendur vẫn còn đang đứng bên cạnh điện thoại thì nó lại reo lên. Người gọi là Skarphédinn. Ông ta đang ở trên đồi.

“Chúng tôi sẽ đào đến bộ xương vào ngày mai.” Skarphédinn nói mà không úp mồm.

“Cũng đã đến lúc rồi,” Erlendur nói. “Lúc này ông vừa gọi cho tôi phải không?”

“Không. Ông vừa về đến nhà à?”

“Phải,” Erlendur nói dối. “Ông đã tìm ra điều gì hữu ích trên đó chưa?”

“Chưa, chưa có gì. Tôi chỉ muốn nói với ông là... xin chào, xin chào, ừm, hãy để tôi giúp bà, bà đi nhé... ờ, xin lỗi, chúng ta đang nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Ông nói rằng các ông sẽ đào đến chỗ bộ xương vào ngày mai.”

“Phải, khoảng chiều tối gì đó, tôi hy vọng vậy. Chúng tôi vẫn chưa tìm ra một đầu mối nào để xác minh cách người ta chôn bộ xương ở đó. Có lẽ chúng tôi sẽ tìm ra điều gì đó bên dưới.”

“Hẹn gặp lại ông ngày mai.”

“Tạm biệt.”

Erlendur đặt điện thoại xuống, ông vẫn chưa hoàn toàn tỉnh táo. Ông nghĩ đến Eva Lind và thắc mắc không biết có

chuyện gì ông nói lọt vào tai con bé không. Ông nghĩ đến Halldóra và sự căm thù mà bà ta vẫn dành cho mình sau chừng ấy năm đã qua. Rồi ông suy ngẫm cả triệu lần về việc cuộc sống của họ sẽ như thế nào nếu ông không quyết định ra đi. Nhưng chưa bao giờ ông tìm được câu trả lời.

Ông không nhìn đích xác vào vật gì. Một tia nắng hiếm hoi buổi tối lọt qua rèm cửa phòng khách, rạch một vết cắt vào bóng tối ảm đạm vây quanh ông. Erlendur nhìn vào những tấm rèm cửa. Chúng được làm bằng vải nhung kẻ dày, rủ thẳng xuống dưới sàn. Những tấm rèm cửa dày, màu xanh lục, để xua đi ánh sáng ban đêm của mùa xuân.

Xin chào.

Xin chào.

Hãy để tôi giúp bà.

Erlendur nhìn chăm chú vào màu xanh lục của tấm rèm cửa.

Méo mó.

Màu xanh lục.

“Skarphédinn đã...?” Erlendur đứng phắt dậy và vồ lấy điện thoại. Không nhớ số di động của Skarphédinn, ông liền mạng gọi cho tổng đài tư vấn. Sau đó ông gọi cho nhà khảo cổ.

“Skarphédinn! Skarphédinn!” Tiếng ông om sòm qua điện thoại.

“Gì thế? Lại là ông à?”

“Ông vừa nói ‘xin chào’ với ai? Ông vừa mới giúp ai cơ?”

“Sao cơ?”

“Lúc vừa rồi ông đang nói chuyện với ai thế?”

“Tại sao ông lại kích động đến vậy?”

“Lúc đó ai ở đó cùng ông?”

“Ý ông là tôi đã chào ai ấy à?”

“Đây không phải là một cuộc điện thoại truyền hình. Tôi không thể nhìn thấy ông trên đài được. Tôi nghe ông có nói ‘xin chào’ với ai đó. Có ai ở đó với ông thế?”

“Không phải với tôi. Bà ta đi đâu đó, chờ một chút, bà ta đang đứng ở chỗ bụi

cây.”

“Bụi cây ư? Ý ông là mấy bụi cây lý chua ư? Bà ấy đang đứng chỗ mấy bụi cây lý chua à?”

“Phải.”

“Trông bà ta như thế nào?”

“Bà ta... ông biết bà ta à? Sự hốt hoảng này là gì thế?”

“Trông bà ta như thế nào?” Erlendur nhắc lại, cố gắng giữ bình tĩnh.

“Bình tĩnh nào.”

“Bà ta bao nhiêu tuổi?”

“Khoảng tầm bảy mươi gì đó. Không, có vẻ như tầm tám mươi thì đúng hơn. Khó nói lắm.”

“Bà ta mặc đồ gì?”

“Bà ta mặc áo khoác dài màu xanh lục, dài chấm gót. Một quý bà cao ngang tôi. Bà ta bị què.”

“Bị què như thế nào cơ?”

“Bà ta đi khắp khiêng. Thực ra là hơn thế. Bà ta có vẻ như... tôi không biết nữa...”

“Sao cơ?! Sao! Ông đang định nói gì cơ?”

“Tôi không biết phải mô tả bà ta thế nào nữa... Tôi... cứ như bà ta bị... hơn cả khắp khiêng vậy.”

Erlendur ném điện thoại xuống và lao ra ngoài, quên không nhắc Skarphédinn giữ bà ta lại bằng mọi giá.

Ngày Grímur về nhà, Dave đã không đến nhà họ mấy ngày liền.

Mùa thu đã đến với một đợt gió phương Bắc lạnh buốt tràn về kéo theo một lớp tuyết mỏng phủ trên mặt đất. Ngọn đồi cao hơn mực nước biển khá nhiều nên mùa đông đến đây sớm hơn so với những vùng đất thấp của Reykjavík. Símon và Tómas bắt xe bus của trường đến Reykjavík vào buổi sáng và trở về vào buổi tối. Hàng ngày, mẹ chúng đi bộ đến Gufunes, nơi cô chăm sóc bò sữa và làm các công việc nông trại thông thường khác. Cô đi trước các con nhưng luôn luôn trở về trước chúng. Mikkelína ở nhà cả ngày, hết sức buồn khổ vì cô đơn. Mỗi

khi mẹ về đến nhà, nó không giấu nổi niềm vui sướng, và sự hân hoan của nó còn tăng lên gấp bội khi Símon và Tómas lao vào nhà và ném cặp sách vào một góc.

Dave là vị khách thường xuyên ghé thăm nhà họ. Mẹ chúng và Dave càng lúc càng hiểu nhau dễ dàng hơn, và họ thường ngồi nói chuyện với nhau rất lâu ở bàn ăn. Họ muốn hai thằng con trai và Mikkelína để họ được ở riêng với nhau. Thỉnh thoảng, khi họ không muốn bị quấy rầy một cách tuyệt đối, họ đi vào phòng ngủ và đóng cửa lại.

Có đôi lần Símon thấy Dave vuốt má mẹ nó hoặc vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước mặt mẹ. Hoặc anh ta vuốt tay mẹ.

Họ đi bộ cùng nhau rất lâu quanh hồ Reynisvatn và lên những ngọn đồi xung quanh đó, có một số lần họ còn đến tận Mosfellsdalur và Helgufoss. Họ mang theo đồ ăn đi cùng vì một chuyến đi chơi như vậy phải mất cả ngày trời. Đôi khi họ đưa lũ trẻ đi theo, và Dave cũng Mikkelína trên lưng mà không tốn một chút sức lực nào. Símon và Tómas rất ngạc nhiên khi thấy Dave gọi chuyến đi chơi của họ là “picnic”. Chúng bập bẹ với nhau: pic-nic, pic-nic, pic-nic.

Đôi khi Dave và mẹ chúng ngồi nói chuyện rất nghiêm túc, trong những chuyến đi picnic của họ hoặc bên bàn ăn, và trong phòng ngủ trong một lần Símon mở cửa. Họ ngồi trên mép giường, Dave đang cầm tay mẹ, họ nhìn ra cửa và mỉm

cười với Símon. Nó không biết họ đang nói về chuyện gì, nhưng nó biết chuyện đó không dễ chịu gì, bởi vì nó thấy khuôn mặt mẹ khi bà cảm thấy không vui.

Và sau đó, vào một ngày mùa đông lạnh giá, tất cả mọi chuyện chấm dứt.

Grímur quay trở về vào sáng sớm khi mẹ chúng đã đến nông trại còn Símon và Tómas đang trên đường đi bắt xe bus. Trên đồi trời lạnh thấu xương. Hai anh em nó gặp Grímur khi hắn đang đi bộ về nhà. Grímur quấn chặt cái áo khoác rách tả tơi vào người để giữ ấm trong cơn gió lạnh. Hắn lờ chúng đi. Trong ánh sáng lờ mờ của buổi sớm mùa đông, chúng không nhìn rõ mặt bố, nhưng Símon vẫn hình dung ra khuôn mặt lạnh lùng, khắc nghiệt

của ông ta khi đi về nhà. Hai đứa nhỏ đã chờ ông ta về mấy ngày nay. Mẹ chúng nói rằng Grímur sẽ được ra tù sau thời gian thụ án và ông ta sẽ quay trở về đôi cùng họ. Họ phải sẵn sàng đón ông ta về bất cứ lúc nào.

Símon và Tómas dõi theo Grímur bước về phía ngôi nhà và nhìn nhau. Cả hai đứa nó đều nghĩ như nhau. Mikkelína đang ở nhà một mình. Chị nó luôn luôn tỉnh giấc mỗi khi mẹ và hai em thức dậy, nhưng sau đó lại ngủ đến hết buổi sáng. Mikkelína sẽ phải đón Grímur một mình. Símon cố gắng đoán phản ứng của Grímur khi thấy mẹ chúng không ở nhà, cả hai anh em nó cũng thế, chỉ có Mikkelína, người mà ông ta luôn luôn căm ghét.

Xe bus của trường đã đến và bóp còi hai lần. Mặc dù người lái xe nhìn thấy hai cậu bé trên đồi, nhưng khi không thể chờ chúng thêm được nữa, ông ta lái đi và chiếc xe lại biến mất dưới con đường. Chúng đứng bất động, nhìn nhau, không nói một lời nào, sau đó từ từ đi về nhà.

Chúng không muốn để Mikkelína ở nhà một mình.

Símon nghĩ đến việc đuổi theo mẹ hoặc bảo Tomás tìm mẹ về, nhưng nó lại tự nhủ rằng không vội gì để cho họ phải gặp nhau, mẹ chúng có thể chỉ còn một ngày bình yên này nữa thôi. Hai đứa trẻ nhìn Grímur bước vào nhà và đóng cửa lại, sau đó chúng chạy hộc tốc về nhà. Chúng không biết ở đó sẽ xảy ra chuyện

gì. Tất cả những gì mà chúng nghĩ là Mikkelína đang ngủ trên chiếc giường đôi – nơi chị nó không được phép bị nhìn thấy trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cẩn thận mở cửa, chúng rón rén bước vào nhà: Símon đi trước, Tómas theo sát đằng sau, nắm lấy tay anh. Khi bước vào bếp, chúng thấy Grímur đang đứng ở bàn nấu ăn. Hắn quay lưng lại phía hai đứa bé. Hắn khịt mũi và khạc đờm vào bồn rửa. Hắn bật đèn trên bàn khiến hai anh em nó chỉ trông thấy hình dạng hắn trên cái đèn.

“Mẹ chúng mày đâu?” hắn nói, lưng vẫn quay về phía bọn trẻ.

Símon nghĩ rằng hắn đã để ý đến hai anh em nó trên đường lên đôi và nghe

thấy tiếng chúng vào nhà.

“Mẹ đi làm,” Símon đáp.

“Đi làm á? Làm ở đâu?” Grímur hỏi.

“Ở cơ sở sản xuất sữa Gufunes,”
Símon đáp.

“Nó không biết là hôm nay tao về à?”
Grímur quay mặt về phía chúng và bước
ra ánh sáng. Hai anh em nó nhìn chăm
chăm vào hần khi hần hiện ra từ bóng tối.
Mắt chúng mở to thô lỗ khi nhìn thấy
khuôn mặt Grímur dưới ánh sáng mờ mờ.
Có chuyện gì đó đã xảy ra với hần. Dọc
một bên má của hần có một vết bỏng kéo
dài đến mắt. Cái mắt đó khép lại một nửa
vì mí mắt đã dính liền vào da.

Grímur cười.

“Trông Bô không đẹp trai à?”

Hai anh em nó nhìn chăm chăm vào khuôn mặt biến dạng của hắn.

“Đầu tiên chúng pha cà phê cho mày, rồi sau đó chúng hất cà phê vào mặt mày.”

Hắn tiến gần hơn đến hai đứa bé.

“Không phải bởi vì chúng muốn mày thú tội. Chúng đã biết cả rồi, bởi vì có ai đó đã nói cho chúng biết. Đó không phải là lý do chúng hất cà phê vào mặt mày. Đó không phải là lý do chúng phá hủy cái bản mặt của mày.”

Hai thằng bé không hiểu chuyện gì đang xảy ra.

“Đi tìm mẹ chúng mày ngay,” Grímur

quát lên. Hấn nhìn Tomás lúc này đang đứng rúm ró sau lưng anh. “Đi đến cửa hàng bán sữa chó chết đó và mang con bò ngu ngốc về đây cho tao.”

Nhìn qua khe cửa, Símon thấy có một sự chuyển động trong phòng ngủ, nhưng cả đời nó cũng không dám nhìn vào bên trong. Mikkelína rời khỏi giường. Con bé đã có thể đứng bằng một chân và có thể tự mình đi lại, nhưng nó không dám đi vào bếp.

“Cút!” Grímur quát. “Ngay lập tức!”

Tómas nhảy dựng lên. Símon không biết em nó có tìm được đường không. Tomás đã đến nông trại đó một hai lần cùng với mẹ vào mùa hè, nhưng lúc này ngoài trời tối và rét hơn, còn Tomás thì

vẫn là một đứa trẻ.

“Con sẽ đi,” Símon nói.

“Mày không được phép đi nửa bước,” Grímur gầm gừ.

“Cút nhanh!” hấn quát Tómas. Thằng bé mở cửa bước ra ngoài trời lạnh lẽo và cẩn thận đóng cửa lại.

“Nào, Símon, con trai bố, lại đây ngồi xuống với bố nào,” Grímur nói. Cơn giận dữ của hấn dường như đột ngột tan biến.

Símon dò dẫm bước vào bếp và ngồi lên ghế. Nó lại nhìn thấy sự chuyển động trong phòng ngủ. Nó hy vọng Mikkelína sẽ không bước ra ngoài. Có một cái chạn thức ăn ở hành lang, nó nghĩ chỉ nó có thể trốn vào trong đó mà không bị

Grímur để ý.

“Con không nhớ người bố già cả của con à?” Grímur nói trong lúc ngồi xuống đối diện với nó. Símon không thể rời mắt ra khỏi vết bóng trên mặt hắn. Nó gật đầu.

“Cả mùa hè vừa rồi mọi người đã làm những việc gì?” Grímur hỏi, và Símon nhìn chăm chăm vào hắn mà không nói một lời nào. Nó không biết phải bắt đầu nói dối như thế nào. Nó không thể nói với ông ta về Dave, về những cuộc viếng thăm của anh ta và những cuộc gặp gỡ bí mật với mẹ, những chuyến đi chơi, những cuộc picnic. Nó không thể nói rằng mấy mẹ con nó đều ngủ trên chiếc giường lớn cùng nhau, lúc nào cũng thế. Nó không

thể nói về việc mẹ nó đã trở thành một người hoàn toàn khác đến thế nào kể từ khi Grímur đi, tất cả là nhờ Dave. Dave đã mang lại cho mẹ niềm vui sống. Nó không thể nói cho hẳn biết việc mẹ nó trang điểm vào buổi sáng. Về vẻ bề ngoài đã thay đổi của bà. Về chuyện bà đã trở nên xinh đẹp hơn sau mỗi ngày ở cùng Dave.

“Sao, không có gì à?” Grímur nói.
“Cả mùa hè mà không có chuyện gì xảy ra à?”

“Thời... thời... thời tiết rất đẹp,”
Símon lấp bắp, mắt nó vẫn dán chặt vào vết bồng.

“Thời tiết đẹp. Thời tiết rất đẹp,”
Grímur gật gù. “Và con đã chơi ở gần

khu doanh trại. Con có biết ai ở đó không?”

“Không,” Símon buột ra. “Không có ai cả.”

Grímur mỉm cười.

“Mùa hè vừa rồi con đã học được cách nói dối rồi đấy. Thử tưởng tượng xem người ta có thể học cách nói dối nhanh đến thế nào. Símon, mùa hè vừa rồi con có học cách nói dối không?”

Môi dưới của Símon đã bắt đầu run lên. Nó không thể nào kiểm soát được.

“Chỉ có một người thôi,” nó đáp.
“Nhưng con không biết chú ấy rõ lắm.”

“Con biết một người. Tốt, tốt. Con không bao giờ được nói dối, Símon ạ.

Những người như con mà nói dối thì chỉ chuốc lấy rắc rối mà thôi, và còn gây cả rắc rối cho người khác nữa đấy.”

“Vâng ạ,” Símon nói, hy vọng chuyện này sẽ sớm kết thúc. Nó hy vọng Mikkelína sẽ đi ra và quấy rầy họ. Nó băn khoăn không biết có nên nói cho Grímur biết rằng Mikkelína đang ở hành lang và đã ngủ trên giường của ông ta không.

“Con biết ai ở doanh trại không ??” Grímur nói, và Símon có thể cảm thấy mình đang dần dần chìm sâu hơn vào vũng lầy.

“Chỉ có một người thôi,” nó đáp.

“Chỉ có một người thôi,” Grímur nhắc

lại, vuốt má và lấy ngón tay trở cào nhẹ vào vết bỏng. “Người này là ai? Bố rất mừng vì chỉ có một người này thôi.”

“Con không biết. Thỉnh thoảng chú ấy đi câu cá ở hồ. Thỉnh thoảng chú ấy cho nhà mình những con cá hồi mà chú ấy câu được.”

“Và chú ấy còn tốt với các con nữa chứ?”

“Con không biết,” Símon nói, nó biết rõ rằng Dave là người đàn ông tốt nhất mà nó từng gặp. So với Grímur, Dave là một thiên thần từ trên trời xuống để cứu mẹ chúng.

Dave đâu nhỉ? Símon nghĩ. Giá mà Dave ở đây. Nó nghĩ về Tómas trong tiết

trời lạnh giá đến Gufunes, nghĩ về mẹ – người thậm chí còn chưa biết rằng Grímur đã quay trở về. Và nó nghĩ đến Mikkelína ở hành lang.

“Chú ấy có thường đến đây không?”

“Không, chỉ thỉnh thoảng thôi.”

“Chú ấy có đến đây trước khi bố bị đưa vào nhà đá không? Khi con bị đưa vào nhà đá, Símon ạ, thì không có nghĩa là con có tội và con phải đi tù, chỉ đơn giản là có một ai đó đưa con vào tù. Và không mất thời gian lắm đâu, họ sẽ nói cho con biết về một luật lệ. Người Iceland không được ăn cấp đồ của quân đội. Đó là một việc làm ghê tởm. Nên họ phải bỏ tù bố. Con có hiểu không? Mọi người phải học được điều gì đó từ lỗi

lâm của bố. Nhưng tất cả bọn chúng đều ăn cắp. Tất cả bọn chúng đều làm điều đó, và chúng kiếm tiền. Chú ấy có đến đây trước khi bố bị đưa vào tù không?”

“Ai cơ?”

“Người lính ấy. Chú ấy có đến đây trước khi bố vào tù không?”

“Thỉnh thoảng chú ấy có đi câu ở hồ trước khi bố đi.”

“Và chú ấy đưa những con cá hồi mà chú ấy câu được cho mẹ con ư?”

“Phải.”

“Chú ấy có bắt được nhiều cá không?”

“Thỉnh thoảng. Nhưng chú ấy không phải là một người câu cá giỏi. Chú ấy

chỉ ngồi bên hồ và hút thuốc. Bố bắt được nhiều cá hơn chú ấy nhiều. Bố còn có cả lưới nữa. Với cái lưới đó bố luôn bắt được nhiều cá hơn. Bố...”

“Và khi chú ấy đưa cá cho mẹ con, chú ấy có ghé vào nhà không? Chú ấy có vào uống cà phê không? Chú ấy có ngồi xuống bàn này không?”

“Không,” Símon nói, không biết lời nói dối của nó có lộ liễu quá không. Thằng bé sợ hãi và bối rối đến nỗi phải đưa tay lên môi để giữ cho nó khỏi run lên và cố gắng trả lời theo cách mà nó nghĩ rằng Grímur muốn. Nhưng thằng bé không đổ tội cho mẹ nó nếu nó nói điều gì đó mà nó nghĩ rằng Grímur không biết. Bố nó chưa bao giờ nói chuyện với nó

nhiều đến thế trước đây khiến thằng bé mất cảnh giác. Simon lúng túng. Nó không biết Grímur đã biết được bao nhiêu phần rồi, nhưng nó cố gắng hết sức mình để bảo vệ mẹ.

“Chú ấy chưa từng vào đây à?”

Grímur nói, giọng hẩn chuyể từ nhẹ nhàng và khéo léo sang nghiêm nghị và cứng rắn.

“Chỉ có hai lần thôi, hình như thế.”

“Và chú ấy làm gì?”

“Chỉ đi vào thôi.”

“Ồ, hóa ra là vậy. Con lại bắt đầu nói dối đấy phải không? Con lại nói dối bố đấy phải không? Bố về đây sau bao nhiêu tháng ngày bị đối xử như cút chỉ để

nghe toàn những lời nói dối. Con lại đang nói dối bố phải không?”

Những câu hỏi của hắn quất vào mặt Símon không khác nào một cái roi da.

“Vậy trong tù bố đã làm gì?” Símon lưỡng lự hỏi với hy vọng mong manh là có thể nói về chuyện gì đó khác Dave và mẹ nó. Sao Dave không đến nhỉ? Họ không biết là Grímur đã ra tù rồi ư? Họ chưa thảo luận về chuyện này trong những cuộc nói chuyện bí mật của mình khi Dave vuốt má và vén tóc mẹ nó sao?”

“Trong tù á?” Grímur nói, giọng lại đổi sang ngọt ngào, nhẹ nhàng. “Bố nghe người ta kể chuyện trong tù. Tất cả các loại chuyện. Ở đó, con sẽ nghe thấy rất

nhiều và muốn nghe rất nhiều vì không ai đến thăm con và tin tức duy nhất mà con biết về nhà mình là những điều con nghe thấy ở đó, bởi vì họ luôn luôn tống người khác vào tù và con phải biết những người quản tù, họ sẽ nói cho con biết một vài điều gì đó. Và con có hàng tá thời gian để nghĩ về những câu chuyện đó.”

Một tấm ván sàn kêu cọt kẹt ở hành lang, Grímur dừng lại, sau đó lại tiếp tục như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

“Tất nhiên là, con còn quá nhỏ... à, con bao nhiêu tuổi rồi, Símon nhỉ?”

“Con mười bốn, sắp sang mười lăm rồi.”

“Con sắp thành người lớn rồi, nên có thể con hiểu những gì bố đang nói. Mọi người đều nghe chuyện về những cô gái Iceland bám lấy lính. Kiểu như họ không thể kiểm soát nổi bản thân mình khi nhìn thấy một thằng đàn ông mặc quân phục vậy. Con còn nghe chuyện kể về một người lính lịch sự đến thế nào, cởi mở ra sao, họ lịch sự và muốn được nhảy như thế nào, họ không bao giờ say xỉn, họ còn có những điều thuốc lá, cà phê và cả tá thứ đại loại như vậy mà cô gái nào cũng muốn. Còn chúng ta, Símon ạ, chúng ta là một lũ nhếch nhác. Chỉ là những kẻ què mùa, Símon ạ, đến nỗi chẳng cô gái nào thèm ngó ngang cả. Đó là lý do tại sao bố muốn biết thêm về người lính thường đi câu ở hồ, Símon ạ, và con đã làm bố

thất vọng.”

Símon nhìn Grímur và cơ hồ như toàn bộ sức lực trong người nó đã bị rút cạn.

“Bố đã nghe rất nhiều về người lính đó trên đồi này, còn con thì chưa bao giờ nghe chuyện về chú ấy cả. Tất nhiên là trừ khi con nói dối bố, và bố không nghĩ là chuyện này hay ho cho lắm – nói dối bố khi một người lính đến đây mỗi ngày và đi dạo với vợ của bố suốt cả mùa hè. Con không biết gì về chuyện đó ư?”

Símon không nói gì.

“Con không biết gì về chuyện đó ư?”
Grímur nhắc lại.

“Đôi khi họ đi dạo với nhau,” Símon nói, mắt ngân ngân nước.

“Rõ rồi,” Grímur nói. “Bố biết chúng ta vẫn là bạn bè. Có thể con cũng đi cùng họ nữa chứ?”

Dường như chuyện này không bao giờ kết thúc vậy. Grímur nhìn thẳng bé với khuôn mặt bồng và một mắt đã gần như khép lại. Símon cảm thấy nó không thể giấu giếm mãi được nữa.

“Thỉnh thoảng mọi người đi ra hồ và chú ấy đưa mấy mẹ con con đi chơi. Cũng giống như lúc bố mang về những cái hộp mà bố lấy một cái chìa khóa để mở ấy.”

“Và chú ấy có hôn mẹ con không? Ở dưới hồ ấy?”

“Không,” Símon nói, thanh thản vì

không phải nói dối. Nó chưa bao giờ thấy Dave và mẹ nó hôn nhau.

“Vậy họ làm những chuyện gì? Năm tay nhau phải không? Còn con lúc ấy làm gì? Tại sao con lại để người đàn ông đó đưa mẹ con đi dạo xuống hồ? Con không bao giờ nghĩ rằng bố sẽ phản bội à? Con không bao giờ nghĩ thế sao?”

“Vâng,” Símon đáp.

“Không ai nghĩ đến bố trong lúc đi chơi như thế. Phải vậy không?”

“Phải,” Símon đáp.

Grímur nghiêng mình dưới ánh đèn khiến vết sẹo bóng màu đỏ càng lộ ra rõ hơn.

“Vậy tên của người đàn ông đã ăn cắp

gia đình của người khác và nghĩ rằng sẽ không ai phản ứng gì về chuyện đó là gì?”

Símon không trả lời.

“Cái gã đã hát cà phê vào mặt bố, Símon ạ, cái gã đã hát cà phê vào mặt bố như thế này này, con có biết tên hắn ta không?”

“Không,” giọng Símon nhỏ đến mức khó nghe.

“Hắn đánh bố và làm bố bị bỏng, nhưng người ta chẳng bao giờ tống hắn vào tù vì chuyện đó hết. Con nghĩ về chuyện đó như thế nào? Cứ như chúng là thần thánh vậy, cái lũ lính ấy. Con có nghĩ chúng là thần thánh không?”

“Không,” Símon đáp.

“Mùa hè vừa rồi mẹ con có béo ra không?” Grímur hỏi như thể là bất thành linh một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu óc hẳn. “Không phải là vì mẹ con làm việc ở trang trại sữa, Símon ạ. Mà vì cô ta đã đi dạo cùng với một người lính ở doanh trại. Con có nghĩ là cô ta béo lên không?”

“Không,” Símon đáp.

“Bố lại nghĩ là có thể lắm. Chúng ta sẽ xem sau. Người đàn ông đã hát cà phê vào mặt bố ấy. Con có biết tên hẳn ta không?”

“Không,” Símon đáp.

“Hẳn có những ý nghĩ rất lạ, bố không

hiếu hãn lấy chúng từ đâu ra, rằng bố không đối xử tử tế với mẹ con. Rằng bố đã làm những chuyện bẩn thỉu với cô ta. Con biết rằng đôi lúc bố phải dạy mẹ con. Hãn ta biết điều đó, nhưng hãn không hiểu tại sao. Hãn không thể hiểu được rằng những con điếm như mẹ con cần phải biết ai là người có quyền, ai là chồng mình và mình phải cư xử như thế nào cho phải. Hãn không hiểu được rằng đôi lúc con cần phải dạy dỗ những con đàn bà đó. Khi nói chuyện với bố, hãn rất tức giận. Bố biết một chút tiếng Anh vì bố có một số người bạn tốt ở doanh trại và bố hiểu gần hết những điều hãn nói. Và hãn điên tiết với bố về chuyện của mẹ con.”

Hai mắt Símon vẫn dán chặt vào vết

bồng.

“Người đàn ông này, Símon ạ, tên là Dave. Bố không muốn con nói dối bố: người lính đã cư xử rất tốt với mẹ con, đã ở đây từ mùa xuân đến mùa hè và đến tận mùa thu. Có thể nào tên hắn là Dave không?”

Símon vắt óc suy nghĩ, mắt vẫn nhìn chăm chăm vào vết sẹo.

“Người ta sẽ giải quyết hắn,” Grímur nói.

“Giải quyết ư?” Símon không hiểu ý Grímur là gì, nhưng chắc chắn đó không phải là chuyện tốt.

“Con chuột cống đang ở hành lang à?” Grímur nói và hát đầu về phía cánh cửa.

“Sao cơ ạ?” Símon không hiểu Grímur đang nói gì.

“Con què ấy? Con có nghĩ là nó đang nghe chúng ta nói không?”

“Con không biết nữa,” Símon nói. Đó là sự thật.

“Có phải tên hấn là Dave không, Símon?”

“Có lẽ vậy,” Símon nói không dứt khoát.

“Có thể ư? Con không chắc à? Hấn gọi con là gì, Símon? Khi hấn nói chuyện với con, hoặc có thể là hấn ôm hoặc xoa đầu con, những lúc ấy hấn gọi con là gì?”

“Chú ấy chưa bao giờ xoa...”

“Tên hănh là gì?”

“Dave!” Símôn đăp.

“Dave! Căm ơn con, Símôn.”

Grímur dựa lưng ra sau, chìm vào bóng tối. Hănh nói nhỏ.

“Con biết không, bố nghe được rằng hănh đă ngủ với mẹ con.”

Đúng lúc đó cửa mở ra, người mẹ bước vào, và đến Tómas, luồng gió lạnh giá theo sau họ khiến Símôn cảm thấy lạnh toát sống lưng đăng đăm đũa mồ hôi của nó...

Mười lăm phút sau khi nói chuyện với Skarphédinn, Erlendur đã có mặt trên đồi.

Ông không mang điện thoại di động theo, nếu không ông đã gọi bảo Skarphédinn giữ người đàn bà đó lại cho tới lúc mình đến. Ông cảm thấy chắc chắn rằng đây chính là người phụ nữ mà Róbert đã nhìn thấy ở gần mấy bụi cây lý chua, người phụ nữ bị khập khiễng mặc đồ màu xanh.

Giao thông ở Miklabraut không đông đúc lắm, Erlendur lái xe lên đoạn dốc ở Ártúnsbrekka với tốc độ nhanh nhất của chiếc xe, sau đó ông đi dọc con đường ra

khỏi Reykjavík – nơi ông rẽ phải sang Grafarholt. Skarphédinn đang chuẩn bị lái xe đi thì dừng lại. Erlendur ra khỏi xe và nhà khảo cổ kéo cửa kính xuống.

“Sao cơ? Ông đã ở đây rồi cơ à? Tại sao ông lại giội điện thoại vào mặt tôi cơ chứ? Có chuyện gì à? Sao ông lại nhìn tôi như thế?”

“Người phụ nữ vẫn ở đây chứ?”
Erlendur hỏi.

“Người phụ nữ nào cơ?”

Erlendur nhìn lên hướng mấy bụi cây mà nghĩ rằng mình đã trông thấy một sự chuyển động.

“Bà ấy phải không?” ông hỏi và liếc mắt. Ông không nhìn được rõ từ khoảng

cách như vậy. “Người phụ nữ mặc đồ màu xanh lục ấy. Bà ta vẫn ở đó chứ?”

“Phải, bà ấy đang ở đó,” Skarphédinn đáp. “Có chuyện gì thế?”

“Tôi sẽ nói với ông sau.” Erlendur đáp và bỏ đi.

Những bụi cây lý chua trở thành mục tiêu khi ông tiến gần đến chúng và màu xanh lục đã bắt đầu hiện ra. Như thể lo lắng người phụ nữ sẽ biến mất bất cứ lúc nào, ông rảo bước nhanh hơn. Bà ta đang đứng bên cạnh những bụi cây trụi lá, nhấc một nhánh lên và nhìn về núi Esja, rõ ràng bà ta đang chìm đắm trong suy nghĩ.

“Chào bà,” Erlendur nói khi ông đi

đến tâm nghe của bà.

Người phụ nữ quay lại.

“Chào ông,” bà nói.

“Tôi nay thời tiết thật đẹp,” Erlendur nói.

“Mùa xuân luôn là thời gian đẹp nhất trên đời này,” người phụ nữ đáp.

Bà ta phải cố gắng lắm mới nói được. Đầu bà ta lúc lắc, và Erlendur có thể thấy bà ta tập trung rất cao độ vào từng từ mình nói ra. Chúng không hòa hợp về âm sắc với nhau cho lắm. Một cánh tay của bà giấu trong ống tay áo. Ông có thể thấy một chân bị dị tật của bà thò ra bên dưới cái áo choàng màu xanh lục, mái tóc dài ngang vai dày và có màu xám.

Khuôn mặt bà thân thiện nhưng buồn bã, Erlendur để ý thấy đầu bà lúc lắc nhẹ như một phản xạ với sự co giật liên tục. Dường như nó không bao giờ giữ yên một chỗ.

“Bà ở khu này à?” Erlendur hỏi.

“Và bây giờ thì thành phố đã mở rộng đến tận đây rồi,” bà nói mà không trả lời vào câu hỏi. “Ông sẽ không bao giờ mong muốn điều đó đâu.”

“Phải, thành phố này bò ra mọi chỗ,” Erlendur nói.

“Ông đang điều tra về bộ xương đó à?” bà đột ngột hỏi.

“Phải,” Erlendur đáp.

“Tôi thấy ông trên chương trình thời

sự. Thỉnh thoảng tôi lại lên đây, nhất là vào mùa xuân. Cũng như bây giờ, khi mọi thứ đã chìm trong yên tĩnh, và chỉ còn rơi rớt chút ánh nắng mùa xuân dễ chịu này.”

“Ồ trên đồi thật đẹp,” Erlendur nói. “Bà sống ở đây à? Hay ở gần đây?”

“Thực ra, tôi đến đây để gặp ông,” người phụ nữ nói, vẫn không trả lời câu hỏi. “Tôi định đến gặp ông ngày mai. Nhưng thật tốt khi ông lại tìm tôi. Cũng đã đến lúc rồi.”

“Đã đến lúc ư?”

“Đến lúc câu chuyện được hé lộ.”

“Câu chuyện gì cơ?”

“Chúng tôi đã từng ở đây, gần những

bụi cây này. Ngôi nhà gỗ đó đã biến mất lâu rồi. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với nó. Nó cứ thế dần dần đổ nát. Mẹ tôi đã trồng những bụi cây lý chua này và làm mứt vào mùa thu, nhưng bà không chỉ muốn dùng chúng để làm mứt. Bà muốn có một hàng rào để bảo vệ khu vườn của mình, nơi bà có thể trồng rau và những cây hoa xinh đẹp hướng về phía mặt trời, muốn dùng ngôi nhà để che chắn những cơn gió phương bắc. Nhưng ông ta không cho phép. Chuyện đó cũng giống như bao nhiêu chuyện khác thôi.”

Bà nhìn Erlendur, đầu giật giật mỗi khi bà lên tiếng.

“Chúng nó thường đưa tôi ra đây mỗi khi trời nắng,” bà mỉm cười. “Các em

trai tôi ấy. Tôi không thích gì hơn là được ngồi sưởi nắng, và tôi thường hét lên vì vui sướng mỗi khi tôi ra vườn. Chúng tôi còn chơi trò chơi nữa. Lúc nào hai đứa nó cũng nghĩ ra đủ thứ trò để chơi cùng tôi, bởi vì tôi không di chuyển được nhiều. Vì tôi bị khuyết tật, hồi đó bệnh của tôi nặng hơn bây giờ nhiều lắm. Hai đứa nó cố gắng đưa tôi tham gia vào mọi trò của chúng. Điều mà chúng học được từ mẹ. Cả hai đứa nó, lúc đầu ấy.”

“Họ học được gì từ mẹ bà?”

“Lòng tốt.”

“Một ông cụ nói với chúng tôi về người phụ nữ mặc đồ màu xanh lục, bà ấy đôi khi lên đây để chăm sóc mấy bụi cây. Những mô tả của ông ấy hợp với bà.

Chúng tôi nghĩ đó có thể là một người từng sống ở ngôi nhà gỗ.”

“Ông biết về ngôi nhà gỗ ư?”

“Phải. Và biết cả một số người thuê nhà nữa, nhưng không phải tất cả. Chúng tôi nghĩ rằng một gia đình có năm người đã từng sống ở đây trong suốt thời chiến, họ có thể là những nạn nhân của bạo hành gia đình. Bà nói đến mẹ và hai em trai của mình, và nếu bà là một người con trong nhà, điều đó phù hợp với những thông tin mà chúng tôi có.”

“Ông ấy nói về một người phụ nữ mặc đồ màu xanh lục à?” bà mỉm cười.

“Phải. Người phụ nữ mặc đồ xanh lục.”

“Xanh lục là màu ưa thích của tôi. Lúc nào cũng thế.”

“Có phải người ta thường nói rằng những người thích màu xanh lục là những người thực tế không?”

“Có thể lắm,” bà mỉm cười. “Tôi rất thực tế.”

“Bà có biết về gia đình này không?”

“Chúng tôi đã từng sống ở ngôi nhà ấy.”

“Bạo lực gia đình à?”

Bà nhìn Erlendur.

“Phải, bạo lực gia đình.”

“Chuyện đó có thể...”

“Tên ông là gì?” bà cắt ngang lời Erlendur.

“Tên tôi là Erlendur,” ông đáp.

“Ông có gia đình chứ?”

“Không, à có, gần như là vậy, tôi cho là thế.”

“Ông không chắc? Ông đối xử với gia đình mình có tốt không?”

“Tôi nghĩ là...” Erlendur lưỡng lự. Ông không lường trước được là mình sẽ bị hỏi nên không biết phải nói gì. Ông có đối xử với gia đình của mình tốt không? Gần như không, ông tự nhủ.

“Có lẽ ông đã ly dị rồi,” người phụ nữ

nói khi nhìn vào bộ quần áo nhếch nhác của Erlendur.

“Đúng vậy,” ông đáp. “Tôi đang định hỏi bà... Tôi... tôi đang định hỏi bà về bạo lực gia đình.”

“Đó thật là một cụm từ hay để nói về những kẻ giết chết tâm hồn người khác. Một cụm từ vô hại đối với những người không biết đằng sau đó là cái gì. Ông có biết nó như thế nào không? Cái việc phải sống mà cứ nơm nớp sợ hãi suốt cả cuộc đời ấy?”

Erlendur không đáp.

“Sống mà ngày nào cũng chất chứa căm thù, chuyện đó không bao giờ chấm dứt. Dù ông có làm gì đi chăng nữa thì

ông vẫn không bao giờ thay đổi được nó, cho đến lúc ông mất đi ý thức tự chủ của mình và chỉ biết chờ đợi. Chờ đợi và hy vọng... rằng lần đánh đập tiếp theo sẽ không dã man như những lần đánh trước.”

Erlendur không biết phải nói gì.

“Dần dần những đòn đánh chuyển thành tàn ác, bởi vì thứ sức mạnh duy nhất mà tên vũ phu ấy có trên thế giới này là sức mạnh đối với vợ hắn, và thứ sức mạnh đó là tuyệt đối vì hắn biết rằng cô ấy không thể làm được gì. Cô ấy hoàn toàn vô hại và hoàn toàn lệ thuộc vào hắn bởi vì hắn không chỉ dọa dẫm, hành hạ cô ấy bằng lòng căm thù và tức giận với cô ấy, mà hắn còn ghê tởm cả những

đưa con của cô ấy nữa. Hấn còn nói thẳng thừng rằng mình sẽ làm hại chúng nếu cô ấy cố thoát khỏi tay hấn. Tất cả những bạo hành về thể xác, những cơn đau và cú đánh, những mâu xương bị gãy, những vết thương, những vết bầm tím, những con mắt sưng húp, những đôi môi nứt toác – chúng chẳng có nghĩa lý gì khi so với sự hành hạ về tinh thần. Nỗi sợ hãi thường xuyên không khi nào biến mất. Trong những năm đầu, khi mẹ tôi còn có dấu hiệu ham sống, bà đã cố gắng trốn chạy, cố gắng tìm người giúp đỡ, nhưng hấn bắt được bà và thì thào vào tai bà rằng hấn sẽ giết con gái bà và chôn nó dưới chân núi. Và bà biết rằng hấn có khả năng làm chuyện đó, nên bà từ bỏ. Bà từ bỏ và phó thác mạng sống của

mình vào tay hắn.”

Người phụ nữ nhìn ra xa, nơi có ngọn núi Esja và hướng ra phía Tây, nơi có bóng hình của dòng sông băng Snaefellsnesjökull.

“Và cuộc đời bà trở thành một cái bóng núp dưới cuộc đời hắn,” người phụ nữ nói tiếp. “Bà không còn sức kháng cự, không còn niềm ham sống, cuộc đời bà trở thành cuộc đời hắn, và bà không còn sống nữa, bà đã chết rồi, bà như một thây ma mò mẫm trong bóng tối bất tận để tìm kiếm lối thoát cho mình. Một lối thoát, để thoát khỏi những trận hành hạ, thoát khỏi sự dày vò, và thoát khỏi cuộc đời hắn. Bởi vì bà không còn sống cuộc sống của riêng mình nữa mà chỉ tồn tại như

một thứ đê hấn trút bỏ sự căm ghét.”

“Cuối cùng hấn hủy hoại bà. Và bà không còn cách nào khác là phải chết. Bà chẳng khác nào một thây ma lúc còn sống.”

Người phụ nữ trở nên trầm lặng, đưa tay vuốt ve những cành cây trụi lủi.

“Cho đến mùa xuân năm đó. Trong thời kỳ chiến tranh.”

Erlendur không nói gì.

“Ai phán xử những kẻ giết chết linh hồn người khác?” bà nói tiếp. “Ông có thể nói cho tôi biết được không? Làm thế nào ông có thể buộc tội một người vì đã giết chết linh hồn người khác, đưa hấn ra tòa và tuyên án hấn?”

“Tôi không biết,” Erlendur đáp, không hiểu lắm ý của bà.

“Các ông đã đào đến chỗ bộ xương chưa?” bà hỏi, trí óc đề tặn đâu đâu.

“Ngày mai,” Erlendur đáp. “Bà có biết gì về người bị chôn dưới đó không?”

“Bà ấy trở nên giống những bụi cây này,” người phụ nữ yếu ớt nói.

“Ai cơ?”

“Giống như những bụi cây lý chua vậy. Chúng không cần người khác phải trông nom gì đến. Chúng đặc biệt giỏi chịu đựng, chúng chống chọi với tất cả các loại thời tiết, với những mùa đông khắc nghiệt nhất, nhưng chúng luôn luôn

xanh tươi trở lại vào mùa hè, và những quả mọng mà chúng sinh ra vẫn đỏ và ngọt ngào như thể là chẳng có chuyện gì từng xảy ra hết. Như thể là mùa đông chưa bao giờ đến.”

“Xin thứ lỗi cho tôi, nhưng tên bà là gì?” Erlendur hỏi.

“Người lính ấy đã mang bà ấy trở lại cuộc sống.”

Người phụ nữ dừng lại và nhìn chăm chăm vào bụi cây như thể là đã đi đến một nơi khác, ở một thời điểm khác.

“Bà là ai?” Erlendur hỏi.

“Mẹ yêu màu xanh lục. Bà nói rằng màu xanh là màu hy vọng.”

Bà đã thoát khỏi cơn mê.

“Tên tôi là Mikkelína,” bà đáp. Trông bà gần như mất đi sức sống. “Hắn là một con quỷ,” bà đáp. “Lúc nào cũng đầy lòng hận thù và căm ghét.”

Lúc đó đã gần mười giờ đêm, nhiệt độ trên đồi đã hạ xuống nên Erlendur hỏi Mikkelína liệu họ có nên vào trong xe của ông không. Hay ngày mai họ sẽ nói chuyện tiếp. Bây giờ đã khá muộn rồi và...

“Thế thì vào xe của ông đi,” bà nói và bước đi. Bà đi chậm và nghiêng người về một bên mỗi lần bà bước bằng cái chân tật nguyên của mình. Erlendur đi trước bà một chút và đưa bà đến xe của mình, mở cửa và giúp bà ngồi vào trong. Sau đó ông đến chỗ đầu xe, không hiểu làm thế nào mà Mikkelína có thể lên đồi. Có vẻ như bà ta không đi xe đến.

“Bà đi taxi đến đây à?” ông hỏi trong lúc ngồi xuống ghế sau. Ông nổ máy, lúc này máy vẫn còn nóng, và họ nhanh chóng cảm nhận được hơi ấm.

“Simon cho tôi đi nhờ,” bà đáp. “Nó sẽ đến đón tôi sớm thôi.”

“Chúng tôi đã cố gắng thu thập thông tin về những người từng sống trên đồi – tôi nghĩ rằng đó là gia đình bà – và một số thông tin mà chúng tôi nghe được, chủ yếu là từ những người già, nghe có vẻ rất lạ. Một trong số đó là câu chuyện về Nhà máy sản xuất khí đốt ở gần Hlemmur.”

“Hắn chọc tức bà về chuyện ở Nhà máy sản xuất khí đốt,” Mikkelína nói, “nhưng tôi không nghĩ rằng bà ấy là kết quả của cuộc vui điên cuồng trước ngày

tận thể như hấn nói. Rất có thể đó là hấn cũng nên. Tôi nghĩ rằng có lần người ta đã sỉ nhục hấn, có thể hấn đã từng bị người ta chọc ghẹo, có thể là hồi hấn còn trẻ, có thể là sau này, và hấn đã đổ lên đầu bà ấy.”

“Vậy bà cho rằng bố bà là một trong những đứa trẻ sinh ra sau vụ Nhà máy sản xuất khí đốt?”

“Đó không phải là bố tôi,” Mikkelína nói. “Bố tôi đã mất tích ở biển. Ông ấy là một ngư dân và mẹ tôi yêu ông ấy. Đó là niềm an ủi duy nhất trên đời khi tôi còn là một đứa trẻ. Rằng hấn không phải là bố tôi. Hấn đặc biệt ghét tôi. Một người què quặt. Năm ba tuổi, tôi mắc một căn bệnh, nó khiến tôi bị liệt và mất

khả năng nói. Hẳn nghĩ rằng tôi bị chậm phát triển, nhưng trí tuệ của tôi vẫn bình thường. Tôi chưa bao giờ được điều trị – điều mà ngày nay người ta coi là chuyện bình thường. Và tôi chưa bao giờ nói với ai điều đó, tôi luôn sống trong nỗi sợ hãi hẩn. Không có gì là bất thường khi một đứa trẻ phải chịu đựng cú sốc rồi sau đó trở nên trầm lặng, thậm chí là câm. Tôi nghĩ chuyện đó đã xảy đến với tôi. Mãi sau này tôi mới tập đi lại, nói chuyện và đi học. Bây giờ tôi đã có một tấm bằng. Về tâm lý học.”

Bà dừng lại.

“Tôi đã điều tra ra bố mẹ hẩn ta,” bà nói tiếp. “Tôi đã tìm kiếm. Để hiểu xem chuyện gì đã xảy ra và tại sao lại thế.

Tôi cố gắng đào xới một số chuyện liên quan đến quá khứ của hắn. Hắn từng là tá điền ở khắp nơi, và nơi cuối cùng là ở Kjós trong khoảng thời gian hắn gặp mẹ. Phần cuộc đời của hắn thu hút tôi nhiều nhất là ở Mýrarsýla, một trang trại nhỏ có tên là Melur. Bây giờ nơi đó không còn nữa. Hai vợ chồng từng sống ở đó sinh được ba người con, hội đồng giáo xứ đã trả tiền cho họ để nuôi thêm những đứa trẻ khác nữa. Những vùng nông thôn hời đó vẫn còn có rất nhiều người nghèo khổ. Hai vợ chồng đó khét tiếng là đối xử tệ bạc với những đứa trẻ nghèo. Họ đã bị kiện ra tòa sau khi một đứa trẻ họ nuôi chết vì suy dinh dưỡng và bị bỏ mặc. Người ta tiến hành khám nghiệm tử thi ở trang trại đó trong một điều kiện rất

lạc hậu. Đưa trẻ đó lên tám. Họ tháo một cánh cửa ra khỏi bản lề và khám nghiệm tử thi ngay trên đó. Họ rửa nội tạng của cậu bé ở con suối trong trang trại và phát hiện ra cậu bé phải chịu ‘sự đối xử nhân tâm quá đáng’, như người ta từng gọi vậy, nhưng họ không thể chứng minh được cậu bé chết vì nguyên nhân đó. Hẳn chắc hẳn đã chứng kiến tất cả. Có lẽ họ là bạn của nhau. Hẳn cũng được nuôi nấng ở Melur cùng khoảng thời gian đó. Các tài liệu đề cập đến hẳn là: thiếu ăn, bị thương ở lưng và hai chân.”

Bà ngừng lại.

“Không phải là tôi đang cố gắng giải thích cho những việc hẳn đã làm với chúng tôi và cái cách mà hẳn đối xử với

chúng tôi,” bà nói. “Không có lời bào chữa nào cho chuyện đó hết. Mà tôi chỉ muốn biết hắn là ai.”

Bà lại dừng lại.

“Vậy còn mẹ bà?” Erlendur hỏi, mặc dù ông cảm nhận được rằng Mikkellína có ý định kể cho ông nghe tất cả những gì mà bà cho là quan trọng và sẽ làm điều đó theo cách của riêng mình. Ông không muốn gây áp lực cho bà. Bà phải kể câu chuyện theo nhịp độ của mình.

“Bà ấy thật bất hạnh,” Mikkellína nói quả quyết như thể đây là kết luận đúng đắn duy nhất. “Mẹ tôi thật bất hạnh khi phải lấy một người như hắn. Chỉ đơn giản có thế. Bà không có gia đình, nhưng nhìn chung bà được nuôi nấng tử tế ở

Reykjavík. Khi gặp hẳn, bà là một hầu gái cho một gia đình đáng kính. Tôi vẫn chưa tìm ra bố mẹ bà là ai. Nếu như người ta có ghi chép lại thì giấy tờ cũng đã mất rồi.”

Mikkelína nhìn Erlendur.

“Nhưng bà đã tìm được tình yêu đích thực của mình trước khi quá muộn. Ông ấy bước vào cuộc đời bà đúng lúc, tôi nghĩ vậy.”

“Ai cơ? Ai bước vào cuộc đời bà ấy?”

“Và Símon. Em trai tôi nữa. Chúng tôi không nhận ra nó đã cảm thấy thế nào. Sự căng thẳng mà nó phải trải qua trong suốt từng ấy năm. Tôi cảm nhận được sự tàn

nhân mà bố dượng đã trút lên đầu mẹ tôi và tôi cùng chịu đựng nó với bà, nhưng tôi mạnh mẽ hơn Símon. Símon, Símon tội nghiệp. Và cả Tomás nữa. Bố nó đã ảnh hưởng quá nhiều đến nó. Quá nhiều lòng căm thù.”

“Xin lỗi, tôi không hiểu. Ai đã bước vào cuộc đời mẹ bà cơ?”

“Ông ấy ở New York. Một người Mỹ. Ở Brooklyn.”

Erlendur gật đầu.

“Mẹ tôi cần tình yêu, cần được thương yêu, ngưỡng mộ và hiểu biết rằng bà vẫn tồn tại, vẫn là một con người. Dave đã làm sống lại lòng tự tôn của bà, biến bà trở lại thành người. Chúng tôi thường

băn khoăn không biết tại sao ông ấy lại dành nhiều thời gian bên mẹ đến thế. Điều gì ông ấy nhìn thấy ở bà mà không một ai khác thấy được ngoại trừ bố dượng tôi là người chỉ biết đánh bà như tử. Sau đó ông ấy nói cho mẹ biết tại sao ông ấy lại muốn giúp bà. Ông ấy nói mình cảm nhận được ngay điều đó vào cái lúc ông nhìn thấy bà vào lần đầu tiên ông mang cá hồi đến. Hồi đó ông ấy thường đi câu cá ở hồ Reynisvatn. Ông ấy nhận ra tất cả những dấu hiệu của sự bạo hành gia đình. Ông ấy có thể nhìn thấy nó trong mắt, trên khuôn mặt và cả những cử chỉ của bà nữa. Ngay lập tức ông ấy hiểu ra toàn bộ cuộc đời bà.”

Mikkelína dừng lại và nhìn lên đồi về phía những bụi cây lý chua.

“Dave đã quen với chuyện đó. Ông ấy lớn lên trong hoàn cảnh cũng giống như Símon, Tómas và tôi. Bố ông ấy chưa bao giờ bị xét xử, chưa bao giờ bị trừng phạt vì đánh vợ cho đến ngày bà ấy chết. Họ sống trong cảnh vô cùng nghèo khổ, bà ấy bị lao phổi và chết. Bố ông ấy đánh bà như tử ngay trước khi bà ấy qua đời. Lúc đó Dave mới là một thiếu niên, nhưng ông ấy không hợp với bố mình chút nào. Ông ấy bỏ nhà ra đi vào cái hôm mẹ mất và sau đó không bao giờ trở lại nữa. Một năm sau ông ấy xin gia nhập quân đội trước khi chiến tranh nổ ra. Họ điều ông ấy đến Reykjavík suốt thời kỳ chiến tranh, ông ấy ở trên đồi này, nơi ông ấy bước vào một căn nhà lán và gặp lại khuôn mặt của mẹ mình.”

Họ ngồi yên lặng.

“Lúc đó ông ấy đã đủ lớn để làm một điều gì đó...” Mikkelína nói.

Một chiếc xe chậm chậm đi qua họ và dừng lại ở khu móng nhà. Người lái xe bước ra và nhìn đến chỗ mấy bụi cây lý chua.

“Simon đến để đón tôi đây,” Mikkelína nói. “Đã muộn rồi. Ngày mai chúng ta nói tiếp được không? Ông có thể đến nhà tôi nếu ông muốn.”

Bà mở cửa xe và gọi người đàn ông. Người này quay lại.

“Bà có biết ai bị chôn dưới đó không?” Erlendur hỏi.

“Ngày mai,” Mikkelína đáp. “Chúng

ta sẽ nói chuyện vào ngày mai. Không cần thiết phải vội vàng,” bà nói. “Không phải vội về bất cứ chuyện gì.”

Lúc này người đàn ông đã đi đến chỗ cái xe để giúp Mikkelína.

“Cảm ơn Símon,” bà nói và bước ra khỏi xe.

Erlendur vươn người ra ghé để nhìn ông ta rõ hơn. Sau đó ông mở cửa xe và đi ra ngoài.

“Đó không thể là Símon được,” ông nói với Mikkelína khi nhìn người đàn ông đang giúp bà. Anh ta còn chưa đến ba mươi lăm tuổi.

“Sao cơ?” Mikkelína hỏi.

“Símon không phải là em trai bà sao?”

Erlendur hỏi và nhìn người đàn ông.

“Phải,” Mikkelína đáp, sau đó dường như đã hiểu ra sự băn khoăn của Erlendur. “Ồ, người này không phải là Símon đó,” bà nói và mỉm cười. “Đây là con trai tôi, tôi đặt tên nó theo tên em trai tôi.”

Buổi sáng hôm sau Erlendur gặp Elínborg và Sigurdur Óli ở văn phòng của mình, ông nói cho họ biết về Mikkelína và những điều bà đã nói. Ông cũng nói rằng hôm nay mình sẽ đi gặp bà. Ông chắc chắn rằng bà ấy sẽ nói cho mình biết ai bị chôn trên đồi, ai đã làm điều đó và tại sao. Và một điều nữa là bộ xương sẽ được khai quật lên vào tối hôm nay.

“Tại sao ông lại không hỏi bà ấy ngày hôm qua?” Sigurdur Óli hỏi, anh đã thức dậy đầy khỏe khoắn sau một buổi tối yên ả với Bergthóra. Họ đã bàn về tương lai, gồm cả chuyện con cái, và họ nhất trí về phương án tốt nhất cho mọi chuyện; cũng

như chuyên đi du lịch đến Paris và chiếc xe thể thao họ sẽ thuê.

“Và chúng ta có thể chấm dứt chuyện quái quỷ này,” anh ta nói thêm. “Tôi đã chán ngấy với những khúc xương này rồi. Chán ngấy cái tầng hầm của Benjamín rồi. Chán ngấy hai người rồi.”

“Tôi muốn đến gặp bà ấy cùng ông,” Elínborg nói. “Ông có nghĩ rằng bà ấy là người phụ nữ bị khuyết tật mà Ed đã nhìn thấy trong ngôi nhà của người đàn ông mà ông ta đã bắt không?”

“Rất có thể là như vậy. Bà ấy có hai em cùng mẹ khác cha, Símon và Tómas. Điều đó phù hợp với hai cậu bé mà ông ấy nhìn thấy. Và còn có một người lính Mỹ có tên là Dave nữa. Ông ta đã giúp

họ theo một cách nào đó. Tôi sẽ nói chuyện với Ed về ông ta. Tôi không biết tên họ của ông ta là gì.”

“Tôi nghĩ rằng chúng ta nên tiếp cận một cách nhẹ nhàng chuyện này, vì bà ấy sẽ nói cho chúng ta những điều chúng ta muốn biết. Không cần thiết phải vội vã.”

Ông nhìn Sigurdur Óli.

“Cậu xong việc ở tầng hầm của Benjamín rồi chứ?”

“Phải, xong hôm qua rồi. Chẳng tìm thấy gì hết.”

“Cậu có bác bỏ giả thuyết rằng vợ chưa cưới của Benjamín bị chôn ở trên đó không?”

“Có, tôi nghĩ vậy. Cô ta tự lao mình

xuông biển.”

“Có cách nào để xác minh vụ cưỡng hiếp không?” Elínborg băn khoăn.

“Tôi nghĩ là chúng cứ đã nằm dưới đáy biển rồi,” Sigurdur Óli nói.

“Họ gọi đó là gì nhỉ, một chuyến đi chơi hè đến Fljót à?” Erlendur hỏi.

“Một sự lãng mạn đích thực của đồng quê,” Sigurdur Óli nói và mỉm cười.

“Đồ ngu!” Erlendur nói.

Ed đón Erlendur và Elínborg ở cửa chính và mời họ vào phòng khách. Mặt bàn phủ kín những giấy tờ, tài liệu liên quan đến kho quân nhu. Có những bản fax và những bản sao trên sàn nhà, cả một cuốn nhật ký để mở cùng với rất

nhiều sách bày la liệt khắp phòng. Erlendur có cảm giác ông ấy đã thực hiện một cuộc điều tra lớn. Ed lướt qua một chồng giấy tờ trên bàn.

“Tôi có danh sách những người Iceland đã từng làm việc ở kho quân nhu,” ông nói. “Đại sứ quán đã tìm thấy nó.”

“Chúng tôi đã tìm ra được một trong số những người thuê ngôi nhà mà ông đã tới,” Erlendur nói. “Tôi nghĩ đó là cô gái bị khuyết tật mà ông đã nhắc đến.”

“Tốt rồi,” Ed nói, mê mải với việc tìm kiếm của mình. “Tốt rồi. Nó đây rồi.”

Ông đưa cho Erlendur một danh sách viết tay tên chín người Iceland từng làm

việc ở kho quân nhu. Erlendur nhận ra danh sách đó. Jim đã đọc nó cho ông qua điện thoại và sắp gửi cho ông một bản sao nữa. Erlendur nhớ là mình đã quên không hỏi tên bố dượng của Mikkelína.

“Tôi đã tìm ra ai là người tố cáo,” Ed nói.

“Người ấy am hiểu về trộm cắp. Ông đồng nghiệp già của tôi từng làm việc trong quân cảnh ở Reykjavík hiện giờ đang ở Minneapolis. Chúng tôi thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau nên tôi gọi điện cho ông ấy. Ông ấy còn nhớ vụ đó nên cuối cùng chúng tôi cũng đã tìm ra tên của người cung cấp tin.”

“Vậy người đó là ai?” Erlendur hỏi.

“Tên ông ta là Dave, David Welch, ở Brooklyn. Một binh nhì.”

Giống với cái tên mà Mikkelína đã nói, Erlendur nghĩ.

“Ông ta còn sống không?” ông hỏi.

“Chúng tôi không biết. Bạn tôi đang cố gắng tìm kiếm thông tin về ông ta thông qua Lâu Năm Góc. Có thể ông ta đã bị cử ra mặt trận.”

Elínborg nhờ Sigurdur Óli điều tra danh tính của những công nhân từng làm việc ở kho quân nhu và nơi ở của họ cũng như con cháu họ. Erlendur yêu cầu cô gặp lại ông vào buổi chiều trước khi đến gặp Mikkelína. Trước hết ông muốn đến bệnh viện thăm Eva Lind.

Ông đi xuống hành lang trong khu chăm sóc đặc biệt và nhìn vào bên trong, con bé vẫn nằm yên như mọi khi, mắt nó nhắm lại. Ông thấy vô cùng nhẹ nhõm khi không thấy Halldóra ở đó. Ông nhìn xuống khu điều trị đến chỗ mình đã tình cờ đi ngang qua và có cuộc nói chuyện kỳ quái với người phụ nữ bé nhỏ về một cậu bé trong cơn bão tuyết. Bước dần đến căn phòng trong cùng, ông thấy nó trống không. Người phụ nữ mặc áo da thú đã đi và trên giường cũng không thấy người đàn ông đang nằm giữa thế giới bên này và bên kia. Người phụ nữ tự xưng là bà đồng cũng đã đi, và Erlendur thắc mắc không biết chuyện đó có thực sự xảy ra không, hay đó chỉ là một giấc mơ. Ông đứng ở cửa ra vào một thoáng,

sau đó quay người và đến phòng con gái, nhẹ nhàng đóng cửa lại. Ông muốn khóa nó lại, nhưng lại không có ổ khóa nào ở đó. Ông ngồi xuống bên Eva Lind, yên lặng, và nghĩ về cậu bé trong cơn bão tuyết.

Một lúc lâu trôi qua, cuối cùng Erlendur cũng thu hết can đảm, và ông trút một tiếng thở dài.

“Cậu ấy mới tám tuổi,” ông nói với Eva Lind. “Kém bố hai tuổi.”

Ông nghĩ về điều bà đồng nọ đã nói, rằng cậu bé chấp nhận điều đó, rằng đó không phải là lỗi của ai hết. Những từ đơn giản và bất ngờ như thế chẳng có nghĩa gì với ông cả. Ông đã chống chọi với cơn bão tuyết suốt cuộc đời mình, và

thời gian càng trôi đi, điều đó càng mạnh mẽ hơn.

“Bố đã mất kiểm soát,” ông nói với Eva Lind.

Ông nghe thấy tiếng hét trong cơn bão.

“Bố và người ấy không thể nhìn thấy nhau,” ông nói. “Hai người phải cầm lấy tay nhau để không tạo ra khoảng cách, nhưng bố vẫn không thể nhìn thấy cậu ấy qua cơn bão được. Và rồi bố mất kiểm soát.”

Ông dừng lại.

“Đó là lý do tại sao con không được từ bỏ. Đó là lý do tại sao con phải vượt qua điều này và khỏe mạnh trở lại. Bố biết cuộc sống của con chưa bao giờ là

dễ dàng, nhưng con đã phá hủy nó như thể nó vô nghĩa vậy. Như thể con cũng vô nghĩa vậy. Nhưng không phải thế đâu. Con nghĩ như vậy là sai rồi. Và con không được phép nghĩ như thế.”

Erlendur nhìn con gái dưới ánh sáng mờ mờ tỏa ra từ chiếc đèn bên cạnh.

“Cậu ấy tám tuổi. Bố đã nói điều đó chưa? Một đứa con trai, cũng như những đứa con trai khác, chơi rất vui và luôn luôn mỉm cười, bọn bố là bạn của nhau. Con không thể coi chuyện đó là bình thường được đâu. Bình thường sẽ có sự kình địch. Đánh nhau, nói khoác và tranh cãi. Nhưng chuyện đó không xảy ra giữa bố và cậu ấy. Có thể là vì bọn bố hoàn toàn khác nhau. Cậu ấy khiến người khác

yêu mến. Một cách vô tình. Còn bố thì không. Có điều gì đó ở những người ấy phá vỡ tất cả mọi rào cản, bởi vì họ cư xử hoàn toàn theo đúng con người của họ, không có gì phải giấu giếm, không bao giờ che giấu điều gì, họ chỉ là chính họ, rất trung thực. Những đứa bé như thế...”

Erlendur chìm vào yên lặng.

“Đôi lúc con làm bố nhớ đến cậu ấy,” ông nói tiếp. “Mãi đến sau này bố mới nhận ra điều đó. Khi con tìm ra bố sau từng ấy năm. Có điều gì đó ở con khiến bố nhớ đến cậu ấy. Điều gì đó mà con đang phá hủy, và đó là lý do tại sao bố lại thấy đau trước cái cách con đối xử với cuộc đời mình, nhưng dường như bố

không thể can thiệp gì vào chuyện đó. Bố vô dụng đối với con cũng như khi bố đứng giữa cơn bão đó và cảm thấy mình mất tỉnh táo. Bọn bố đang nắm tay nhau, bố đã mất kiểm soát, giống như chuyện đó đang diễn ra mà lại thấy đó là kết thúc. Bọn bố sẽ cùng chết. Tay bố và cậu ấy đã lạnh cóng và bọn bố không thể cầm cự được nữa. Bố không thể cảm nhận được bàn tay cậu ấy, trừ cái giây phút bố không giữ nổi nó nữa.”

Erlendur ngừng lại và nhìn xuống sàn nhà.

“Bố không biết liệu đó có phải là lý do cho tất cả những điều này hay không. Hồi ấy bố mới mười tuổi và bố vẫn luôn tự trách mình từ ngày đó. Bố không thể

giữ bỏ chuyện này được. Không muốn giữ bỏ nó thì đúng hơn. Nỗi đau giống như một pháo đài vây quanh nỗi buồn mà bố không muốn từ bỏ. Có lẽ bố đã phải làm điều đó từ lâu rồi, chấp nhận cuộc sống được người ta cứu và cho nó một mục đích. Nhưng điều đó không xảy ra và rất khó xảy ra ở tầm tuổi này. Chúng ta đều có những gánh nặng của mình. Có thể nỗi đau của bố không lớn hơn nỗi đau của bất kỳ người nào khi họ phải mất đi một người thân yêu của mình, nhưng bố không thể chịu đựng nổi.

“Có thứ gì đó đã tắt trong bố. Bố không bao giờ tìm lại được cậu ấy và bố luôn mơ về cậu ấy, bố biết rằng cậu ấy vẫn còn ở đâu đó, đi lang thang trong bão tuyết, cô độc, bị bỏ rơi và lạnh cóng

người, cho đến khi cậu ấy ngã xuống một nơi mà không ai có thể tìm thấy, và cơn bão đổ tới tấp xuống lưng cậu ấy cho đến khi cậu ấy bị chôn vùi dưới tuyết trong nháy mắt, bất kể bố có tìm kiếm và gào thét khản cổ thế nào, bố vẫn không thể tìm ra cậu ấy, cậu ấy cũng không bao giờ nghe thấy bố, và với bố, cậu ấy đã đi mãi mãi.”

Erlendur nhìn Eva Lind.

“Chuyện đó... giống như cậu ấy đã đi thẳng đến chỗ Chúa vậy. Bố được tìm thấy, bố sống sót và bố mất cậu ấy. Bố không thể nói với họ một điều gì. Không thể nói được nơi bố để lạc cậu ấy ở đâu. Không thể nhìn xuyên qua cơn bão kinh khủng ấy được. Bố mới lên mười tuổi,

bồ suýt chết cồng, và bồ không thể nói cho họ một điều gì. Họ điều một đội tìm kiếm đi, họ lùng sục khắp nơi, mang theo đèn từ sáng đến đêm hết ngày này qua ngày khác, gọi cậu ấy và lấy gậy cào tuyết ra, họ chia nhau đi tìm, mang theo cả chó, mọi người nghe thấy tiếng gọi và tiếng chó sủa, nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Không bao giờ.”

“Cậu ấy không bao giờ được tìm thấy nữa.”

“Rồi trong khu điều trị bệnh ở đây, bố gặp một người phụ nữ, cô ta nói rằng có một thông điệp gửi cho bố từ cậu bé trong cơn bão tuyết. Cô ta nói rằng đó không phải là lỗi của bố và bố đừng tự dằn vặt mình. Điều đó có nghĩa là gì? Bố

không tin những chuyện đó, nhưng bố phải nghĩ thế nào đây? Cả cuộc đời bố đã là một lỗi lầm, mặc dù bố biết rất rõ, biết từ rất lâu rồi, rằng hồi đó bố còn quá nhỏ để có thể gánh vác một trách nhiệm như vậy. Nhưng tội lỗi cứ dần vất bố như một căn bệnh ung thư, cuối cùng rồi nó sẽ giết chúng ta mất.”

“Bố sẽ không bao giờ mất kiểm soát với một đứa bé nào nữa!”

“Bởi vì đứa bé trong cơn bão tuyết đó... chính là em trai bố.”

Người mẹ đóng sầm cửa lại, trong ánh sáng mờ lờ trong căn bếp, cô có thể trông thấy Grímur đang ngồi đối diện với

Símon bên bàn ăn. Cô không trông rõ mặt hắn. Đây là lần đầu tiên cô gặp lại chồng kể từ khi hắn bị đưa đi, nhưng ngay khi cô cảm nhận được sự có mặt của hắn trong nhà và gặp lại hắn lúc chạng vạng, nỗi sợ hãi liền bủa vây lấy cô. Cô đã chờ hắn về suốt mùa thu, nhưng cô không biết chắc khi nào hắn sẽ được thả. Khi nhìn thấy Tomás chạy đến chỗ mình, ngay lập tức cô hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Símon không dám cử động, lưng nó vẫn giữ nguyên tư thế, chỉ quay đầu ra cửa và thấy mẹ đang nhìn hai bố con nó chằm chằm. Mẹ đã buông Tomás ra, thằng bé lảo đảo vào hành lang nơi Mikkelína đang đứng. Cô nhìn thấy sự kinh hoàng trong đôi mắt Símon.

Grímur ngồi trên ghế bất động. Một thoáng trôi qua, chỉ có tiếng gió gào rú bên ngoài và tiếng mẹ nó thở hổn hển sau khi chạy lên đồi. Nỗi sợ hãi của cô về Grímur biến mất từ mùa xuân nay lại trôi lên y như trước, cô lại thấy mình quay trở về tình trạng cũ. Như thể là chưa có chuyện gì xảy ra trong suốt thời gian hắt đi tù. Đôi chân cô mềm nhũn, cơn đau cào cào trong dạ càng lúc càng mạnh hơn, lòng tự trọng vừa mới được hồi phục của cô lại biến mất, cô khom người xuống, thu mình lại. Phục tùng. Ngoan ngoãn. Sẵn sàng chờ đợi điều tồi tệ nhất. Những đứa trẻ nhìn thấy sự đổi thay của mẹ nó khi cô đứng ở cửa bếp.

“Tao và Símon vừa mới nói chuyện với nhau,” Grímur nói, quay đầu về phía

ánh sáng để lộ ra vết bồng. Người mẹ lưỡng lự khi nhìn thấy vết sẹo đỏ hồng trên mặt hắn. Cô há miệng như thể sắp nói hoặc hét lên, nhưng không có âm thanh nào phát ra, cô chỉ nhìn chằm chằm vào Grímur, choáng váng.

“Mày không nghĩ là trông nó khá đẹp à?” hắn nói.

Có điều gì đó rất lạ ở Grímur. Điều gì đó mà Símon không thể hiểu được. Tự tin hơn. Ngạo mạn hơn. Hắn là một tên bạo chúa, điều đó thể hiện rất rõ qua thái độ của hắn với gia đình mình và luôn luôn là như thế, nhưng còn có điều gì khác, điều gì đó nguy hiểm, và Símon băn khoăn không biết chuyện gì sẽ diễn ra khi hắn đứng lên khỏi bàn.

Hắn bước đến chỗ mẹ bọn trẻ.

“Simon kể cho tao chuyện về người lính tên là Dave, cái thằng vẫn thường mang cá đến cho mày ấy.”

Người mẹ không nói gì.

“Cũng là một thằng lính tên là Dave đã làm chuyện này với tao,” hắn nói và chỉ tay vào vết sẹo. “Tao không thể mở to mắt vì thằng đó nghĩ rằng việc hát cà phê vào mặt tao là đúng đắn. Đầu tiên nó đun nóng cà phê lên trong một cái bình cho đến khi nước nóng đến độ nó phải lấy một cái giẻ để cầm cái bình. Và khi tao nghĩ rằng nó đang chuẩn bị rót cà phê cho hai đứa tao thì nó hát thẳng toàn bộ nước trong cái ấm vào mặt tao.”

Người mẹ đưa mắt nhìn xuống sàn nhà nhưng không dám cử động.

“Người ta đưa nó vào khi tay tao bị còng sau lưng. Tao nghĩ họ biết thằng đó sẽ làm gì với tao.”

Hắn hăm hăm bước đến chỗ Mikkelína và Tomás đang đứng. Símon ngồi bên bàn như bị ghim chặt vào đó. Grímur quay lại chỗ mẹ chúng.

“Cứ như chúng đang khen thưởng thằng chó chết đó vậy,” hắn nói. “Mày có biết tại sao không?”

“Không,” người mẹ lí nhí đáp.

“Không,” Grímur nhại lại. “Mày còn bận ngủ với thằng đó quá mà.”

Hắn mỉm cười.

“Tao sẽ không ngạc nhiên nếu thấy thằng đó nổi lên phênh giũa hồ đâu. Như kiểu nó ngã xuống nước trong lúc đi câu cá ấy.”

Grímur đứng thẳng lên đối diện với vợ và thô bạo đặt tay vào bụng cô.

“Mày có nghĩ là nó để lại thứ gì không?” giọng hằn thì thầm đầy đe dọa. “Thứ gì đó sau những chuyến đi dạo xuống hồ ấy? Mày có nghĩ thế không? Mày có cho rằng nó để lại thứ gì không? Tao báo cho mày biết, nếu nó để lại thứ gì đó. Tao sẽ giết nó. Ai mà biết được. Tao sẽ thiêu cháy nó, như là nó đã làm bỏng mặt tao.”

“Đừng nói thế,” người mẹ nói.

Grímur nhìn cô.

“Làm thế nào mà thằng con hoang đó biết chúng tao ăn cắp?” hắn hỏi. “Mày nghĩ là ai nói cho nó biết những việc chúng tao đã làm? Có thể chúng tao không cẩn thận cho lắm, có thể nó nhìn thấy chúng tao. Hoặc có thể nó cho mấy con cá hồi và nhìn thấy hàng trong nhà, rồi nó bần khoản không biết chúng ở đâu ra và hỏi con điếm bé nhỏ xem nó có biết ai sống ở đây không.”

Grímur túm chặt lấy bụng cô.

“Mày không thể trông thấy một bộ quân phục mà không tụt quần lót ra.”

Một cách lặng lẽ, Símon đứng ngay đằng sau bố nó.

“Mày nói gì về một cốc cà phê?”

Grímur nói với mẹ lũ trẻ. “Mày nói gì về một cốc cà phê nóng, thơm ngon vào bữa sáng? Nếu Dave cho phép chúng ta. Mày có nghĩ rằng hắn sẽ cho chúng ta làm thế không?”

Grímur phá lên cười.

“Có thể hắn sẽ ghé vào đây cùng chúng ta. Mày đang mong nó đến phải không? Mày nghĩ là nó sẽ đến cứu mày ư?”

“Không được,” Símon nói đằng sau hắn.

Grímur bỏ tay ra khỏi bụng mẹ nó và quay ra chỗ Símon.

“Không được làm thế,” Símon nói.

“Simon,” mẹ nó hét lên. “Dừng lại ngay!”

“Đề mẹ yên,” Simon nói giọng run run.

Grímur quay lại phía mẹ nó. Mikkelína và Tómas vẫn đứng nhìn ở hành lang. Hấn cúi xuống chỗ cô và thì thầm.

“Có thể một ngày nào đó mày cũng sẽ biến mất giống như bạn gái của Benjamín vậy.”

Người mẹ nhìn Grímur, sẵn sàng cho cú đòn mà cô không thể né tránh.

“Ông biết gì về chuyện đó?” cô hỏi.

“Người ta mất tích. Tất cả các loại người. Kể cả những kẻ thượng lưu. Nên

cái loại cặn bã như mày cũng có thể mất tích lắm chứ. Ai thèm hỏi về mày cơ chứ? Trừ khi con mẹ mày ở Nhà máy sản xuất khí đốt đi tìm mày. Mày có nghĩ là mẹ ấy sẽ làm thế không?”

“Để mẹ yên,” Símon nói, vẫn đứng bên bàn ăn.

“Símon ư?” Grímur nói. “Tao nghĩ là chúng ta là bạn. Mày, tao, và Tómas.”

“Để mẹ yên,” Símon nói. “Ông thôi hành hạ mẹ đi. Ông thôi ngay và đi đi. Đi đi, đừng bao giờ quay về nữa.”

Grímur đi đến chỗ nó, nhìn chăm chăm vào nó như thể là thằng bé là người lạ.

“Tao đã đi rồi. Tao đi sáu tháng rồi và sự chào đón mà tao nhận được là thế này

đây. Con vợ đang điếm với bọn lính và Símôn bé nhỏ muốn tống cổ thằng bố nó ra ngoài. Mà có đủ khỏe để đánh lại bố mà không, Símôn? Mà nghĩ thế sao? Mà có nghĩ rằng mà đủ lớn để đánh nổi tao không?”

“Símôn!” người mẹ nói. “Không có gì đâu. Đưa Tomás và Mikkelína xuống Gufunes và chờ mẹ ở đó. Con có nghe thấy không, Símôn. Làm như lời mẹ bảo đi.”

Grímur cười khẩy vào mặt Símôn.

“Và bây giờ mẹ vợ thân yêu sẽ diễn toàn bộ vở kịch. Mẹ ta cho mình là cái thá gì cơ chứ? Thật nực cười, cả lũ chúng mà thay đổi chỉ trong một thời gian ngắn.”

Grímur nhìn xuống hành lang dẫn đến các phòng.

“Thế còn những kẻ được yêu chuộng? Con què, mày sẽ nghe lời chứ? Đáng lý ra tao đã phải bóp chết nó lâu rồi. Đây là lời cảm ơn mà tao nhận được phải không? Đây là lời mày cảm ơn tao phải không?” hấn quát lên về phía hành lang tối om. Tómas vẫn đứng đó nhìn Grímur, hấn mỉm cười nhìn nó.

“Nhưng tao và Tómas là bạn,” Grímur nói.

“Tómas sẽ không bao giờ phản bội lại bố nó. Lại đây nào, con trai. Đến với bố nào.”

Tómas đến chỗ hấn.

“Mẹ đã gọi điện,” nó nói.

“Tómas!” người mẹ quát lên.

“Tôi không nghĩ Tomás có ý định giúp hẳn ta. Có thể nó nghĩ rằng nó đang giúp mẹ. Có lẽ nó muốn dọa bố để giúp mẹ. Nhưng tôi nghĩ khả năng lớn nhất là nó không biết nó đang làm gì. Nó còn quá nhỏ, thẳng bé tội nghiệp.”

Mikkelína nhìn Erlendur. Ông và Elínborg đang ngồi trong phòng khách nhà bà và nghe bà kể câu chuyện về người mẹ trên đồi, họ gặp nhau như thế nào và lần đầu tiên hẳn đánh bà ấy ra sao, bạo hành cứ thế tăng lên như thế nào và đã hai lần bà cố gắng trốn thoát khỏi tay hẳn, rồi hẳn dọa giết các con bà như thế nào. Mikkelína kể cho họ nghe về cuộc sống trên đồi của họ, về kho quân

nhu, về những vụ ăn cắp, về người lính tên Dave thường đi câu ở hồ, về mùa hè người cha dượng bị bắt, rồi mẹ bà và người lính yêu nhau, về chuyện hai em trai đưa Mikkelína ra sưởi nắng thế nào, Dave đưa họ đi chơi ra sao, và về cả buổi sáng mùa thu lạnh lẽo khi cha dượng bà quay về nữa.

Mikkelína dành tất cả thời gian của mình để kể câu chuyện, cố gắng không để sót một phần nào trong lịch sử gia đình mình mà bà nghĩ là có ích. Erlendur và Elínborg ngồi nghe, uống cà phê Mikkelína pha cho họ và ăn bánh bà đã nướng vì bà nói rằng, bà biết Erlendur sẽ đến. Bà chào Elínborg nồng hậu và hỏi liệu có nhiều nữ thám tử như cô không.

“Hiêm như lá mùa thu,” Elínborg mỉm cười.

“Thật là sai lầm,” Mikkelína nói và mời cô ngồi. “Phụ nữ nên tham gia vào mọi lĩnh vực mới phải chứ.”

Elínborg nhìn Erlendur, ông cười mỉm.

Buổi chiều cô đến đón ông ở văn phòng, biết rằng ông vừa từ bệnh viện đến. Trông ông ủ rũ lạ thường. Cô hỏi về sức khỏe của Eva Lind và nghĩ rằng có lẽ con bé đã yếu đi, nhưng Erlendur nói rằng sức khỏe con bé ổn định. Khi cô hỏi ông cảm thấy thế nào và liệu mình có giúp gì được cho ông không, ông chỉ lắc đầu và nói rằng lúc này mình chỉ biết chờ đợi. Cô có cảm giác rằng việc chờ

đợi là một sự căng thẳng ghê gớm với ông, tuy nhiên cô không dám động chạm gì đến chuyện đó. Kinh nghiệm lâu năm mách bảo cô rằng Erlendur không hề muốn nói chuyện về bản thân mình với người khác một chút nào.

Mikkelína sống ở tầng trệt của một khu chung cư ở Breidholt. Ngôi nhà của bà nhỏ nhưng ấm cúng, và trong lúc bà pha cà phê trong bếp, Erlendur đi xung quanh phòng khách xem xét những bức ảnh mà ông cho là của gia đình bà. Không có nhiều ảnh lắm và dường như không có bức nào chụp trên đồi cả.

Bà bắt đầu tóm tắt lại cuộc đời mình khi đang loay hoay trong bếp còn họ ngồi nghe ở phòng khách. Bà đi học muộn, lúc

bà gần hai mươi tuổi – cùng thời gian với lần điều trị đầu tiên của bà. Và bà đã tiến bộ vượt bậc. Erlendur nghĩ rằng bà nên lướt nhanh qua câu chuyện đó, nhưng ông không nói ra. Sau khi Mikkelína học xong bậc Trung học phổ thông ở ngoài thành phố, bà đỗ Đại học và tốt nghiệp ngành Tâm lý học. Đến lúc đó bà đã bốn mươi tuổi. Bây giờ thì bà đã về hưu.

Bà nhận nuôi một đứa con trai và đặt tên nó là Símon trước khi vào Đại học. Bà không muốn có gia đình vì những lý do mà bà không tiện nói ra, bà nói thế, với một nụ cười cay đắng.

Bà thường xuyên đến thăm ngọn đồi vào mùa hè và mùa xuân để ngắm nhìn những bụi cây lý chua, vào mùa thu bà

bứt trái cây về làm mứt. Vẫn còn một ít mứt trong lọ làm từ đợt quả cuối cùng của mùa thu năm trước nên bà mời họ ăn thử. Elínborg, một chuyên gia về nấu ăn, đã khen bà làm rất khéo. Mikkelína bảo cô giữ lấy chỗ mứt còn lại đó và xin lỗi vì còn quá ít.

Sau đó bà kể cho họ việc mình chứng kiến thành phố phát triển ra sao sau nhiều năm và thập kỷ, đầu tiên nó trải rộng ra đến Breidholt rồi đến Grafarvogur, sau đó kéo dài ra dọc đường Mosfellsbaer một cách chớp nhoáng và cuối cùng là lên đến Grafarholt – ngọn đồi nơi bà từng sống và có những kỷ niệm đau thương nhất cuộc đời.

“Thực sự ký ức của tôi về nơi đó toàn

những điều tồi tệ,” bà nói. “Ngoại trừ mùa hè ngắn ngủi ấy.”

“Bà bị khuyết tật như thế này là do bẩm sinh ạ?” Elínborg hỏi.

Cô cố gắng tìm cách diễn đạt câu hỏi một cách lịch sự nhất có thể, nhưng cô thấy không có cách nào để làm điều đó.

“Không,” Mikkeliína đáp. “Tôi bị ốm năm tôi lên ba tuổi. Tôi được đưa đến bệnh viện. Mẹ tôi nói với tôi rằng bố mẹ không được vào khu điều trị cùng con mình. Bà không hiểu nổi cái quy định nhân tâm và độc địa ấy: không được phép vào thăm con mặc dù nó bị ốm nặng hoặc thậm chí là sắp chết. Phải mất mấy năm bà mới nhận ra rằng tôi có thể lấy lại được những gì đã mất bằng liệu

pháp trị bệnh. Nhưng bồ dương tôi không bao giờ cho phép bà chăm sóc cho tôi, cho tôi đi khám bác sĩ hay tìm nguồn cứu chữa. Tôi nhớ một kỷ niệm xảy ra trước khi tôi bị ốm, tôi không biết đó là một giấc mơ hay sự thật – mặt trời đang tỏa sáng và tôi đang ở trong khu vườn của một ngôi nhà, có thể đó là nơi mẹ tôi làm hầu gái. Lúc đó tôi chạy tán loạn, la hét, và hình như mẹ đang đuổi theo tôi. Tôi không nhớ được gì nữa. Chỉ nhớ rằng tôi có thể chạy nhảy theo ý muốn của mình.”

Mikkelína mỉm cười.

“Tôi thường mơ giấc mơ đó. Khi tôi khỏe mạnh và có thể đi lại bất cứ khi nào mình muốn, không lắc đầu liên tục mỗi khi nói, và tôi có thể kiểm soát được các

cơ mặt của mình, chúng không kéo mặt của tôi ra khắp mọi chỗ.”

Erlendur đặt cốc xuống bàn.

“Hôm qua bà nói với tôi rằng bà đặt tên con trai mình theo tên của người em trai cùng mẹ khác cha, Símon.”

“Símon là một đứa con trai tuyệt vời. Chẳng có nét nào của bố nó cả. Ít nhất là tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều đó. Nó giống y như mẹ. Tốt bụng, cảm thông và hay giúp đỡ. Nó bất hạnh vô cùng, thằng bé tội nghiệp. Nó ghét bố nó, và lòng căm thù ấy làm tổn thương thằng bé. Đáng lý ra nó không cần phải ghét bỏ bất cứ điều gì. Và cũng giống như tất cả chúng tôi, nó bị ảnh hưởng sâu sắc bởi nỗi sợ hãi suốt thời thơ ấu. Nó kinh

hoàng khi thấy bố lên cơn thịnh nộ. Nó nhìn mẹ chúng tôi bị đánh bầm dập. Tôi thường phải vùi đầu vào chăn, nhưng tôi thấy đôi lúc Símon đứng nhìn những trận đòn như thể nó muốn rèn luyện cho mình sự kiên cường để sau này chống lại bố nó, khi nó đã đủ lớn để chống lại bố nó. Nó đã đủ lớn để xử lý ông ta.

“Đôi lúc nó cố gắng xen vào. Nó đứng trước mặt mẹ tôi, coi thường bố nó. Mẹ sợ điều đó còn hơn cả bị đánh đập. Bà không thể chịu đựng được khi có bất cứ chuyện gì xảy đến với các con mình.

“Thật là một đứa trẻ tốt đến lạ thường, Símon ấy.”

“Bà nói đến Símon như thể ông ấy vẫn còn là một đứa trẻ,” Elínborg nói. “Ông

ây mất rồi ạ?”

Mikkelína mỉm cười nhưng không nói gì.

“VẬY còn Tomás?” Erlendur nói. “Chỉ có ba người thôi mà.”

“Phải, Tomás,” Mikkelína nói. “Nó khác Símon. Bố chúng nó có thể nhận ra điều đó.”

Mikkelína yên lặng.

“Mẹ bà đã gọi điện đi đâu?” Erlendur hỏi. “Trước khi quay trở lại đồi ấy?”

Không trả lời cả Erlendur, Mikkelína đứng lên và đi vào phòng ngủ. Elínborg và Erlendur liếc nhìn nhau. Một lúc sau Mikkelína trở lại, cầm theo một mẫu giấy. Bà mở mẫu giấy ra, đọc nó và đưa

cho Erlendur.

“Mẹ đưa cho tôi mẫu giấy này,” bà nói. “Tôi nhớ rất rõ rằng Dave đã đưa mẫu giấy này qua bàn cho mẹ tôi, nhưng chúng tôi không bao giờ được phép biết nó nói gì. Mãi về sau này mẹ mới cho tôi xem. Nhiều năm về sau.”

Erlendur đọc mẫu giấy đó.

“Dave nhờ một người Iceland hoặc một người lính nói tiếng Iceland viết mẫu giấy này giúp mình. Mẹ luôn luôn giữ nó, và, tất nhiên là tôi sẽ mang nó xuống mộ cùng với mình.”

Erlendur nhìn mẫu giấy, mặc dù lời nhắn được viết bằng những chữ cái viết hoa vụng về, các từ vẫn rất rõ ràng.

“TÔI BIẾT NHỮNG ĐIỀU MÀ HẮN ĐÃ LÀM VỚI CÔ”

“Mẹ và Dave nói về việc bà liên lạc với ông ngay sau khi dựng tôi ra khỏi tù, và ông ấy sẽ đến để giúp bà. Tôi không biết họ đã sắp xếp với nhau cụ thể thế nào.”

“Không có ai ở Gufunes có thể giúp được bà ấy sao?” Elínborg hỏi. “Chắc chắn phải có rất nhiều người làm việc ở đó chứ ạ?”

Mikkelína nhìn cô.

“Mẹ tôi đã chịu đựng sự hành hạ của hắn trong một thập kỷ rưỡi. Đó là sự tra tấn về thể xác, hắn đánh bà, thường là tàn bạo đến mức nhiều ngày sau bà vẫn còn

nằm liệt giường. Đó còn là sự tra tấn về tâm hồn nữa. Và điều này còn tệ hại hơn cả bạo lực về thể xác, bởi vì như hôm qua tôi đã nói với Erlendur, nó khiến cho mẹ tôi trở thành vô nghĩa. Bà bắt đầu khinh thường mình y như chồng bà xem thường bà; một thời gian dài bà chỉ nghĩ đến tự vẫn, nhưng một phần vì chúng tôi, các con bà, bà không bao giờ làm gì vượt quá việc nghĩ đến nó. Dave cũng góp phần vào chuyện này trong sáu tháng ông ấy ở bên bà, và ông ấy là người duy nhất mà bà có thể trông cậy. Bà không bao giờ nói với bất kỳ một ai về những chuyện bà đã trải qua trong ngần ấy năm và tôi nghĩ rằng bà đã chuẩn bị tinh thần cho việc bị đánh đập. Tệ nhất thì cũng là hấn đánh bà, và rồi mọi thứ lại trở lại y

như cũ.”

Mikkelína nhìn Erlendur.

“Dave không bao giờ đến.”

Bà nhìn Erlendur.

“Và chẳng có chuyện gì trở lại như cũ cả.”

“Nó đã gọi điện phải không?”

Grímur vòng tay quanh người Tómas.

“Nó gọi điện cho ai hả Tómas? Chúng ta không nên giữ bí mật. Có lẽ mẹ con nghĩ rằng mẹ ta có thể giữ được bí mật, nhưng đó là một sai lầm lớn. Giữ bí mật rất nguy hiểm.”

“Đừng có lợi dụng thằng bé,” người mẹ nói.

“Bây giờ thì mẹ ta còn ra lệnh cho bố nữa cơ đấy,” Grímur nói và xoa xoa vai thằng bé. “Mọi chuyện thay đổi nhanh quá. Không biết còn gì nữa đây?”

Símon ra đứng bên cạnh mẹ.

Mikkelína len lỏi đến chỗ họ. Tomás bắt đầu khóc. Một dòng chất lỏng chảy ra từ đũng quần thằng bé.

“Có ai nghe điện thoại không?”

Grímur hỏi. Nụ cười đã biến mất trên mặt hắn, giọng mỉa mai cũng không còn, mặt hắn trông thật đáng sợ. Họ không thể rời mắt ra khỏi vết sẹo trên mặt hắn.

“Không ai nghe máy cả,” người mẹ

đáp.

“Không có Dave nào đến đây cứu à?”

“Không có Dave nào,” người mẹ nói.

“Tao không biết ai đã chỉ điểm tao,” Grímur nói. “Sáng nay người ta đã cử một thuyền đi. Đông nghẹt lính. Chắc chắn là châu Âu đang cần lính. Họ không thể để một lũ ăn không ngồi rồi ở Iceland, cái nơi mà chúng không có việc gì khác ngoài việc ngủ với vợ chúng tao. Hoặc có thể họ đã bắt hấn đi. Đó là một vấn đề lớn hơn tao tưởng. Người ta đã ra quyết định. Bọn lính không hài lòng lắm đâu.”

Hấn đẩy Tómas ra.

“Chúng không hài lòng với chuyện đó

một chút nào.”

Símon đứng gần mẹ hơn.

“Chỉ còn một điều trong toàn bộ việc này mà tao không hiểu,” Grímur nói. Đến lúc này hắn đứng ngay trước mặt người mẹ, và họ có thể ngửi thấy mùi hôi thối bốc ra từ người hắn. “Tao không thể hiểu nổi chuyện đó. Tao biết mà đã tụt quần lót ra trước thằng đàn ông đầu tiên nhìn mày khi tao đi. Mày chỉ là một con điếm. Nhưng thằng ấy nghĩ gì cơ chứ?”

Họ gần như chạm vào nhau.

“Nó nhìn thấy gì ở mày cơ chứ?”

Hắn giơ cả hai tay ra mà túm lấy đầu cô.

“Hả con đàn bà xấu xa nhếch nhác

khôn kiếp này?”

“Chúng tôi nghĩ là lần ấy hẳn sẽ đánh mẹ và giết chết bà. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyện đó. Tôi run lên vì sợ và Símon cũng thế. Tôi đang tìm cách lấy được con dao trong bếp. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Họ đưa mắt nhìn nhau, và thay vì đánh đập bà, hẳn lại lùì ra xa.”

Mikkelína dừng lại.

“Tôi chưa bao giờ sợ hãi như thế trong đời. Và sau chuyện đó Símon hoàn toàn khác. Nó càng ngày càng xa cách chúng tôi. Símon tội nghiệp.”

Bà nhìn xuống sàn nhà.

“Dave ra khỏi cuộc đời chúng tôi cũng đột ngột y như khi ông ấy đến,” bà nói. “Mẹ không bao giờ nghe được tin gì về ông ấy nữa.”

“Tên họ của ông ấy là Welch,” Erlendur nói. “Và chúng tôi đang cho điều tra chuyện gì đã xảy ra với ông ấy. Tên của bố dượng bà là gì?”

“Tên hắn là Thórgrímur,” Mikkellína nói. “Chúng tôi luôn luôn gọi hắn là Grímur.”

“Thórgrímur,” Erlendur nhắc lại. Ông nhớ cái tên này trong danh sách những người làm việc ở kho quân nhu.

Chuông điện thoại của ông reo lên trong túi áo khoác. Người gọi là

Sigurdur Óli, anh ta đang ở chỗ khai quật trên đồi.

“Ông phải lên đây ngay,” Sigurdur Óli nói.

“Lên đây?” Erlendur nói. “Nhưng ‘đây’ là đâu cơ?”

“Tất nhiên là trên đồi rồi,” Sigurdur Óli nói. “Họ đã đến chỗ bộ xương và tôi nghĩ là chúng tôi đã tìm ra ai bị chôn ở đó.”

“Là ai?”

“Vợ chưa cưới của Benjamín.”

“Tại sao? Tại sao cậu lại cho rằng đó là bà ấy?” Erlendur đã đứng lên và đi vào bếp để có một chút riêng tư.

“Đến đây mà xem,” Sigurdur Óli nói.
“Đó không thể là một ai khác. Ông tự đến
mà xem.”

Sau đó anh ta tắt máy.

Mười lăm phút sau, Erlendur và Elínborg đã có mặt ở Grafarholt. Họ vội vã tạm biệt Mikkelína khiến bà nhìn theo đầy ngạc nhiên khi họ ra khỏi cửa. Erlendur không cho bà biết điều mà Sigurdur Óli vừa mới nói qua điện thoại về vợ chưa cưới của Benjamín, chỉ nói rằng mình phải lên đời vì cuối cùng, bộ xương cũng đã được khai quật. Ông xin lỗi và nói rằng họ sẽ nói chuyện sau.

“Tôi cũng nên đi cùng hai người chứ?” Mikkelína hỏi từ tiền sảnh, bà vẫn đang đứng đó nhìn họ đi qua cửa chính. “Tôi đã...”

“Không phải lúc này,” Erlendur ngắt

lời bà. “Chúng ta sẽ nói chuyện sau. Có một hướng điều tra mới.”

Sigurdur Óli đang đợi họ trên đồi, anh đưa họ đến chỗ Skarphédinn. Lúc này ông ta đang đứng gần ngôi mộ.

“Erlendur,” nhà khảo cổ cất tiếng chào. “Chúng tôi đã đào đến đó rồi. Cuối cùng thì cũng không mất nhiều thời gian đến thế.”

“Các ông đã tìm thấy những gì?” Erlendur hỏi.

“Đó là một người phụ nữ,” Sigurdur Óli nói ra vẻ quan trọng. “Không còn nghi ngờ gì nữa.”

“Sao biết?” Elínborg nói. “Anh trở thành bác sĩ từ khi nào vậy?”

“Chuyện này không phải cần đến một bác sĩ,” Sigurdur Óli nói. “Nó quá rõ ràng.”

“Có hai bộ xương trong ngôi mộ,” Skarphédinn nói. “Một là của một người lớn, có lẽ là một người phụ nữ, bộ xương còn lại là của một đứa bé, một đứa bé tí hon, có thể là chưa được sinh ra. Nó nằm như thế, bên trong bộ xương lớn.”

Erlendur nhìn ông ta đầy ngạc nhiên.

“Hai bộ xương ư?”

Ông liếc nhìn Sigurdur Óli, bước về phía trước hai bước và nhòm xuống ngôi mộ, và ông nhìn thấy những gì Skarphédinn nói ngay lập tức. Bộ xương lớn gần như đã lộ thiên, nó phơi ra trước

mắt ông với một tay giơ lên không khí, miệng há hốc, đầy đất cát, và xương sườn bị gãy. Đất phủ đầy hai hốc mắt, cụm tóc trước trán còn chưa phân hủy hết.

Ở bên trên bộ xương đó có một bộ xương nhỏ khác, cuộn lại ở vị trí bào thai. Các nhà khảo cổ đã cẩn thận phủi hết bụi ra khỏi bộ xương đó. Hai cánh tay và xương đùi có kích thước như những cây bút chì còn xương sọ to bằng kích thước của một quả bóng tennis. Nó nằm dưới xương sườn của bộ xương lớn, đầu hướng xuống dưới.

“Đó còn có thể là ai được nữa?”
Sigurdur Óli hỏi. “Đó không phải là người vợ chưa cưới của Benjamín sao?”

Bà ta mang thai. Tên bà ta là gì ấy nhỉ?”

“Sólveig,” Elínborg nói. “Bào thai của bà ta đã phát triển đến thế này ư?” cô nói như thể với chính mình, mắt nhìn chăm chăm vào những bộ xương.

“Ở giai đoạn này người ta gọi nó là một đứa trẻ hay một bào thai?” Erlendur hỏi.

“Tôi không biết,” Sigurdur Óli đáp.

“Tôi cũng không,” Erlendur nói.

“Chúng ta cần một chuyên gia. Chúng tôi có thể đưa nguyên hiện trạng bộ xương về nhà xác ở Barónsstígur được không?” ông hỏi Skarphédinn.

“Ý ông là gì, nguyên hiện trạng ư?”

“Bộ xương bé nằm trên bộ xương lớn

ây.”

“Chúng tôi vẫn phải tiếp tục khai quật bộ xương lớn. Nếu phủi bớt đất đi bằng chổi và bàn chải nhỏ một cách cẩn thận, chúng tôi có thể nhấc được cả bộ xương lên. Tôi nghĩ là được. Ông không muốn một bác sĩ đến đây xem xét à? Ở vị trí này này?”

“Không, tôi muốn đưa chúng vào nhà,” Erlendur nói. “Chúng ta cần xét nghiệm chúng trong những điều kiện tối ưu.”

Đến giờ ăn tối, hai bộ xương đã được nhấc lên hoàn toàn. Erlendur, Sigurdur Óli và Elínborg nhìn người ta nhấc chúng lên. Các nhà khảo cổ làm việc hết sức chuyên nghiệp và Erlendur không hề

hồi hận khi mời họ đến. Skarphédinn điều khiển quá trình nhắc bộ xương lên cũng chuẩn xác và hiệu quả không kém gì quá trình khai quật nó. Ông ta bảo Erlendur rằng họ khá yêu mến bộ xương này nên đã gọi nó là “Người Thiên Niên Kỷ” trước sự kính trọng của Erlendur, và nói rằng họ sẽ nhớ nó. Nhưng họ vẫn chưa làm xong việc của mình. Trong quá trình làm việc, Skarphédinn đã bắt đầu yêu thích ngành tội phạm học nên ông ta có ý định rằng cả đội sẽ lùng sục trong đất để tìm kiếm những bằng chứng về vụ việc xảy ra trên đồi cách đó ngàn ấy năm. Ông ta đã chụp ảnh và quay phim mỗi giai đoạn của quá trình khai quật. Skarphédinn nói rằng chuyện này sẽ trở thành một bài giảng thú vị ở trường, đặc

biệt là nếu Erlendur tìm ra cách bộ xương nằm ở đó, ông ta nói thêm, với một nụ cười để lộ ra mấy cái răng nanh.

Hai bộ xương đã được đưa đến nhà xác ở Barónsstígur. Ông bác sĩ ở đó đang đi nghỉ cùng gia đình ở Tây Ban Nha và ít nhất một tuần nữa mới trở về. Ông ta nói với Erlendur như thế qua điện thoại vào buổi chiều hôm đó. “Lại đang tắm nắng và say đến cả chấy đây mà”, ông thảm tử nghĩ. Một khi đã khai quật những bộ xương lên và đưa vào xe tải, nhân viên y tế sẽ giám sát quá trình vận chuyển và đảm bảo rằng chúng được bảo quản ở nơi tốt nhất trong nhà xác.

Theo đúng như yêu cầu của Erlendur, thay vì bị tách đôi, hai bộ xương được

vận chuyển cùng nhau để giữ được vị trí hiện tại của chúng. Các nhà khảo cổ đã phải cạo rất nhiều đất giữa hai bộ xương đi. Vì thế trước mặt Erlendur và nhân viên y tế quận, dưới ánh sáng trắng của chiếc đèn huỳnh quang trong phòng giải phẫu, trông chúng chẳng khác nào một đồng xương đặt trên bàn. Hai bộ xương được gói trong một tấm vải trắng lớn. Hai người đứng quan sát và suy ngẫm về chúng.

“Điều quan trọng nhất mà chúng ta cần làm có lẽ là xác định tuổi của các bộ xương,” Erlendur nói và quay sang nhìn người nhân viên y tế.

“Phải,” ông ta trầm ngâm nói. “Ông biết rằng thực sự giữa bộ xương của một

người đàn ông và một người phụ nữ có rất ít sự khác nhau, ngoại trừ xương chậu. Nhưng ở đây chúng ta không thể nhìn rõ được ở bộ xương nhỏ và phần đất giữa hai bộ xương đó. Như chúng ta biết, xương sườn đã bị gãy. Nó khá lớn, có vẻ như đây là một người phụ nữ khá cao. Đó là cảm nhận đầu tiên của tôi, nhưng thực ra tôi không muốn liên quan gì đến chuyện này. Ông vội lắm à? Ông không chờ thêm được một tuần nữa ư? Tôi không phải là chuyên gia về khám nghiệm hay xác định tuổi của xác chết. Có thể tôi sẽ để lỡ nhiều thông tin quan trọng mà một bác sĩ chính quy sẽ chú ý, cân nhắc và cảm nhận. Nếu ông muốn công việc được tiến hành cẩn thận và chính xác, ông nên chờ. Có cần phải vội

không? Chuyện này không dờì lại đượ
à?” ông ta nhắc lại.

Erlendur đê ý thấy mồ hôi chảy rồì
rồì trên trán người nhân viên y tế, ông
nhớ có lần ai đó đã nói rằng ông ta luôn
luôn trốn tránh quá nhiều trách nhiệm.

“Cả hai đều không,” Erlendur đắ.
“Không cần phải vội. Tôi không nghĩ thế.
Trừ khi vụ khai quật khui ra những điều
mà chúng ta chưa biết, một bi kịch chẳng
hạn.”

“Ý ông là có ai đó đã theo dõi cuộc
khai quật nên biết chuyện gì đang diễn
ra, và người này đang ráp nối lại các sự
kiện?”

“Rồi chúng ta sẽ biết,” Erlendur nói.

“Phải chờ ông bác sĩ khám nghiệm về thôi. Đó không phải là vấn đề sống còn. Nhưng cứ thử xem ông có thể làm được gì cho chúng tôi. Hãy kiểm tra chúng khi nào ông thấy thuận tiện nhất. Ông có thể dời vị trí của bộ xương nhỏ nhưng không được phá hủy bất kỳ một chứng cứ nào.”

Nhân viên y tế gật đầu ra vẻ không biết mình sẽ phải làm gì tiếp theo.

“Để xem tôi làm được gì,” ông ta nói.

Erlendur quyết định sẽ nói chuyện với cháu gái của Benjamín ngay thay vì chờ đến sáng hôm sau. Và ngay tối hôm đó, ông và Sigurdur Óli đến thăm bà ta. Elsa ra mở cửa và mời họ vào phòng khách. Ba người cùng ngồi xuống. Erlendur thấy Elsa trông có vẻ mệt mỏi, ông e ngại khi

phải chứng kiến phản ứng của bà lúc biết chuyện khai quật hai bộ xương. Ông nghĩ rằng việc đào bới lại câu chuyện cũ này sau bao nhiêu năm và phát hiện ra rằng bác mình có dính dáng đến một vụ giết người sẽ khiến Elsa vô cùng căng thẳng.

Ông nói cho bà biết về phát hiện của các nhà khảo cổ trên đồi: có thể đó là vợ chưa cưới của Benjamín. Elsa nhìn hai thám tử trong lúc Erlendur nói hết câu chuyện, và bà không thể giấu nổi sự hoài nghi của mình.

“Tôi không tin ông đâu,” bà khóc.
“Ông nói rằng bác Benjamín giết vợ chưa cưới của mình ư?”

“Có một khả năng là...”

“Và chôn cô ấy trên đồi gần ngôi nhà gỗ sao? Tôi không tin đâu. Tôi không hiểu ông lấy những chuyện này ở đâu ra. Chắc chắn là phải có một nguyên nhân khác. Đơn giản là phải có. Bác Benjamín không thể là một kẻ giết người, tôi có thể đảm bảo điều đó. Ông đã được tự do xem xét ngôi nhà này và lục lọi căn hầm theo ý mình, nhưng chuyện này đã đi quá xa rồi. Ông nghĩ rằng tôi sẽ để ông vào căn hầm nếu như tôi, nếu như cả dòng họ tôi, có gì phải giấu giếm ư? Không, chuyện này đã đi quá xa rồi. Ông hãy đi đi,” bà nói và đứng lên. “Ngay bây giờ!”

“Chuyện này không có nghĩa là bà có liên can,” Sigurdur Óli nói. Anh và Erlendur vẫn ngồi yên. “Không phải bà biết điều gì đó nhưng bà giấu chúng tôi

chứ? Hay...?”

“Ý các người là gì?” Elsa nói. “Rằng tôi biết điều gì đó ư? Các người đang buộc cho tôi tội đồng lõa phải không? Các người định bắt tôi à? Các người muốn bỏ tù tôi à? Các người ăn ở như thế đây!” Bà nhìn chăm chăm vào Erlendur.

“Bình tĩnh đã nào,” Erlendur nói. “Chúng tôi tìm ra một bộ xương của một đứa trẻ nằm trong bộ xương của một người lớn. Chúng ta biết rằng vợ chưa cưới của Benjamín có thai. Kết luận rút ra một cách tự nhiên là đó là bà ấy. Bà không nghĩ thế ư? Chúng tôi chẳng bóng gió điều gì. Chúng tôi chỉ đang cố giải quyết vụ này thôi. Bà đã rất hợp tác và

chúng tôi đánh giá cao điều đó. Không phải là ai cũng làm được những điều như bà đã làm. Tuy nhiên, sự thật là bác bà, ông Benjamín là đối tượng đáng nghi nhất sau khi chúng tôi đã khai quật được bộ xương.

“Các ông hiểu lắm rồi,” bà nói. “Và các ông sẽ nhận ra điều đó nếu các ông cũng hiểu Benjamín như tôi. Ông ấy còn không bao giờ đụng đến cả một con ruồi. Không bao giờ.”

“Ông ấy phát hiện ra vợ chưa cưới của mình mang thai,” Sigurdur Óli nói. “Họ sắp cưới nhau. Rõ ràng là ông ấy yêu bà ta say đắm. Dự định cho tương lai của Benjamín chủ yếu hướng đến tình yêu, gia đình mà ông ấy chuẩn bị gây

dụng, công việc làm ăn, địa vị trong xã hội của ông ấy. Rồi ông ấy sụp đổ hoàn toàn. Có thể ông ấy đã đi quá xa. Thi thể của bà ấy chưa bao giờ được tìm thấy. Người ta cho rằng bà ấy đã tự gieo mình xuống biển. Bà ấy biến mất. Và có thể chúng tôi vừa mới tìm ra bà ấy.”

“Bà đã nói với Sigurdur Óli rằng Benjamín không biết ai đã làm bà ấy mang thai,” Erlendur thận trọng nói. Ông không biết có phải họ đã quá vội vàng hay không và nguyên rủa ông bác sĩ đang ở Tây Ban Nha. Có lẽ họ nên dời chuyến viếng thăm này lại. Chờ đến lúc có kết quả chính xác đã.

“Đúng vậy,” Elsa nói. “Ông ấy không biết.”

“Chúng tôi nghe nói mẹ của Sólveig đã đến gặp và kể cho ông ấy nghe chuyện đó. Khi mọi chuyện đã trôi qua. Sau khi Sólveig mất tích.”

Thái độ của Elsa chuyển sang ngạc nhiên.

“Tôi không biết chuyện đó,” bà nói. “Khi nào cơ?”

“Sau này,” Erlendur nói. “Tôi không biết chính xác. Sólveig giữ bí mật về cha của đứa trẻ. Vì lý do nào đó, bà ấy không nói ra điều đó. Bà ấy không nói cho Benjamín biết chuyện gì đã xảy ra. Bà ấy chỉ hủy hôn ước và không nói ai là cha đứa trẻ. Có thể là để bảo vệ gia đình mình. Bảo vệ danh dự cho cha mình.”

“Ý ông là gì? ‘Danh dự của cha mình’ ư?”

“Cháu trai ông ta đã cưỡng hiếp Sólveig khi cô ấy đến thăm người thân ở Fljót.”

Elsa ngồi phịch xuống ghế và vô thức đặt tay lên miệng đầy kinh ngạc.

“Thật không thể nào tin được,” bà thở dài.

Cùng lúc đó, ở đầu kia thành phố, Elínborg đang nói chuyện với Bára những phát hiện về ngôi mộ trên đồi và giả thuyết có khả năng nhất là đó là xác của Sólveig, vợ chưa cưới của Benjamín. Rằng Benjamín có thể đã chôn bà ấy ở đó. Elínborg nhấn mạnh rằng tất

cả những gì mà cảnh sát có trong tay là ông ấy là người cuối cùng thấy bà ấy còn sống và một đứa trẻ được phát hiện cùng với bộ xương đó trên đồi. Tất cả những phân tích về hai bộ xương vẫn còn chưa có. Bára nghe Elínborg nói mà không chớp mắt. Như thường lệ, bà ta vẫn sống trong ngôi nhà rộng thênh thang, bao bọc trong nhung lụa, và không hề có một phản ứng nào.

“Bố tôi muốn chị ấy phá thai,” bà ta nói. “Mẹ tôi muốn đưa chị ấy về quê, để chị ấy sinh đứa bé ở đó, cho đứa bé đi rồi quay trở lại như thể là không có chuyện gì xảy ra, rồi sau đó cưới Benjamín. Bố mẹ tôi đã bàn bạc chuyện đó rất lâu, rồi sau đó gọi Sólveig vào nói chuyện.” Bára đứng lên.

“Sau này mẹ tôi mới nói cho tôi biết điều đó.”

Bà ta bước đến một cái tủ bằng gỗ sồi sang trọng, mở một ngăn kéo ra và lấy ra một cái khăn tay màu trắng rồi chấm vào mũi.

“Họ đưa ra hai phương án cho chị ấy. Họ chưa bao giờ bàn bạc về phương án thứ ba sinh đứa bé và biến nó trở thành một phần của gia đình chúng tôi. Sólveig cố gắng thuyết phục họ, nhưng bố mẹ tôi không muốn nghe điều đó. Không muốn biết chuyện đó. Họ chủ ý muốn giết đứa bé hoặc cho nó đi. Không còn lựa chọn nào khác.”

“Thế còn Sólveig?”

“Tôi không biết,” Bára nói. “Sólveig tội nghiệp! Chị ấy muốn sinh đứa bé, chị ấy không nghĩ được chuyện khác. Chị ấy vẫn chỉ là một cô gái trẻ. Và chị ấy chẳng khác nào một đứa trẻ.”

Erlendur nhìn Elsa.

“Benjamín có thể cho đó là một hành động phản bội không?” ông hỏi. “Nếu Sólveig từ chối không nói tên cha đứa trẻ ấy?”

“Không ai biết chuyện gì đã xảy ra giữa họ trong cuộc gặp cuối cùng đó,” Elsa nói. “Benjamín nói với mẹ tôi những chi tiết chính, nhưng bà không biết ông ấy có kể tất cả các chi tiết quan trọng hay không. Có đúng là chị ấy bị cưỡng hiếp không? Lạy Chúa tôi!”

Elsa hệt nhìn Erlendur lại sang Sigurdur Óli.

“Benjamín rất có thể coi đó là một hành động phản bội,” bà nói nhỏ.

“Xin lỗi, bà vừa nói gì cơ ạ?” Erlendur hỏi.

“Benjamín rất có thể đã cho rằng chị ấy phản bội mình,” Elsa nhắc lại.

“Nhưng điều đó không có nghĩa là ông ấy giết chết Sólveig và chôn chị ấy trên đồi.”

“Bởi vì bà ấy đã không nói,” Erlendur nói.

“Phải, bởi vì chị ấy không nói ra,” Elsa đáp. “Chị ấy không tiết lộ tên cha đứa bé. Ông ấy không biết gì về vụ

cưỡng hiếp hết. Tôi nghĩ chuyện đó rất có thể xảy ra.”

“Có khi nào ông ấy có tòng phạm không?” Erlendur hỏi. “Có thể ông ấy đã thuê ai đó làm chuyện ấy cho mình chẳng hạn?”

“Tôi không hiểu.”

“Ông ấy cho một kẻ chuyên đánh vợ, đồng thời là một tên ăn cắp thuê ngôi nhà ở Grafahort. Bản thân chuyện đó không có nghĩa gì với chúng ta, nhưng dù sao nó cũng là một sự thật.”

“Tôi không hiểu ông đang nói đến chuyện gì. Một kẻ chuyên đánh vợ ư?”

“Không, có lẽ hôm nay như thế là đủ rồi. Có thể chúng tôi đã quá vội vàng, bà

Elsa ạ. Có lẽ tốt nhất là chúng ta nên chờ kết quả xét nghiệm của bác sĩ. Thứ lỗi cho chúng tôi nếu chúng tôi...”

“Không, không phải đâu, không, cảm ơn các ông đã báo tin cho tôi. Tôi rất trân trọng điều đó.”

“Chúng tôi sẽ báo cho bà diễn tiến của vụ điều tra,” Sigurdur Óli nói.

“Và các ông có một lợn tóc,” Elsa nói. “Đề nhận dạng.”

Elínborg đứng lên. Hôm nay đã là một ngày rất dài và cô muốn về nhà. Cô cảm ơn Báara và xin lỗi vì đã quấy rầy bà vào tối muộn như thế. Báara nói cô đừng bận tâm. Bà ta tiễn Elínborg đến cửa và đóng nó lại. Một lát sau chuông cửa reo lên,

Bára ra mở cửa.

“Bà ấy có cao không?” Elínborg hỏi.

“Ai cơ?” Bára hỏi lại.

“Chị gái bà ấy,” Elínborg nói. “Bà Sólveig rất cao, tầm thước hay thấp? Tặng người bà ấy thế nào?”

“Không, chị ấy không cao,” Bára nói và gằn như mỉm cười. “Ngược lại là khác. Chị ấy rất thấp. Dáng người rất mảnh dẻ. Người được một nhúm xương, mẹ tôi thường nói vậy. Nhìn chị ấy đi dạo với Benjamín và nắm tay nhau mới thật buồn cười, bởi vì ông ta cao đến nỗi vượt hẳn lên so với chị ấy.”

Ngay trước lúc nửa đêm, nhân viên y tế quận gọi điện cho Erlendur, lúc này

ông đang ngồi bên con gái trong bệnh viện.

“Tôi đang ở nhà xác,” ông ta nói, “và tôi vừa mới tách hai bộ xương ra. Tôi hy vọng là mình không phá hỏng thứ gì. Tôi không phải là bác sĩ. Đất phủ đầy trên bàn và sàn nhà, thật là một đồng hỗn độn bản thủ.”

“Và?” Erlendur hỏi.

“Vâng, tôi xin lỗi. Chúng ta có bộ xương của một bào thai ít nhất là bảy tháng tuổi.”

“Phải,” Erlendur sốt ruột nói.

“Và không có gì khác thường cả. Trừ...”

“Nói tiếp đi.”

“Rất có thể là nó đã được sinh ra trước khi chết. Hoặc có thể là chết non. Rất khó xác định chuyện đó. Nhưng người nằm dưới đó không phải là mẹ nó.”

“Chờ một chút... Sao ông nói thế?”

“Người mẹ không thể nằm bên dưới đứa trẻ hay bị chôn cùng với nó được, mặc dù ông muốn cho là như thế.”

“Không phải là người mẹ ư? Ý ông là gì? Thế người đó là ai?”

“Không còn nghi ngờ gì nữa,” nhân viên y tế nói. “Xương chậu đã nói lên tất cả.”

“Xương chậu ư?”

“Bộ xương lớn là của một người đàn

ông. Người bị chôn dưới đũa bé là một người đàn ông.”

Mùa đông trên đồi thật dài và khắc nghiệt.

Mẹ bọn trẻ vẫn làm việc ở trang trại sữa Gufunes và hai đứa con trai vẫn bắt xe bus đến trường mỗi sáng. Grímur quay trở lại công việc giao than. Sau khi vụ bê bối bị phát hiện, quân đội không cho hắn làm việc ở đó nữa. Kho quân nhu bị đóng cửa và cả doanh trại bị chuyển xuống Hálogaland. Chỉ còn lại hàng rào và cột rào ở đó, cả mảnh sân bê tông trước doanh trại nữa. Khẩu đại bác cũng đã được tháo ra khỏi boong-ke. Người ta nói rằng chiến tranh sắp kết thúc. Người Đức đang rút quân khỏi Nga và người ta cho rằng một cuộc phản công

lớn đang chuẩn bị diễn ra ở mặt trận phía Tây.

Grímur gần như lờ tịt vợ đi suốt mùa đông đó. Hắn rất ít khi nói, trừ lúc đánh mắng cô. Họ không còn ngủ chung giường. Người mẹ ngủ trong phòng Símon, còn Grímur muốn Tomás ở trong phòng mình. Tất cả mọi người, trừ Tomás, đều để ý thấy bụng cô đang dần dần phình ra suốt mùa đông đó cho đến khi nó nhô lên giống như một kỷ niệm về những điều ngọt ngào và cay đắng trong mùa hè năm đó. Và đó là một cách nhắc nhở kinh hoàng về những điều sẽ xảy ra nếu như Grímur thực hiện những lời đe dọa của mình.

Cô tìm mọi cách che giấu tình trạng

của mình.

Grímur dọa dẫm cô thường xuyên. Hắn nói rằng hắn sẽ không để cô giữ đứa bé lại. Hắn sẽ giết nó ngay khi nó ra đời. Hắn nói rằng nó sẽ là một đứa chậm phát triển y như Mikkelína và tốt nhất là nên giết nó ngay lập tức. “Một đứa chó đẻ người Mỹ,” hắn nói. Nhưng hắn không đánh đập cô suốt mùa đông năm đó. Hắn không tấn công trực diện, chỉ vờn quanh cô như con quái vật chuẩn bị vồ mồi.

Cô cố gắng nói về việc ly hôn, nhưng Grímur chỉ cười chế giễu. Cô không nói về hoàn cảnh của mình với những người cùng làm ở Gufunes và cũng không để lộ ra việc mình có thai. Có lẽ, cho đến tận lúc cuối, cô vẫn nghĩ rằng Grímur sẽ

công khai thừa nhận sai lầm, rằng lời đe dọa của hắn chỉ là đe dọa, và rằng hắn sẽ cư xử như một người cha đối với đứa trẻ, bất chấp mọi chuyện.

Cuối cùng cô viện đến những phương cách liêu lĩnh. Không phải là trả thù Grímur, mặc dù cô có cả tá lý do, mà chỉ bảo vệ bản thân và đứa trẻ mình sắp sinh.

Suốt mùa đông khắc nghiệt đó, Mikkelína cảm nhận rất rõ sự căng thẳng giữa mẹ và Grímur và nó thấy ở Símon có một sự thay đổi đáng lo ngại không kém. Nó vẫn luôn yêu mẹ, nhưng giờ đây nó không rời mẹ nửa bước từ lúc nó về học và mẹ nó xong việc ở Gufunes. Nó lo lắng nhiều hơn từ sau khi Grímur ra tù

vào cái buổi sáng mùa thu lạnh lẽo ấy. Nó tránh bố nó càng xa càng tốt, và mỗi ngày trôi qua, nỗi lo lắng về mẹ lại dày vò nó nhiều hơn. Đôi lúc Mikkelína nghe thấy Símon tự nói một mình và đôi lúc cứ như là nó đang nói chuyện với ai mà con bé không nhìn thấy – một người có lẽ không ở trong ngôi nhà: một người tưởng tượng. Đôi lúc nó nghe thằng bé nói to những điều nó phải làm để bảo vệ mẹ và đứa bé của người bạn Dave mà mẹ sắp sinh. Nói về trách nhiệm của nó phải bảo vệ mẹ khỏi bàn tay Grímur. Về cuộc sống của đứa bé phụ thuộc thế nào vào nó. Không một ai khác có thể làm được điều đó. Người bạn Dave của nó sẽ không bao giờ quay lại. Símon rất đề tâm đến lời đe dọa của Grímur. Nó tin chắc rằng

Grímur sẽ không cho đưa bé sông. Rằng Grímur sẽ lấy đưa bé đi và họ sẽ không bao giờ được trông thấy nó.

Tómas vẫn lặng lẽ như mọi khi, nhưng Mikkelína cảm thấy nó có một sự thay đổi khi mùa đông qua. Grímur cho phép Tómas ngủ trong phòng mình sau khi hăn cấm mẹ lữ trẻ ngủ trên chiếc giường đôi và bắt cô phải ngủ ở giường Tómas. Cái giường đó quá nhỏ và không thoải mái. Mikkelína không biết Grímur nói gì với Tómas, nhưng chẳng bao lâu sau, thằng bé tỏ thái độ rất khác với chị mình. Nó chẳng liên quan gì đến chị và tự tách mình ra khỏi Símon, mặc dù trước đây chúng hết sức thân thiết. Người mẹ cố gắng nói chuyện với Tómas nhưng nó luôn luôn tránh xa bà, nó tức giận, yên

lặng và vô dụng.

“Simon đang thay đổi rất nực cười,” có lần Mikkelína nghe Grímur nói với Tómas. “Nó đang trở nên buồn cười y như mẹ mày. Hãy đề phòng thằng đó. Nhớ là đừng có thích nó. Nếu không mày cũng sẽ trở thành một thằng buồn cười như nó đấy.”

Một lần Mikkelína nghe mẹ nó nói chuyện với Grímur về đứa trẻ, lần duy nhất hẳn cho phép bà nói lên suy nghĩ của mình, theo như Mikkelína biết. Bụng mẹ nó đã phình lên và hẳn cấm mẹ nó không được làm ở trang trại sữa nữa.

“Mày bỏ việc đi và hãy nói rằng mày phải chăm lo cho gia đình,” Mikkelína nghe hẳn ra lệnh cho mẹ.

“Nhưng ông có thể nói nó là của ông cơ mà,” cô nói.

Grímur cười nhạo cô.

“Ông có thể nói thế.”

“Câm đi.”

Mikkelína thấy Símon cũng đang nghe trộm.

“Ông có thể dễ dàng nói rằng đó là con của ông,” người mẹ nhẹ nhàng nói.

“Đừng có cố,” Grímur nói.

“Người ta chẳng cần phải biết chuyện gì. Chẳng ai cần quan tâm.”

“Bây giờ đã quá muộn để sửa chữa sai lầm rồi. Đáng lẽ ra mà phải nghĩ đến chuyện ấy khi mà tăng tị với thằng

người Mỹ chó chết đó.”

“Hoặc là tôi đã nhận nó làm con nuôi,” cô thận trọng nói. “Tôi không phải là người đầu tiên làm chuyện này mà.”

“Chắc chắn là không rồi,” Grímur nói. “Nửa cái thành phố khốn kiếp này đã ăn nằm với chúng. Nhưng đừng có nghĩ rằng điều đó có ích gì.”

“Ông sẽ không bao giờ phải nhìn thấy nó. Tôi sẽ đưa nó đi thật xa ngay sau khi sinh nó ra và ông sẽ không bao giờ phải trông thấy nó.”

“Tất cả mọi người đều đã biết chuyện vợ tao ngủ với bọn lính Mỹ,” Grímur nói.

“Không ai biết đâu,” cô nói. “Không

ai biết mà. Không ai biết chuyện giữa Dave và tôi đâu.”

“Thế mày nghĩ làm thế nào mà tao biết được chuyện đó, con đĩ? Vì mày đã nói với tao chắc? Mày không nghĩ là những chuyện như vậy sẽ lan đi à?”

“Có, nhưng không ai biết anh ấy là bố đứa trẻ. Không ai biết đâu.”

“Câm mồm đi,” Grímur nói. “Câm ngay nếu không...”

Tất cả mọi người đều chờ xem mùa đông dài đằng đẵng đó sẽ mang đến điều gì và chuyện gì, theo một cách khủng khiếp nào đó, là không tránh được.

Mọi chuyện bắt đầu khi Grímur dần dần đổ bệnh.

Mikkelína nhìn Erlendur chăm chăm.

“Bà ấy bắt đầu đầu độc hấn ta vào mùa đông năm đó.”

“Đầu độc ư?” Erlendur nói.

“Bà ấy không biết mình đang làm gì nữa.”

“Bà ấy đầu độc ông ta như thế nào?”

“Ông có nhớ vụ Dúskot ở Reykjavík không?”

“Vụ một người phụ nữ trẻ đã giết anh trai mình bằng thuốc chuột đấy ư? Có, vụ đó diễn ra vào khoảng đầu thế kỷ trước.”

“Mẹ không định giết hấn bằng loại thuốc đó. Bà chỉ muốn hấn bị ốm thôi.

Nhờ vậy bà sẽ có thể sinh đứa bé và để nó thoát khỏi tầm tay hắn trước khi hắn phát hiện ra là đứa bé đã biến mất.

Người phụ nữ ở Dúskot đầu độc anh mình bằng cách cho ông ta ăn thuốc chuột. Bà ta tống cả đồng vào sữa của ông ta, thậm chí ông ta nhìn thấy em mình làm thế, ông ta vẫn không biết đó là cái gì. Ông ta cố gắng nói cho người khác biết bởi vì mấy ngày sau ông ta mới chết. Bà ta đưa rượu sơ-nap cùng với sữa cho ông ta để che giấu vị lạ. Trong cuộc điều tra, người ta phát hiện ra phốt pho trong xác ông ta, chất này có độc tính phát tác chậm. Mẹ chúng tôi biết câu chuyện đó, đó là một vụ giết người gây chấn động Reykjavík. Bà phụ trách trông nom thuốc chuột ở trại sữa Gufunes. Bà ăn cắp

những liều thuốc nhỏ và trộn vào đồ ăn của hắn. Mỗi lần bà chỉ dùng một ít nên hắn không cảm thấy vị lạ hay nghi ngờ bất cứ điều gì. Thay vì giữ thuốc độc ở nhà, bà mang theo một ít bên người mỗi lần dùng đến, nhưng khi bỏ việc ở trang trại, bà mang về nhà một liều lớn và giấu nó đi. Bà không biết tác dụng của nó lên người Grímur như thế nào, không biết liều với liều lượng nhỏ như thế chúng có tác dụng hay không. Nhưng sau một thời gian, chúng bắt đầu phát tác. Hắn yếu dần đi, thường ốm hoặc mệt mỏi và nôn mửa. Hắn không đi làm nổi. Chỉ nằm trên giường chịu bệnh.”

“Ông ta có nghi ngờ gì không?”

Erlendur hỏi.

“Không, mãi đến khi quá muộn,” Mikkelína nói. “Hắn không tin vào bác sĩ. Và tất nhiên là mẹ không giục hắn đi khám bệnh rồi.”

“Thế còn việc ông ta nói là sẽ ‘chăm sóc’ Dave thì sao? Ông ta có nhắc lại chuyện đó không?”

“Không, không bao giờ,” Mikkelína nói. “Thực sự hắn chỉ lừa gạt thôi. Hắn chỉ nói để dọa mẹ thôi. Hắn biết mẹ yêu Dave.”

Erlendur và Elínborg ngồi trong phòng khách nhà Mikkelína và nghe câu chuyện bà kể. Họ đã nói cho bà biết rằng bộ xương trên đồi là của một người đàn ông, trên đó có bộ xương của một đứa bé. Mikkelína lắc đầu, nếu họ không vội vã

ra đi mà không nói lý do, bà đã có thể nói cho họ biết chuyện đó.

Bà muốn biết về bộ xương của đứa trẻ và khi Erlendur hỏi lúc nào bà muốn nhìn nó, bà nói không.

“Nhưng tôi muốn biết khi nào các ông không cần đến nó nữa,” bà nói. “Đã đến lúc cô bé được yên nghỉ trong lòng đất linh thiêng rồi.”

“Cô bé ư?”

“Phải. Một cô bé,” Mikkelína nói.

Sigurdur Óli nói cho Elsa biết phát hiện của nhân viên y tế: bộ xương nằm dưới ngôi mộ không thể là vợ chưa cưới của Benjamín. Elínborg gọi điện cho em

gái của Sólveig, Bára để báo tin tương tự.

Khi Erlendur đang trên đường đến gặp Mikkellína với Elínborg thì Ed gọi để báo rằng ông ta vẫn chưa tìm ra chuyện gì đã xảy đến với Dave Welch. Ông ta cũng chưa biết liệu ông ta có bị chuyển đi khỏi Iceland không, hay khi nào chuyện đó xảy ra. Ông ta nói rằng mình sẽ tiếp tục điều tra.

Sáng sớm hôm đó Erlendur đã đến khu chăm sóc đặc biệt để thăm con gái. Tình trạng của con bé vẫn chưa có gì tiến triển, Erlendur ngồi bên Eva Lind thật lâu và kể lại câu chuyện của mình về người em đã chết công trong khu làng ở Eskifjörður khi Erlendur mới lên mười

tuổi. Lúc đó họ đang lùa cừu về cùng bô thì cơn bão ập đến. Hai anh em không nhìn thấy bố và ngay sau đó không nhìn thấy nhau nữa. Người bố quay trở về nông trại, kiệt sức. Rất nhiều toán tìm kiếm bủa đi.

“Rất tình cờ họ tìm thấy bố,” Erlendur nói. “Bố không biết tại sao. Bố đã nhanh trí đào một chỗ trú ẩn cho mình trong một đống tuyết. Khi họ chọc vào tuyết và đầu gậy đâm vào vai bố, bố đang thừa sống thiếu chết. Sau đó bố chuyển đi, không thể sống được ở đó nữa, mặc dù biết rằng em bố vẫn đang ở đó. Mọi người cố gắng bắt đầu cuộc sống mới ở Reykjavík... nhưng vô ích.”

Đúng lúc đó một bác sĩ nhìn vào. Ông

ta và Erlendur chào nhau và trao đổi ngắn gọn về tình trạng của Eva Lind. Vẫn không có gì thay đổi, ông bác sĩ nói. Không có dấu hiệu phục hồi hay con bé đang dần lấy lại ý thức. Họ yên lặng. Rồi chào tạm biệt. Ông bác sĩ quay ra cửa, Erlendur cười lạnh nhạt.

Lúc này Erlendur đang ngồi đối diện Mikkelína, nghĩ đến con gái đang nằm trong bệnh viện và em trai nằm trong tuyết. Những từ Mikkelína nói cứ chậm rãi chảy vào tâm trí ông.

“Mẹ tôi không phải là kẻ giết người,” bà nói.

Erlendur nhìn bà.

“Bà ấy không giết người,” Mikkelína

nhắc lại. “Bà ấy nghĩ rằng mình có thể cứu được đứa bé. Bà ấy lo sợ cho con mình.”

Mikkelína liếc nhìn Elínborg.

“Cuối cùng, hã cũng không chết,” bà nói. “Hã không chết vì trúng độc.”

“Nhưng bà nói rằng hã không nghi ngờ gì cho đến khi quá muộn cơ mà?”
Elínborg nói.

“Phải,” Mikkelína nói. “Lúc đó thì đã quá muộn.”

Vào cái đêm chuyện đó xảy ra, Grímur dường như đã đỡ hơn sau một ngày dài nằm trên giường, khốn khổ vì đau.

Người mẹ thấy đau bụng, đến tối cô đã trở dạ và co thắt tử cung rất nhanh. Cô biết rằng như thế này là quá sớm. Đứa bé sẽ bị đẻ non. Cô bảo hai đứa con mang đệm từ giường của chúng và trên đi-văng của Mikkelína trong bếp đến, và đến giờ cơm tối, cô sinh con trên những tấm đệm đó.

Cô bảo Símon và Mikkelína chuẩn bị sẵn vải sạch và nước nóng để tắm cho em bé. Sau khi sinh ba đứa con, cô đã biết các thủ tục cần thiết.

Lúc đó vẫn là mùa đông, trời vẫn tối, nhưng thời tiết lại đột ngột trở nên ấm áp và mưa suốt cả ngày. Mùa xuân sẽ đến sớm. Cả ngày hôm đó người mẹ ở ngoài dọn giường chiếu quanh những bụi cây lý

chua và cắt tĩa cành khô. Cô nói những quả mọng sẽ rất ngon khi cô làm mứt vào mùa thu đó. Símôn không để cho mẹ rời khỏi tầm mắt của mình, nó đến chỗ bụi cây cùng mẹ. Cô cố gắng khuyên nhủ nó bình tĩnh lại và nói rằng mọi chuyện sẽ ổn thôi.

“Chẳng có gì ổn cả,” Símôn nói và nhắc lại. “Chẳng có gì ổn cả. Mẹ không được sinh đứa bé đó. Mẹ không được phép. Ông ta đã nói rồi, ông ta sẽ giết chết nó. Ông ta nói thế. Lúc nào đứa bé ra đời?”

“Con đừng lo,” mẹ nó nói. “Khi đứa bé ra đời, mẹ sẽ đưa nó ra thành phố và ông ta sẽ không bao giờ trông thấy nó. Ông ta nằm trên giường cả ngày nên sẽ

chẳng làm gì được đâu.”

“Nhưng lúc nào đưa bé mới ra đời?”

“Bất cứ lúc nào,” mẹ nó nói nhỏ. “Có thể hơi sớm một chút. Sau đó mọi chuyện sẽ qua đi và được giải quyết êm đẹp. Con đừng sợ, Símon. Con phải mạnh mẽ lên. Vì mẹ, Símon ạ.”

“Sao mẹ không đến bệnh viện? Sao mẹ không đi khỏi đây để sinh em bé?”

“Ông ta không cho đâu,” cô nói. “Ông ta sẽ tìm mẹ về và bắt mẹ sinh ở nhà. Ông ta không muốn bất kỳ ai biết chuyện. Chúng ta sẽ nói rằng chúng ta đã giao nó cho những người tốt chăm sóc. Đó là điều ông ta muốn. Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi.”

“Nhưng ông ta nói rằng sẽ giết nó.”

“Ông ta sẽ không làm thế đâu.”

“Con sợ lắm,” Símôn nói. “Chuyện này cứ phải như thế này ư? Con không biết phải làm gì nữa. Con không biết phải làm gì nữa,” nó nhắc lại, và cô thấy nó đã bị nỗi sợ hãi làm cho mù mẫm.

Lúc này nó đứng nhìn mẹ, cô đang nằm trên đệm ở trong bếp. Trừ cái phòng ngủ đôi ra, đây là nơi duy nhất trong nhà đủ rộng, và cô bắt đầu rặn trong sự yên lặng tuyệt đối.

Tómas đang ở trong phòng bố. Símôn đã rón rén lại gần cánh cửa và đóng nó lại.

Mikkelína nằm bên mẹ, mẹ nó đang cố

gắng trong đau đớn để không tạo ra một tiếng động nhỏ nào. Cánh cửa phòng ngủ đôi mở ra, Tomás bước tới hành lang và đi vào bếp. Grímur đang ngồi trên mép giường rên rỉ. Hấn bảo Tomás đi vào bếp để lấy tô cháo đặc mà hấn chưa động đến. Hấn cũng bảo nó xúc cháo giúp hấn nữa.

Khi Tomás đi qua chỗ mẹ nó, Símon và Mikkelína, nó thấy cái đầu của đứa bé đã lộ ra. Mẹ nó rặn với tất cả sức lực của mình cho đến khi hai vai đứa bé cũng chui ra.

Tomás bê tô cháo, và qua khóe mắt mẹ nó chột trông thấy thằng bé đang định ăn một thìa đây.

“Tomás! Vì Chúa, con đừng động đến

món cháo đó!!!” cô hét lên đầy tuyệt vọng.

Một sự im lặng chết chóc bao trùm xuống ngôi nhà, những đứa trẻ nhìn mẹ chúng chăm chăm, lúc này cô đang ngồi bế đứa bé và nhìn chăm chăm vào Tomás. Thằng bé ngạc nhiên quá đến nỗi làm rơi cả tô cháo khiến nó tan thành trăm mảnh.

Cái giường cọt kẹt.

Grímur bước ra hành lang và đi vào bếp.

Hắn nhìn xuống thấy vợ đang ngồi bế đứa trẻ mới sinh trong tay. Mặt hắn hiện lên sự ghê tởm. Hắn nhìn sang Tomás, rồi đến tô cháo trên sàn.

“Có khi nào lại thể không?” giọng Grímur nhỏ và đầy kinh ngạc, như thể là hấn đột nhiên tìm ra câu trả lời cho điều bí ẩn mà bấy lâu nay mình trăn trở. Hấn lại nhìn xuống chỗ vợ đang ngồi.

“Mày đang đầu độc tao có phải không?” hấn quát lên.

Người mẹ ngược mắt lên nhìn Grímur. Mikkelína và Símon không dám nhìn. Tómas đứng bất động trên tô cháo chảy chan chứa trên sàn.

“Tao đã không may may nghi ngờ điều đó! Những cơn hôn mê đó. Cơn đau đó. Những trận ốm đó...”

Grímur nhìn quanh bếp. Sau đó hấn nhảy đến chỗ cái tủ ly và giật mạnh đê

mở ngăn kéo. Hắn điên lên. Hắn đổ tất cả những thứ trong cái tủ ra sàn nhà. Hắn cầm một cái túi đựng bột ngô lên và ném nó vào tường. Khi cái túi vỡ ra, hắn nghe có tiếng lọ thủy tinh vỡ và rơi ra khỏi đó.

“Cái đó đây có phải không?” hắn quát và nhặt lấy cái lọ. “Mày làm chuyện này bao lâu rồi?” hắn rít lên.

Mẹ lũ trẻ nhìn vào mắt hắn chăm chăm. Một ngọn nến đang cháy trên sàn bên cạnh cô. Khi hắn đang tìm thuốc độc, cô đã nhanh chóng cầm lấy một cái kéo mà cô đặt bên cạnh mình để hơ trên lửa, sau đó cô cắt dây rốn và buộc nó lại bằng đôi tay run rẩy.

“Trả lời tao đi!” Grímur gào lên.

Cô không cần phải trả lời. Hấn có thể biết được qua đôi mắt cô. Qua thái độ của cô. Qua cái cách cô luôn coi thường hấn, từ sâu trong lòng, một cách điềm nhiên, bất chấp việc hấn có đánh đập cô thường xuyên đến thế nào, hấn nhìn thấy điều đó qua sự bất tuân lạng lễ, qua ánh mắt thách thức chọc thẳng vào hấn trong lúc vẫn đang ôm đứa con hoang của thằng lính Mỹ trong tay.

Thấy điều đó qua việc cô ôm đứa bé vào ngực của mình.

“Để mẹ được yên,” Símôn thấp giọng nói.

“Đưa nó cho tao!” Grímur hét lên.
“Đưa đứa bé cho tao, con rắn khôn kiếp!”

“Đề mẹ yên,” Símon nói, to hơn.

“Đưa nó đây,” Grímur gào lên, “nếu không tao giết cả hai bây giờ. Tao sẽ giết sạch! Giết sạch! Giết sạch!”

Mồm hăn sùi cả bọt mép vì tức giận.

“Con điếm khốn nạn! Mày đang định giết tao phải không? Mày nghĩ là mày có thể giết được tao à?”

“Thôi đi!” Símon quát lên.

Người mẹ ôm chặt đứa con bằng một tay và mò mẫm cái kéo bằng tay còn lại nhưng cô không tìm thấy nó. Cô hoảng loạn nhìn quanh để tìm nhưng nó đã biến mất rồi.

Erlendur nhìn Mikkelína.

“Ai đã cầm cái kéo?” ông hỏi.

Lúc này Mikkelína đang đứng bên cửa sổ. Erlendur và Elínborg liếc nhìn nhau. Họ đều nghĩ đến một điều.

“Bà là người duy nhất còn sống để kể câu chuyện này phải không?” Erlendur hỏi.

“Phải,” Mikkelína đáp. “Không còn một ai khác.”

“Ai đã cầm cái kéo?” Elínborg hỏi.

“Ông có muốn gặp Símón không?”
Mikkelína hỏi. Hai mắt bà mọng nước.

“Símón ư?” Erlendur hỏi, không biết bà nói thế là có ý gì.

Sau đó ông nhớ ra người đàn ông đã đến đón bà ở trên đồi. “Ý bà là con trai bà ư?”

“Không, không phải con tôi, mà là em trai tôi,” Mikkelína nói. “Em trai Símón của tôi.”

“Ông ấy còn sống ư?”

“Phải, nó còn sống.”

“Vậy chúng ta phải nói chuyện với ông

ây,” Erlendur nói.

“Hai người sẽ không hỏi nó được nhiều đâu,” Mikkellína mỉm cười.

“Nhưng dù sao thì cũng cứ đến gặp nó. Nó thích được người khác ghé thăm lắm!”

“Bà không định kể nốt câu chuyện sao?” Elínborg hỏi. “Gã đó là loại quái vật gì thế? Tôi không thể tin nổi có ai đó lại cư xử như thế.”

Erlendur nhìn sang cô.

“Tôi sẽ kể trên đường đi,” Mikkellína nói. “Chúng ta đi gặp Símon thôi.”

“Símon!” người mẹ hét lên.

“Đề mẹ yên,” Símon hét lên, giọng nó run run, và trước khi họ kịp hiểu ra chuyện gì, nó đã cắm phập cây kéo vào ngực Grímur.

Símon giật tay lại và thấy cái kéo đã cắm sâu lút cán. Grímur không tin nổi khi nhìn vào con trai, như thể là hấn vẫn chưa thực sự hiểu chuyện vừa diễn ra. Hấn nhìn xuống cây kéo, nhưng dường như không thể cử động nổi. Hấn lại nhìn Símon.

“Mày giết tao ư?” Hấn rên rỉ và quỳ sụp xuống. Máu phun từ vết thương xuống sàn nhà. Grímur từ từ lùi lại và đập mạnh lưng vào tường.

Người mẹ ôm chặt đứa bé trong nỗi kinh hoàng nín lặng.

Mikkelína nằm yên bên mẹ. Tómas vẫn đứng yên chỗ nó vừa đánh rơi tô cháo. Símon bắt đầu run rẩy, nó đứng bên cạnh mẹ. Grímur không cử động.

Mọi thứ trở nên yên lặng.

Cho đến khi người mẹ ré lên một tiếng kêu thét đầy đau đớn.

Mikkelína dừng lại.

“Tôi không biết có phải đứa bé bị chết non hay do mẹ đã ôm chặt quá đến mức nó chết ngạt trong vòng tay mẹ. Đứa bé ra đời quá sớm. Bà nghĩ rằng nó sẽ chào đời vào mùa xuân, nhưng cuối đông bà đã sinh nó rồi. Chúng tôi không bao giờ nghe thấy một âm thanh nào phát ra từ nó.

Mẹ không làm sạch cổ họng cho nó, bà còn dụi mặt nó vào áo mình vì sợ. Bà sợ rằng Grímur sẽ cướp mất đứa bé khỏi tay mình.”

Theo sự chỉ dẫn của Mikkelína, Erlendur đỗ xe gần một ngôi nhà riêng trông khá giản dị.

“Ông ta chết vào mùa xuân đó à?” Erlendur hỏi. “Bố dượng của bà ấy? Mẹ bà có nghĩ đến chuyện đó không?”

“Tôi không nghĩ thế,” Mikkelína nói. “Bà ấy đã đầu độc ông ta ba tháng. Như thế chưa đủ.”

Erlendur dừng xe lại và tắt máy.

“Hai người đã nghe đến chứng bệnh thanh xuân chưa?” bà hỏi trong lúc mở

cửa xe.

Người mẹ nhìn chăm chăm vào đứa bé đã chết trên tay mình, cô điên cuồng lắc đứa bé, khóc òa lên nức nở.

Có vẻ như không để ý gì đến mẹ, Símon nhìn chăm chăm vào xác bố nó như thể không tin vào mắt mình. Một vũng máu đang dần hình thành bên dưới hắn. Símon run lên bần bật.

Mikkelína cố gắng an ủi mẹ nhưng không được. Tomás bước qua họ vào phòng ngủ và đóng cửa lại mà không nói năng gì. Biểu hiện trên mặt nó không hề thay đổi.

Một khoảng thời gian khá lâu trôi qua.

Cuối cùng, Mikkelína cũng làm cho mẹ nó bình tĩnh lại. Khi đã bình tâm và thôi không khóc nữa, cô nhìn thấy Grímur đang nằm trên vũng máu, thấy Símon đang run rẩy bên mình, thấy nỗi đau đớn trên khuôn mặt Mikkelína. Sau đó cô bắt đầu tắm cho đứa bé bằng nước nóng mà Símon đã chuẩn bị, cô kỳ cọ cho nó một cách kỹ càng, chậm rãi. Dường như cô biết phải làm gì mà không cần phải suy nghĩ. Cô đặt đứa bé xuống, đứng lên và ôm lấy Símon, thằng bé đứng chôn chân tại chỗ, thôi không run rẩy nữa mà thay vào đó là những tiếng nức nở nghẹn ngào. Cô đưa nó đến chỗ một cái ghế và bảo nó ngồi xuống, quay lưng lại cái xác. Sau đó cô đến chỗ Grímur, lấy cái kéo ra khỏi vết thương và ném vào bồn rửa bát.

Cuối cùng cô ngòì xuống ghê, kiệt sức sau khi sinh.

Cô nói với Símon về những việc họ phải làm, cô nói với cả Mikkelína nữa. Họ cuộn Grímur vào một cái chăn và kéo xác hẳn ra cửa trước. Cô đi ra ngoài cùng Símon và họ đi cách nhà một đoạn khá xa, nơi nó bắt đầu đào một cái hố.

Cơn mưa đã tạnh suốt cả ngày bây giờ lại tiếp tục rơi. Cơn mưa mùa đông thật to và lạnh. Đất mới chỉ cứng lại một phần. Símon cuốc đất bằng một cái cuốc chim, và sau hai tiếng đồng hồ đào bới, họ đưa cái xác ra và lòi nó xuống mộ. Họ kéo chăn lên trên cái hố, cái xác rơi xuống và họ giật mạnh cái chăn bên dưới. Cái xác nằm dưới mộ với bàn tay

trái giờ lên không trung, nhưng cả Símôn và mẹ nó đều không thể di chuyển được nó.

Người mẹ nặng nề bước về nhà và ôm lấy đứa bé, bế nó dưới cơn mưa lạnh lẽo và đặt nó xuống chỗ xác của Grímur.

Cô đang định làm dấu thì chợt ngừng lại.

“Ông ta không tồn tại,” cô nói.

Sau đó họ bắt đầu lấp đất lên hai xác chết.

Símôn đứng bên ngôi mộ nhìn những xẻng đất ướt nhẹp màu đen rơi phịch xuống hai cái xác và thấy chúng dần dần biến mất. Mikkelína đã bắt đầu thu dọn nhà bếp. Không ai trông thấy Tómas đâu.

Khi một lớp bùn dày đã phủ lên ngôi mộ, Símon bất chợt cảm thấy rằng Grímur cử động. Nó rùng mình nhìn mẹ nó, bà không để ý gì cả, sau đó nó nhìn xuống ngôi mộ và nó kinh hoàng khi thấy khuôn mặt bị đất che đi một nửa đang cử động.

Hai con mắt mở ra.

Símon cứng người lại.

Grímur ở dưới mộ đang nhìn nó chăm chăm.

Símon hét toáng lên khiến mẹ nó dừng tay lại. Cô nhìn Símon, sau đó nhìn xuống ngôi mộ và thấy Grímur vẫn còn sống. Cô đứng bên miệng ngôi mộ. Khi những hạt mưa rơi xuống, chúng rửa trôi

đi đất cát trên mặt Grímur. Họ nhìn vào mắt nhau một thoáng, sau đó môi Grímur mấp máy.

“Làm ơn!”

Hai mắt hắn khép lại.

Cô nhìn Símon. Rồi nhìn xuống ngôi mộ. Rồi lại nhìn Símon. Sau đó cô cầm xẻng và tiếp tục lấp cái hố như thể không có chuyện gì xảy ra. Grímur biến mất, hắn đã bị chôn dưới lòng đất.

“Mẹ,” Símon khóc.

“Về nhà đi, Símon,” cô nói. “Mọi chuyện đã qua rồi. Về nhà và giúp Mikkelína đi Símon. Nào, Símon. Con về nhà đi.”

Símon nhìn mẹ nó, bà đang khom

người, tay vẫn cầm xẻng, toàn thân ướt sũng dưới cơn mưa trong lúc lấp cho xong ngôi mộ. Sau đó nó quay đi mà không nói một lời.

“Có lẽ Tomás nghĩ rằng tất cả là lỗi của nó,” Mikkelína nói. “Nó không bao giờ nói đến chuyện đó và không nói chuyện với chúng tôi. Nó rút mình vào vỏ. Khi mẹ hét lên làm nó đánh rơi cái bát trên sàn, chuyện đó đã khởi đầu cho một chuỗi những sự kiện làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của chúng tôi và dẫn đến cái chết của bố nó.”

Họ ngồi trong một phòng khách gọn gàng chờ Símon. Ông đã ra ngoài đi dạo quanh khu nhà, người ta bảo họ vậy,

nhưng ông sẽ về sớm thôi.

“Ở đây đều là những người rất tốt,” Mikkelína nói. “Không ai có thể đối xử với nó tốt hơn được nữa.”

“Không ai nhớ gì đến Grímur sao, hay...?” Elínborg hỏi.

“Mẹ đã dọn ngôi nhà từ trong ra ngoài, bốn ngày sau bà nói rằng chồng mình đã đi bộ qua Hellisheidi đến Selfoss, nhưng bà không nghe thấy tin tức gì từ đó. Không ai biết rằng bà đã mang thai, hoặc ít nhất thì không ai hỏi bà về chuyện đó. Người ta cử các đội tìm kiếm đi quanh khu vực nhưng tất nhiên là chẳng ai tìm ra xác hửn.”

“Người ta có hỏi Grímur có việc gì ở

Selfoss không?”

“Mẹ không bao giờ bị hỏi những câu liên quan đến những chuyến đi của hắn. Hắn là một tên tù. Một kẻ trộm. Họ quan tâm gì đến việc hắn đang làm ở Selfoss à? Họ chẳng buồn bận tâm về hắn. Không một chút nào. Họ còn nhiều việc phải nghĩ. Cái ngày mẹ trình báo là hắn mất tích, có mấy người lính Mỹ bắn chết một người Iceland.”

Mikkelína cười nửa miệng.

“Mấy ngày trôi qua. Rồi thành nhiều tuần. Hắn không xuất hiện. Bị xóa sổ. Rồi mất tích. Cũng giống như một trường hợp mất tích điển hình kiểu Iceland của các ông thôi mà.”

Bà thở dài.

“Người mà mẹ khóc nhiều nhất là
Símon.”

Khi mọi chuyện đã qua đi, dường như
ngôi nhà yên lặng một cách kỳ quái.

Người mẹ ngồi bên bàn ăn, người vẫn
còn ướt sũng vì mưa rào, nhìn chăm
chăm vào khoảng không. Hai tay lấm lem
bùn đất đặt trên bàn, không chú ý gì đến
các con.

Mikkelína ngồi bên, xoa tay mẹ.
Tómas vẫn ở trong phòng ngủ không chịu
ra ngoài. Símon đứng trong bếp nhìn ra
ngoài trời mưa, nước mắt lăn dài xuống
má. Nó nhìn mẹ và Mikkelína, rồi lại

nhìn qua cửa sổ nơi nó có thể nhìn thấy thấp thoáng dáng bụi cây lý chua. Sau đó nó đi ra ngoài.

Cả người nó ướt đẫm, lạnh và run lên dưới cơn mưa khi nó bước đến chỗ những bụi cây. Nó dừng lại và vuốt ve những cành cây trụi. Nó nhìn lên bầu trời, mặt hướng lên những giọt mưa. Bầu trời đen kịt, sấm chớp rền vang.

“Con biết,” Símon nói. “Con không thể nào làm khác được.” Nó ngừng lại và cúi đầu, cơn mưa tuôn xối xả lên người nó. “Mọi chuyện thật khó khăn. Mọi chuyện đã rất khó khăn và tồi tệ quá lâu. Tôi không hiểu tại sao ông ta lại như thế. Tôi không biết tại sao mình phải giết ông ta.”

“Con đang nói chuyện với ai thế, Símôn?” người mẹ hỏi.

Cô đã đi theo con ra ngoài, cô vòng tay ôm lấy nó.

“Con là một kẻ sát nhân,” Símôn nói.
“Con đã giết ông ta.”

“Trong mắt mẹ không phải thế, Símôn ạ. Con không bao giờ có thể là một kẻ giết người trong mắt mẹ. Con không thể khác mẹ được. Có thể đó là số phận mà ông ta đã tự chuốc lấy cho mình. Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là con có phải chịu đựng ông ta hay không. Bây giờ thì ông ta chết rồi.”

“Con đã giết ông ta, mẹ ạ.”

“Bởi vì con không thể làm gì khác

được. Con phải hiểu điều đó, Símôn ạ.”

“Nhưng con cảm thấy thật khủng khiếp.”

“Mẹ biết, Símôn, mẹ biết mà.”

“Con không thấy ổn lắm. Con chưa bao giờ làm thế, mẹ à.”

Cô nhìn những bụi cây.

“Vào mùa thu, những bụi cây này lại ra quả mọng và mọi thứ lại trở lại bình thường. Con nghe thấy chưa, Símôn. Mọi thứ sẽ lại bình thường.”

Họ nhìn ra cửa chính của ngôi nhà khi nó mở ra và một người đàn ông bước vào, ông ta khoảng bảy mươi tuổi, người khom xuống với mái tóc mỏng bạc trắng và khuôn mặt thân thiện, tươi cười. Ông mặc một cái áo len dày rất đẹp cùng một chiếc quần màu xám. Một trong số những người giúp việc của ông đã thông báo là ông có khách. Símón đi về phía phòng khách. Erlendur và Elínborg đứng lên. Mikkelína đi lại chỗ người đàn ông và ôm lấy ông ấy, ông mỉm cười với bà, khuôn mặt bừng sáng như một đứa trẻ.

“Mikkelína,” người đàn ông nói với giọng trẻ trung đáng kinh ngạc.

“Chào Símon,” bà nói. “Chị đưa mấy vị khách đến đây, họ muốn gặp em. Đây là Elínborg còn đây là Erlendur.”

“Tên tôi là Símon,” người đàn ông nói và bắt tay họ. “Mikkelína là chị tôi.”

Erlendur và Elínborg gật đầu.

“Símon rất vui vẻ,” Mikkelína nói. “Thậm chí nếu chúng tôi chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc, Símon vẫn rất vui, và đó mới là điều quan trọng.”

Símon ngồi xuống cùng họ, ông cầm lấy tay Mikkelína và vuốt ve mặt chị, ông mỉm cười với Erlendur và Elínborg nữa.

“Những người này là ai?” ông hỏi.

“Họ là bạn chị,” Mikkelína đáp.

“Ông ở đây có thoải mái không?”
Erlendur hỏi.

“Tên ông là gì?”

“Tôi tên là Erlendur.”

Símon mỉm cười.

“Tôi là em trai của Mikkelína.”

Mikkelína xoa tay ông.

“Họ là thám tử, Símon ạ.”

Símon hết nhìn Erlendur lại nhìn
Elínborg.

“Họ biết chuyện gì đã xảy ra,”
Mikkelína nói.

“Mẹ mất rồi,” Símon nói.

“Phải, mẹ đã mất rồi,” Mikkelína đáp.

“Chị đã nói ra,” ông nói đầy khẩn khoản. “Chị nói cho họ biết.” Ông nhìn chị và tránh Erlendur và Elínborg.

“Được rồi, Símon,” Mikkelína nói. “Chị sẽ đến thăm em sau nhé.”

Símon mỉm cười và đứng lên, ông đi ra sảnh chính và bước xuống một hành lang.

“Bệnh thanh xuân,” Mikkelína nói.

“Bệnh thanh xuân ư?” Erlendur hỏi.

“Ngày đó chúng tôi không biết nó là gì,” Mikkelína nói. “Như thể nó không lớn lên nữa vậy. Nó vẫn là một cậu bé tốt bụng, hiền lành, nhưng cảm xúc của nó không lớn lên theo cơ thể. Bệnh thanh xuân là một biến thể của chứng tâm thần

phân liệt. Simon giống y như Peter Pan vậy. Đôi khi nó liên quan đến tuổi dậy thì. Có lẽ nó đã ốm từ trước rồi. Nó luôn rất nhạy cảm và khi những chuyện khủng khiếp đó xảy ra, nó dường như mất đi khả năng kiềm chế vốn có. Nó luôn sống trong sợ hãi và cảm thấy gánh nặng trách nhiệm. Nó nghĩ mình phải bảo vệ mẹ, đơn giản bởi vì không ai có thể làm được nữa. Nó là người khỏe mạnh và lớn nhất trong số chúng tôi, thậm chí ngay cả khi nó là người nhỏ nhất và yếu nhất.”

“Và ông ấy đã ở viện ngay từ thời còn trẻ ạ?” Elínborg hỏi.

“Không, nó sống với mẹ tôi và tôi cho đến khi bà mất. Bà mất, xem nào, cách đây hai sáu năm. Những người như

Símon là những bệnh nhân rất dễ quản lý, tiếp xúc với họ thường rất dễ dàng và thoải mái, nhưng họ cần được chăm sóc rất nhẹ nhàng, và mẹ đã làm điều đó cho đến khi bà mất. Nó làm việc bất cứ khi nào có thể. Nó đi bộ dọc Reykjavík và giúp mọi người nhặt rác, dọn rác. Như vậy đấy!”

Họ ngồi yên lặng một lúc.

“David Welch không bao giờ liên lạc lại ă?” cuối cùng Elínborg hỏi.

Mikkelína nhìn cô.

“Mẹ chờ ông ấy đến khi bà mất,” bà nói. “Ông ấy không bao giờ quay lại.”

Bà ngừng lại một lúc.

“Bà gọi cho ông ở trại sữa vào cái

buổi sáng bồ dưỡng tôi quay trở về,” cuối cùng bà nói. “Và bà đã nói chuyện với ông ấy.”

“Nhưng,” Erlendur nói, “tại sao ông ấy lại không lên đời?”

Mikkelína mỉm cười.

“Họ đã chia tay nhau,” bà nói. “Ông ấy sắp về châu lục. Tàu của ông ấy chuẩn bị rời bến sáng hôm đó và bà gọi điện cho ông không phải để nói về mối hiểm nguy mà để tạm biệt ông và nói rằng mọi chuyện đều ổn cả. Ông ấy nói ông ấy sẽ quay lại. Có thể ông ấy đã chết trong một trận chiến. Bà không bao giờ nghe được tin gì của ông, ông ấy đã không trở về sau chiến tranh...”

“Nhưng tại sao...”

“Bà nghĩ rằng Grímur sẽ giết ông ấy. Đó là lý do tại sao bà quay trở lại đòi một mình. Bà không muốn ông ấy giúp mình. Đó là việc riêng mà bà cần tự mình giải quyết.”

“Dave chắc chắn phải biết rằng bố dượng của bà sắp ra tù, và người ta đã đồn thổi về ông ấy và mẹ bà,” Erlendur nói. “Bố dượng của bà biết chuyện đó, ông ta đã nghe được điều gì đó.”

“Họ không hiểu tại sao hấn ta lại biết. Đó là một bí mật. Chúng tôi không biết tại sao hấn lại phát hiện ra.”

“Còn đứa bé...?”

“Người ta không biết mẹ tôi mang

thai.”

Erlendur và Elínborg ngồi yên suy nghĩ lời Mikkellína nói.

“Còn Tómas?” Erlendur hỏi. “Chuyện gì xảy ra với ông ấy?”

“Tómas mất rồi. Nó chỉ thọ được năm mươi hai tuổi. Nó ly dị hai lần. Có ba con, đều là trai cả. Tôi không liên lạc với chúng.”

“Sao lại không?”

“Tómas cũng giống như bố nó.”

“Giống thế nào cơ ạ?”

“Nó đã sống một cuộc đời khốn khổ.”

“Xin lỗi?”

“Cuộc sống đã khiến cho Tomás giống như bố nó.”

“Ý bà là...?” Elínborg nhìn Mikkelína đầy băn khoăn.

“Bạo lực ấy. Nó đánh vợ. Đánh các con. Uống rượu nữa.”

“Thế còn mối quan hệ giữa ông ấy và bố dượng bà? Nó có...?”

“Chúng tôi không biết,” Mikkelína nói. “Tôi không nghĩ vậy. Tôi hy vọng là không. Tôi cố không nghĩ đến chuyện đó.”

“Ý của bố bà khi nói dưới mộ ‘Làm ơn!’ là gì? Có phải ông ta muốn bà ấy cứu mình không? Ông ta đang cầu xin lòng thương hại ư?”

“Chúng tôi đã nói về chuyện đó rất nhiều, mẹ tôi và tôi. Và bà có một cách giải thích làm khiến chúng tôi cảm thấy hài lòng.”

“Đó là gì vậy?”

“Grímur biết hắn là ai.”

“Tôi không hiểu,” Erlendur nói.

“Grímur biết hắn là ai, và tôi nghĩ đó là lý do khiến hắn thành ra như thế, mặc dù hắn chưa bao giờ nói đến nó. Chúng tôi biết hắn đã trải qua một tuổi thơ đầy gian khổ. Grímur từng là một đứa trẻ và chắc chắn phải có sợi dây liên hệ gì với đứa trẻ đó, một phần trong tâm hồn hắn đã kêu gọi hắn. Thậm chí ngay cả khi cơn thịnh nộ đã vượt quá tầm kiểm soát thì

đưa trẻ đó vẫn hét lên ngăn hẳn lại.”

“Mẹ bà là một người phụ nữ dũng cảm khác thường,” Elínborg nói.

“Tôi có thể nói chuyện với ông ấy được không?” Erlendur nói sau phút yên lặng ngắn ngủi.

“Ý ông là với Símon phải không?” Mikkelína nói.

“Được không ạ? Nếu tôi đến và gặp ông ấy một mình?”

“Nó chưa bao giờ nói đến những chuyện đó. Chưa bao giờ. Mẹ nghĩ rằng tốt nhất nên coi như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Sau khi bà mất, tôi cố gắng giúp Símon mở lòng mình, nhưng tôi biết ngay điều đó là vô vọng. Cứ như thể nó chỉ có

trí nhớ sau chuyện đó. Giống như thể mọi chuyện đã biến mất vậy. Nhưng nếu tôi ép nó, nó sẽ nói một vài câu. Nếu không thì nó hoàn toàn khép kín. Nó thuộc về một thế giới khác, yên bình hơn mà nó tự tạo ra cho chính mình.”

“Bà cho phép chứ?” Erlendur nói.

“Chuyện đó tốt thôi,” Mikkelína nói.

Erlendur đứng lên, đi ra tiền sảnh và xuống hành lang. Hầu hết các cửa dẫn vào các phòng đều mở. Ông thấy Símon đang ngồi trên mép giường nhìn ra cửa sổ. Erlendur gõ cửa và Símon quay lại.

“Tôi vào được không?” Erlendur nói, chờ ông mời vào.

Símon nhìn ông và gật đầu, quay lại

cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Mặc dù có một cái ghế cạnh bàn, Erlendur đến chỗ giường và ngồi xuống bên cạnh Símon. Trên bàn có mấy bức ảnh. Erlendur nhận ra Mikkelína và nghĩ rằng người phụ nữ già hơn trong một bức ảnh có thể là mẹ họ. Ông vươn ra và cầm nó lên. Người phụ nữ ngồi bên một cái bàn trong bếp, bà mặc một bộ áo choàng bằng nylon trang trí bằng những hoa văn nhiều màu. Đây là kiểu quần áo rất phổ biến cho những người phụ nữ ở tuổi bà mặc hồi đó. Bà mỉm cười nhẹ nhàng, lặng lẽ trước ống kính. Símon ngồi bên cạnh bà, cười rất tươi. Erlendur nghĩ bức ảnh này được chụp ở bếp nhà Mikkelína.

“Đây là mẹ ông phải không?” ông hỏi

Símon.

Símon nhìn vào bức ảnh.

“Phải. Mẹ tôi đây. Bà mất rồi.”

“Tôi biết.”

Símon lại nhìn ra cửa sổ, Erlendur đặt bức ảnh lại trên mặt bàn. Họ ngồi yên lặng một lúc lâu.

“Ông đang nhìn gì thế?” Erlendur hỏi.

“Mẹ nói với tôi rằng mọi chuyện đều ổn cả,” Símon nói, mắt vẫn nhìn ra cửa sổ.

“Mọi chuyện ổn rồi,” Erlendur nói.

“Ông sắp đưa tôi đi phải không?”

“Không, tôi không đưa ông đi đâu cả.

Tôi chỉ muốn gặp ông thôi.”

“Có lẽ chúng ta có thể làm bạn.”

“Chắc chắn rồi,” Erlendur nói.

Họ ngồi yên lặng và lúc này cả hai đều nhìn ra cửa sổ.

“Ông có một người bố tốt chứ?”
Símon bắt chọt hỏi.

“Phải,” Erlendur đáp. Ông ấy là một người tốt.”

Họ lại yên lặng.

“Ông sẽ kể cho tôi nghe về ông ấy chứ?” cuối cùng Símon nói.

“Được, lúc nào đó tôi sẽ kể cho ông nghe về ông ấy,” Erlendur nói. “Ông ấy...”

Erlendur dừng lại.

“Sao cơ?”

“Ông ấy bị mất một đứa con trai.”

Họ nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

“Có một điều tôi muốn biết,” Erlendur nói.

“Điều gì vậy?” Símón hỏi.

“Tên bà ấy là gì?”

“Ai cơ?”

“Mẹ ông.”

“Tại sao ông lại muốn biết?”

“Mikkelína đã kể cho tôi nghe về bà ấy, nhưng chưa bao giờ nói tên bà ấy.”

“Tên bà ấy là Margrét.”

“Margrét.”

Lúc đó Mikkelína xuất hiện ở bậc cửa và khi Símon nhìn thấy bà, ông đứng lên và lại chỗ chị.

“Chị có mang quả đến cho em không?” ông hỏi. “Chị mang quả lý chua đến cho em chứ?”

“Mùa thu năm nay chị sẽ mang cho em,” Mikkelína nói. “Mùa thu này. Chị sẽ mang quả mọng cho em.”

30

Đúng vào lúc ấy, một giọt nước mắt nhỏ bé bắt đầu dâng lên trong đôi mắt Eva Lind, cô nằm đó, bất động trong bóng tối ảm đạm của phòng chăm sóc đặc biệt. Giọt nước mắt lớn dần lên rồi từ từ qua khóe mắt chảy dài xuống khuôn mặt cô, dưới chiếc mặt nạ oxy, và dọc theo đôi môi lạnh lẽ.

Vài phút sau, đôi mắt ướt của cô từ từ mở ra...

Mời các bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.